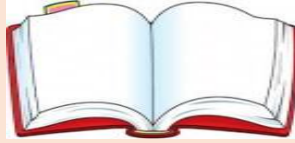


TỈNH ỦY QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

*



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

*“Quảng Ninh - 60 năm thực hiện
khát vọng phát triển”*

Quảng Ninh, tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

TT	TÊN BÀI	TÁC GIẢ	Trang
1	Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học: “Quảng Ninh - 60 năm thực hiện khát vọng phát triển”.	<i>Ths. Phạm Hữu Kiên</i> <i>Phó Hiệu trưởng</i>	1
2	Quảng Ninh - dấu ấn vượt khó đi lên thực hiện khát vọng phát triển.		5
3	Những thời cơ, thuận lợi và những khó khăn, thách thức trong việc thực hiện khát vọng phát triển từ đó đề xuất những phương hướng, giải pháp phát triển tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn tiếp theo.	<i>Học viên: Đỗ Thái Sơn</i> <i>Lớp Trung cấp Lý luận</i> <i>chính trị A59</i>	9
4	Quyết tâm chính trị của tỉnh Quảng Ninh trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.	<i>Học viên: Đào Thanh Bình</i> <i>Lớp Trung cấp Lý luận</i> <i>chính trị A59</i>	14
5	Bồi dưỡng, nâng cao ý thức chính trị, tinh thần “kỷ luật và đồng tâm” của ngành than Quảng Ninh trong việc xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, văn minh, giàu đẹp.	<i>Học viên: Bùi Anh Tuấn</i> <i>Lớp Trung cấp Lý luận</i> <i>chính trị C287</i>	19
6	Phát huy truyền thống vẻ vang của công nhân vùng mỏ - xứng đáng là lực lượng tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.	<i>Học viên: Tăng Đức Ngỗi</i> <i>Lớp Trung cấp Lý luận</i> <i>chính trị C289</i>	24
7	Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhằm thực hiện khát vọng xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại	<i>Ths. Phan Thị Hải Yến</i> <i>Trưởng khoa Nhà nước &</i> <i>pháp luật</i>	31
8	Giá trị truyền thống văn hóa, con người - động lực phát triển tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ mới.	<i>Ths. Đàm Thị Thu</i> <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	41
9	Phát triển nguồn nhân lực ở Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.		45
10	Phát huy giá trị văn hóa tạo nguồn lực nội sinh để hiện thực hóa khát vọng xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh.	<i>Ths. Hoàng Thị Thu Hiền</i> <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	50
11	Phát huy lợi thế, xây dựng Quảng Ninh giàu mạnh từ biển.	<i>Ths. Đặng Thành Dương</i> <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	55
12	Quảng Ninh - 60 năm đổi mới và phát triển.	<i>Ths. Đặng Thị Kiều Liên</i> <i>Khoa Nhà nước & pháp luật</i>	61
13	Quảng Ninh - 60 năm trên hành trình trở thành tỉnh kiểu mẫu, ngày càng giàu đẹp, văn minh, tinh dịch vụ, công nghiệp hiện đại.	<i>Ths. Tô Thị Thanh Lê</i> <i>Khoa Nhà nước & pháp luật</i>	65

14	Thực hiện lời dạy của Bác: Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh giàu đẹp và vững mạnh.	Ths. Trần Thị Thu Trang Khoa Nhà nước & pháp luật	70
15	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ quyết tâm đổi mới thực hiện khát vọng của tỉnh Quảng Ninh.	Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng	74
16	Tinh thần “kỷ luật và đồng tâm” với khát vọng 60 năm xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh.	Ths. Phạm Thị Vân Anh Khoa Lý luận cơ sở	81
17	Phát huy tiềm năng du lịch - phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở Quảng Ninh.		85
18	Củng cố và phát huy mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ góp phần xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh.	Ths. Nguyễn Minh Hải Phó Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật	90
19	Đổi mới hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh hiện nay.	Ths. Đào Thị Mai Hương Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng	98
20	Phát huy tiềm năng du lịch tâm linh ở Quảng Ninh hiện nay.	TS. Phạm Thị Lệ Ngọc Khoa Lý luận cơ sở	106
21	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay.		111
22	Đội ngũ giảng viên trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tích cực thi đua lập thành tích chào mừng 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh.	Ths. Nguyễn Thị Nhị Khoa Xây dựng Đảng	117
23	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tỉnh giao và công tác tuyển sinh các lớp theo nhu cầu xã hội thi đua lập thành tích chào mừng 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh.	Ths. Nguyễn Thị Hạnh Phó giám đốc Trung tâm Hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	119
24	Quảng Ninh - cải cách thủ tục hành chính để vươn mình bứt phá.	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Lan Khoa Nhà nước & pháp luật	124
25	Quảng Ninh - khát vọng vươn tới tầm cao mới.	Ths. Nguyễn Đức Phương Khoa Nhà nước và pháp luật	129
26	Bác Hồ với con người và vùng đất Quảng Ninh.		133
27	Quảng Ninh 60 năm xây dựng và phát triển những mốc son lịch sử.	Ths. Chu Lữ Hồng Trang Khoa Xây dựng Đảng	141
28	Quảng Ninh cực tăng trưởng năng động của cả nước.	Ths. Ngô Thị Tâm Khoa Xây dựng Đảng	145
29	Công tác tư tưởng đi trước, mở đường thực hiện khát vọng phát triển Quảng Ninh.		150
30	Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Ninh theo hướng kết hợp truyền thống và hiện đại.	Ths. Phạm Thu Phương Khoa Lý luận cơ sở	154
31	Quảng Ninh - phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá trong giai đoạn hiện nay.		158

32	Chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh" một cách bền vững - quan điểm, định hướng chiến lược trong xây dựng, phát triển Quảng Ninh.	<i>Ths. Bùi Thị Huyền</i> <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	164
33	Chương trình xây dựng nông thôn mới Quảng Ninh - nền tảng để thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh lên tầm cao mới.		168
34	Một số giải pháp thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.	<i>Ths. Nguyễn Thị Thanh Thùy</i> <i>Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở</i>	174
35	Viên chức và lao động trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ thực hiện tốt nội quy, quy chế của đơn vị, góp phần xây dựng hình ảnh con người Quảng Ninh.	<i>CN. Nguyễn Trung Trường</i> <i>Phó giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, tin học</i>	177
36	Tính thống nhất về khát vọng thực hiện mục tiêu của Quảng Ninh với khát vọng thực hiện mục tiêu của Việt Nam.	<i>Ths. Tạ Văn Tú</i> <i>Phó trưởng phòng QLĐT & NCKH</i>	180
37	Thành tựu to lớn, dấu ấn nổi bật và bài học kinh nghiệm của tỉnh gần 40 năm đổi mới.	<i>Ths. Nguyễn Thế Vinh</i> <i>Phó trưởng phòng QLĐT & NCKH</i>	185
38	Những tình cảm sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho tỉnh Quảng Ninh.	<i>Ths. Nguyễn Thị Hải Ninh</i> <i>Phó trưởng phòng QLĐT & NCKH</i>	191
39	Lịch sử, ý nghĩa tên gọi tỉnh Quảng Ninh qua các thời kỳ lịch sử	<i>Ths. Ngô Thị Ninh Dung</i> <i>Giảng viên khoa Xây dựng Đảng</i>	195

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC “QUẢNG NINH - 60 NĂM THỰC HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN”

ThS. Phạm Hữu Kiên

Phó hiệu trưởng

Kính thưa: Các đồng chí đại biểu, khách quý, các nhà khoa học và các đồng chí tham dự Hội thảo!

Quảng Ninh là vùng đất có lịch sử văn hóa lâu đời, là một trong những cái nôi của người Việt cổ và là nơi có nhiều di tích lịch sử gắn với quá trình dựng nước, giữ nước vẻ vang của dân tộc. Quảng Ninh còn là cái nôi ra đời giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam. Đây cũng là vùng đất quần tụ tinh hoa từ nhiều miền của đất nước tạo nên sự giao thoa và kết tinh nền văn hóa đa sắc, thống nhất trong đa dạng. Con người, xã hội, truyền thống cách mạng và bề dày lịch sử văn hóa ấy là chính là nguồn cội sức mạnh để Quảng Ninh vượt qua mọi khó khăn, thử thách để không ngừng đổi mới, phát triển. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, tỉnh Quảng Ninh đều để lại những dấu ấn thể hiện khát vọng vươn lên, không cam chịu nghèo nàn, lạc hậu.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, tỉnh Quảng Ninh phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ với tổng số 2.340 trận đánh, cùng hàng nghìn tấn bom đạn¹. Với niềm cháy bỏng khát khao hòa bình, độc lập, tự do, thống nhất đất nước, quân và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã kiên cường chống trả các cuộc không kích, làm nên chiến công vang dội ngay từ trận đầu ra quân, bắn rơi 3 máy bay và bắt sống phi công Mỹ. Tiếp theo từ 1964 – 1972, quân và dân Quảng Ninh đã bắn rơi thêm 197 chiếc máy bay, để cộng dồn số lượng máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời Quảng Ninh là tròn 200 chiếc. Công cuộc khôi phục sản xuất, chi viện sức người, sức của góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước cũng được nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh hoàn thành xuất sắc, thực hiện thắng lợi tinh thần “Thóc không thiếu một cân. Quân không thiếu một người”.

Giai đoạn từ năm 1975 – 1985, sau khi đất nước thống nhất chưa được bao lâu, vết thương chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì Quảng Ninh lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc đầu năm 1979. Đồng thời, sau đó phải gánh chịu “những bất lợi khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bị đình trệ, biên giới phía Bắc đóng cửa, con đường thông thương duy nhất với Trung Quốc bị chặn lại, tỉnh gần như trở thành “ngõ cụt”, cánh cửa mở ra với nền kinh tế thế giới gần như bị đóng chặt, khó khăn thêm chồng chất”².

Tuy nhiên, giai đoạn này Quảng Ninh vẫn ghi những dấu ấn về tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dồn lực xây dựng nhiều công trình quan trọng:

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: *Quảng Ninh – 30 năm đổi mới cùng đất nước*. Nxb. Thông tin và Truyền thông. Năm 2018. Tr.42.

² Sđd. Tr. 43.

Đài Truyền hình tỉnh, hoàn thành đúng ngày 2-9-1982, là tỉnh đầu tiên của miền Bắc có đài truyền hình; xây dựng Nhà máy nước Diễn Vọng cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thị xã Hòn Gai và thị xã Cẩm Phả; xây dựng hồ chứa nước và hệ thống kênh mương Yên Lập với dung tích 160 triệu m³ nước, đủ khả năng tưới 10.000ha đất canh tác cho huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) và các huyện, thị lân cận; thành lập đội tàu viễn dương và vận tải bắc nam với những tàu trọng tải lớn, như Sông Chanh 2.000 tấn, Việt Ba 3.600 tấn, Vân Đồn 5.000 tấn...qua đó, thúc đẩy mạnh mẽ thông thương hàng hóa và xuất nhập khẩu...

Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới đất nước, tỉnh Quảng Ninh cũng luôn thể hiện ý chí vươn lên với rất nhiều những sáng kiến, cách làm hiệu quả như: Mô hình “Dân tin - Đảng cử”; mô hình “Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh”; mô hình “Lãnh đạo công, quản trị tư”, “đầu tư tư, sử dụng công”, “sở hữu công, quản trị tư”;... mô hình “Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư gắn với thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực và quản lý”; mô hình tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; mô hình “vốn hóa” các giá trị văn hóa thành nguồn lực, động lực cho phát triển KT-XH; mô hình tổ chức và hoạt động của trung tâm hành chính công gắn với cải cách hành chính; mô hình thúc đẩy chính quyền số, chính quyền điện tử; mô hình phát triển các đảo ven bờ; mô hình tổ chức trực động lực, mở rộng không gian, hàng lang phát triển; mô hình tăng cường năng lực đối trọng xuyên biên giới.

Từ khát vọng vươn lên, đến những đổi mới sáng tạo, Quảng Ninh đã từ một có nền kinh tế muôn vàn khó khăn đến nay đã trở thành một trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của khu vực phía Bắc. Giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2005, tăng trưởng GRDP của tỉnh luôn đạt trên 10%/năm; giai đoạn 2006-2010 đạt 12,7%/năm. Giai đoạn 2016-2022, đạt trên 10%, lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 ước đạt 269.000 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành và chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng). GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt trên 8.200 USD (cao nhất ở khu vực phía Bắc). Từ một tỉnh thu chi đáp ứng 10% chi (năm 1985), sau 10 năm đổi mới (năm 1995) Quảng Ninh đã tự cân đối thu chi và bắt đầu có đóng góp ngân sách cho Trung ương; và đến nay đứng trong top đầu trong cả nước về thu ngân sách ngân sách nhà nước.

Chỉ số cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh luôn giữ vững ở ngôi đầu, với 6 năm liên tiếp đứng đầu cả nước chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI; 10 năm liền nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước; duy trì 4 năm liên tiếp dẫn đầu chỉ số SIPAS; 4 năm liên tiếp dẫn đầu chỉ số PAR-Index. Đồng thời, là địa phương duy nhất trong cả nước đến nay có 2 lần dẫn đầu đồng thời cả 4 chỉ số PCI, SIPAS, PAR-Index, PAPI (năm 2020, năm 2022).

Đặc biệt từ một tỉnh khó khăn về nhiều mặt, nay Quảng Ninh trở thành một trong những địa phương có chỉ số hạ tầng tốt nhất Việt Nam, với 176km đường cao tốc (=1/6 tổng số km đường cao tốc cả nước); hệ thống giao thông đô thị, nông thôn, hạ tầng văn hóa, giáo dục, du lịch, y tế phát triển mạnh mẽ...Góp

phần thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng và hợp tác hội nhập quốc tế, mở ra cơ hội và không gian phát triển mới, tạo ra nguồn lực mới rất to lớn gắn định hình rõ nét các hành lang kinh tế và hành lang đô thị trọng điểm của tỉnh phát triển theo mô hình “Một tâm, hai tuyến đa chiều, các mũi đột phá, ba vùng động lực”.

Kính thưa các đồng chí đại biểu! Thưa toàn thể các đồng chí!

Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn hiện nay đang không ngừng đổi mới, sáng tạo, luôn cho thấy tinh thần chủ động, tích cực, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm để vươn lên trở thành một trong những đầu tàu phát triển của khu vực phía Bắc, một trong những trọng điểm kinh tế, trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực.

Để có được sự phát triển vượt bậc trong 60 năm xây dựng và phát triển, tỉnh Quảng Ninh đã có sự kế thừa thành tựu của nhiều thế hệ. Những kết quả, thành tựu đạt được và những tinh thần đổi mới sáng tạo của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã thực sự trở thành thực tiễn phong phú, sinh động để chúng ta có thể nghiên cứu, tổng kết, rút ra những bài học quý báu để tiếp tục phát huy, góp phần thực hiện khát vọng đưa Quảng Ninh trở thành một tỉnh “Kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại”, như Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 – 2026 đã đề ra.

Với ý nghĩa và tinh thần đó, Hội thảo khoa học “**Quảng Ninh – 60 năm thực hiện khát vọng phát triển**” của chúng ta hôm nay đặt ra mục tiêu:

- **Một là:** Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

- **Hai là:** Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, học viên của nhà trường về tiềm năng, thế mạnh, thời cơ cũng như những khó khăn, thách thức trong công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh, từ đó có những hành động thiết thực, phù hợp trên mỗi lĩnh vực, mỗi cương vị công tác để góp phần phát triển tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp.

- **Ba là:** Tiếp tục bồi dưỡng, phát huy niềm tự hào về lịch sử truyền thống cách mạng, lòng yêu quê hương, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh, tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”, đề cao trách nhiệm mỗi cán bộ, đảng viên, người lao động trong việc góp sức xây dựng tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ mới.

Để thực hiện mục tiêu này, Hội thảo hôm nay có các nhiệm vụ:

- *Thứ nhất, phân tích, luận giải, làm rõ khát vọng vươn lên của tỉnh Quảng Ninh thể hiện qua:*

+ Các mục tiêu, quan điểm, định hướng xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh của các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh 60 năm qua.

+ Tinh thần chủ động, sáng tạo, những sáng kiến, mô hình, cách làm hiệu quả, của tỉnh Quảng Ninh qua các giai đoạn phát triển.

+ Sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của các ngành, các cấp, các địa phương trong việc phát huy tiềm năng, vượt qua khó khăn thách thức nhằm đóng góp vào sự phát triển tỉnh Quảng Ninh.

+ Truyền thống hào hùng và những dấu mốc lịch sử quan trọng của tỉnh Quảng Ninh trong quá trình xây dựng và phát triển; những cách làm sáng tạo, những bước đi đột phá và bài học kinh nghiệm được đúc rút trong quá trình 60 năm xây dựng và phát triển.

+ Những bài học kinh nghiệm quý báu của tỉnh Quảng Ninh 60 năm xây dựng và phát triển.

Thứ hai, phân tích, làm rõ bối cảnh tình hình và những đề xuất những giải pháp xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh “kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại”. Cụ thể là:

+ Bao gồm những thời cơ, thuận lợi, nguồn lực, động lực (tiềm năng, thế mạnh, vật chất, tinh thần, truyền thống, văn hóa, con người...), thúc đẩy đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh “kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại”.

+ Những tình cảm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua 09 lần về thăm Quảng Ninh – động lực tinh thần to lớn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện khát vọng phát triển.

+ Những khó khăn, thách thức và đề xuất những phương hướng, giải pháp xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ mới.

Rất mong các quý vị đại biểu, các nhà khoa học, cùng toàn thể các đồng chí tập trung tư tưởng, sẵn sàng trao đổi, thảo luận, chia sẻ kết quả nghiên cứu đề Hội thảo hoàn thành mục tiêu đề ra./.

QUẢNG NINH – DẤU ẤN VƯỢT KHÓ ĐI LÊN THỰC HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN

Ths. Phạm Hữu Kiên

Phó hiệu trưởng

Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”, một vùng đất có lịch sử lâu đời, địa phương duy nhất trên cả nước có cả biên giới trên bộ, trên biển với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cùng với những tiềm năng, thế mạnh to lớn về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, Quảng Ninh còn là địa phương “giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, một trong những tỉnh có kho tàng văn hóa lâu đời, phong phú và đa dạng”³. Đặc điểm trên đã tạo cho tỉnh Quảng Ninh sức vươn lên mạnh mẽ trong 37 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, nay đã tiến gần đến trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại, một đầu tàu kinh tế của miền Bắc và cả nước.

BẤT KHUẤT, KIÊN TRUNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Tỉnh Quảng Ninh được chính thức thành lập ngày 30/10/1963 trên cơ sở hợp nhất Khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh, việc hợp nhất này nhằm nhân lên sức mạnh phát huy lợi thế phát triển. Trong Tờ trình của Hội đồng Chính phủ trình Quốc hội ghi rõ việc hợp nhất là để: “...tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác những tài nguyên phong phú của địa phương, làm cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được phát triển một cách toàn diện, do đó có thêm điều kiện để cải thiện đời sống của nhân dân địa phương”⁴.

Tuy nhiên, ngay sau đó, đế quốc Mỹ mang không quân bắn phá miền Bắc, địa bàn Quảng Ninh là một trọng điểm đánh phá với dữ dội với tổng số 2.340 trận đánh, cùng hàng nghìn tấn bom đạn⁵. Đảng bộ, Chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh lại phải gồng mình chống trả các cuộc không kích; dồn sức khôi phục sản xuất; làm tròn nhiệm vụ chi viện sức người, sức của góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Ngay trong năm đầu mới được thành lập, quân và nhân dân Quảng Ninh đã làm nên chiến công vang dội ra quân đánh thắng trận đầu, bắn rơi 3 máy bay và bắt sống phi công Mỹ. Chiến công này đã góp phần cổ vũ động viên cả nước quyết tâm đánh Mỹ, quyết đánh và quyết thắng. Tiếp theo đó trong vòng 10 năm, quân và dân Quảng Ninh còn bắn rơi thêm 197 chiếc máy bay, để cộng dồn số lượng máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời Quảng Ninh là tròn 200 chiếc.

Đất nước thống nhất chưa được bao lâu, vết thương chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì Quảng Ninh lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc đầu năm 1979. Quân và nhân dân Quảng Ninh vẫn kiên cường bất khuất,

³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: *Quảng Ninh – 30 năm đổi mới cùng đất nước*. Nxb. Thông tin và Truyền thông. Năm 2018. Tr. 151.

⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tập III (1955-1975)*. Tháng 10/2003. Tr.206

⁵ Sđd. Tr. 42.

không sợ hy sinh gian khổ, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Tháng 12 năm 1986, Đại hội VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, là cơ hội lớn để Quảng Ninh phát triển vươn lên, song đứng trước muôn vàn khó khăn, thách thức, đó là: (1) Xuất phát điểm nền kinh tế thuộc hàng thấp nhất so với các tỉnh, thành phố vùng châu thổ sông Hồng, với nền sản xuất trên tất cả các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp yếu kém. (2) Cơ chế quản lý và kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trong sản xuất, lưu thông, phân phối, đã và đang là lực cản quá lớn trên con đường phát triển của tỉnh, kéo lùi sự phát triển. (3) Quảng Ninh chịu hậu quả rất nặng nề của chiến tranh; “chịu những bất lợi khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bị đình trệ, biên giới phía Bắc đóng cửa, con đường thông thương duy nhất với Trung Quốc bị chặn lại, tỉnh gần như trở thành “ngõ cụt”, cánh cửa mở ra với nền kinh tế thế giới gần như bị đóng chặt, khó khăn thêm chồng chất”⁶. (4) Đời sống của nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn trong suốt thời gian dài. Năm 1985, Trung ương phải trợ cấp cho Quảng Ninh lên đến 70 – 80% lương thực, 90% ngân sách...

Những cái khó trên đây không những không thể làm cho Quảng Ninh nản lòng, mà còn làm cho tinh thần quyết tâm đổi mới, những sáng kiến được “bung ra”. Giai đoạn 1981 - 1985, đã dồn lực xây dựng nhiều công trình quan trọng: Đài Truyền hình tỉnh, hoàn thành đúng ngày 2-9-1982, là tỉnh đầu tiên của miền Bắc có đài truyền hình; xây dựng Nhà máy nước Diễn Vọng cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thị xã Hòn Gai và thị xã Cẩm Phả; xây dựng hồ chứa nước và hệ thống kênh mương Yên Lập với dung tích 160 triệu m³ nước, đủ khả năng tưới 10.000ha đất canh tác cho huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) và các huyện, thị lân cận; thành lập đội tàu viễn dương và vận tải bắc nam với những tàu có trọng tải tương đối lớn, như Sông Chanh 2.000 tấn, Việt Ba 3.600 tấn, Vân Đồn 5.000 tấn...

Sự mạnh dạn, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm trong bối cảnh muôn vàn khó khăn chính là “luồng gió mát” thổi bùng lên sức vươn của Quảng Ninh, làm cho những chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI sớm đi vào hiện thực trên vùng đất được ví như “Một Việt Nam thu nhỏ”.

DỪNG CẢM “TỰ SOI, TỰ SỬA” THOÁT KHÓ NGOẠN MỤC VƯỜN LÊN KHẮNG ĐỊNH MÌNH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh biết bao trăn trở để tìm lối thoát khỏi nghèo khó, và tinh thần nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật theo tinh thần Đại hội VI của Đảng đã giúp Quảng Ninh tìm thấy lối ra. Những hạn chế, yếu kém mà Quảng Ninh đã nhìn thấy là:

Thứ nhất: Tỉnh chưa kiên trì và thật sự chủ động đề ra những quyết sách cơ bản và lâu dài để kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, chưa thực hiện được sức mạnh “Tỉnh với than là một, than với tỉnh là một” để trên cơ sở đó từng bước xây dựng cơ cấu công, nông nghiệp thích hợp

⁶ Sdd. Tr. 43.

trên địa bàn của tỉnh; chưa chủ động bàn với Bộ Mỏ và Than để cùng đề xuất với Trung ương phân rõ trách nhiệm cụ thể, giải quyết những vấn đề có tính chất cơ bản, lâu dài cho sản xuất than và những vấn đề khác có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Công tác kế hoạch còn gò bó, thiếu linh hoạt, chưa thật sự mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, đồng thời có mặt lại buông lỏng. Năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kể cả trong khu vực quốc doanh và tập thể chưa được coi trọng. Tình trạng ngành dọc “khoán trắng” cho địa phương và cơ sở còn phổ biến. Những yếu kém của ngành than còn do kỷ luật và quản lý lỏng lẻo, nhiều quy trình công nghệ không được tôn trọng; máy móc, phương tiện, thiết bị sản xuất trong nước chưa đáp ứng yêu cầu, phần lớn phải nhập ngoại; chưa đi sâu vào việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; chính sách, chế độ trong quản lý và phân phối còn nhiều bất cập.

Thứ hai: Việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng trên một số mặt chưa sâu sắc, gặp vấn đề mới và khó còn lúng túng, chậm cụ thể hóa và thiếu quyết tâm khắc phục khó khăn. Còn tư tưởng chủ quan, nóng vội, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế, đề ra nhiều chỉ tiêu kế hoạch hóa quá cao. Nông nghiệp chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được bảo đảm những điều kiện cần thiết để phát triển; chưa có chính sách thỏa đáng phát triển công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Thứ ba: Trình độ nhận thức, trình độ quản lý, khoa học - kỹ thuật của cán bộ, đảng viên, công chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều mặt yếu kém. Đa số cán bộ trưởng thành từ hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, tinh thần chiến đấu hăng hái, dũng cảm, nhưng chuyển sang quản lý kinh tế, quản lý xã hội do ít được đào tạo hoặc đào tạo chưa đầy đủ, nên hiểu biết về các quy luật vận hành của nền kinh tế, về những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị trong nước và quốc tế còn rất hạn chế. Không ít cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt trong các ngành, các cấp còn tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, thụ động trong việc thi hành nhiệm vụ, quen thói làm việc theo kiểu hành chính, sự vụ, ít quan tâm đến việc nghiên cứu, đề xuất biện pháp xử lý công việc, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực tiễn; khả năng phân tích, dự báo những vấn đề có tầm chiến lược của tỉnh hạn chế. Tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, bao cấp, thụ động còn rất nặng nề và kéo dài nhiều năm sau đổi mới. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy khả năng tích cực, năng động, sáng tạo trong quá trình cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ tư: Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và công tác vận động quần chúng còn thiếu hiệu quả trước tình hình mới, chậm có những biện pháp thiết thực để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cũng như hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và tinh thần làm chủ của nhân dân. Công tác cán bộ, phương thức lãnh đạo của cấp ủy, sự cải tiến lề lối làm việc của các cơ quan công quyền chậm đổi mới. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách có nơi còn vi phạm; ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần tự phê bình và phê bình, yêu cầu đi sâu, đi sát thực tiễn chưa thực hiện nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi còn buông lỏng... Lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút.

Từ việc thấy rõ hạn chế, yếu kém, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân thuộc về chủ quan, tỉnh Quảng Ninh đã quyết tâm nghĩ, quyết tâm làm, quyết tâm đổi mới, và đã gặt hái nhiều thành công.

Ngay trong 10 năm đầu đổi mới, từ một tỉnh nghèo có nền kinh tế lạc hậu nhất vùng đồng bằng sông Hồng, đã vươn lên tự cân đối được thu chi và có đóng góp ngân sách về Trung ương. Tăng trưởng kinh tế trong 37 năm đổi mới luôn đạt cao, đạt trên 10%/năm. Giai đoạn 2006-2010, đạt 12,7%/năm. Giai đoạn 2016-2022, đạt trên 10%/năm, lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới. Hệ thống chính trị được quan tâm củng cố, xây dựng vững mạnh, hoạt động hiệu lực hiệu quả với 10 năm liên tiếp nằm trong nhóm 5 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước; 6 năm liên tiếp đứng đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; 4 năm liên tiếp dẫn đầu chỉ số cải cách hành chính và chỉ số về sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp... Từ một tỉnh khó khăn về nhiều mặt, nay trở thành một trong những địa phương có chỉ số hạ tầng tốt nhất Việt Nam. Đến hết năm 2022, Quảng Ninh đã đồng thời hoàn thành trước 3 năm cả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ước tính đến hết năm 2023, quy mô nền kinh tế nâng lên đạt 312.420 tỷ đồng (*chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng ở khu vực phía Bắc*); GRDP bình quân đầu người đạt 9.469 USD. Toàn tỉnh đã có 10/13 địa phương cấp huyện, 98/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 62 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu). Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh theo tiêu chí đa chiều bền vững đến hết năm 2021 chỉ còn 0,1%. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Hoạt động đối ngoại được tăng cường. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm tích cực, hiệu quả...

Những dấu ấn vượt khó của tỉnh Quảng Ninh thể hiện ý chí kiên cường, tinh thần tự lực cánh sinh, khát vọng vươn lên mạnh mẽ trong 60 năm qua. Đây cũng sẽ là tiền đề, động lực hết sức quan trọng để Đảng bộ, Chính quyền, quân và nhân dân toàn tỉnh phấn đấu thực hiện thành công khát vọng xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành “*tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại*” vào năm 2030./.

NHỮNG THỜI CƠ, THUẬN LỢI VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG VIỆC THỰC HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN TỪ ĐÓ ĐỀ XUẤT NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

*Học viên Đỗ Thái Sơn
Lớp Trung cấp Lý luận chính trị A59*

Trong suốt quá trình xây dựng, phát triển, nhất là trong những năm đổi mới vừa qua, với vai trò, trách nhiệm của một địa phương được cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng ví như “Một Việt Nam thu nhỏ”, luôn được Trung ương xác định có vị trí trọng yếu về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, Quảng Ninh đã cho thấy sự vận động, phát triển không ngừng của mình.

Tỉnh Quảng Ninh đã và đang không ngừng đổi mới, không ngừng sáng tạo, Quảng Ninh luôn cho thấy tinh thần chủ động, tích cực, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm để vươn lên trở thành một trong những đầu tàu phát triển của khu vực phía Bắc, một trong những trọng điểm kinh tế, trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực. Những thành tựu mà tỉnh đạt được thời gian qua có dấu ấn không nhỏ của việc đổi mới tư duy, xác định tầm nhìn trong chủ trương và hành động cũng như vun đắp và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên.

Để có được sự phát triển vượt bậc trong 60 năm xây dựng và phát triển, tỉnh Quảng Ninh đã có sự kế thừa thành tựu của nhiều thế hệ, nhất là trong những nhiệm kỳ gần đây. Với khát vọng phát triển, bằng tinh thần đổi mới sáng tạo, khơi thông, giải phóng tối đa các nguồn lực, tỉnh Quảng Ninh của chúng ta đã không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh, bền vững...

Trong quá trình đó, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định rõ và cụ thể từng yếu tố tác động xuyên suốt tiến trình phát triển, từ thời cơ, những thuận lợi, hay những khó khăn, thách thức để thực hiện khát vọng về sự phát triển toàn diện.

Quảng Ninh được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng nhiều tài nguyên khoáng sản, dồi dào nhất là than đá, đá vôi, đất sét, cùng với tiềm năng lớn (có trên 600 di tích lịch sử danh lam thắng cảnh được xếp hạng, đặc biệt là Vịnh Hạ Long - di sản thiên nhiên, kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới; danh thắng Yên Tử - trung tâm Phật giáo của Việt Nam...) để phát triển các loại hình du lịch biển đảo, sinh thái, văn hóa, lịch sử, tâm linh.... Quảng Ninh là một cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam trên vùng đất quần tụ tinh hoa từ nhiều miền của đất nước, có sự giao thoa và kết tinh nền văn hóa đa sắc, thống nhất trong đa dạng. Con người, xã hội, truyền thống cách mạng và bề dày lịch sử văn hóa ấy tạo nên dung mạo riêng hàm chứa một giá trị rất riêng của Quảng Ninh - nguồn cội có sức mạnh phi thường để Quảng Ninh vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong bất cứ hoàn cảnh nào, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được thực hiện có nền nếp, chất lượng. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị có sự trưởng thành,

chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng được nâng cao, vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững; phương thức lãnh đạo của các cấp ủy ngày càng đổi mới theo hướng sát thực tiễn, thiết thực, hiệu quả. Hoạt động của chính quyền các cấp ngày càng có hiệu quả theo hướng không ngừng nâng cao hiệu lực quản lý. Khối đại đoàn kết toàn dân không ngừng được vun đắp, trở thành động lực to lớn của công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

Tỉnh Quảng Ninh, xây dựng công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại được thường xuyên quan tâm. An ninh trên tuyến biên giới, biển đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tình hình nội bộ nhân dân cơ bản ổn định; trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững.

Cùng với đó, trong những năm gần đây, với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục dành nguồn lực đầu tư để trở thành điểm sáng trong phát triển đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Qua đó, đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Về phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao luôn được Quảng Ninh xác định là một trong 3 đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng, nền tảng vững chắc tạo đà cho sự phát triển bền vững. Vì vậy, trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Quảng Ninh đã “vượt bão” khó khăn, tiếp tục đạt mức tăng trưởng kinh tế cao, ước tăng 9,46%, cao hơn 0,24 điểm % so với tốc độ tăng cùng kỳ, cao hơn 0,66 điểm % so với kịch bản tăng trưởng 6 tháng, đứng thứ 2 trong Vùng đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 4 cả nước.

Trên nền tảng những thành tựu đạt được, cùng với những thuận lợi, thời cơ, Quảng Ninh đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức, có mặt rất nan giải, đòi hỏi sự giải quyết vừa mang tính cấp bách vừa lâu dài.

Tại báo cáo chính trị đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV đã xác định 05 mâu thuẫn, thách thức tiếp tục đặt ra cho Quảng Ninh cần được nhận thức đầy đủ và tập trung giải quyết trong thời gian tới. Và trong thực tiễn, chúng ta có thể nhìn nhận về những thách thức, khó khăn trong phát triển tỉnh Quảng Ninh. Tôi xin được đưa ra những khó khăn, thách thức như:

Một là, chất lượng tăng trưởng kinh tế là nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương. Đây là vấn đề đòi hỏi phải có sự chuyển biến đồng bộ, thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp lãnh đạo, các ngành và doanh nghiệp. Tuy nhiên, có giai đoạn, nhận thức về vấn đề trên trong các cấp, các ngành còn chậm hoặc thiếu sự thống nhất, đồng bộ; từ nhận thức chuyển biến thành hành động càng có khoảng cách xa.

Hai là, việc chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế theo hướng bền vững đã gây nhiều tổn thương đến môi trường sinh thái của tỉnh.

Ba là, mâu thuẫn giữa tiềm năng lớn chưa được giải phóng toàn diện với một số thể chế, cơ chế, chính sách còn hạn hẹp, giữa yêu cầu phát triển cao với các nguồn lực có hạn về nhân lực, vật lực, giữa khai thác than, phát triển công nghiệp nặng, đô thị hóa nhanh với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn..., từ đó ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng và chưa khơi thức hết các giá trị tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội và lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Ninh mà những địa phương khác không có hoặc không đủ mạnh.

Bốn là, mâu thuẫn giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những điểm yếu trên cho thấy giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng vẫn chưa có sự đồng đều, tương xứng với nhau. Thậm chí, có những mặt đã gây ra những mâu thuẫn khó tháo gỡ, tạo rào cản cho quá trình đi lên.

Năm là, những vấn đề liên quan đến gìn giữ bản sắc văn hoá vùng miền tuy đã được quan tâm phát triển, tuy nhiên vẫn có khoảng cách về vùng miền tại tỉnh Quảng Ninh. Sự chênh lệch vùng miền trong phát triển cơ sở hạ tầng cũng là vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, các vấn đề đặt ra đối với việc phát triển toàn diện của tỉnh Quảng Ninh, thời gian tới, để nâng cao chất lượng thực hiện khát vọng phát triển của tỉnh Quảng Ninh, tôi xin được đề xuất thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, bám sát sự chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương, đồng thời luôn chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong vận dụng các quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn của tỉnh, trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng, giữ vững nguyên tắc trong quá trình đổi mới.

Trong những năm đổi mới, Quảng Ninh luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt, sự chỉ đạo sát sao của Trung ương, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, giúp Quảng Ninh tháo gỡ, vượt qua nhiều khó khăn, tìm kiếm, khai thông được những nguồn lực to lớn cho sự phát triển. Công cuộc đổi mới tại Quảng Ninh giàu sự sáng tạo, nhưng không chủ quan, duy ý chí, tùy tiện, nóng vội, mà giữ vững các nguyên tắc của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, kiên định với “quyết tâm xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh”, như lời căn dặn của Bác Hồ khi về thăm tỉnh năm 1965, khi Quảng Ninh vừa được thành lập từ việc được hợp nhất khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh.

Thứ hai, phải chú trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan trên cơ sở nhận thức đúng đắn về bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước và những thời cơ, thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức của địa phương.

Công cuộc đổi mới tại tỉnh Quảng Ninh là quá trình không ngừng tìm tòi, thử nghiệm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, phấn đấu đầy gian khổ của Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh. Trong suốt hành trình đó, tỉnh Quảng Ninh coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; đã xuất phát từ thực tiễn để đổi mới tư duy, nhận thức; tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan - đây là điều kiện

bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ tỉnh và sự thành công của công cuộc đổi mới.

Thứ ba, phải luôn chú trọng công tác cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là khâu đột phá, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Cán bộ là gốc của công việc. Con thuyền đổi mới tại Quảng Ninh cập bến thành công do được chèo lái bởi đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, có năng lực và tâm huyết. Đặc biệt, tư duy luôn đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và sẵn sàng chịu trách nhiệm đã thành một truyền thống qua nhiều thế hệ lãnh đạo của tỉnh.

Thứ tư, biết khơi dậy và phát huy sức mạnh nội lực, tạo được cơ chế, chính sách để khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế tranh thủ các nguồn ngoại lực, coi nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá.

Nguồn nội lực chính là sức mạnh nội sinh từ mảnh đất, con người Quảng Ninh, là những tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên khoáng sản, là truyền thống đoàn kết "kỷ luật và đồng tâm", là sự năng động, sáng tạo của các thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân... Song, để khơi dậy và phát huy được sức mạnh nội sinh đó, đòi hỏi phải có chủ trương đúng, cơ chế, chính sách thông thoáng, tạo điều kiện tối đa để các thành phần kinh tế, mọi cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân có thể phát huy, đóng góp trí lực, sức lực vào công cuộc đổi mới của tỉnh.

Thứ năm, đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, song phải có trọng tâm, trọng điểm, xác định được đúng khâu đột phá, mũi nhọn; chú trọng phát triển kinh tế đồng thời với giải quyết tốt các vấn đề môi trường, an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Cần lựa chọn những khâu đột phá, mũi nhọn, các ngành và địa bàn trọng điểm để ưu tiên, tập trung đầu tư, tạo động lực phát triển bứt phá, từ đó tạo lực kéo và lan tỏa sự phát triển từ các tâm phát triển ra bề rộng.

Thứ sáu, không ngừng giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, sức mạnh của khối đại đoàn kết các dân tộc tỉnh Quảng Ninh.

Với một nhiệm vụ xây dựng chất lượng nguồn nhân lực được xác định là một khâu đột phá chiến lược. Trường Đào tạo Cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã và đang xác định rõ nhiệm vụ của một cơ sở trường chính trị. Xác định chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nhà trường tích cực tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Từ đó đào tạo lực lượng cán bộ nòng cốt của hệ thống chính trị cho toàn tỉnh, đảm bảo nguồn nhân lực, nguồn

cán bộ, công chức đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác.

Những thành tựu mà tỉnh đạt được in đậm dấu ấn của việc đổi mới tư duy, xác định tầm nhìn trong chủ trương và hành động cũng như vun đắp và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên. Đây chính là hành trang quan trọng để Quảng Ninh tiến gần hơn mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là thành phố dịch vụ, công nghiệp hiện đại, năng động, trung tâm du lịch quốc tế./.

QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ CỦA QUẢNG NINH TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI QUẢNG NINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*Học viên Đào Thanh Bình
Lớp Trung cấp Lý luận chính trị A59*

Ngày 30/10/1963, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã quyết định hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh. Trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển kể từ ngày thành lập tỉnh đến nay, Quảng Ninh đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự đoàn kết phát huy truyền thống “Kỷ luật - Đồng tâm” của Vùng mỏ bất khuất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh luôn vượt qua mọi khó khăn thách thức để thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ đề ra trong từng giai đoạn.

Được ví như hình ảnh “*nước Việt Nam thu nhỏ*” với đầy đủ các tài nguyên vô hạn và hữu hạn, Quảng Ninh - miền đất địa đầu vùng Đông Bắc của Tổ quốc luôn mang trong mình những giá trị riêng biệt; là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, độc đáo; nơi lưu giữ các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản - kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; nơi Đức vua Trần Nhân Tông hóa Phật, phát tích của thiền phái Trúc Lâm, cùng hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc; là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, có truyền thống cách mạng của công nhân vùng mỏ với di sản tinh thần vô giá “Kỷ luật và Đồng Tâm”. Con người nơi đây hội tụ, giao thoa trong sự thống nhất đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Văn hoá Quảng Ninh là sự kết hợp hài hoà giữa những tinh hoa văn hoá truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hoá hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp.

Kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp, những thành quả của các thế hệ đi trước, những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Tỉnh đã tích cực xây dựng, phát triển văn hoá con người Quảng Ninh, đạt được những kết quả quan trọng như:

(1) Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên đặc biệt là nhân dân và các doanh nghiệp trong toàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa, con người trong phát triển kinh tế - xã hội đã có sự chuyển biến rõ rệt.

(2) Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm dành nguồn lực ngân sách và huy động các nguồn lực trong xã hội để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Nhiều chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị văn hóa đã được đầu tư triển khai thực hiện.

(3) Công tác bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm, việc giữ gìn gắn với khai thác các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc để phát triển du lịch, dịch vụ được hình thành.

Các lễ hội văn hoá, lịch sử truyền thống đã được các địa phương huy động nguồn lực tổ chức hiệu quả, một số lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên như lễ hội khai xuân Yên Tử, Carnival, lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, lễ hội hoa sớ, lễ hội trà hoa vàng,... vừa bảo tồn được di sản văn hóa, vừa tạo thành sản phẩm văn hóa riêng có. Nhiều lễ hội đã được phục dựng thành công, bài bản, đúng bản sắc truyền thống của dân tộc (*Lễ hội văn hóa thể thao dân tộc Dao, Tày, Sán Chẻ, Sán Dìu,...*). Đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 638 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, gồm 06 di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 58 di tích cấp quốc gia, 92 di tích cấp tỉnh, 483 di tích được kiểm kê, phân loại; có 13 bảo vật Quốc gia; có di sản Then của người Tày là 01 trong 11 tỉnh có Then, Tày, Nùng, Thái Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ngoài ra, Tỉnh đã và đang tích cực phối hợp với tỉnh Hải Dương và tỉnh Bắc Giang triển khai lập hồ sơ “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

(4) Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao từ tỉnh đến cơ sở dân được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe của nhân dân và du khách. Trong đó, một số công trình thiết chế văn hoá thể thao trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia như Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Khu liên hợp Thể thao Quảng Ninh, Cung Quy hoạch Hội chợ và Triển lãm, Cung Văn hoá Thanh thiếu nhi tỉnh, Sân Vận động Cẩm Phả... đã đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia, quốc tế và khu vực, góp phần tạo nên thương hiệu của Quảng Ninh.

Ngoài ra, các thiết chế văn hóa, thể thao ở các địa phương cũng được đầu tư xây dựng bảo đảm phục vụ tổ chức các sự kiện quan trọng, các hoạt động phong trào trên địa bàn. Cụ thể, 12/13 huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao (*chiếm tỷ lệ 92,3%*), con số này ở cấp xã là 103/177 xã, phường, thị trấn (*chiếm tỷ lệ 58,2%*) và 1.449/1.452 thôn bản, khu phố có nhà văn hóa (*chiếm tỷ lệ 99,8%*).

(5) Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phát triển tích cực; phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao trong quần chúng nhân dân phát triển mạnh mẽ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Tập trung xây dựng các sản phẩm nghệ thuật truyền thống (*chèo, cải lương,...*) vừa bảo tồn vừa để phục vụ nhân dân và du khách, tạo thêm sản phẩm văn hoá góp phần thu hút khách du lịch, nhất là các bộ môn nghệ thuật truyền thống (*múa rối, hát chèo, cải lương, các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số,...*), được biểu diễn tại Cảng tàu Quốc tế, Sân bay Vân Đồn, tại các lễ hội và cùng du khách trên các hành trình, tuyến điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Việc triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu, được nhân dân hưởng ứng tích cực. 100% các khu dân cư đã xây dựng được hương ước, quy ước. Việc thực hiện nếp sống văn minh

trong việc cưới, việc tang được nhân dân tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh, đặc biệt trong những năm gần đây khi phải đối mặt với đại dịch Covid-19.

Với phương châm mọi người dân Quảng Ninh đều được hưởng thành quả phát triển, tăng trưởng bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách riêng có về an sinh, phúc lợi xã hội; khuyến khích người nghèo, người dân ở vùng khó khăn phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo và làm giàu, nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh. Diện mạo, cảnh quan ở các địa phương thay đổi từng ngày. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân, nhất là trong những năm phòng, chống dịch bệnh vừa qua.

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh phát triển cả về lượng và chất. Thực hiện tốt cuộc vận động *"Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"*, qua đó tạo sự lan tỏa rộng khắp trên địa bàn tỉnh, thu hút đông đảo quần chúng tham gia tập luyện thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe. Số câu lạc bộ thể dục, thể thao các cấp hàng năm đều tăng, đến nay đã có hơn 2.100 CLB; 177/177 xã, phường, thị trấn trong tỉnh có phong trào tập luyện thể dục thể thao và xây dựng các điểm tập luyện thể dục thể thao.

Công tác thi đấu các giải thể thao thành tích cao của tỉnh trong 05 năm qua cũng thu được những kết quả đáng khích lệ. Trong 05 năm gần đây, các vận động viên tỉnh Quảng Ninh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu các giải thể thao quốc tế đoạt 69 huy chương (33 huy chương vàng, 26 huy chương bạc, 10 huy chương đồng), thi đấu các giải quốc gia đoạt 1.467 huy chương (401 huy chương vàng, 417 huy chương bạc, 649 huy chương đồng) 550 vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia (240 kiện tướng, 310 cấp 1).

(6) Dấu ấn riêng có của Quảng Ninh dần được khẳng định. Đặc trưng con người Quảng Ninh từng bước được định hình rõ nét

Tỉnh đã đăng cai tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại, văn hóa, du lịch, thể thao quy mô quốc tế, khu vực, quốc gia như: SEA Games 31, Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX... để lại dấu ấn tốt đẹp về mảnh đất, con người Quảng Ninh *"Giàu đẹp - Văn minh - Hiện đại"* - Điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn; qua đó, khẳng định Quảng Ninh là một trong những trung tâm tổ chức các sự kiện hàng đầu của cả nước.

Công tác xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đạt kết quả bước đầu tích cực; phát huy được ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh trong xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại; luôn khát vọng đổi mới, phát triển được thể hiện bằng những việc làm, hành động cụ thể luôn sáng tạo, đi đầu trong thực hiện mô hình đổi mới, có tinh thần xây dựng quê hương Quảng Ninh, ý chí vươn lên trong cuộc sống, mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người; người dân được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Phong trào xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được các cấp, các ngành quan tâm. Tổ chức giảng dạy, học tập, nghiên cứu lịch sử địa phương, truyền thống cách mạng, các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, các chương trình học tập kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hoá, năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho thế hệ trẻ trong các trường học, trong cộng đồng được triển khai sâu rộng; đấu tranh, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức, lối sống, “lấy cái thiện đẩy lùi cái ác, lấy cái tích cực đẩy lùi tiêu cực”.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa công nghệ thông tin hiện nay, góp phần trực tiếp tạo nên sự thâm thấu, giao lưu trên lĩnh vực văn hoá, truyền bá các luồng tư tưởng, các sản phẩm văn hóa; sự xâm nhập mạnh mẽ, hàng ngày, hàng giờ của các phương tiện thông tin đại chúng, công nghiệp giải trí, các phương tiện hiện đại truyền bá văn hoá vào các quốc gia, tác động sâu sắc đến nếp nghĩ, lối sống của con người trong từng gia đình, từng cộng đồng. Những nhân tố đó tác động đồng thời cả mặt tích cực và tiêu cực trong đời sống văn hóa của đất nước và của tỉnh Quảng Ninh. Các thế lực thù địch triệt để sử dụng các phương tiện hiện đại, các quan hệ văn hoá, xã hội để thực hiện âm mưu “xâm lăng văn hoá”. Điều đó có tác động không nhỏ đến tình hình văn học, nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ.

Nhận thức sâu sắc “*Văn hóa không đứng ngoài mà phải trong kinh tế và chính trị*”, kiên định quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển, ngày 09/3/2018, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU “*về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*”. Trong đó, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng *Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện*. Đặc biệt là phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Quảng Ninh với các đặc trưng *Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc*. Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh cũng đã tiếp tục xác định một trong ba khâu đột phá chiến lược là “*Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh*”. Cùng với đó, Tỉnh đã ban hành hàng loạt các nghị quyết về cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh; triển khai có hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh và *Bộ quy tắc ứng xử “Nụ cười Hạ Long”*... Đồng thời tập trung nhiều nguồn lực, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để tập trung thực hiện hiệu quả, thành công các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp mà các nghị quyết đề ra.

Mới đây nhất, ngày 26/9/2023, tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Yên Tử, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã phối hợp với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội thảo khoa học “*Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững*”. Với quy mô cấp quốc gia, hội thảo nhận được sự quan tâm và tham dự của 250 đại biểu, với 80 bài

tham luận của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương, các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành... ;tập trung chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong quá trình triển khai chính sách, quản lý, khai thác, củng cố và phát huy giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh trên thực tiễn trong thời gian qua. Nhận diện, phân tích những khó khăn, bất cập đã và đang đặt ra cùng nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế. Đồng thời cung cấp những kinh nghiệm quý, cách làm sáng tạo trong khơi dậy và tiếp tục phát huy giá trị của văn hóa, con người Quảng Ninh trên con đường phát triển.

Có thể khẳng định rằng, đứng trước những thời cơ và thách thức trong bối cảnh hiện nay, Quảng Ninh đã nêu cao quyết tâm chính trị trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; đồng thời, khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống "Kỷ luật - Đồng tâm", ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, nhất trí, khát vọng phát triển tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh, hiện đại; phát huy cao độ giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người dân Quảng Ninh.

Cuối cùng, tôi xin thay mặt cho 44 học viên tập thể lớp Trung cấp lý luận chính trị A59 được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cấp uỷ, chính quyền các cấp và Ban Giám hiệu Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã quan tâm, tạo điều kiện để chúng tôi được tham gia học tập tại Quý Nhà trường. Với phương châm “vững lý luận, giỏi phương pháp, sát mục tiêu”, đội ngũ cán bộ, giảng viên trong trường đã đem đến cho học viên nhiều kiến thức bổ ích, quý giá gắn với từng lĩnh vực cụ thể trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng để học viên dễ dàng tiếp cận, nắm bắt và vận dụng sáng tạo gắn với vị trí công tác của mỗi học viên. Qua đó, góp phần đào tạo cho tỉnh nhà những thế hệ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phát triển toàn diện, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn thử thách; có ước mơ, hoài bão, có *“Khát vọng xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại”*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của BCH Đảng bộ Tỉnh *“về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”*.
2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV.
3. Báo cáo tổng kết 05 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của BCH Đảng bộ Tỉnh *“về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”*.
4. Báo điện tử Quảng Ninh: <https://baoquangninh.vn/>.

**BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO Ý THỨC CHÍNH TRỊ, TINH THẦN
“KỶ LUẬT VÀ ĐỒNG TÂM” CỦA NGÀNH THAN QUẢNG NINH
TRONG VIỆC XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH
KIỂU MẪU, VĂN MINH, GIÀU ĐẸP**

Học viên Bùi Anh Tuấn

Lớp trung cấp Lý luận chính trị C287

Quảng Ninh là tỉnh có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, con người Quảng Ninh cũng thể hiện những đặc trưng chung, đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, kết hợp với bản sắc rất riêng của vùng đất được coi là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, truyền thống công nhân Vùng mỏ, “Kỷ luật và Đồng tâm” đã được hình thành, vun bồi thành một di sản tinh thần của công nhân vùng mỏ, trở thành một đặc trưng của con người Vùng mỏ. Trải qua quá trình phát triển, các đặc trưng “Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện” đã được nhận diện là những đặc trưng của con người Quảng Ninh.

Tuy nhiên, xu thế vận động và phát triển tiếp tục đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi Quảng Ninh không chỉ tiếp cận những nhận thức mới về phát triển bền vững, con người Quảng Ninh hiện tại đồng thời đặt trong tầm nhìn trung hạn và dài hạn, mà còn phải có giải pháp thực tế, hiệu quả để chuyển hóa các giá trị này thực sự trở thành nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển là tất yếu

Cách đây 87 năm, ngày 12/11/1936, hơn ba vạn công nhân của vùng đất mỏ Quảng Ninh cùng đồng sức, đồng lòng đấu tranh đòi quyền lợi cho chính mình. Và chính từ đây, truyền thống công nhân vùng Mỏ - truyền thống ngành Than bắt đầu được dệt nên bởi những thành tích vẻ vang trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước.

Có thể nói, thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc đã đánh dấu bước trưởng thành của đội ngũ công nhân ngành than Quảng Ninh về ý thức chính trị, trình độ giác ngộ và đấu tranh giai cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày nay, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh những cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, còn đan xen nhiều khó khăn, thách thức và có bước phát triển mới về nhận thức, ý thức chính trị cũng như về chuyên môn, nghiệp vụ, làm chủ khoa học - kỹ thuật, công nghệ hiện đại... Những yếu tố này tác động mạnh mẽ đến ý thức chính trị của đội ngũ công nhân ngành than Quảng Ninh. Vì vậy, việc nâng cao ý thức chính trị của đội ngũ công nhân ngành than Quảng Ninh trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, và Nghị quyết số 12 - NQ/TU của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Quảng Ninh ban hành ngày 28/11/2022 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ninh đã ban hành kế hoạch chỉ đạo và tổ chức triển khai tới các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với nhiều giải pháp phù hợp. Nghị quyết đã được cụ thể hoá triển khai phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, nhất là các công ty than trên địa bàn của tỉnh Quảng Ninh. Với nhiều nội dung, hình thức và cách làm khác nhau, Nghị quyết đã được triển khai đồng bộ và nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết luôn gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, trong đó đặc biệt là các giải pháp nâng cao ý thức chính trị cho đội ngũ công nhân ngành than. Với sự quan tâm định hướng chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, sự tạo điều kiện của chính quyền, đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương, đội ngũ công nhân ngành than Quảng Ninh có sự phát triển, chuyển biến về quy mô, trình độ kiến thức, cơ cấu nghề nghiệp, mức sống, số lượng và chất lượng được nâng cao. Tình hình việc làm, tiền lương, thu nhập cơ bản ổn định. Đời sống vật chất, tinh thần từng bước được cải thiện. Điều kiện và môi trường làm việc được quan tâm hơn. Công tác an toàn vệ sinh lao động được chú trọng. Với sự nỗ lực không ngừng của cán bộ, công nhân ngành Than và nhân dân vùng mỏ, phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm”, đổi mới, sáng tạo, áp dụng thành công nhiều kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, ngành Than đã luôn khẳng định vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nộp ngân sách trên địa bàn chiếm hơn 40% ngân sách thu nội địa của tỉnh. Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp, khó lường chưa từng có của đại dịch COVID-19, ngành Than đã phát huy tốt vai trò tiên phong trong thực hiện "mục tiêu kép", vừa làm tốt công tác phòng chống dịch, đảm bảo tuyệt đối an toàn sức khỏe cho công nhân; vừa đảm bảo mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh, đóng góp quan trọng cho sự phát triển chung của tỉnh và của đất nước, được Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao.

Tư tưởng của đội ngũ công nhân ngành than nhìn chung ổn định, yên tâm lao động sản xuất, luôn phát huy truyền thống, kiên định, giữ vững bản lĩnh cách mạng, chấp hành nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Truyền thống công nhân vùng mỏ “Kỷ luật và đồng tâm” được phát huy. Nhiều phong trào thi đua được duy trì, đổi mới, nhân rộng. "Tháng Công nhân" đã trở thành nề nếp hàng năm, tạo “điểm nhấn” trong các cấp công đoàn. Quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân được quan tâm bảo vệ. Trình độ, năng lực và nhận thức chính trị của đội ngũ công nhân ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để nâng cao hơn nữa ý thức nhận thức chính trị của đội ngũ công nhân ngành than xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, văn minh, giàu đẹp, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, chúng ta cần tiếp tục nhận thức sâu sắc rằng: Sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh và sự phát triển của ngành Than là sự gắn bó hữu cơ, mật thiết. Sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh của tỉnh Quảng Ninh có ý nghĩa chiến lược, tạo tiền đề quan trọng để ngành Than ổn định, phát triển bền vững; công nhân lao động ngành Than được hưởng thành quả phát triển của tỉnh, yên tâm gắn bó lâu dài với Mỏ.

Vì vậy, Tỉnh Quảng Ninh khẳng định sẽ tăng cường trách nhiệm đồng hành, phối hợp chặt chẽ với ngành Than, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, mặt bằng sản xuất, giải quyết dứt điểm các vấn đề nếu còn tồn tại, mới phát sinh để ngành Than ổn định, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tăng năng suất, sản lượng; tập trung giải ngân các dự án đầu tư, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; tạo thuận lợi tối đa giải quyết thủ tục xuất nhập khẩu cho ngành Than gắn với quản lý chặt chẽ, có hiệu quả các cảng, bến thực hiện nhiệm vụ nhập khẩu, phối trộn than trên địa bàn. Hỗ trợ tốt nhất và cùng Tập đoàn TKV chăm lo đúng mức tới vấn đề nhà ở công nhân ngành Than trên địa bàn tỉnh theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Ngành Than cần đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu, đầu tư chiều sâu, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đổi mới công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản, giảm tổn thất tài nguyên, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn; tăng cường chế biến sâu để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân, lao động. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ, toàn diện hơn nữa với chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên than, khoáng sản, đất đai, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự; giữ nghiêm trật tự kỷ cương pháp luật trong hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ than, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu không để xảy ra những vụ việc đáng tiếc, gây bức xúc dư luận. Tăng cường cơ chế ràng buộc giữa chính quyền địa phương và ngành Than trong phát triển thị trường kinh doanh xăng dầu lành mạnh, tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường.

Tập trung hoàn nguyên môi trường, phủ xanh bãi thải mỏ, các khai trường mỏ than đã đóng cửa; cải tạo môi trường các khu vực khai thác, đổ thải theo quy hoạch, nhất là vùng Cẩm Phả; có phương án hạ độ cao bãi thải gắn với sử dụng đất đá thải mỏ để san lấp mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh.

Hai là, tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng bộ than Quảng Ninh, các tổ chức cơ sở đảng phù hợp với xu thế khách quan, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Chú trọng hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên về vị trí, tầm quan trọng của tổ chức cơ sở Đảng trong mỗi đơn vị thành viên của Tập đoàn TKV. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nhất là chi, đảng bộ cơ sở

đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức để tạo ra bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Than trong điều kiện hiện nay, có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, có trí tuệ, trình độ, tính chiến đấu, gương mẫu tại nơi công tác và nơi cư trú.

Bám sát các chủ trương của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy và điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp; đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, đặc biệt là quy chế phối hợp giữa cấp ủy đảng với hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp; khắc phục tình trạng “bao biện làm thay” hoặc “buông lỏng” sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ tại các doanh nghiệp bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức. Thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong các đơn vị thành viên.

Các cấp ủy, tổ chức Đảng của Đảng bộ Than cần triển khai thực hiện, tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc của đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Bảo đảm nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” một cách thực chất, có hiệu lực và hiệu quả trên cơ sở xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân. Đặc biệt, phải có cơ chế và cách làm bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ của các đơn vị thuộc Tập đoàn TKV mà tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Than nhằm thực sự phát huy đúng mức vai trò, vị trí của Đảng bộ Than, thúc đẩy mạnh mẽ thực hiện dân chủ công khai, minh bạch, qua đó kiểm soát quyền lực, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Phải tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, quy chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ cho từng lĩnh vực, từng mặt công tác xây dựng đảng của Đảng bộ Than nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ.

Ba là, cần tập trung rà soát, xây dựng, hoàn thiện Quy chế về công tác cán bộ; Quy chế tổ chức và quản lý các sinh hoạt tư tưởng, lý luận; Quy chế chuẩn bị, thảo luận, thông qua và phê duyệt nghị quyết của cấp ủy đảng thuộc Đảng bộ than; Quy định về trách nhiệm cá nhân người đứng đầu tổ chức đảng đối với những sai phạm của tổ chức Đảng và đảng viên thuộc quyền, nhất là liên quan đến quản lý tài nguyên than, đất đai, đầu tư, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ; Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Than với UBKT Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy trong tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên thuộc Đảng bộ Than, nhất là người đứng đầu, coi đây là một khâu đột phá nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ.

Bốn là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, và Nghị quyết số 12 - NQ/TU của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Quảng Ninh ban hành ngày 28/11/2022; kiên quyết khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện nghiêm Quy định về những điều đảng viên

không được làm; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần thẳng thắn nhìn nhận trong quá trình phát triển tỉnh Quảng Ninh và ngành Than vẫn đang đối diện với các khó khăn, thách thức: Ô nhiễm môi trường do khai thác than hàng trăm năm để lại vẫn đang là vấn đề nghiêm trọng và cấp bách. Quá trình vừa phát triển ngành than bền vững, thân thiện môi trường, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu, hài hòa với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn. Thách thức về sự thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn trước mắt; song phải từng bước đào tạo, đào tạo lại và chuyển đổi nghề đối với lao động ngành than khi tăng cường cơ giới hóa và thực hiện lộ trình đẩy nhanh việc khai thác hầm lò thay thế khai thác lộ thiên./.

**PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VỀ VANG CỦA CÔNG NHÂN
VÙNG MỎ, XỨNG ĐÁNG LÀ LỰC LƯỢNG TIỀN PHONG, ĐI ĐẦU
TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, QUẢNG NINH
NGÀY Càng GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI**

Học viên: Tăng Đức Ngỗi

Lớp Trung cấp Lý luận chính trị C289

1. Quảng Ninh - “Cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam.

Từ đầu thế kỷ XIX⁷, đã có người thuê công nhân khai thác than, đó là những người công nhân mỏ đầu tiên. Quá trình khai thác than là quá trình ra đời và phát triển đội ngũ công nhân Quảng Ninh. Có thể nói, Quảng Ninh là nơi có đội ngũ công nhân ra đời sớm nhất, là một trong những “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam.

Thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) sản xuất than có phần giảm sút, sau đó nhu cầu về nhiên liệu được đặt lên hàng đầu, trong đó than là nhiên liệu cho công nghiệp càng trở lên quan trọng. Vì vậy chủ mỏ đẩy mạnh khai thác than nên công nhân ngày càng đông. Đến năm 1922, toàn Đông Dương, số công nhân sản xuất nhiên liệu có 15.840 người thì số thợ mỏ Quảng Ninh đã chiếm 13.450 người; năm 1925 đã tăng lên 23.416 người.

Năm 1929, trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa (1929-1933) toàn Đông Dương có 38.655 thợ mỏ, thì số công nhân khu mỏ là 35.900 người đến năm 1939 công nhân khu mỏ lên tới 42.300 người trong các công ty tư bản chủ mở Pháp⁸

Năm 1918, một người Bỉ dựa vào Pháp, sang mua đất ở Quảng Yên, thành lập sở Kẽm. Nhà máy kẽm hoạt động từ năm 1921. Đây là cơ sở luyện kim duy nhất ở nước ta thời đó. Nhà máy kẽm ở Quảng Yên ra đời xuất hiện một đội ngũ công nhân kim khí, lớp công nhân hiện đại ra đời.

Ngành khai thác mỏ phát triển đã thúc đẩy các ngành: giao thông vận tải, lâm nghiệp phát triển, chủ yếu phục vụ cho khai thác than, làm cho số lượng công nhân ngày càng đông. Cùng với tăng cường khai thác than, thực dân Pháp tiến hành thăm dò, thí điểm khai thác các tài nguyên khác. Năm 1925 chúng tiến hành phân tích đất, xây dựng Nhà máy gạch Giếng Đáy ở Hòn Gai...

⁷ Từ năm 1800, than đá vùng Đông Triều bắt đầu được khai thác, năm 1837, Bộ Công triều Nguyễn vận chuyển 10 vạn cân than Đông Triều về kinh đô.

Sau khi chiếm được vùng Nam kỳ của nước ta, việc đánh chiếm khu mỏ than nằm trong những âm mưu số một của Pháp

Năm 1879, triều Nguyễn cho Bô - đi- e-rơ (Bôdier) trưng khai thác mỏ than Đàm Khê (Đông Triều), và Ly-ri người Phổ (nay thuộc Đức) cùng một người nhà Thanh trưng khai thác mỏ than Mạo Khê. Ở khu vực Hòn Gai-Cầm Phả và Cái Bầu người Trung quốc cũng đã khai thác kinh doanh Than....

Trong năm 1888 triều Nguyễn lại nhượng bán khu vực Đông Triều - Mạo Khê cho tập đoàn tư bản Pháp Mác -Ty (với giá 9 triệu France, thời hạn 99 năm. Tiếp theo là các cuộc nhượng bán mỏ khác vào các năm 1890, 1894, 1912, 1935 cho một số nhà tư bản khác...

⁸ Aunuaire Stetistique de L'Indochine 1913-1922 Tr.121 (Danh mục thống kê Đông Dương)

Công nhân Quảng Ninh hầu hết xuất thân từ nông dân, chủ yếu ở các tỉnh châu thổ sông Hồng. Họ bị bọn địa chủ phong kiến, thực dân áp bức, bóc lột bằng mọi thủ đoạn, cướp hết ruộng đất, tài sản, bị bần cùng chỉ còn hai con đường: Chịu làm tá điền (thực chất là vô sản trong nông nghiệp) hoặc phải “tha hương cầu thực”:

*“Cha trốn ra Hòn Gai cuộc mò,
Anh chạy vào đất đỏ làm phu”*

Trở thành vô sản đối với cuộc sống cùng cực, không tránh khỏi sự bóc lột của bọn thực dân, phong kiến và chủ mỏ.

Đội ngũ công nhân Quảng Ninh có đầy đủ những đặc tính của giai cấp công nhân Việt Nam; đồng thời còn có những đặc tính riêng, đó là: Ra đời sớm, số lượng nhiều, sống tập trung, bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, có tính kỷ luật cao, nhạy cảm về chính trị, sớm chịu ảnh hưởng của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tinh thần quốc tế vô sản, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã nhận định: “Công nhân mỏ là một bộ phận đông và tập trung nhất trong giai cấp công nhân Việt Nam”⁹

Sống trên mảnh đất của Tổ quốc mình (mà triều đình nhà Nguyễn phản động đã nhượng cho chủ mỏ thực dân Pháp), người công nhân như sống trong địa ngục trần gian, phải bán mình cho chủ mỏ, sống cuộc đời nô lệ. Đằng sau khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái”, là sự áp bức bóc lột, chúng đã dùng sức lao động của người Việt Nam cướp đoạt tài nguyên của đất nước Việt Nam...người thợ mỏ hiểu rõ rằng: nỗi khổ đau của họ nằm trong nỗi khổ đau của cả dân tộc bị mất nước, cứu dân tộc mình. Sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân chủ mỏ đã đốt lên ngọn lửa đấu tranh của công nhân, cùng với Nhân dân lao động vùng lên tiêu diệt bọn cướp nước và bè lũ bán nước.

Tiếp thụ truyền thống yêu nước nồng nàn của dân tộc ta, được ảnh hưởng tư tưởng tiên bộ của các nhà yêu nước như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và phong trào cách mạng tiên bộ trên thế giới, phong trào đấu tranh của công nhân mỏ đã được đẩy lên, không ngừng phát triển với nội dung ngày càng phong phú và thiết thực hơn.

Năm 1928, Việt Nam thành niên cách mạng đồng chí hội đã cử nhiều hội viên về nước, vào các xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, nông thôn để hoạt động, tự rèn luyện mình gọi là phong trào “vô sản hóa”. Phong trào vô sản hóa, nghĩa là phong trào những thanh niên trí thức tiểu tư sản yêu nước, tiên bộ đi thâm nhập quần chúng công nông, để tự cải tạo mình thành người tiên phong của giai cấp vô sản, đồng thời hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống bọn tư sản bóc lột”¹⁰

Với những hiểu biết của mình về chủ nghĩa Mác - Lênin, được trang bị

⁹ Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam, đã dẫn tr.26 và tr.17.

¹⁰ Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam thời kỳ trước năm 1930. Đức Thuận - Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 131 tháng 3 và 4 -1970. Tr.20

các chiến sĩ cộng sản, những người con ưu tú của cách mạng¹¹, với nhiều phương pháp, hình thức vận động tuyên truyền, bằng những cảnh bắt công và sự áp bức, bóc lột hằng ngày của bọn thực dân chủ mỏ với công nhân, các hội viên đã làm cho anh em thợ thuyền nhận thức được rằng: Muốn có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc phải đoàn kết đấu tranh, đánh đổ đế quốc phong kiến, giành lại độc lập dân tộc, xóa bỏ áp bức, bóc lột, xây dựng chế độ mới công bằng, không có người bóc lột người...

Tháng 3/1929, Chi bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Mạo Khê được thành lập. Chi bộ quyết định thành lập Công hội đỏ. Đây là tổ chức Công hội đỏ đầu tiên ở khu mỏ Quảng Ninh. Đồng chí Nguyễn Văn Lịch (tức Mẩn) làm bí thư chi bộ thanh niên phụ trách Công hội đỏ.

Ngày 28/7/1929. Đại hội đại biểu Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ lần thứ nhất diễn ra tại số nhà 15 phố Hàng Nón - Hà Nội¹². Đại hội đã thông qua chương trình điều lệ, cử ra Ban Chấp hành, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Đức Cảnh. Đại hội cũng quyết định xuất bản tờ báo “Lao động” và tạp chí “Công hội đỏ” để làm phương tiện truyền bá tư tưởng cách mạng trong công hội và công nhân. Đồng chí Nguyễn Huy Sán (tức Thao), đại biểu thay mặt cho đội ngũ công nhân mỏ Khu vực Đông Triều - Mạo Khê đi dự, và được bầu vào Ban chấp hành lâm thời Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ. Đây không chỉ là niềm vinh dự, mà còn khẳng định vị trí, vai trò của đội ngũ công nhân mỏ trong phong trào công nhân cả nước.

Sự ra đời của Đông Dương cộng sản Đảng và sự lãnh đạo sát sao của Trung ương Đảng, thúc đẩy mạnh mẽ sự ra đời của tổ chức Công hội đỏ và phong trào công nhân khu mỏ phát triển đúng hướng hơn, đánh dấu sự chuyển biến về chất trong phong trào công nhân khi có lý luận cách mạng tiên phong-chủ nghĩa Mác - Lê nin là bó đuốc soi đường. Đội ngũ công nhân từ đấu tranh tự mình (tự phát) lên đấu tranh cho giai cấp mình (tự giác). Nó góp phần làm sáng tỏ: Giai cấp công nhân Việt Nam là bộ phận khăng khít không thể tách rời giai cấp công nhân toàn thế giới. Đồng thời, nó góp phần khẳng định: Đông Dương cộng sản Đảng khai sinh ra Công hội đỏ, “Chính Công hội đỏ đã đứng ra tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân chống lại áp bức, bóc lột; cải thiện đời sống”¹³. Đội ngũ công nhân vùng mỏ ngày càng giữ vị trí, vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử vùng Đông Bắc thân yêu của Tổ Quốc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Ngày 3/2/1930. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt cực kỳ quan trọng trong lịch sử nước ta: Nó chứng tỏ giai cấp công nhân đã đủ sức lãnh đạo cách mạng, sẽ là người đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo dân tộc (*thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản*) đấu tranh giải phóng dân tộc và tự giải phóng mình.

¹¹ Các Đ/c Đặng Châu Tuệ, Vũ Văn Hiếu, Nguyễn Huy Sán, Nguyễn Văn Cừ....

¹² Tới Đại hội có các đại biểu Tổng Công hội các tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Đông Triều - Mạo Khê-các Tổng Công hội Hòn Gai, Cẩm Phả..

¹³ Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam - đã dẫn.

2. Xây dựng đội ngũ công nhân lớn mạnh, xứng đáng là lực lượng tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại

Quảng Ninh là một trong những "cái nôi" hình thành và phát triển của giai cấp công nhân cũng như tổ chức Công đoàn Việt Nam, mà đỉnh cao là cuộc tổng bãi công và nổi dậy "long trời, lở đất" của hơn 3 vạn thợ mỏ tháng 11/1936 đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn tỉnh đã luôn làm tốt sứ mệnh lịch sử của mình; không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, cơ cấu, thành phần, lĩnh vực, tính chất hoạt động; luôn giữ vững vai trò là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong công cuộc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn xác định: Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Sau 37 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng lãnh đạo, giai cấp công nhân Việt Nam nói chung, đội ngũ công nhân Quảng Ninh nói riêng đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tăng nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng và có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu; luôn là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đến nay, toàn tỉnh đã có trên 450.000 công nhân, viên chức lao động (CNVCLĐ); 2.260 công đoàn cơ sở, với trên 285.000 đoàn viên công đoàn; đây là lực lượng rất hùng hậu, nguồn lực mang tính chiến lược, có ý nghĩa quyết định, là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu chủ yếu ở các ngành: khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, điện, du lịch và dịch vụ. Đa số công nhân lao động là lực lượng nòng cốt hàng năm đóng góp trực tiếp trên 70% giá trị tổng sản phẩm xã hội của tỉnh, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm vừa qua.

Trong những năm vừa qua, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động, với sự quan tâm sâu sắc của Trung ương, Đảng - Quốc hội - Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương phát huy truyền thống "Kỷ luật - Đồng tâm", Quảng Ninh đã luôn nêu cao tinh thần chủ động, tích cực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, bám sát các định hướng của Trung ương để mạnh dạn đề xuất, xây dựng và triển khai các mô hình mới, cách làm mới; phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; không ngừng nâng cao đời sống và tinh thần của người dân, trong đó có CNVCLĐ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh¹⁴.

¹⁴ Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2018 đạt 10,5%. Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP) năm 2018 đạt 5.110 USD gấp 1,3 lần so với 2015, gấp gần 2 lần bình quân chung cả nước

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đội ngũ công nhân Quảng Ninh hiện đang còn bộc lộ một số hạn chế, đó là: Một bộ phận công nhân chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, thiếu tác phong công nghiệp; còn vi phạm các nội quy lao động, quy trình quy phạm kỹ thuật, nội quy, quy chế của cơ quan, doanh nghiệp; 2/3 số công nhân trong các khu công nghiệp là lao động nhập cư, chưa được đào tạo cơ bản, nhiều doanh nghiệp thiếu trăm trọng lao động có tay nghề bậc cao... Trong khi ở một số ngành nghề, lợi ích của công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính họ; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần có nhiều khó khăn, đặc biệt là ở bộ phận lao động giản đơn tại các doanh nghiệp của tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, một số vấn đề bức xúc, cấp bách của công nhân lao động như nhà ở, nơi sinh hoạt văn hoá, nhà trẻ... tại các khu công nghiệp chậm được giải quyết; tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, vi phạm chính sách pháp luật về lao động ở nhiều doanh nghiệp chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả; công tác phát triển đảng trong công nhân ở một số nơi chưa được quan tâm, tỉ lệ đảng viên là công nhân trực tiếp, tỷ lệ cán bộ lãnh đạo xuất thân từ công nhân còn thấp...

Nghị quyết 20-NQ/TW, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã nêu rõ: *“Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội”*. Mặc dù nhận thức rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ này, trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tỉnh đã kịp thời xây dựng Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, đề án phát triển nguồn nhân lực, hằng năm, dành nguồn lực cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực... cũng như tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp xây dựng đội ngũ công nhân đem lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên việc triển khai Nghị quyết trong thực tiễn còn chậm, do còn thiếu cơ chế để thực hiện. Sự phối kết hợp của cả hệ thống chính trị với việc chăm lo, nâng cao đời sống công nhân chưa đạt hiệu quả. Hệ thống chính sách xây dựng giai cấp công nhân chưa đồng bộ, có những chủ trương, chính sách không còn phù hợp, chậm được sửa đổi, bổ sung....

Trong thời gian tới, với xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh những thời cơ và vận hội mới, cũng đặt ra không ít khó khăn thách thức.... Để xây dựng đội ngũ công nhân lớn mạnh, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Các cơ quan nhà nước cần phối hợp đề: Đổi mới và hoàn thiện chính sách việc làm, tiền lương, nhà ở, nhà trẻ, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân lao động, đổi mới nhận thức và thống nhất hành động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.... các biện pháp cụ thể là:

1. Chỉ đạo triển khai các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nâng cao bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật cho công nhân; tạo điều kiện để đội ngũ công nhân thực hiện tốt vai trò, sứ mệnh của mình. Nghiên cứu xây dựng chương trình giáo dục lý luận chính trị dành riêng cho công nhân ưu tú và chính sách sử dụng những công nhân trẻ, có năng lực chính trị, đạo đức tốt. Đồng thời, có giải pháp nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên về giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn trong tình hình hiện nay; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của tổ chức công đoàn theo hướng sát, đúng và có hiệu quả.

2. Đề nghị các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 20/NQ - TW; Kết luận số 79-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện kết luận 79-KL/TW; các cấp chính quyền có kế hoạch cụ thể triển khai có hiệu quả Kết luận 79-KL/TW trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt quan tâm tới công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động; triển khai Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân lao động theo Quyết định 1780/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ; lãnh đạo thực hiện tốt chính sách đào tạo, đào tạo lại công nhân, nhằm làm cho đội ngũ công nhân của tỉnh lớn mạnh cả về tổ chức và trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề...

3. Các cấp chính quyền, đoàn thể tích cực phát động và triển khai sâu rộng các phong trào thi đua là động lực thúc đẩy sự đóng góp công sức, trí tuệ của đội ngũ công nhân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng tiêu chí, phát động phong trào thi đua với mục tiêu “Năng suất, chất lượng và hiệu quả” gắn với học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tiếp tục triển khai phong trào thi đua cụ thể theo ngành, lĩnh vực như: Xây dựng người cán bộ công chức trung thành, tận tụy sáng tạo, gương mẫu, tham gia cải cách hành chính; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật; ..vv. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, khắc phục bệnh thành tích và hình thức trong thi đua; chú trọng xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; chú trọng tôn vinh, khen thưởng công nhân trực tiếp sản xuất...

4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, các chính sách bảo hiểm cho công nhân, chăm lo cải thiện điều kiện lao động, phòng, chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Quan tâm triển khai các giải pháp chăm lo về nhà ở, các chế độ phúc lợi cho người lao động.

5. Tỉnh cần chỉ đạo nghiên cứu thực tiễn về đội ngũ công nhân lao động và hoạt động công đoàn trên địa bàn tỉnh để tham gia với Trung ương tiếp tục phát triển lý luận trên cơ sở phù hợp với thực tiễn và đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập quốc tế; đảm bảo giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đặc biệt quan tâm phát triển tổ chức đảng trong các loại hình doanh nghiệp; Nâng tỷ lệ đảng viên là công nhân, thành phần công nhân trong cán bộ của Đảng và chính quyền các cấp. Các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng

cần lắng nghe và giải quyết kịp thời ý kiến của CNVCLĐ và của tổ chức công đoàn; quan tâm lãnh đạo, tạo điều kiện cho công đoàn hoạt động, làm cho công đoàn thực sự là cầu nối giữa Đảng và CNVCLĐ. Hàng năm, tỉnh quan tâm mở các lớp bồi dưỡng lý luận, cập nhật các chủ trương, chính sách mới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chuyên môn, công đoàn các doanh nghiệp thuộc các loại hình.

6. Đề nghị các cấp ủy triển khai việc khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng đảng viên và vai trò của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời chỉ đạo các địa phương quan tâm triển khai Nghị định 98 của Chính phủ về phát triển tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong các loại hình doanh nghiệp./.

**PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ,
ĐẢNG VIÊN, NHẪM THỰC HIỆN KHÁT VỌNG XÂY DỰNG
QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP,
VĂN MINH, HIỆN ĐẠI**

Ths. Phan Thị Hải Yến

Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

**I. TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT
HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải nêu gương

- Theo Người, sở dĩ cần phải “nêu gương” là do đặc thù của nền văn hóa, đạo đức phương Đông luôn coi trọng tình cảm, luôn lấy cái tốt đẹp của người khác để làm tấm gương soi mình. Người viết: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹⁵.

- Người luôn nhắc nhở mỗi cán bộ phải nêu cao tinh thần gương mẫu. Trong tác phẩm “Đường Kách mệnh” (1927), Người đặt lên hàng đầu tư cách một người kách mệnh với 23 điểm. Theo Bác, người cách mạng tư cách phải chuẩn mực; thật sự là tấm gương trong các mối quan hệ: đối với mình, đối với người, đối với công việc: *Đối với mình* phải không tự cao tự đại, tự mãn, kiêu ngạo mà luôn học tập cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân, phải tự phê bình mình như rửa mặt hằng ngày. *Đối với người*, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, thật thà, không dối trá, lừa lọc, khoan dung, độ lượng. *Đối với việc*, dù trong hoàn cảnh nào phải giữ nguyên tắc “dĩ công vi thượng” (để việc công lên trên, lên trước việc tư).

- Người đặc biệt nhấn mạnh sự nêu gương của cán bộ, đảng viên. Để trở thành người cách mạng chân chính, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nêu cao đức tính tốt đẹp: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm; phải tránh xa những thói xấu như lười biếng, gian xảo, tham lam...

- Người nêu rõ bốn phận của mọi cán bộ, đảng viên là: cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc. Người cho rằng, muốn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi người phải nỗ lực hết mình, nhất là cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải là những “đầu tàu gương mẫu”.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh những cán bộ chủ chốt, cấp cao cần phải tiên phong trong việc nêu gương. Trong “Bài nói chuyện tại phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ” (1963), Người nhắc nhở: “Một điều rất quan trọng nữa là các đồng chí bộ trưởng, thứ trưởng và cán bộ lãnh đạo phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, phải nêu gương sáng về đạo đức cách mạng: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải giữ gìn tác phong gian khổ phấn đấu, phải không ngừng nâng cao chí khí cách mạng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa

¹⁵Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQGST, HN, 2011, tập 1, tr.284

xã hội ở miền Bắc. Có như thế mới xứng đáng với đồng bào miền Nam đang chiến đấu vô cùng anh dũng chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng để giải phóng miền Nam và hòa bình thống nhất nước nhà. Nhân dân ta rất tốt. Nếu chúng ta làm gương mẫu và biết lãnh đạo thì bất cứ công việc gì khó khăn đến đâu cũng nhất định làm được”¹⁶.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách thức, phương pháp nêu gương

(1) Theo Người, nêu gương là phương pháp dùng sự việc tốt, con người điển hình tiên tiến để tác động mạnh mẽ đến người khác, khiến họ khâm phục, tán thành và noi theo.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc”, Người chỉ ra cách thức nêu gương của cán bộ, đảng viên: “Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải hiểu rõ, phải thực hành như thế. Vì hiểu rõ và thực hành như thế, cho nên trong Đảng ta đã có những liệt sĩ oanh liệt hy sinh cho Đảng, cho dân tộc, cho Tổ quốc, mà tiếng thơm để muôn đời. Các liệt sĩ đó đã nêu gương anh dũng cho tất cả đảng viên và cán bộ ta”¹⁷. Vì lẽ đó, Người kiên quyết phê phán những cán bộ không tốt, làm gương xấu cho nhân dân, bôi nhọ danh dự của Đảng. Người yêu cầu: “Đảng viên và đoàn viên nào còn lười biếng lao động, trốn tránh nghĩa vụ, thiếu đạo đức cách mạng, nêu gương xấu trong nhân dân, thì phải quyết tâm sửa đổi để trở thành đảng viên và đoàn viên tốt. Nếu không thì sẽ bị loại ra ngoài phong trào cách mạng”¹⁸.

(2) Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng phương pháp nêu gương đạo đức.

Người nhấn mạnh: Lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày để giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới và cuộc sống mới.

- Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để nêu gương thì trước hết bản thân phải làm gương trong mọi công việc từ nhỏ đến lớn, thể hiện thường xuyên; về mọi mặt, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, nói phải đi đôi với làm.

- Cách thức nêu gương theo Người là: “Cán bộ, đảng viên phải làm gương mẫu cho nhân dân. Cán bộ cấp trên phải làm gương mẫu cho cán bộ cấp dưới”¹⁹.

II. THỰC TRẠNG PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

1. Thực trạng phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, về ưu điểm

¹⁶Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 14, tr.223

¹⁷Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 5, tr.291

¹⁸Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 14, tr.283

¹⁹Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 10, tr.494

Đối với toàn Đảng, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực, nhất là vai trò tiên phong, gương mẫu của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”²⁰. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã chỉ rõ việc nêu gương của cán bộ, đảng viên có những chuyển biến tích cực là do việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã từng bước đi vào nền nếp, thúc đẩy việc tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, nhất là vai trò tiên phong, gương mẫu của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Điều đó đã góp phần kiềm chế, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đối với Quảng Ninh, Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh chỉ rõ: Triển khai nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và khóa XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; chú trọng khâu phòng ngừa; triển khai, thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là lãnh đạo cấp ủy, người đứng đầu; nâng cao ý thức trách nhiệm tự phê bình và phê bình, chấn chỉnh tác phong, tinh thần thái độ, phục vụ nhân dân; quan tâm xây dựng, phát hiện, biểu dương điển hình, tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền được nâng lên rõ rệt.

Thứ hai, về hạn chế, khuyết điểm

Đại hội XIII chỉ rõ: Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một số bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, một số suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng.

- Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của đảng viên chưa trở thành nền tảng, hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ đảng viên vi phạm đến mức phải kỷ luật, xử lý hình sự, trong đó có cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Trong nhiệm kỳ qua, “cấp ủy, ủy ban các cấp đã thi

²⁰Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NxbCTQGST, HN, 2021, tập 2, tr.174-175.

hành kỷ luật 2.209 cán bộ, đảng viên có liên quan đến tham nhũng; trong đó có 113 cán bộ diện Trung ương quản lý cả đương chức và đã nghỉ hưu”²¹.

- Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 18/5/2021 cũng chỉ rõ: Việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo Bác, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu chưa thường xuyên; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định của Đảng, vi phạm pháp luật.

2. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên

Đại hội XIII của Đảng xác định: Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị; Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương (Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương). Theo đó, cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng.

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới đã xác định 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp; trong đó có nhóm nhiệm vụ, giải pháp: (1) Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; (2) Hoàn thiện quy định và đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần lan tỏa trong xã hội những hành động tốt, tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên; (3) Các cấp ủy, tổ chức đảng chú trọng nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; nêu cao tinh thần tự giác, tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luật, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức. Đồng thời, nêu cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc vận động gia đình, người thân xây dựng lối sống gương mẫu; (4) Mọi đảng viên phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phục tùng tuyệt đối sự phân công của Đảng; giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân; học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, phẩm chất, lối sống; giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng; (5) Kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân đảng viên tiêu biểu, gương mẫu. Phát

²¹Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, tập 2, tr.208-209.

hiện, chấn chỉnh hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sai phạm.

III. ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, NHẪM THỰC HIỆN KHÁT VỌNG XÂY DỰNG QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI

1. Thực trạng phát triển Quảng Ninh

Về thành tựu: Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh chỉ rõ: thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhất là tiếp tục kế thừa, phát triển tư duy, tầm nhìn, lộ trình, phương thức phát triển của nhiệm kỳ thứ XIII, suốt 5 năm của nhiệm kỳ XIV, tỉnh Quảng Ninh không ngừng phát huy tiềm năng, thế mạnh để phát triển nhanh, bền vững, nội lực của tỉnh được củng cố, tăng cường, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc: (1) *Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng* được đẩy mạnh toàn diện, liên tục, đồng bộ, quyết liệt gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều đổi mới; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và năng lực điều hành, quản lý của chính quyền được nâng lên; nhiều mô hình mới, cách làm đột phá, sáng tạo đạt hiệu quả rõ nét được thực tiễn chứng minh...(2) *Kinh tế* liên tục tăng trưởng cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 10,7%, cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIV đề ra trong điều kiện bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, cao hơn so với bình quân chung cả nước. Năm 2022 đạt 10,28% là năm thứ 7 liên tiếp 2016-2022 tăng trưởng 2 con số. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện đáng kể; quy mô, tiềm lực của nền kinh tế tăng lên rõ rệt; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững; dịch vụ, du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Thực hiện ba đột phá chiến lược có trọng tâm, trọng điểm, đạt nhiều kết quả quan trọng; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, du lịch, dịch vụ được đầu tư đồng bộ, hiện đại và có bước đột phá...(3) Gắn kết chặt chẽ giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi, tiến bộ và công bằng xã hội; diện mạo thành thị và nông thôn thay đổi rõ rệt; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao, nhất là tại các khu vực đặc biệt khó khăn, nông thôn, miền núi, biên giới, biển đảo. GRDP bình quân đầu người ước đạt trên 6.700 USD, (năm 2022: 8.200 USD) gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước; tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều chỉ còn 0,36% (năm 2022: không còn tỷ lệ hộ nghèo). Công tác quản lý nhà nước được tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực, nhất là quản lý đất đai, quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, quản lý di sản, danh thắng. (4) Xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được bảo đảm, chủ quyền biên giới, biển, đảo quốc gia được giữ vững, không để xảy ra các tình huống bị động, bất

ngờ; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng và đi vào chiều sâu. Ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, thiên tai. Vị thế và uy tín của Quảng Ninh được nâng cao. (5) Một số thành tựu nổi bật như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giữ vị trí quán quân 6 năm liên tiếp (2016-2022); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng thứ nhất toàn quốc 3 năm liên tiếp (2019-2021); Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2021 đứng thứ 2 cả nước; Có 176 km đường cao tốc, chiếm 16,83% tổng chiều dài cao tốc toàn quốc (176/1.046 km)...

Về hạn chế, yếu kém

Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh chỉ rõ: (1) Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước còn hạn chế. (2) Cơ cấu kinh tế, nhất là việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng bền vững còn chậm so với yêu cầu. Tốc độ tăng trưởng của khu vực du lịch, dịch vụ không đạt mục tiêu đề ra. (3) Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp, nông thôn phát triển chưa đồng đều. Kết nối kinh tế nông thôn - đô thị, công nghiệp - dịch vụ còn hạn chế. (4) Công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản còn nhiều thách thức. Hiệu quả thu gom, xử lý rác thải và nước thải sinh hoạt tại các đô thị chưa đạt yêu cầu. (5) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, nhất là quản lý tài nguyên, khoáng sản, đầu tư công, đất đai có mặt còn hạn chế. Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực còn rườm rà, vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp. (6) Công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh vẫn còn nhiều thách thức. An ninh trên một số địa bàn, lĩnh vực chưa thực sự vững chắc.

2. Khát vọng, quan điểm, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm phát triển Quảng Ninh

2.1. Về mục tiêu, tầm nhìn

- *Về mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2020-2025*: tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

- *Về tầm nhìn định hướng phát triển đến năm 2030 và năm 2045*: Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng

trường xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người trên 15.000 USD; khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế; *Đến năm 2045*, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế; một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là du lịch, dịch vụ, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

2.2. Về quan điểm, định hướng phát triển giai đoạn 2020-2025

Đại hội XV Đảng bộ tỉnh xác định:

Một là, đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, tầm nhìn; bảo đảm sự nhất quán, ổn định, kế thừa, đổi mới và phát triển. Phát triển dựa vào nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài và nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; lấy phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; lấy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh làm định hướng...

Hai là, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ba là, kiên trì thực hiện tổ chức không gian phát triển “1 tâm, 2 tuyến, đa chiều và 2 mũi đột phá” nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. (4) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với chế độ và với Đảng.

2.3. Về 5 nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020-2025

Đại hội XV Đảng bộ tỉnh xác định: (1) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. (2) Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược: đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, tổng thể, trọng tâm ưu tiên là phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, công nghệ thông tin, viễn thông, cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế... (3) Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”; giải quyết đồng bộ và có hiệu quả các mâu thuẫn, thách thức nhằm đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa -

hiện đại hóa - đô thị hóa; kết hợp chặt chẽ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp theo hướng: phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường. Tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, công nghệ thông minh; phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng sản, trọng điểm là ngành than, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng theo quy hoạch. Phát triển kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao...(4) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; giữa đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, xây dựng nông thôn mới, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền; bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của Nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. (5) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

2.4. Nhiệm vụ, giải pháp

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về vấn đề “nêu gương”.

Thứ hai, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhất là người đứng đầu, lãnh đạo, quản lý: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống; không được sa vào chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thành tích, bệnh quan liêu; phải thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng; Cấp ủy viên các cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu phải gương mẫu, nêu cao trách nhiệm trong công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, trong đó có công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo và dám đương đầu với khó khăn thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

Thứ ba, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân và sự phát triển của địa phương: Chủ động chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận và nhân sự cho nhiệm kỳ 2025-2030 bảo đảm có sự kế thừa, ổn định, đổi mới, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý; Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các khâu trong công tác cán bộ; Phát huy dân chủ gắn với tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ; Kiểm soát chặt chẽ quyền lực, bảo vệ chính trị nội bộ. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí gắn với sản phẩm cụ thể; Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí gắn với xây

dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”;

Thứ tư, đẩy mạnh thực hiện Phong trào thi đua “Học và làm theo Bác”; tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến: Các cấp ủy đảng chỉ đạo triển khai Phong trào thi đua “Học và làm theo Bác” năm 2023 gắn với các phong trào thi đua đặc biệt hướng tới kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30/10/1963 - 30/10/2023) và các phong trào thi đua, cuộc vận động khác.

Thứ năm, nâng cao chất lượng, tăng cường nghiên cứu, giảng dạy, giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Thứ sáu, tăng cường kiểm tra, giám sát; tiến hành sơ kết, tổng kết việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: tăng cường chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 16-CT/TU của Tỉnh ủy gắn với thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và Quy định số 109-QĐ/TW ngày 03/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên.

2.5. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần thực hiện khát vọng xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại

Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua hướng tới chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh và 60 năm ngày truyền thống Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ; phong trào thi đua phấn đấu xây dựng trường chính trị chuẩn và Cuộc vận động “*Xây dựng phong cách người cán bộ trường Đảng trung thành, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu lý luận chính trị*”; Quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 5029-QĐ/HVCTQG ngày 26/10/2017 và Cuộc vận động xây dựng người cán bộ trường đảng “*trung thành - sáng tạo - cống hiến*”.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Từng bước triển khai thực hiện lộ trình tự chủ tài chính theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ “về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên” và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Nâng cao hiệu quả công tác phục vụ của Nhà trường, phát huy tối đa cơ sở vật chất tại 2 cơ sở đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của học viên và nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân

lực của tỉnh.

Thực hiện nghiêm các quy định đảm bảo an ninh, bí mật nhà nước; phối hợp làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn. Đăng ký cơ quan đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2023. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt chuẩn “**An toàn về an ninh, trật tự**”. Kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Thông tư 124/2021/TT-BCA.

Tổ chức các hoạt động, chăm lo nâng cao đời sống tinh thần, vật chất, sức khỏe cho cán bộ, viên chức và người lao động, phấn đấu ít nhất đảm bảo ổn định mức thu nhập cho người lao động.

Cán bộ, đảng viên nhà không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập và làm theo Bác, ra sức thi đua lập thành tích trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn nhân lực của tỉnh, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần thực hiện khát vọng xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại theo tinh thần Nghị quyết XV của Đảng bộ tỉnh đề ra./.

GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NINH TRONG THỜI KỲ MỚI

Ths. Đàm Thị Thu

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, Đảng ta đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, văn hóa là sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển bền vững đất nước. Bản sắc văn hóa và giá trị con người chính là lợi thế, là nguồn lực trong quá trình phát triển.

Tỉnh Quảng Ninh là một vùng đất được ví như hình ảnh của đất nước Việt Nam thu nhỏ, là nơi hội tụ, giao thoa, kết tinh các giá trị tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng, giàu bản sắc với sức mạnh đặc trưng của con người Quảng Ninh hội tụ bốn phương. Bản sắc văn hóa và giá trị con người Quảng Ninh chính là tài sản vô giá, là động lực quan trọng để phát triển Quảng Ninh ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Với lợi thế là địa phương có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có đủ địa hình đồng bằng, trung du, đồi núi, biển, biên giới và hải đảo, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh có vai trò quan trọng, mang ý nghĩa chiến lược lâu dài để góp phần phát triển nhanh và bền vững, đưa Quảng Ninh trở thành “nơi cần đến và nơi đáng sống” trong bối cảnh hiện nay. Những giá trị truyền thống văn hóa - con người Quảng Ninh cần được phát huy trở thành động lực phát triển tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay gồm:

1. Phát huy truyền thống lịch sử văn hóa của tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh được biết đến là tỉnh có một kho tài nguyên văn hóa khổng lồ gồm: 541 di sản văn hóa vật thể như đình, chùa, đền miếu, danh lam thắng cảnh và hơn 2.800 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian. Các di sản văn hóa của Quảng Ninh phản ánh sự kế tiếp lịch sử từ khi con người xuất hiện ở vùng đất Quảng Ninh, đồng thời, các di sản văn hóa cũng được phân bổ rộng khắp trên địa bàn tỉnh, từ khu vực miền núi, biên giới tới hải đảo từ Đông Triều đến Trà Cổ với những giá trị khác nhau, bản sắc khác nhau.

Điều kiện địa lý - sinh thái nhân văn đa dạng và phong phú đã tạo cho Quảng Ninh những thắng cảnh nổi tiếng: Di sản thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long, quần đảo Cô Tô, bãi tắm Trà Cổ, vườn quốc gia Bái Tử Long, rừng nguyên sinh Yên Tử, khu Bảo tồn Đông Sơn - Kỳ Thương... Quảng Ninh là một trong những cái nôi của người Việt cổ, với ba nền văn hóa kế tiếp nhau từ nền văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Cái Bèo, văn hóa Hạ Long, Quảng Ninh đã phát hiện hàng ngàn hiện vật cổ chứng minh sự tồn tại của một nền văn hóa độc đáo ở vào vị thế cửa ngõ của nền văn minh Việt cổ. Bên cạnh đó, các di tích khảo cổ, Quảng Ninh còn lưu giữ hàng loạt các di tích - lịch sử văn hóa quan trọng như Di tích thương cảng Vân Đồn; khu di tích lịch sử Bạch Đằng, các cụm di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, di tích thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ...

Về di sản văn hóa phi vật thể, Quảng Ninh là vùng đất rất giàu có về di sản văn hóa phi vật thể với 64 lễ hội truyền thống mang đặc trưng văn hóa vùng, miền (như Hội làng của đồng bào dân tộc Dao ở xã Bằng Cả, Lễ hội Sóng Cọ; Lễ hội đình Lục Nà của đồng bào Tày ở xã Lục Hồn, Bình Liêu, Lễ hội đình Trà Cỏ, Móng Cái, Lễ hội Tiên Công, Lễ hội Bạch Đằng, Hội chùa Quỳnh Lâm, Hội đền An Sinh, Đông Triều, Lễ hội đền Cửa Ông và Lễ hội Yên Tử); hàng loạt các di sản bao gồm ngữ văn dân gian (gồm có: sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đối, truyện cổ tích, truyện trạng); nghệ thuật trình diễn dân gian (gồm âm nhạc, vũ điệu, sân khấu); tập quán xã hội (bao gồm hương ước, luật tục, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); tri thức dân gian (bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động, y dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục,...); nghề thủ công truyền thống.

Nguồn tài nguyên văn hóa của Quảng Ninh thể hiện ở truyền thống lịch sử và truyền thống cách mạng, phản ánh qua các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể giàu có, phong phú, đa dạng cùng với tinh thần yêu nước, đoàn kết của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh là nguồn lực vô giá để phát huy bản sắc văn hóa trong xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

2. Phát huy yếu tố con người tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là vùng đất sinh sống của nhiều dân tộc anh em, vừa có nguồn gốc bản địa, vừa có nguồn gốc từ các tỉnh, đồng nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tập trung chủ yếu tại các đô thị, các khu công nghiệp và đồng bằng ven sông, ven biển. Người Kinh chiếm 89,23% tổng dân số; người Dao (4,45%) có hai nhánh chính là Thanh Y, Thanh Phán thường cư trú ở vùng núi cao; người Hoa (0,43%), người Sán Dìu (1,8%), Sán Chỉ (1,1%)... Các dân tộc thiểu số ở đây vẫn giữ được bản sắc văn hóa riêng biệt trong ngôn ngữ, y phục, lễ hội, phong tục.

Nói đến văn hóa con người Quảng Ninh là nói đến sự kết hợp đa dạng văn hóa các vùng, miền: văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, văn hóa các vùng đồng bằng Bắc bộ, đồng bằng Bắc Trung Bộ; trong đó, văn hóa biển, đảo của những làng chài định cư trên Vịnh Hạ Long và các vùng biển, đảo khác ở vùng đồng bằng ven biển được thể hiện đậm nét. Văn hóa Hạ Long, văn hóa biển về bản chất là sự tồn tại, phát triển rất năng động trong các mối quan hệ giao lưu, hội nhập về văn hóa. Sống gần biển, mưu sinh nhờ biển, con người Quảng Ninh hòa hợp với thiên nhiên, phóng khoáng, mong ước cuộc sống bình yên, khao khát tình yêu, hạnh phúc, thương yêu, trọng tình nghĩa. Mặt khác, sau lưng là biên cương, núi cao hiểm trở, trước mặt là biển rộng, thường bị thiên nhiên đe dọa, cũng hình thành và tôi luyện nên sự can cù, chịu thương, chịu khó, kiên cường, mưu trí của người Quảng Ninh. Đây chính là những cơ sở, nguồn gốc hình thành nên con người nơi đây với những giá trị đặc trưng “ăn sóng, nói gió” - hào sảng, lành mạnh, thân thiện, nhưng cũng rất năng động và sáng tạo.

Ngoài ra, văn hóa Quảng Ninh còn có đặc trưng mang bản sắc riêng của “văn hóa công nhân mỏ” được hình thành và phát triển gần 150 năm nay, gắn

liền với quá trình đấu tranh anh dũng, kiên cường của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược và những thành tựu trong xây dựng đất nước, góp phần làm nên những đặc trưng của văn hóa Quảng Ninh hiện nay.

Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất của văn hóa biển với văn hóa công nhân mỏ, của nền văn minh sông Hồng với văn hóa vùng Đông Bắc, đã tạo nên giá trị cốt lõi của tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” của người Quảng Ninh. Sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng, miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp, cùng với sự giao thoa văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế, đã tạo nên cốt cách con người Quảng Ninh năng động, sáng tạo, hào sảng, văn minh và thân thiện.

Với quan điểm văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng phục vụ cho sự phát triển, ngày 9-3-2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó, đặt mục tiêu là giữ gìn và phát huy bền vững bản sắc văn hóa; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động - sáng tạo - hào sảng - lành mạnh - văn minh - thân thiện”. Ngày 26/9/2023, tại Quảng Ninh tổ chức Hội thảo khoa học “Quảng Ninh nhận diện và phát huy các giá trị văn hóa, con người, tạo nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững”. Hội thảo bàn những vấn đề hết sức quan trọng nhằm tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh trong xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh tiêu biểu về mọi mặt với đặc trưng của địa phương. Đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, khẳng định: các giá trị “Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc” là hệ giá trị hợp trội được định hình dựa trên cơ sở địa phương hóa các giá trị tốt đẹp của quốc gia - dân tộc và nhân loại, tổng hợp hóa và nâng tầm các giá trị riêng lẻ của văn hóa, con người Quảng Ninh, làm thành bản sắc, cốt cách riêng có, trở thành tầm nhìn phát triển địa phương.

Để phát huy truyền thống văn hóa, con người trở thành động lực phát triển của tỉnh trong giai đoạn đổi mới hiện nay, theo tôi cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp như sau:

Một là, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa mang bản sắc của Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Giữ gìn và phát huy đặc trưng tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; các giá trị đặc sắc về văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân Vùng mỏ; khắc sâu, nhân rộng những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo gắn với trải nghiệm văn hóa tại các lễ hội truyền thống, các bản làng văn hóa dân tộc thiểu số.

Hai là, tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa lớn gắn với mô hình quản lý tự chủ và xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ nhân

dân, phục vụ du khách.

Ba là, đầu tư phát triển một số sản phẩm văn hóa, du lịch truyền thống và hiện đại có tiềm năng. Chú trọng chất lượng, có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư phát triển du lịch theo hướng bền vững; thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào Quảng Ninh nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng cao.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật Quảng Ninh theo hướng khuyến khích, phát triển, thu hút tài năng. Tổ chức nhiều hoạt động nhằm phát hiện, bồi dưỡng tài năng về văn hóa, nghệ thuật.

Năm là, xây dựng chuẩn mực ứng xử của người Quảng Ninh gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, hướng tới xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện.

Trong thời gian tiếp theo, Quảng Ninh cần tiếp tục phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, con người thành nguồn sức mạnh nội sinh, nguồn lực vô hạn cho sự phát triển, cùng hướng đích xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh là tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc

Đối với Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, việc phát huy giá trị truyền thống văn hóa, con người được thực hiện thông qua tổ chức tốt các phong trào thi đua xây dựng văn hóa công sở, xây dựng văn hóa trường Đảng; mỗi cán bộ, đảng viên phải trở thành tấm gương tiêu biểu, mẫu mực về ứng xử văn hóa, tạo sự lan tỏa tới tới cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập tại Trường. Trong giai đoạn hiện nay sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Tỉnh đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao cả về số lượng, chất lượng, đa dạng về nội dung, hình thức đào tạo, đòi hỏi Nhà trường phải không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy để sát với yêu cầu thực tiễn của người học; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, năng lực ngang tầm nhiệm vụ; từng cán bộ, giảng viên Nhà trường phải nỗ lực hơn trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt trong xây dựng phong cách cán bộ trường Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn mới. Nhà trường tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, nêu gương, sáng tạo hướng tới chuẩn hóa nội dung, chương trình, đội ngũ, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh trong thời kỳ mới./.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở QUẢNG NINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI.

Ths. Đàm Thị Thu

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Phát triển nguồn nhân lực luôn là vấn đề quan trọng bậc nhất đối với mọi quốc gia, vì nguồn lực con người luôn là nhân tố quyết định sức mạnh, vị thế của đất nước, bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đời sống kinh tế - xã hội. Quá trình toàn cầu hóa, sự tăng trưởng kinh tế ngày càng dựa nhiều vào tri thức và công nghệ tạo ra nhiều cơ hội phát triển nguồn nhân lực, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới về phát triển nguồn lực con người. Tại Việt Nam, tiến trình đổi mới đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là tiến trình đổi mới nhận thức cũng như phương thức xây dựng, phát triển nguồn nhân lực. Thực tế, đến nay, bên cạnh những thành tựu về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng, bất cập về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp quốc tế, thái độ và đạo đức nghề nghiệp... Những hạn chế và bất cập đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến thu hút đầu tư, tới sự phát triển, ổn định kinh tế - xã hội đất nước. Do đó, vấn đề phát triển nguồn nhân lực trên phạm vi cả nước nói chung, ở địa phương nói riêng để là cần thiết, mang tính thời sự.

Tỉnh Quảng Ninh là một tỉnh nằm trong tam giác kinh tế tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã mang diện mạo của một khu vực kinh tế mở, năng động, đạt tốc độ tăng trưởng cao, quy mô không ngừng được nâng lên. Để đạt được những kết quả đó, ngoài lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên phong phú, trong những năm đổi mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực và đã thu được nhiều kết quả. Đảng bộ và nhân dân địa phương đã chọn đúng và giải quyết phù hợp vấn đề phát triển nguồn nhân lực, coi đây là hướng đột phá để phát triển kinh tế - xã hội - một nhiệm vụ vừa cấp bách, thường xuyên vừa có tính chiến lược lâu dài. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực của địa phương trên cả phương diện chủ trương và tổ chức thực hiện còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém.

1. Thực trạng nguồn nhân lực Quảng Ninh hiện nay

Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020 chủ trương: phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng, là nền tảng vững chắc để tạo đà cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới. Nghị quyết nhấn mạnh: nguồn nhân lực dựa trên hai nguồn là nhân lực tại chỗ và nhân lực thu hút, do đó phải làm rõ vai trò, cấu trúc lại và có cơ chế chính sách đào tạo, thu hút nhân lực, phân đầu là địa

phương có nguồn nhân lực chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế. Quán triệt chủ trương của Đảng bộ, với tầm nhìn chiến lược, tỉnh Quảng Ninh đã nỗ lực xây dựng quy hoạch nhằm phát triển nguồn nhân lực cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng. Theo đó, trong giai đoạn 2014 - 2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo, trình HĐND tỉnh ban hành 9 nghị quyết liên quan. Triển khai hiệu quả Đề án 239 về “Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2020”; các chính sách thu hút lao động và phát triển nguồn nhân lực phục vụ các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh; đề án dạy nghề cho lao động nông thôn...

Đồng thời, phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong 5 năm (2015 - 2020) tỉnh Quảng Ninh đã dành 259 tỷ đồng cho việc triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2020, mở 800 lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài với 145 nghìn lượt người tham gia. Trong đó, số lượng cán bộ công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài là hơn một nghìn lượt. Đội ngũ cán bộ của tỉnh Quảng Ninh qua đào tạo, bồi dưỡng đã khẳng định, phát huy được trình độ, năng lực của mình, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ mà tỉnh đề ra; góp phần đưa Quảng Ninh trở thành địa bàn phát triển năng động, thu hút sự quan tâm, đầu tư của các nhà đầu tư, doanh nghiệp có tiềm lực trong nước và nước ngoài; thúc đẩy kinh tế - xã hội.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có 42 cơ sở đào tạo nghề, trung bình tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp hơn 34 nghìn người/năm. Quy mô nguồn nhân lực của tỉnh hiện có gần 800 nghìn người, tăng 8,2% so với năm 2015; đến hết năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đạt 85%, tăng 20,55% so với năm 2015, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ 45,5%; cơ cấu lao động của tỉnh hiện chuyển dịch tích cực theo đúng định hướng tăng trưởng, trong đó khu vực nông nghiệp 23,8%; công nghiệp, xây dựng 31%; dịch vụ 45,2%.

Quá trình thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân lực mang lại những kết quả nhất định đã nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trong tỉnh cho công tác này. Chất lượng dân số của tỉnh Quảng Ninh ngày càng được cải thiện cả về thể chất và tinh thần. Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động tiếp tục được nâng cao. Đa số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo cả về chuyên môn, lý luận, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, từng bước trưởng thành, tiến bộ về trình độ, nhận thức, năng lực thực tiễn, phương pháp, tác phong, lề lối làm việc. Nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh cơ bản duy trì được tốc độ phát triển hợp lý về số lượng, chú trọng về chất lượng và tạo việc làm... Những thành tựu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực mà tỉnh Quảng Ninh đã đạt được trong những năm qua có ý nghĩa vô cùng quan trọng để Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục phát huy nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong các giai đoạn tiếp theo. Tạo thành động lực để tỉnh Quảng Ninh nhanh chóng trở thành

một tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, là một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc và cả nước.

Tuy nhiên, chất lượng nhân lực của tỉnh Quảng Ninh còn bộc lộ nhiều hạn chế: năng suất lao động thấp, trình độ tay nghề lao động còn kém, lao động chưa qua đào tạo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ trọng cao nên không tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội. Lực lượng lao động đã qua đào tạo mất cân đối về cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu giữa các bậc đào tạo, còn thiếu cả lao động ở các dịch vụ cao cấp, như tài chính, ngân hàng, du lịch và đội ngũ cán bộ hành chính, cán bộ quản lý.

Đánh giá về nguồn nhân lực trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ XV (năm 2021) của Đảng bộ tỉnh đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém, đó là: “Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thiếu nhân lực chất lượng cao: chuyên gia, nghệ nhân, công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật, còn có khoảng cách lớn về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật giữa miền núi, nông thôn, hải đảo với thành thị. Năng suất lao động thấp so với một số tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ...”. Từ thực trạng nguồn nhân lực, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh rất quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời chuẩn bị một lực lượng lao động có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, bảo đảm cho công cuộc xây dựng Quảng Ninh trở thành một tỉnh dịch vụ, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công trong tương lai. Điều đó đòi hỏi việc phát triển nguồn nhân lực ở tỉnh Quảng Ninh *một mặt* phải có tầm nhìn chiến lược tổng thể, lâu dài; *mặt khác*, cần có những định hướng, mục tiêu, biện pháp cụ thể, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong giai đoạn hiện nay.

2. Một số giải pháp góp phần phát triển nguồn nhân lực Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay:

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra mục tiêu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc. Nghị quyết tiếp tục xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng, là nền tảng vững chắc để tạo đà cho sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

Quán triệt chủ trương của Đảng bộ, UBND tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo việc xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, Đề án nêu nhiều giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh. Cụ thể:

Thứ nhất, đổi mới và nâng cao nhận thức về vai trò nguồn nhân lực đối với phát triển bền vững: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và đẩy mạnh tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và toàn xã hội thấy rõ

vai trò và trách nhiệm trong đào tạo, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực là của toàn xã hội. Huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc để tạo sự chuyển biến mạnh về nguồn nhân lực ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương từ tỉnh đến cơ sở và người dân. Vận động các doanh nghiệp tích cực tham gia đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác quản lý, theo dõi, dự báo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế chính sách đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, mở rộng các hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và xây dựng cơ chế để doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia vào đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ ba, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại: Đổi mới công tác giáo dục và dạy nghề theo hướng toàn diện cả về trình độ, phẩm chất, đạo đức, văn hóa, kỹ năng nhằm hoàn thiện hệ thống giá trị của con người như trách nhiệm công dân, tinh thần học tập, trau dồi tri thức; có tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, ý thức và năng lực làm chủ bản thân, làm chủ xã hội; sống có nghĩa tình, có văn hóa, có lý tưởng. Phát triển nhanh, bền vững nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, nghề ưu tiên: du lịch, công nghiệp giải trí, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy sản.

Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực, đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng chính sách ưu đãi phải phù hợp với cơ cấu kinh tế, tập trung định hướng phát triển ngành, nghề ưu tiên của tỉnh, như khoa học quản lý, du lịch, thương mại dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, tài chính - ngân hàng, công nghệ thông tin, truyền thông quốc tế, một số ngành công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, khai thác nuôi trồng chế biến nông, thủy sản cao cấp,... phục vụ nhu cầu phát triển dịch vụ du lịch. Xây dựng thị trường lao động với các cơ chế cạnh tranh, bình đẳng. Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài.

Thứ năm, huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo: Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực trong đào tạo nguồn nhân lực. Thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đa ngành tại tỉnh Quảng Ninh. Tích cực, chủ động trong việc cơ cấu lại nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo để thực hiện các nội dung phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo ngoại ngữ, tin học, xây dựng các trường học, lớp học thông minh theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Trên con đường hoàn thành mục tiêu là một tỉnh dịch vụ, với một nền kinh tế phát triển nhanh bền vững, phát triển nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là bước đi đúng đắn mà tỉnh Quảng Ninh hiện nay đang

thực hiện. Với những kết quả đã đạt được tỉnh hiện đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nền kinh tế tri thức, kinh tế số, tăng cường đổi mới sáng tạo đòi hỏi nhiều hơn và cao hơn các kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng xúc cảm xã hội. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển liên quan đến tự động hóa, số hóa, nhu cầu về kỹ năng thay đổi nhanh chóng, một số nghề sẽ biến mất, một số khác xuất hiện và những ngành khác lại thay đổi. Nguồn nhân lực nói chung và nhân lực chất lượng cao cũng phải được chuẩn bị sớm hơn, cập nhật hơn và theo cách tiếp cận thực tế hơn./.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TẠO NGUỒN LỰC NỘI SINH ĐỂ HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, GIÀU ĐẸP, VĂN MINH

Ths. Hoàng Thị Thu Hiền

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Không còn đơn thuần là yếu tố tinh thần, ngày nay văn hóa đã và đang chi phối mọi mặt của đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của đất nước. Đảng ta xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tỉnh Quảng Ninh là vùng đất được ví như hình ảnh của nước Việt Nam thu nhỏ, giàu bản sắc văn hóa. Những giá trị văn hóa chính là tài sản vô giá, là nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng để xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

1. Quảng Ninh có nguồn lực lớn về văn hoá để phát triển

Quảng Ninh không chỉ được biết đến với Di sản - kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long mà còn được đánh giá là địa phương có nguồn tài nguyên văn hóa vô cùng phong phú và độc đáo.

Hiện nay, toàn tỉnh hiện có 632 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Trong đó, có 5 khu di tích quốc gia đặc biệt: Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long, Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử, Di tích lịch sử Bạch Đằng và Khu di tích lịch sử văn hóa nhà Trần tại huyện Đông Triều và Di tích đền Cửa Ông. Ngoài ra còn có khu di tích và danh thắng Vũng Đục, di tích lịch sử Hồ Chủ tịch trên đảo Cô Tô...

Gắn liền với hệ thống di tích lịch sử là những lễ hội mang đặc trưng văn hóa truyền thống của Việt Nam với nhiều quy mô, hình thức khác nhau, góp phần tôn vinh những giá trị văn hóa đặc sắc của Quảng Ninh, tiêu biểu như lễ hội Yên Tử, lễ hội Bạch Đằng, lễ hội Tiên Công, lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội đình Trà Cổ...

Cùng với đó, Quảng Ninh cũng có nhiều loại hình biểu diễn nghệ thuật truyền thống và sinh hoạt văn nghệ dân gian, trong đó có trên 360 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê trong đó có 07 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu đặc sắc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Nghi lễ Then cổ của người Tày ở Bình Liêu, hát nhà tơ (hát, múa cửa đình), lễ hội đền Cửa Ông, lễ hội Tiên Công, lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội đình Quan Lạn, Lễ hội Bạch Đằng. Riêng thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam mà Quảng Ninh có đại diện là Then của người Tày ở Bình Liêu đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Bên cạnh đó, con người Quảng Ninh hội tụ, giao thoa trong sự thống nhất đa dạng của nền văn minh sông Hồng, giàu lòng yêu nước, ý chí tự cường dân

tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, kết hợp với bản sắc rất riêng của vùng đất được coi là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, truyền thống công nhân vùng mỏ: “Kỷ luật và đồng tâm” là một di sản tinh thần và đặc trưng của con người vùng mỏ.

Có thể nói, đây là những giá trị văn hóa quý báu, đáng mơ ước với nhiều địa phương trong cả nước, góp phần khẳng định những giá trị khác biệt của Quảng Ninh, là “nguồn vốn” to lớn, là cơ sở, động lực quan trọng để Quảng Ninh từng bước hiện thực hóa khát vọng phát triển.

2. Quảng Ninh tạo dựng nguồn lực nội sinh từ việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV với nhiệm vụ “*phát triển dựa vào nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài...; lấy phát triển văn hóa, xây dựng văn minh sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm*”; “*Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh*”. Theo đó, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chính sách, chương trình, dự án bảo tồn bản sắc văn hóa, phát huy giá trị văn hóa đã được tỉnh Quảng Ninh ban hành, triển khai và mang lại hiệu quả rất tích cực. Cụ thể:

Tại một số địa phương trong tỉnh, các hoạt động bảo tồn, giữ gìn, phục dựng và lưu giữ di sản văn hóa gắn với khai thác các loại hình du lịch đang từng bước được phát huy, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan và trải nghiệm, như “Một ngày làm ngư dân trên biển”, “Khám phá Quan Lạn”, “Cốc đảo Hà Nam”, “Hành trình theo dấu chân đức Phật tại Yên Tử”...

Cùng với việc quan tâm phục dựng các lễ hội truyền thống, bảo tồn lễ hội đồng bào các dân tộc, các trò chơi dân gian thì đã có nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên như lễ hội Carnaval, lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, lễ hội hoa sớ, lễ hội trà hoa vàng... Các bộ môn nghệ thuật truyền thống như múa rối, hát chèo, cải lương, các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số đã được các đoàn nghệ thuật trên địa bàn tỉnh tổ chức biểu diễn.

Thực hiện Quy hoạch của tỉnh về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, theo đó xây dựng mô hình một số thôn, làng, bản trở thành “bảo tàng sống” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống đặc sắc, gắn với phát triển du lịch. Đến nay đã hoàn thành việc xây dựng bản Dao Thanh Y xã Bằng Cả, thành phố Hạ Long trở thành một điểm du lịch văn hóa, thành phố Hạ Long đã dành ngân sách xây dựng các hạng mục bổ sung, duy trì các lễ hội truyền thống, các điệu múa trong lễ cấp sắc, múa lễ cầu mùa, hát sáo cổ do người dân trong xã Bằng Cả biểu diễn; ẩm thực với những món ăn truyền thống của người Dao; gìn giữ các nét văn hóa đặc trưng, vừa để bảo tồn truyền thống, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, Quảng Ninh đang phối hợp với tỉnh Hải Dương và Bắc Giang xây dựng hồ sơ khoa học “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt các Quy hoạch và nhiều đề án Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh; Dự án số hóa di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; Đề án “Bảo tồn bản sắc văn hóa người Dao gắn với phục vụ phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ”; Xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu tộc người Tày ở Bình Liêu phục vụ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Để đưa văn hóa thật sự trở thành động lực, là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong những năm qua tỉnh quan tâm bố trí từ nguồn ngân sách và các nguồn xã hội hóa hàng nghìn tỷ đồng để đầu tư tôn tạo, tu bổ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Trong 3 năm qua, 100% di tích cấp quốc gia, 70% di tích cấp tỉnh đã được tu bổ, tôn tạo với tổng kinh phí 1.997 tỷ đồng từ nguồn lực nhà nước và nguồn xã hội hoá.

Các giá trị văn hóa là nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển bền vững, động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Trong những năm vừa qua, tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, trong đó, dịch vụ, du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Cảnh quan thiên nhiên, di sản và danh thắng là nhân tố quan trọng hàng đầu thu hút khách du lịch của tỉnh Quảng Ninh, là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế du lịch, dịch vụ phát triển. Theo thống kê, nguồn nhân lực ở khu vực dịch vụ, du lịch của tỉnh tăng từ 36,7% (năm 2015) lên 41,9% (năm 2020); giai đoạn 2011 - 2015, doanh thu du lịch chiếm 5,1%, đến giai đoạn 2016 - 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nhưng doanh thu du lịch đạt 7,1%, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành là 11,9%/năm²². Theo số liệu của Sở Du lịch, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã đón 8,86 triệu lượt khách, đạt 108% kịch bản, bằng 161% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng doanh thu từ khách du lịch ước đạt 16.660 tỷ đồng, thuộc top 3/9 địa phương trên cả nước đạt doanh thu du lịch từ 10.000 tỷ đồng trở lên, chỉ xếp sau Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát huy giá trị văn hóa tạo nguồn lực nội sinh cho Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững

Trong xu thế vận động và phát triển hiện nay đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu mới. Để phát huy giá trị văn hóa, chuyển hóa các giá trị này thực sự trở thành nguồn lực nội sinh cho tỉnh Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, trong thời gian tới cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần

²² Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của nhân dân các dân tộc trong tỉnh; phát huy cao độ tinh thần cống hiến của mỗi người dân. Xây dựng các quy tắc ứng xử văn minh trong các cơ quan công quyền, trong cộng đồng, nhất là trong không gian mạng, trong giới văn nghệ sĩ...tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu mà Đại hội XV của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

Hai là: Đẩy mạnh phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, môi trường văn hoá, đời sống văn hoá, nhất là văn hóa trong kinh tế; chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hoá, về đạo đức; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, để Đảng ta và hệ thống chính trị của nước ta thật sự là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá con người Việt Nam...Đặc biệt, quan tâm xây dựng môi trường văn hoá số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ba là: Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Quảng Ninh, xây dựng thị trường văn hoá lành mạnh nhằm thu hút các nhà đầu tư tiềm năng nước ngoài, trong nước đầu tư các sản phẩm nghệ thuật, giải trí. Mục tiêu đặt ra là gia tăng giá trị của các sản phẩm công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo, phần đầu đóng góp 7% GRDP; mức tăng trưởng hàng năm trung bình đạt 7%; thành phố Hạ Long phấn đấu trở thành Thành phố sáng tạo thuộc Mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO.

Bốn là: Phát huy các giá trị văn hoá mang bản sắc của Quảng Ninh, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá của thời đại gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Dành nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản; thực hiện quy hoạch chi tiết các di tích trọng điểm, có lợi thế để gắn với hoạt động du lịch, nhất là các di tích quốc gia đặc biệt. Hoàn thiện hồ sơ đề cử UNESCO công nhận Quần thể di tích và danh thắng “Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” là Di sản thế giới; Di tích Thương cảng Vân Đồn, Đình Trà Cổ được Thủ tướng Chính phủ công nhận Di tích quốc gia đặc biệt. Bảo tồn các thôn, làng, bản phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

Năm là: Phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hoá là nhân dân; xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp, phát huy hiệu quả các công trình đã đầu tư, như Cụm công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh - Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Khu liên hợp thể thao tỉnh, Cung Văn hóa thanh thiếu nhi; đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất các trung tâm văn hóa - thể thao, cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

Sáu là: Tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của các cơ quan nhà nước về văn hoá để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hoá. Đề cao, phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, của những người làm công tác văn hoá. Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ

trực tiếp làm công tác văn hoá tương xứng với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển văn hoá trong giai đoạn mới; Chú trọng các chính sách liên quan đến xây dựng và phát triển văn hóa

Như vậy, phát huy giá trị văn hóa chính là cách thức quan trọng để tạo dựng nguồn lực nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần từng bước hiện thực hóa khát vọng đến năm 2030 xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ trung chuyển của khu vực Đông Nam Á, động lực phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”;
2. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

PHÁT HUY LỢI THẾ, XÂY DỰNG QUẢNG NINH GIÀU MẠNH TỪ BIỂN

Ths. Đặng Thành Dương

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

1. Tiềm năng phát triển kinh tế biển của Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, được ví như hình ảnh một nước “Việt Nam thu nhỏ”, vì có cả đồng bằng, trung du, đồi núi, biên giới và biển đảo. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc, trong đó, đường phân định Vịnh Bắc Bộ trên biển dài hơn 191 km (trên bộ dài 118,825 km). Quảng Ninh là một trong 28 tỉnh, thành có biển, có 10/14 huyện, thị xã, thành phố tiếp giáp biển, trong đó có 2 huyện đảo là Vân Đồn và Cô Tô. Tổng diện tích các địa phương ven biển và vùng biển đảo chiếm 72%, dân số 72,5% và GDP hơn 75% của cả tỉnh, là điều kiện “có một không hai” của đất nước, với nhiều lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, thông thương ra nước ngoài. Vì thế, trong quy hoạch phát triển kinh tế vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Quảng Ninh vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta, vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, được Chính phủ xác định xây dựng trở thành địa bàn động lực, một trong những cửa ngõ giao thương quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với khu vực và quốc tế.

Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo, trải dài trên 250 km đường bờ biển, với diện tích ngư trường rộng tương đương với diện tích tự nhiên (trên 6.000 km²), hơn 40.000 ha bãi triều và 2.000 ha eo vịnh, trong đó có nhiều địa điểm phù hợp để xây dựng cảng nước sâu, tạo ra cơ hội lớn cho phát triển kinh tế thương mại; nuôi trồng và đánh bắt thủy sản; đặc biệt là phục vụ xuất khẩu với tiềm năng liên kết các hoạt động chế biến thực phẩm giá trị cao. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên biển có giá trị nhất của Quảng Ninh lại nằm trong vẻ đẹp tự nhiên của Vịnh Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long. Trên vùng vịnh còn Quảng Ninh còn có hơn hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2078/ 2779), diện tích các đảo chiếm 11,5% diện tích đất đai tự nhiên của tỉnh. Hệ thống đảo trải dài theo đường ven biển, chia thành nhiều lớp, tạo nên vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo. Địa hình đáy biển Quảng Ninh không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20m, có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất đa dạng. Các dòng chảy hiện nay nối với các lạch sâu đáy biển còn tạo nên hàng loạt luồng lạch và hải cảng trên dải bờ biển khúc khuỷu kín gió nhờ những hành lang đảo che chắn, là tiềm năng cảng biển và giao thông đường thủy rất lớn.

2. Một số chính sách lớn của tỉnh về phát triển kinh tế biển

Tranh thủ sự ủng hộ của Trung ương và phát huy nội lực của tỉnh, sớm xây dựng Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển đảo của vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đề ra Chương trình

hành động, tập trung nguồn lực khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của biển, ven biển, vùng biển đảo để phát triển các ngành kinh tế, đẩy nhanh tốc độ xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh giàu mạnh về kinh tế biển, gắn phát triển kinh tế biển với phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

Những năm qua, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành hàng loạt các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động phát triển kinh tế biển, trong đó có: Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gắn với thực hiện Chương trình số 27-CTr/TU ngày 27/3/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Quảng Ninh đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 trở thành một trong các tỉnh dẫn đầu về kinh tế biển của cả nước, trung tâm kinh tế biển; là cửa ngõ, động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh). Đáng chú ý, ngày 18/01/2022, UBND Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030, du lịch biển đảo sẽ chiếm tỷ trọng khoảng 75%-80% ngành du lịch toàn Tỉnh; tổng số khách du lịch biển đảo đạt trên 28,5 triệu lượt khách, trong đó, khách quốc tế đạt trên 8 triệu lượt; tạo việc làm cho trên 225.000 lao động, trong đó, có gần 110.000 lao động trực tiếp.

Để đẩy nhanh thực hiện phát triển kinh tế biển, Ban Chỉ đạo Phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng, triển khai đến các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có biên triển khai thực hiện 50 đề tài, dự án, nhiệm vụ, tập trung vào các nội dung, gồm: quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ; phát triển kinh tế biển, ven biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển; khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển.

Đồng thời, Quảng Ninh cũng huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thiện, khai thác tối hệ thống kết cấu hạ tầng du lịch, dịch vụ gắn với hạ tầng giao thông đồng bộ nhằm phục vụ phát triển kinh tế nói chung, kinh tế biển nói riêng. Tập trung đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại phục vụ phát triển du lịch, như: trung tâm thương mại, hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích, điểm bán hàng tự động... gắn với khai thác hiệu quả hệ thống cửa khẩu, cảng hàng không quốc tế và cảng biển.

Đối với hạ tầng giao thông nhằm phục vụ kinh tế nói chung, kinh tế biển nói riêng, Quảng Ninh chú trọng phát triển mạnh hạ tầng, trong đó rõ nét nhất chính là việc đầu tư đưa vào hoạt động các công trình giao thông chiến lược,

như: Cầu Bạch Đằng, đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, Hạ Long - Vân Đồn, cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, cảng khách quốc tế Hạ Long, Cảng tàu quốc tế Tuần Châu... Đặc biệt, trong kinh tế biển, Quảng Ninh tập trung nhiều nguồn lực để phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh. Từ phát triển hạ tầng giao thông, Tỉnh đã tập trung mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng phục vụ du lịch cũng như đa dạng hoá các sản phẩm du lịch đồng bộ, hiện đại, hấp dẫn để tạo ra những bước phát triển đột phá mang đậm “chất” riêng, như: Khu nghỉ dưỡng Vinpearl Hạ Long; Công viên Đại Dương, Quần thể nghỉ dưỡng và sân Golf FLC; Khu nghỉ dưỡng Legacy Yên tử, Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Quang Hanh, Bảo tàng - Thư viện Tỉnh, Cung Quy hoạch, hội chợ và triển lãm Tỉnh, Công viên hoa Hạ Long... Cùng với đó là việc tăng cường mở rộng, thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược có uy tín, thương hiệu, có tiềm lực kinh tế lớn đầu tư vào lĩnh vực du lịch, dịch vụ, như: Sun Group, VinGroup, FLC... với nhiều sản phẩm du lịch đẳng cấp quốc tế đã giúp nâng tầm du lịch Quảng Ninh. Đặc biệt, thời gian gần đây, việc xây dựng Quảng Ninh trở thành điểm đến hấp dẫn cả 4 mùa trong năm với việc phát triển các sản phẩm du lịch mới, như: Festival Áo dài, Yên Tử về miền đất Phật mùa thu - Tưởng nhớ Phật hoàng Trần Nhân Tông, Carnival mùa đông... cũng đang là những định hướng phát triển du lịch hợp lý và mang lại được nhiều hiệu quả.

Không gian du lịch của Quảng Ninh cũng được mở rộng với việc tăng cường liên kết vùng, kết nối 4 trung tâm du lịch trọng điểm của Tỉnh, đảm bảo tính bền vững, gắn với các sản phẩm đặc thù và nổi trội, bao gồm: vùng du lịch trung tâm tại TP Hạ Long và vùng phụ cận; vùng du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh tại Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên; vùng du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp tại huyện Vân Đồn, Cô Tô và vùng du lịch biên giới tại khu vực Móng Cái và vùng lân cận. Đồng thời, phát triển không gian du lịch mới ở các địa bàn tiềm năng, như: Hải Hà, Tiên Yên, Bình Liêu... Qua đó, từng bước khai thác được thế mạnh, giá trị nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương.

Ngoài ra, đối với kinh tế thủy sản, Tỉnh cũng chú trọng bảo vệ môi trường, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các loại tài nguyên biển và hải đảo theo quy định của pháp luật, quy hoạch phát triển các vùng nuôi trồng, nhân giống, bảo tồn nguồn gen các loài thủy hải sản có giá trị kinh tế cao. Bảo vệ và phát triển khu bảo tồn Vườn Quốc gia Bái Tử Long, Khu bảo tồn biển Cô Tô, Khu Ramsar Đồng Rui.

3. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, tỷ trọng bình quân giá trị gia tăng của các ngành kinh tế biển của Quảng Ninh chiếm khoảng 20%, một con số khá cao so với mục tiêu của cả nước đến năm 2030 theo Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là 10%. Trong đó tổng thu ngân sách của 9 địa phương ven biển giai đoạn 2019-2022 là 128.969 tỷ đồng, chiếm 84,9% tổng thu nội địa toàn tỉnh và có xu hướng tăng qua các năm.

Thu ngân sách của các ngành kinh tế biển trong giai đoạn 2019-2022 là 42.050 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,62%.

Cũng trong 3 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, Quảng Ninh đã hoàn thành đưa vào khai thác Cảng khách quốc tế Hòn Gai theo tiêu chuẩn cảng khách du lịch quốc tế; rà soát quỹ đất, nghiên cứu bố trí khu vực hậu cần sau cảng và logistics tại khu vực Quảng Yên; hoàn thành mục tiêu thu hút đầu tư dự án cảng biển quan trọng, gồm: Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh, nghiên cứu đầu tư cảng Con Ong - Hòn Nét, cảng Hải Hà. Từ đó, dần hình thành các dịch vụ cảng biển chủ đạo, thế mạnh của tỉnh, như: Dịch vụ lưu kho bãi và cho thuê kho bãi, xếp dỡ hàng hóa tại khu vực Quảng Yên, các Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Bắc Phong Sinh, Hoành Mô - Đồng Văn.

Bên cạnh đó, công tác rà soát, đề xuất xây dựng quy hoạch hệ thống cảng biển Quảng Ninh gắn với hệ thống giao thông kết nối các Khu công nghiệp, Khu kinh tế các vùng sản xuất lớn và những khu vực có tiềm năng về phát triển cảng biển, dịch vụ cảng biển, du lịch đã được triển khai mạnh mẽ với 8 dự án có tổng mức đầu tư trên 15.000 tỷ đồng. Trong đó, hoàn thành và đưa vào khai thác 4 dự án công trình, gồm: Đường nối Khu công nghiệp Cái Lân đến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn; đường kết nối đường tỉnh 331 với đường tỉnh 338 (Thị xã Quảng Yên); đường trục chính thứ 2 của Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà và đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả...

Thực hiện Nghị quyết còn tạo ra nhận thức rõ nét về vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển tại Quảng Ninh. Một số điểm nghẽn về phát triển cảng biển bước đầu được tháo gỡ: Công tác lập quy hoạch được triển khai đồng bộ; nhiệm vụ xác định quỹ đất phát triển dịch vụ kho bãi, khu hậu cần logistics cơ bản đáp ứng nhu cầu... Những yếu tố trên đã góp phần quan trọng hình thành tư duy phát triển kinh tế biển tại Quảng Ninh, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả nổi bật như trên, quá trình phát triển kinh tế biển của tỉnh Quảng Ninh còn thể hiện một số hạn chế sau:

Một là, thương hiệu cảng biển Quảng Ninh chưa được khách hàng trong nước và trên thế giới biết đến, dẫn đến việc quan tâm phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển trong thời gian qua còn nhiều bất cập. Điều này dẫn tới, kinh tế hàng hải của Tỉnh vẫn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Tỉnh.

Hai là, ngành thủy sản của Quảng Ninh cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Có thể kể đến như vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đang tác động trực tiếp đến nghề nuôi trồng, khai thác thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Tỉnh có lợi thế sẽ bị thu hẹp do xung đột về không gian phát triển với hoạt động công nghiệp, đô thị hóa và du lịch. Mặt khác, tình trạng nuôi thủy sản ngoài, trái quy hoạch, nuôi tự phát trên địa bàn tỉnh vẫn đang diễn ra. Việc tổ chức sản xuất thủy sản còn nhỏ lẻ, quy mô theo hộ gia đình, chưa có tính liên kết... Đặc biệt, thời gian qua ngành thủy sản

cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi dịch Covid-19 khiến cho việc tiêu thụ các sản phẩm bị ách tắc, gián đoạn, thậm chí làm đứt gãy hoạt động sản xuất.

Ba là, ngành du lịch nói chung, du lịch biển tỉnh Quảng Ninh nói riêng cũng đang đứng trước một số khó khăn, hạn chế, như: chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều điểm yếu và thiếu chuyên nghiệp; quy mô doanh nghiệp nhìn chung còn nhỏ, hoạt động phân tán, chưa có sự liên kết tốt, tính chuyên nghiệp chưa cao; dịch vụ còn thiếu đồng bộ, năng lực cạnh tranh còn yếu, giá bán sản phẩm và dịch vụ du lịch thấp, chưa tương xứng với giá trị, tiềm năng. Đặc biệt, việc tăng trưởng du lịch quá nóng trong thời gian qua đã tạo sức ép rất lớn đến môi trường tự nhiên, đặc biệt là những khu du lịch ven biển. Cùng với sự gia tăng về lượng khách, các chất thải từ hoạt động du lịch ngày một tăng nhanh, nhất là ở các vùng trọng điểm phát triển du lịch; đa dạng sinh học, cảnh quan nhiều khu vực biển bị xâm hại nghiêm trọng. Sự gia tăng ngày càng nhanh lượng khách du lịch kéo theo việc xuất hiện tràn lan các cơ sở dịch vụ, đã dẫn đến việc sử dụng quá mức tài nguyên, gây tác động đến môi trường biển.

4. Những định hướng lớn để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển

Quảng Ninh đã ban hành Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và các quy hoạch xây dựng, giao thông cơ bản hoàn thành, tạo ra những định hướng, không gian và chiến lược mới để phát triển nền kinh tế, trong đó có kinh tế biển. Cùng với đó, hệ thống giao thông kết nối liên vùng với Hải Phòng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương đang được nghiên cứu và đầu tư sẽ tạo ra sự kết nối liên thông, tổng thể... Đây là cơ hội rất lớn để Quảng Ninh hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, xây dựng Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển của cả nước, là cửa ngõ trung chuyển của khu vực Đông Nam Á, động lực phát triển liên vùng theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Ninh tháng 4/2022.

Quảng Ninh đặt mục tiêu giai đoạn 2022-2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế biển 11,5-12%, đóng góp vào cơ cấu GRDP của tỉnh 22-23%; xây dựng Quảng Ninh là một trong những trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế; doanh thu dịch vụ cảng biển khoảng 25.000 tỷ đồng... Để hiện thực hóa mục tiêu này, tiếp tục phát triển bền vững kinh tế biển, tỉnh sẽ ưu tiên xây dựng đồng bộ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đa mục tiêu, nhằm bảo đảm “lợi ích kép” trong phát triển. Cùng với đó, tiếp tục chú trọng công tác hợp tác quốc tế và khu vực trong phát triển kinh tế biển bền vững và đào tạo nguồn nhân lực biển hiệu quả; tổ chức lại không gian phát triển kinh tế biển trên cơ sở phân vùng không gian dựa vào hệ sinh thái và theo chức năng sử dụng biển, đảo và vùng ven biển. Đẩy mạnh phân bổ không gian biển, vùng ven biển và đảo cho các ngành, lĩnh vực theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích và giảm xung đột không gian trong khai thác, sử dụng cùng một vùng ven biển, đảo và biển, giữa các tập thể và cá nhân; phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo. Đồng thời, thực hiện quản lý bền vững kinh tế biển của

tính theo phương thức quản trị biển dựa vào không gian, liên ngành với sự tham gia thực chất của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

Có thể thấy, việc đề ra và thực hiện những chính sách, giải pháp phát triển kinh tế biển bền vững quyết liệt và đồng bộ sẽ tạo điều kiện đưa Quảng Ninh tiến đến phát triển thành một trong các trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước, là cửa ngõ, động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, góp phần kết nối kinh tế biển của đất nước với khu vực và thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2019). Chương trình hành động số 27-CTr/TW, ngày 27/3/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

2. UBND tỉnh Quảng Ninh (2022). Kế hoạch số 16/KH-UBND, ngày 18/01/2022 về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh (2015-2021). Báo cáo tại Hội nghị tổng kết công tác các năm, từ năm 2015 đến năm 2021.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh (2020, 2021). Tài liệu Hội nghị Tổng kết nhiệm vụ công tác năm 2020, 2021.

QUẢNG NINH - 60 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Ths. Đặng Thị Kiều Liên

Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật

60 năm xây dựng và phát triển, thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng, Quảng Ninh đã cho thấy sự vận động, phát triển không ngừng của mình. Trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử, tỉnh luôn bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, chủ động, sáng tạo đề ra các chủ trương chính sách và biện pháp phù hợp, nhằm khai thác tốt tiềm năng thế mạnh, từng bước vượt qua những khó khăn thách thức.

Nằm nơi địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc, Quảng Ninh từ lâu được ví như một “Việt Nam thu nhỏ” vì có cả biển, đảo, đồng bằng, trung du, đồi núi và biên giới trên đất liền, trên biển và trên không. Cùng với đó, Quảng Ninh cũng được thiên nhiên ưu đãi với nhiều tài nguyên khoáng sản cùng tiềm năng lớn về cảnh quan.... Nơi đây còn là vùng đất có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời, một trong những cái nôi của người Việt cổ và là nơi có nhiều di tích lịch sử gắn với quá trình dựng nước, giữ nước vẻ vang của dân tộc.

Trải qua những thăng trầm lịch sử, với rất nhiều tên gọi khác nhau đến thời Pháp thuộc được đặt tên là Quảng Yên và Hải Ninh. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến hòa bình lập lại năm 1954, tỉnh Quảng Yên và Đặc khu Hòn Gai hợp nhất thành khu Hồng Quảng. Ngày 30/10/1963, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II, kỳ họp thứ 7 phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng thành một đơn vị hành chính mới lấy tên là Quảng Ninh.

Ngay sau khi thành lập, Quảng Ninh đã cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu ác liệt chống chiến tranh phá hoại của địch. Ngày 5/8/1964, máy bay Mỹ ném bom mở đầu thời kỳ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Nhưng dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, nhân dân Quảng Ninh đã không chỉ giữ vững mặt trận sản xuất mà còn kịp thời đập tan các cuộc ném bom của Mỹ, bắn rơi nhiều máy bay, bảo vệ vùng trời, vùng biển Đông Bắc. Qua 10 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân và dân Quảng Ninh đã đánh trả 7.417 đợt máy bay phá hoại, bắn rơi trên 200 máy bay hiện đại, đánh chìm nhiều tàu chiến, diệt và bắt sống hàng chục phi công.

Bên cạnh chiến đấu chống chiến tranh, giai cấp công nhân, lực lượng nông dân và các tầng lớp người lao động vẫn luôn “Vững tay cày, chắc tay súng”, duy trì nhịp độ sản xuất, đảm bảo giao thông thông suốt. Năm 1964, lần đầu tiên Quảng Ninh khai thác vượt mức một triệu tấn than, trở thành địa phương đầu tàu trong khai thác than của cả nước. Năm 1975 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 2.169 tỷ đồng, tăng gấp 1,37 lần; giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 1,21 lần so với năm 1965.

Đại thắng mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội theo cương lĩnh Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV

(1976). Song, ngay tức thì, đất nước ta lại đứng trước những khó khăn, thách thức không hề nhỏ.

Trong bối cảnh chung của đất nước, Quảng Ninh đã tự tháo gỡ khó khăn, tiếp tục phát triển kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hàng vạn thợ mỏ vẫn bám tầng, bám máy để sản xuất thật nhiều than cho nền kinh tế quốc dân. Quảng Ninh đã thành lập đoàn tàu viễn dương để xuất khẩu hàng hóa, giao thương với nước ngoài thu ngoại tệ. Từ năm 1981 đến 1985, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 26,7 triệu đồng Rúp - Đô la; góp phần đẩy mạnh đầu tư phát triển, cải thiện đời sống nhân dân và bước đầu có tích lũy.

Trong giai đoạn 1986-1991, Quảng Ninh đã ổn định cơ bản tình hình kinh tế - xã hội, trước hết là ổn định và phát triển sản xuất than, góp phần ổn định thị trường giá cả, tài chính, tiền tệ; ổn định cung cấp lương thực, thực phẩm để cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Giai đoạn 1991-1995, kinh tế - xã hội ở tỉnh nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng chậm phát triển, tạo được thế phát triển một cách vững chắc; tăng nhanh khả năng tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân.

Giai đoạn 1995-2001, trong quá trình CNH-HĐH, tỉnh Quảng Ninh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và du lịch, phát triển và tăng cường nguồn lực kinh tế, đổi mới và hoàn thiện quan hệ sản xuất, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho bước phát triển sau những năm 2000.

Giai đoạn 2001-2005, tỉnh đã tận dụng các lợi thế về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và điều kiện địa lý thuận lợi, huy động các nguồn vốn để tăng tỷ trọng cho đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tăng thêm năng lực sản xuất cho các ngành kinh tế mũi nhọn.

Đặc biệt trong 10 năm gần đây, Quảng Ninh đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, mang tính đột phá, nhất là sự vận dụng chủ động, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, trong đó có chủ trương đường lối hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội. Điều này thể hiện rõ qua nỗ lực của lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh quyết tâm cải cách hành chính, chủ động đề xuất và quyết liệt thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù cho địa phương; xây dựng các quy hoạch để kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng...

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, đến nay Quảng Ninh đã trở thành trung tâm đổi mới của Vùng đồng bằng Bắc Bộ, khu vực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc; 7 năm liên tục (2016 - 2022) đạt tốc độ tăng trưởng GRDP trên hai con số. Trong đó năm 2020 đạt 10,05%, năm 2021 và năm 2022 đều đạt 10,28% trong bối cảnh dịch COVID-19 (xếp thứ 13/63 toàn quốc và 3/7 tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ). Trong 9 tháng đầu năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 40.678 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2022. Hết năm 2023, GRDP bình quân đầu người dự kiến đạt trên 9.400 USD. Quảng Ninh hiện không còn hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo đa chiều, chuyển sang chuẩn hộ nghèo mới theo tiêu chí của địa phương.

Để có được sự bứt phá trong phát triển như vậy, Quảng Ninh đã mạnh dạn xây dựng nhiều đề án lớn, tổng thể để báo cáo Trung ương cho chủ trương triển khai với các cơ chế, chính sách mới. Song song với đó là rất nhiều mô hình thí điểm mới, cách làm mới đã được Quảng Ninh tiên phong thực hiện nhằm sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế- xã hội.

Ngay khi đất nước khởi xướng việc chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” ở đầu nhiệm kỳ 2010-2015, Quảng Ninh đã nhanh chóng bắt nhịp với những cách làm hay, thể hiện tư duy sáng tạo, dám dấn thân đổi mới. Trong đó phải kể đến việc thực hiện thành công phương thức huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”. Đây là một trong những giải pháp đột phá để tỉnh phát triển nhanh chóng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tư duy và cách làm mới của Quảng Ninh đã được Chính phủ rất ủng hộ, nhà đầu tư hoan nghênh, tin tưởng. Đến nay, Quảng Ninh là địa phương duy nhất trong cả nước huy động tư nhân đầu tư cao tốc, cảng biển, sân bay quy mô, đẳng cấp quốc tế. Kết cấu hạ tầng đô thị được chỉnh trang đồng bộ, văn minh, hướng tới mô hình đô thị thông minh.

Diện mạo Quảng Ninh đã có bước thay đổi ngoạn mục khi nhiều công trình hạ tầng giao thông quan trọng được hoàn thành, đưa vào khai thác, phá thế "độc đạo" của Quảng Ninh khi trước đây chỉ có Quốc lộ 18 trở thành địa phương có số km đường cao tốc lớn nhất cả nước hiện nay (176/1.046 km), cùng với đó là hệ thống sân bay, cảng biển, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng và hợp tác hội nhập quốc tế, mở ra cơ hội và không gian phát triển mới.

Những thành tựu mà tỉnh đạt được in đậm dấu ấn của việc đổi mới tư duy, xác định tầm nhìn trong chủ trương và hành động cũng như vun đắp và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên. Đây chính là hành trang quan trọng để Quảng Ninh tiến gần hơn mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là thành phố dịch vụ, công nghiệp hiện đại, năng động, trung tâm du lịch quốc tế.

Những thành tựu đạt được là minh chứng sinh động cho quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, sáng tạo, kế thừa và phát triển của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Đây là tiền đề, nền tảng quan trọng, tạo đà cho Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững hơn nữa trong giai đoạn tới. Khẳng định là một trong những cực tăng trưởng kinh tế, có sức hấp dẫn, lan tỏa trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc nói riêng, khu vực miền Bắc và cả nước nói chung. Còn đối với mỗi công dân của Quảng Ninh, sự đổi mới của quê hương sẽ tiếp tục hun đúc thêm niềm tự hào, khát vọng được cống hiến để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Nhìn lại chặng đường 60 năm cũng đã khẳng định, sự đầu tư đúng đắn của tỉnh Quảng Ninh, thể hiện vai trò to lớn sự lãnh đạo Đảng bộ tỉnh, cùng những nỗ lực không mệt mỏi của chính quyền, quân và nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tiếp nối những thành công đó, Quảng Ninh lại mang trong mình những kỳ

vọng lớn hơn trong thời kỳ phát triển kinh tế mới. Có thể thấy, chặng đường phía trước đang mở ra cho Việt Nam nói chung, tỉnh Quảng Ninh nói riêng nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn và thách thức. Nhưng tin rằng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa truyền thống cách mạng kiên cường, truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của giai cấp công nhân vùng mỏ, đoàn kết một lòng, nêu cao ý chí tự lực, tự cường; không ngừng đổi mới, quyết tâm xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp./.

QUẢNG NINH - 60 NĂM TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH TỈNH KIỂU MẪU, NGÀY Càng GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, TỈNH DỊCH VỤ, CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

Ths. Tô Thị Thanh Lê

Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu “*xây dựng Quảng Ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp*”²³; trải qua 60 năm xây dựng và phát triển - Quảng Ninh luôn xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong mỗi thời kỳ. Ngày nay, Quảng Ninh với chiến lược phát triển của một vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc, trong thời kỳ mới, sẽ mở ra nhiều triển vọng to lớn. Với nhiều lợi thế của mình, Quảng Ninh quyết tâm trở thành tỉnh kiểu mẫu, ngày càng giàu đẹp, văn minh; tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

Nhìn lại Quảng Ninh cách đây 10 năm: thu ngân sách nhà nước: trên 22 ngàn tỷ đồng; công nghiệp xây dựng chiếm gần 52% cơ cấu kinh tế; thu từ than và đất chiếm tới 64% thu ngân sách nội địa; phát triển kinh tế “*nâu*” không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn khiến du lịch chỉ chiếm 2,6% tổng thu ngân sách tỉnh; thủ tục hành chính rườm rà, thiếu minh bạch; chưa có nhà đầu tư lớn.

Do đó, tỉnh đã nghiên cứu một cách khoa học, nhận diện tiềm năng, thế mạnh, mâu thuẫn, thách thức, định vị lại Quảng Ninh trong tương quan với quốc gia và quốc tế, từ đó xác định “Thay vì tỉnh công nghiệp - dịch vụ, phấn đấu đến năm 2020 Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ - công nghiệp, chuyển đổi phương thức phát triển từ *nâu* sang *xanh*. Điều đó được cụ thể hóa trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Đây là sự đổi mới tư duy mang tầm nhìn chiến lược, chìa khóa mấu chốt, tiền đề mở ra thời kỳ phát triển đột phá của Quảng Ninh với những mô hình đổi mới sáng tạo đi đầu cả nước suốt 1 thập kỷ qua, điều đó được thể hiện bằng những con số ấn tượng:

- Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh:

Từ năm 2013, tỉnh đã xây dựng Đề án “*Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế*” và ban hành Nghị quyết 19-NQ/TU²⁴ để chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đến nay, tỉnh đã triển khai có hiệu quả cơ quan UBKT - Thanh tra và Tổ chức - Nội vụ, cơ quan tham mưu giúp việc chung Khối Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể. Bí thư đồng thời là Chủ tịch UBND tại 3 địa phương cấp huyện và 119/177 đơn

²³ Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi gặp mặt các đại biểu công nhân ngành Than tại Phủ Chủ tịch vào ngày 15/11/1968.

²⁴ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 3/3/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”

vị cấp xã; Bí thư cấp ủy không là người địa phương tại 100% đơn vị cấp huyện, 150/177 đơn vị cấp xã. Là địa phương đầu tiên trong cả nước đồng loạt bầu trưởng thôn, bản, khu phố theo phương châm Dân tin - Đảng mới cử, tỷ lệ Bí thư đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố đạt 100%. Năm 2019, việc sáp nhập huyện Hoành Bồ và thành phố Hạ Long, mở ra cơ hội phát triển nhanh, bền vững với tầm nhìn dài hạn.

- *Về kinh tế*: Trong những năm gần đây, Quảng Ninh giữ vững vị trí một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới, sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc, kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12,7%/năm (theo giá so sánh 1994); giai đoạn 2011 - 2020 đạt 8,9%/năm (theo giá so sánh 2010), gấp 1,5 tốc độ tăng của cả nước trong cùng thời kỳ (6,0%) và đứng thứ 4 trong vùng (sau Bắc Ninh, Hải Phòng và Hà Nam).

Chính từ sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cùng với tinh thần đổi mới, sáng tạo, đột phá, ý chí tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn thử thách, vì lợi ích nhân dân mà trong năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh đạt hơn 10%, đứng thứ 4 trong vùng đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Giai đoạn 2016 - 2022 Quảng Ninh tiên tiếp đạt mức tăng trưởng 2 con số, đây là một kỳ tích trong giai đoạn đổi mới mà tỉnh Quảng Ninh đã quyết liệt thực hiện. Trong đó, với những quyết sách đúng đắn, kịp thời, đúng thời điểm khu vực dịch vụ của Tỉnh đã phục hồi mạnh mẽ, đạt tốc độ tăng trưởng cao, trở thành động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế bù đắp cho các ngành, lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, tỉnh cũng quan tâm giữ vững sự ổn định, phát triển của ngành than, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước.

Kết thúc quý II năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Quảng Ninh đạt 9,46%, đứng thứ 2 trong vùng đồng bằng sông Hồng và đứng thứ 4 cả nước. Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 28.000 tỷ đồng, bằng 52% dự toán trung ương giao. Trong đó, thu nội địa ước đạt 21.000 tỷ đồng, bằng 50% dự án tỉnh giao, bằng 104% cùng kỳ năm 2022; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (XNK) ước đạt 7.000 tỷ đồng, bằng 58% dự toán trung ương giao.

- *Về xã hội*: Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, phát triển con người, giáo dục, y tế, nhất là đầu tư phát triển giáo dục đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tỉnh quan tâm, đầu tư thỏa đáng, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo quốc gia được giữ vững. Mỗi quan hệ giữa Đảng với nhân dân ngày càng được gắn bó, góp phần củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh. Trong năm 2022, Quảng Ninh có 4 địa phương cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới, đưa tỉnh Quảng Ninh cán đích nông thôn mới cấp tỉnh, bước vào giai đoạn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa, người dân ngày càng có cuộc sống ấm no,

hạnh phúc. Quảng Ninh đã về đích Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trước 3 năm theo tiêu chí của Trung ương.

Toàn tỉnh hiện chỉ còn 102 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,026%; 2.454 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,635% tổng số hộ dân toàn tỉnh. Quảng Ninh hiện không có huyện nghèo, xã nghèo; Thành phố Hạ Long không còn hộ nghèo, cận nghèo; 3/13 địa phương (Quảng Yên, Cô Tô, Vân Đồn) không còn hộ nghèo; 9 địa phương còn lại tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%.

- *Về phát triển hạ tầng:* Tổng vốn đầu tư phát triển cho kết cấu hạ tầng giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 123.044 tỷ đồng. Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên thực hiện các thí điểm về hợp tác công - tư trong huy động nguồn lực và phát triển kinh tế theo định hướng là những gì nhân dân và doanh nghiệp làm được thì Nhà nước không làm. Các hình thức đầu tư được Quảng Ninh đi đầu triển khai khi cơ sở thực tiễn ở Việt Nam còn chưa hề có là “lãnh đạo công, quản trị tư”, “đầu tư công, quản lý tư”, “đầu tư tư, sử dụng công”... Đến nay Quảng Ninh đã có các công trình khu liên cơ do tư nhân xây dựng, nhưng các cơ quan Nhà nước thuê lại và trả phí giúp tiết kiệm hàng trăm tỷ đồng ngân sách. Có cả công trình Nhà nước xây dựng nhưng giao tư nhân quản lý vận hành qua đấu thầu, qua đó giảm biên chế, giảm ngân sách chi thường xuyên. Quảng Ninh được Chính phủ giao là tỉnh đầu tiên đầu tư đường cao tốc bằng nguồn vốn tự có. Đây cũng là tỉnh đầu tiên Chính phủ giao làm chủ đầu tư sân bay Vân Đồn theo hình thức BOT. Một trong những đột phá mang tính bản lề của Quảng Ninh là việc đầu tư xây dựng các công trình động lực chiến lược phục vụ cho phát triển kinh tế không riêng của tỉnh mà còn vươn ra cả khu vực và vùng, miền. Các công trình hạ tầng được đầu tư để tạo đột phá về phát triển kinh tế, đưa Quảng Ninh trở thành cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đông Bắc và cả nước. Đến nay Quảng Ninh đã có hệ thống cao tốc gần 200 km, chiếm 1/10 cả nước, có sân bay tư nhân, có cảng biển... Hàng loạt các dự án giao thông động lực như: Cầu Tình Yêu (cầu Cửa Lục 1), đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái... đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Từ đó, tạo kết nối đồng bộ, liên thông giữa các vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng kinh tế, tam giác, tứ giác phát triển; nâng cao hiệu quả khai thác các cảng biển, cảng hàng không và tuyến cao tốc phía Bắc, mở ra cửa ngõ giao thương của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hiện thực hóa chủ trương lớn của Đảng trong suốt những năm qua thực hiện đột phá về hạ tầng, trong đó có hạ tầng giao thông, góp phần đưa tỉnh Quảng Ninh có số kilômét cao tốc lớn nhất cả nước hiện nay.

- *Về cải cách hành chính, chuyển đổi số:* tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều sáng tạo và đột phá trong việc thực hiện. Cụ thể như: (1) Là địa phương đi đầu trong việc xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương một cách chuyên nghiệp và bài bản; (2) Triển khai Đề án xây dựng chính quyền điện tử với tổng mức đầu tư gần 700 tỷ đồng; xây dựng mô hình Trung tâm hành chính công; (3) Quảng Ninh là tỉnh đi đầu, tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để căn bản hoàn thành xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử, vận hành Trung tâm điều hành thành phố thông minh có quy mô tích hợp đồng bộ nhất hiện nay tại Việt Nam; (4) Là tỉnh đầu

tiên trong toàn quốc thực hiện việc gửi, nhận văn bản liên thông giữa khối chính quyền và khối Đảng và gửi, nhận văn bản điện tử kèm chữ ký số; (5) Quảng Ninh là 1 trong 3 địa phương được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn thí điểm dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, các chỉ số dẫn đầu cả nước. (6) Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số và cơ quan nhà nước “không giấy tờ”.

Với tinh thần “dám nhìn thẳng vào sự thật”, quyết tâm cải cách hành chính toàn diện với nhiều mô hình, cách làm mới, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp là mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội bền vững, tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng và triển khai thành công mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Đến nay, tỉnh đã tạo lập được hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin vững chắc, huy động được sự vào cuộc tích cực, hiệu quả của các sở, ngành, địa phương cũng như người dân trên toàn tỉnh. Đây chính là nền tảng quan trọng đưa Quảng Ninh sớm trở thành tỉnh điển hình, đi đầu trong chuyển đổi số toàn diện, hướng đến trở thành mô hình mẫu chuyển đổi số của cả nước.

Quảng Ninh là một trong 6 tỉnh, thành phố đầu tiên triển khai thực hiện thành công hệ thống hóa đơn điện tử giai đoạn 1. Qua đó, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian thanh toán. Đến nay, đã có hơn 9.000 doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, đạt 100% các đơn vị đủ điều kiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; 100% bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm hành chính công, trường đại học, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; trên 65,7% số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp tỉnh, 22,8% số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp huyện thanh toán không dùng tiền mặt; trên 85,7% số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt với giá trị thanh toán chiếm 97,2%; trên 77% số doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt với giá trị thanh toán chiếm 87,44%; 98,4% số thu NSNN (thuế, phí, lệ phí) bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt... Hiện việc phủ sóng thông tin di động đến các hộ dân triển khai tới 100% các xã, phường và thị trấn trong toàn tỉnh.

Quảng Ninh đang hướng tới năm 2030 quyết tâm xây dựng, phát triển tỉnh giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng biến đổi khí hậu; khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế; GRDP bình quân đầu người hơn 15.000 USD/năm. Tới năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050, Quảng Ninh là vùng đô thị lớn mang tầm

khu vực và quốc tế, là một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh. Những mục tiêu đó đã và đang được bắt đầu từ hôm nay, từ khát vọng đổi mới, từ tư duy sáng tạo, từ tinh thần đoàn kết thống nhất một lòng của toàn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh. Và hơn hết là từ ý chí, niềm tin và tình yêu để mỗi người con đất mỏ nguyện công hiến, góp sức xây dựng quê hương thêm giàu đẹp./.

THỰC HIỆN LỜI DẠY CỦA BÁC, XÂY DỰNG QUẢNG NINH TRỞ THÀNH TỈNH GIÀU ĐẸP VÀ VỮNG MẠNH

Ths. Trần Thị Thu Trang

Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Quảng Ninh là một trong số những tỉnh được Bác Hồ quan tâm đặc biệt dành thời gian về thăm nhiều lần, Quảng Ninh cũng là tỉnh duy nhất được Bác đồng ý cho dựng tượng của Người khi Người còn sống tại đảo Cô Tô, nay là huyện Cô Tô. Những lần Bác về thăm Quảng Ninh là những sự kiện vô cùng quan trọng, là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Không chỉ những lần về thăm Quảng Ninh, Bác cũng thường xuyên quan tâm tới tình hình của tỉnh, nhiều lần gửi thư, điện hỏi thăm, động viên Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc toàn tỉnh. Trong những lần về thăm đó, Bác đều mong muốn Quảng Ninh trở thành tỉnh giàu đẹp, vững mạnh.

Đã gần 80 năm kể từ lần đầu tiên Bác đặt chân lên vùng đất Quảng Ninh nhưng đó là những kỷ niệm không thể quên của các thế hệ cán bộ và nhân dân Quảng Ninh. Thực hiện di nguyện lúc sinh thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi về thăm Quảng Ninh: “Phải xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp và vững mạnh”¹, những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc toàn tỉnh luôn đoàn kết một lòng, quyết tâm đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, tiên phong. Tầm nhìn mới, cách làm mới, cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ đã giúp tỉnh tìm ra được hướng đi bền vững trên cơ sở phát huy tốt nhất các thế mạnh.

Thiên nhiên ưu ái, ban tặng cho Quảng Ninh những tiềm năng, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh riêng có: Là tỉnh có đường biên giới trên bộ, trên biển, trên không với Trung Quốc; có Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, những đặc sắc của Vịnh Bái Tử Long, có danh thắng Yên Tử, nơi khởi nguồn của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam và trên 500 di tích lịch sử, danh thắng được xếp hạng; có trữ lượng than lớn nhất Đông Nam Á, gắn liền với nền công nghiệp khai khoáng; nơi phát triển sớm phong trào vô sản hoá, dẫn đến sự ra đời Đảng bộ, Đặc khu mỏ vào tháng 10/1930; nơi hình thành ngành công nghiệp than đầu tiên và cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam; xã hội con người Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng.

Hơn 55 năm đã đi qua, lời Bác dạy là “kim chỉ nam” cho quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Ninh. Cả hệ thống chính trị của tỉnh luôn chủ động khắc phục khó khăn, không ngừng vươn lên, đã phát hiện, nhận diện sâu sắc hơn về những tiềm năng, lợi thế cùng với thách thức, khó khăn phải giải quyết và mâu thuẫn nội tại của sự phát triển để đề ra các mục tiêu, định hướng trong từng giai đoạn. Với tư duy dám nghĩ, dám làm, Quảng Ninh đã triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng một cách sáng tạo, trở thành điểm sáng về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đột phá về mô hình tổ chức bộ máy tỉnh

gọn, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, đem lại sự cải thiện rõ rệt hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy từ cấp tỉnh đến cơ sở và đóng góp tiền đề cơ sở lý luận, thực tiễn để Trung ương tổng kết, lan tỏa trong cả nước.... Từ đây nguồn lực con người được khơi thông và được khẳng định qua chính kết quả phát triển kinh tế - xã hội ngày càng toàn diện của tỉnh.

Bằng quyết tâm chính trị cao nhất, giai đoạn 2021 - 2023, tỉnh đã đạt tốc độ tăng trưởng GRDP 10,4%/năm, cao hơn chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra, lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới. Quy mô nền kinh tế năm 2023 dự kiến đạt trên 312.000 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020. GRDP bình quân đầu người năm 2023 dự kiến đạt 9.469 USD, gấp 1,4 lần so với năm 2020, cao nhất khu vực phía Bắc. Tăng trưởng kinh tế GRDP quý I/2023 đạt khoảng 8,06%, đưa Quảng Ninh nằm trong top đầu cả nước và là điểm sáng của phía Bắc về tăng trưởng, tiếp tục khẳng định đà phát triển của một địa phương có tốc độ tăng trưởng GRDP 2 con số trong 7 năm liên tiếp, được đánh giá là một kỳ tích trong giai đoạn đổi mới.

Không chỉ phát triển mạnh mẽ về kinh tế, mục tiêu vì hạnh phúc của Nhân dân cũng được tỉnh Quảng Ninh hiện thực hóa thông qua hàng loạt các nghị quyết, quyết sách, chương trình. Đến hết năm 2022, tỉnh hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), bước vào giai đoạn xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Đồng thời, cũng hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 để chuyển sang giai đoạn xây dựng và triển khai theo chuẩn nghèo đa chiều mới của tỉnh cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

Về kết cấu hạ tầng, những năm gần đây, Quảng Ninh được đánh giá là hình mẫu trong huy động các nguồn lực phát triển hạ tầng giao thông của cả nước, với tổng nguồn vốn đầu tư lớn, trong đó vốn xã hội hóa chiếm trên 75%, tính đến đầu năm 2023 đạt gần 200 km cao tốc (chiếm 10% số km cao tốc trong toàn quốc).

Trong cải cách hành chính, với tư duy mới, Quảng Ninh đã tách dần dịch vụ công ra khỏi quản lý nhà nước với các mô hình mới, như: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp huyện, liên kết đến cấp xã, hoạt động hiệu quả, trở thành trung tâm của nền hành chính phục vụ; Ban Hỗ trợ và Xúc tiến đầu tư tỉnh (IPA) trực thuộc UBND tỉnh, trở thành đầu mối giao dịch duy nhất giữa chính quyền với doanh nghiệp. Kết quả: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Quảng Ninh đứng đầu cả nước 6 năm liên tiếp (2017 - 2022); Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) 5 năm đứng đầu cả nước (2017 - 2020, 2022) và đứng thứ 2 năm 2021; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng thứ nhất 4 năm liên tiếp (2019 - 2022), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đứng thứ nhất năm 2020 và 2022.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, cùng với những thuận lợi, thời cơ, Quảng Ninh đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc Quảng Ninh thực hiện lời dạy của Bác với khát vọng vươn lên, cần tiếp tục đồng lòng đưa Quảng Ninh phát triển trên con

đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trên con đường đó, Quảng Ninh xác định phát triển dựa vào tiềm năng, lợi thế, dựa vào nội lực chủ yếu; nhanh chóng nắm bắt thời cơ, phát triển nhanh, bền vững đồng thời tập trung vào một số nhiệm vụ:

Thứ nhất, quán triệt đồng bộ và xuyên suốt quan điểm “xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”, tiếp tục vận hành tốt những mô hình mới về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phát huy hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, sớm đưa các chủ trương, chính sách vào đời sống. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, sự gương mẫu và quyết liệt của người đứng đầu, tạo sự thống nhất, sức lan tỏa trong nhận thức, quyết tâm hành động, mở rộng dân chủ, phát huy sức mạnh toàn dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tư duy chiến lược về kinh tế đồng bộ với đổi mới về chính trị, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm cảng biển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trở thành đô thị thông minh và tiếp tục phát triển ở những tầm cao mới, dựa trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển các đô thị lõi hạt nhân.

Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại để tạo thêm động lực phát triển nhanh, bền vững. Sớm hoàn thành hệ thống công trình giao thông đồng bộ, hiện đại, đưa Quảng Ninh trở thành trục kết nối giao thông chính của ASEAN và Trung Quốc, tạo đột phá về du lịch và dịch vụ vận tải, logistics. Tiếp tục phát triển nội lực của nền kinh tế, thu hút các nguồn lực phát triển hạ tầng dịch vụ, du lịch, xây dựng các đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và tích cực triển khai mô hình thành phố thông minh, đón đầu xu thế cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và lợi thế của từng địa phương để phát triển dịch vụ trở thành khu vực kinh tế quan trọng hàng đầu. Đẩy nhanh triển khai các dự án hạ tầng du lịch, dịch vụ hiện đại, vươn tầm quốc tế để hình thành các trung tâm du lịch lớn tại Hạ Long, Vân Đồn, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều và Móng Cái; tiếp tục nhân lên những giá trị cảnh quan, thương hiệu quốc tế Vịnh Hạ Long và quảng bá cảnh quan Vịnh Bái Tử Long.

Thứ tư, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, phát huy hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP gắn với các hoạt động du lịch, dịch vụ, văn hóa. Tập trung nguồn lực triển khai Chương trình 135, Đề án 196, đảm bảo đến năm 2020 đưa các xã, thôn, bản ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, giảm nghèo bền vững. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Mở rộng xã hội hóa và các dịch vụ giáo dục, y tế chất lượng cao, tiên phong phát triển giáo dục thông minh. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Thứ năm, đưa văn hóa, con người phát triển đạt đến những chuẩn mực tương xứng với vị thế năng động, tiên phong của tỉnh, góp phần xây dựng tỉnh

Quảng Ninh trở thành “nơi cần đến và nơi đáng sống”. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển liên vùng nhằm khai thác tốt nhất thế mạnh của địa phương và mở rộng khai thác các nguồn lực. Giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng hoạt động hợp tác đối ngoại, ngoại giao nhân dân biên giới.

Trên chặng đường phía trước, khắc ghi tình cảm quý báu đối với vùng than và lời căn dặn của Bác Hồ, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc Quảng Ninh tiếp tục giữ vững niềm tin, quyết tâm xây dựng, khẳng định vị thế mới về một Quảng Ninh năng động, sáng tạo với vai trò động lực, dẫn dắt sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và của cả nước, tạo dựng vị trí vững chắc về một trung tâm du lịch, dịch vụ trên bản đồ quốc tế, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

[1] Lời Bác dặn khi gặp mặt đại biểu công nhân, cán bộ ngành Than và tỉnh Quảng Ninh tại Phủ Chủ tịch ngày 15/11/1968.

TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ QUYẾT TÂM ĐỔI MỚI THỰC HIỆN KHÁT VỌNG CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Thực hiện tinh thần đổi mới và phát triển, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn đột phá trên mọi lĩnh vực của tỉnh Quảng Ninh, trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ những năm qua đã và đang tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện hoạt động dạy và học lý luận chính trị nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.

1. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại, gắn lý luận với thực tiễn.

Trường đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ là đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong tỉnh. Trong những năm qua Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Nhà trường luôn quyết liệt chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị.

Các bài giảng trên lớp đã được giảng viên liên tục cập nhật tính mới, tính khoa học, tính thời sự. Đến nay, 100% giảng viên Nhà trường đã đổi mới phương pháp giảng dạy, cập nhật những kiến thức mới, gắn lý luận với thực tiễn nâng cao chất lượng bài giảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ giảng viên đã coi trọng phương châm “*Người học là trung tâm - Người thầy là động lực - Nhà trường là nền tảng*”; “*Vững lý luận, giỏi phương pháp, sát mục tiêu*”.... Trên cơ sở đó, đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại như: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống...nhằm giúp học viên nghiên cứu, tiếp cận vấn đề, tự khai thác tìm tòi phát triển tư duy độc lập, sáng tạo. Khâu đổi mới phương pháp dạy lý luận chính trị được đội ngũ giảng viên tiến hành theo một trình tự logic chặt chẽ từ khâu chuẩn bị bài giảng, thực hành giảng, hướng dẫn thảo luận, trao đổi, thực hành, đến công tác tổ chức quản lý học tập.

Hệ thống giáo trình, tập bài giảng, tập tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng liên tục được bổ sung, cập nhật theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện biên soạn và xuất bản Tập bài giảng “*Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh*” gồm 6 chuyên đề đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị. Biên soạn, hoàn thiện tài liệu chuyên đề “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”, đưa vào giảng dạy trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị, và phục vụ công tác bồi dưỡng đảng viên mới, bồi dưỡng kết nạp Đảng. Tích cực lồng ghép đưa nội dung các nghị

quyết, chỉ thị và chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh vào các bài giảng trong các phần học của chương trình trung cấp lý luận chính trị. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị đưa chuyên đề về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới vào các lớp bồi dưỡng hằng năm theo kế hoạch của tỉnh được tổ chức tại trường. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng các bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn, dùng lý luận dẫn dắt thực tiễn, lấy thực tiễn để chứng minh lý luận.

2. Đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhận thức đúng đắn vai trò của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong hoạt động của Nhà trường. Đảng ủy Nhà trường đã ban hành Nghị quyết 76-NQ/ĐU ngày 26/10/2020 của Đảng ủy về *“Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2020 - 2025”*, ban hành Quy chế số 04-QC/TĐTCB, ngày 12/5/2021 của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm định hướng cho hoạt động nghiên cứu khoa học tổng kết thực tiễn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Nhà trường hoạt động nghiên cứu khoa học những năm qua đạt được nhiều thành tựu:

Trong 5 năm (từ 2019-2023), Nhà trường đã triển khai thực hiện 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và 20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Nhà trường đã chỉ đạo, phối hợp, tổ chức 5 cuộc hội thảo cấp tỉnh: (1) *“Bác Hồ với quân và Nhân dân đảo Cô Tô”*; (2) *“Vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV vào giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị”*; (3) *“Giải pháp tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo Kết luận số 21-KL/TW”*; (4) *“Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của tác phẩm Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”*; (5) *“Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nhất là thế hệ trẻ”*.

Tổ chức 16 cuộc hội thảo khoa học, tọa đàm cấp trường, cấp khoa với các nội dung: Bác Hồ với *“Sơ khảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa”* của V.I Lênin, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Bác Hồ lần đầu tiên đọc Luận cương của V.I Lênin; *“75 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2020)”*; Hội thảo *“Đổi mới nội dung, phương thức công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ trong thời kỳ mới”*; *“Công tác giảng dạy lý luận chính trị thí điểm cho cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Ninh theo hướng kết hợp truyền thống và hiện đại”*; *“Hiến pháp năm 1946 - 75 năm giá trị lý luận và thực tiễn (09/11/1946-09/11/2021)”*; *“Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ - tấm gương sáng mãi”*; *“Quảng Ninh - 60 năm thực hiện khát vọng phát triển”*....

Nhà trường cũng đã chủ động tổ chức triển khai các mô hình tuyên truyền mới, với những hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả thiết thực lan tỏa, góp phần nâng cao nhận thức, chuyển biến về tư duy và hành động của cấp ủy, cán bộ, đảng viên, học viên, điển hình như: Hội thi *“Học viên học giỏi lý luận chính*

trị; Hội thi Báo cáo viên giỏi cấp trường với chủ đề “Đưa nghị quyết vào cuộc sống”. Qua các Hội thi tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên của Nhà trường tiếp tục được bồi dưỡng, trao đổi, giao lưu, học tập kinh nghiệm, rèn luyện đổi mới phương pháp trong công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, đặc biệt trong các bài giảng chính trị.

Hoạt động nghiên cứu thực tế của giảng viên và học viên luôn được Nhà trường quan tâm và xem đây là nhiệm vụ đồng thời là tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên và học viên. Qua hoạt động thực tế ở cơ sở đã giúp cho đội ngũ giảng viên bổ sung nhiều thông tin sinh động từ thực tiễn, kịp thời cập nhật vào bài giảng.

Hoạt động thao giảng, dự giờ được duy trì thường xuyên. Nhà trường đã thực hiện quy trình chặt chẽ các khâu từ phân công bài giảng, chuyên đề, duyệt giảng, thao giảng, dự giờ, thi giảng viên dạy giỏi... Qua đó, mỗi giảng viên khi được phân công bài giảng, chuyên đề mới đều phải xây dựng cho mình kế hoạch nghiên cứu sưu tầm tài liệu, chuẩn bị giáo án, kế hoạch bài giảng. Thực hiện việc hướng dẫn, góp ý cách triển khai các ý trong bài, nhuần nhuyễn về nội dung trước khi đưa ra Hội đồng khoa học của Nhà trường duyệt giảng. Những bài giảng được Hội đồng thông qua mới được đưa vào giảng dạy chính thức trên lớp.

Từ những giải pháp sáng tạo trong hoạt động khoa học đã nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học giúp cho giảng viên không chỉ nắm vững kiến thức lý luận mà còn am tường thực tiễn, qua đó tích cực đổi mới nội dung, phương pháp dạy học gắn kết lý luận và thực tiễn, nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị.

3. Đổi mới công tác quản lý, chú trọng chấn chỉnh việc học tập lý luận chính trị và rèn luyện tu dưỡng về tư tưởng, chính trị, đạo đức, trong cán bộ, đảng viên, học viên.

Nhằm tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị, đẩy mạnh các hoạt động ngăn ngừa các biểu hiện lười học, ngại học lý luận chính trị, Ban Giám hiệu đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-TĐTCB về việc cụ thể hóa việc thực hiện quy chế quản lý đào tạo trung cấp lý luận chính trị và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Thường xuyên quán triệt trong học viên gắn học tập lý luận chính trị với rèn luyện, nâng cao ý thức, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân trong học viên. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát, đề cao ý thức tự giác của học viên. Triển khai nhiều biện pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn với đấu tranh, ngăn chặn những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong học tập lý luận chính trị. Trong đó, tập trung các biện pháp như: (1) Định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị công tác chủ nhiệm và ban cán sự lớp để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng học viên, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đồng thời quán triệt, triển khai nhiệm vụ của năm học mới. (2) Thường xuyên quán triệt bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ chí Minh ban hành; Quy định về việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại trường Đào tạo cán

bộ Nguyễn Văn Cừ ban hành kèm theo Quyết định số 1183-QĐ/TU, ngày 01/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các quy định thực hiện văn hóa trường Đảng, văn minh công sở, đạo đức công vụ với các tiêu chí áp dụng “5 xin”, thực hiện “5 luôn”, ghi nhớ “5 không” và cùng chia sẻ “2 nhớ, 1 đừng quên”. (3) Triển khai quản lý học viên theo sơ đồ chỗ ngồi, đặt biển tên học viên, lắp đặt hệ thống camera giám sát; (4) Phát huy vai trò, trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, đồng chủ nhiệm, ban cán sự các lớp; chú trọng quản lý các hoạt động thu, chi quỹ lớp, đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích; (5) Phối hợp với các cấp ủy đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý học viên; (6) Duy trì công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đặc biệt là kiểm tra đột xuất, không báo trước đối với các lớp... Tham mưu Tỉnh ủy thành lập Ban Giám sát thực hiện việc giám sát các kỳ thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm đảm bảo việc đánh giá đúng thực chất trong hoạt động dạy và học. Nhờ những giải pháp đồng bộ và hiệu quả đã cơ bản khắc phục được tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị trong một bộ phận học viên, từng bước ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

4. Đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Xác định vai trò quan trọng của ngũ giảng viên, nhân tố quyết định đến chất lượng dạy và học. Nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn theo quy định, Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Nhà trường tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc việc kiện toàn nhân sự cán bộ, thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên trong từng giai đoạn phát triển của Trường. Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức cán bộ, giảng viên đi đào tạo sau đại học; đồng thời, kết hợp chặt chẽ với bồi dưỡng tại chỗ, nhằm nâng cao năng lực toàn diện. Đồng thời, làm tốt chế độ, chính sách, khuyến khích, động viên cán bộ, giảng viên tích cực học tập, tích lũy các tiêu chí để đạt tiêu chuẩn các chức danh chuyên môn, khoa học. Nhờ các giải pháp đồng bộ, đến nay chất lượng đội ngũ đội ngũ giảng viên không ngừng được nâng lên. Về trình độ chuyên môn: có 35/36 giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên và có chuyên ngành phù hợp theo quy định, đạt 97,22% (*trong đó: 03 tiến sĩ, 02 đang học tiến sĩ*); trình độ lý luận chính trị: 43/46 có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp và đang học trung cấp trở lên, chiếm 93,47%. 100% giảng viên có chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực hoặc Bằng tốt nghiệp đại học sư phạm; 34/36 giảng viên đã được bồi dưỡng và có chứng chỉ kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong các kỳ thi giảng viên giỏi cấp quốc gia Nhà trường luôn có giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi xuất sắc cấp học viện.

Bên cạnh những kết quả đạt được quá trình, công tác đổi mới công tác dạy và học lý luận chính trị hiện vẫn còn một số hạn chế, chưa tạo được bước đột phá, thay đổi rõ nét về tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện học lấy bằng cấp, nên còn thiếu chủ động, tích cực, ngại học, lười học tập, nghiên cứu lý luận chính trị. Một số, cơ quan, đơn vị chưa thực sự tạo điều kiện về thời gian, công việc, nên cán bộ đi học vẫn còn

phân tán tư tưởng, chưa tập trung toàn tâm, toàn ý cho việc học tập. Đội ngũ giảng viên tuy được đào tạo khá bài bản, chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, song một số còn thiếu kinh nghiệm, thiếu trải nghiệm thực tiễn, nên khả năng vận dụng giữa lý luận và thực tiễn chưa thực sự nhuần nhuyễn.

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong quá trình đổi mới hoạt động dạy và học lý luận chính trị, thiết nghĩ thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của các chủ thể về tầm quan trọng của đổi mới công tác giảng dạy lý luận chính trị.

Các chủ thể tham gia, có tác động đến quá trình giảng dạy, học tập lý luận chính trị gồm: Giảng viên, học viên, nhà trường (Đảng ủy, Ban Giám hiệu), cấp ủy và thủ trưởng các cơ quan đơn vị cử cán bộ đi học. Để triển khai một cách quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đổi mới hoạt động giảng dạy lý luận chính trị, cần phải quán triệt nâng cao nhận thức cho cả 04 chủ thể này về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị.

Đối với cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cần phải hết sức coi trọng công tác đào tạo lý luận chính trị; phải tạo điều kiện, giao nhiệm vụ khi cử cán bộ đi học. Cần hết sức tránh nhận thức việc cử cán bộ đi học như là một việc “tạo điều kiện”, “ưu ái”...Mà phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy, và trực tiếp là cán bộ được cử đi học. Tránh tình trạng cử cán bộ đi học nhưng vẫn yêu cầu cán bộ về cơ quan đơn vị để giải quyết việc. Tạo điều kiện tối đa để cán bộ tham gia học tập lý luận chính trị toàn tâm với quá trình học tập.

Đối với nhà trường, cần đặt vấn đề đổi mới công tác giảng dạy lý luận chính trị là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên coi đây là tiêu chí để đánh giá năng lực, hiệu quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, có các hình thức tôn vinh, động viên, khích lệ đội ngũ giảng viên. Tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, chế độ đãi ngộ để giảng viên toàn tâm, toàn ý cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy.

Nâng cao tính tự giác tích cực, chủ động của người học tập lý luận chính trị. Thực tế hiện nay vẫn còn học viên lười học, ngại học lý luận chính trị. Động cơ học tập không trong sáng, vẫn còn tư tưởng học vì bản cấp đủ điều kiện đề bạt, bổ nhiệm chức vụ trong công tác. Bởi vậy, người học chưa toàn tâm, toàn ý, chưa tích cực, chủ động, tự giác trong học tập lý luận chính trị.

Hai là, xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, đã xác định một trong các một trong những giải pháp quan trọng để đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị là củng cố, nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên. Đội ngũ giảng viên, là chủ thể của quá trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Để đổi mới quá trình dạy và học lý luận chính trị, bản thân mỗi giảng viên, phải không ngừng tự đổi mới, nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất

đạo đức, năng lực nghề nghiệp của mình để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

Đây mạnh hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cả về nội dung, phương pháp giảng dạy. Đây là biện pháp có tính chất trực tiếp quyết định cho việc đảm bảo quá trình đổi mới dạy và học, nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị. Vì vậy, cần quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên. Xây dựng lộ trình cụ thể về kế hoạch đi đào tạo tiến sỹ theo năm, giai đoạn, trong đó lãnh đạo trường, khoa, phòng phải thực sự nêu gương, tiên phong đi đầu.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt việc tham mưu, nghiên cứu, biên soạn, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Đây là biện pháp hết sức quan trọng, là cơ sở để thực hiện vấn đề tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị, bởi lẽ xét về thực chất, phương pháp chính là sự vận động của nội dung, nếu nội dung không đảm bảo được tính khoa học, tính hiện đại thì cũng khó có thể thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy đảm bảo tốt tính khoa học, hiện đại, thiết thực.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới công tác giảng dạy lý luận chính trị.

Giảng viên cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn, giảng để các bài giảng thêm phong phú, sinh động. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cho giảng viên kết hợp một cách hiệu quả giữa phương pháp giảng dạy truyền thống với phương pháp giảng dạy tích cực, giữa giảng trực tiếp và giảng trực tuyến.

Xây dựng thư viện điện tử trong Nhà trường. Số hóa tài liệu học tập lý luận chính trị là một trong những cách thức hữu hiệu để đổi mới hoạt động dạy và học lý luận chính trị. Số hóa giáo trình là việc chuyển đổi những trang sách truyền thống in trên giấy thành các file dữ liệu kỹ thuật số dễ dàng lưu giữ và chia sẻ mọi lúc mọi nơi trên môi trường kết nối internet. Giảng viên và học viên dễ dàng truy cập vào nguồn dữ liệu, vừa tiết kiệm chi phí in ấn, vừa đảm bảo tốc độ truy cập giúp cho người học chủ động trong tìm kiếm tri thức.

Năm là, đổi mới các cách thức đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho phù hợp với thực tiễn.

Thực tiễn luôn vận động và biến đổi không ngừng nên để đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị có hiệu quả cần phải đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng. Đó là kết hợp các cách thức đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp, lấy giảng viên là trung tâm sang hình thức đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, lấy học viên làm trung tâm. Đồng thời kết hợp các phương pháp giảng dạy truyền thống với các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến, có sự tích hợp của các phương tiện kỹ thuật hiện đại để tăng tính trực quan, hấp dẫn cho các bài giảng; kết hợp học tập lý luận chính trị với nghiên cứu, vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo cần cân đối phù hợp thời gian giảng

dạy trực tiếp trên lớp với trao đổi, thảo luận, các hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu thực tế để học viên có cơ hội được vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, kiểm nghiệm, kiểm chứng những kiến thức lý luận chính trị vào hoạt động thực tiễn. Ngoài ra, thông qua việc trao đổi, thảo luận, học viên có điều kiện bổ sung kiến thức cho nhau, củng cố những kiến thức đã học, đồng thời phát huy được khả năng sáng tạo trong học tập lý luận chính trị./.

TINH THẦN “KỶ LUẬT VÀ ĐỒNG TÂM” VỚI KHÁT VỌNG 60 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NINH

Ths. Phạm Thị Vân Anh

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Quảng Ninh - Nơi tôi sinh ra, lớn lên, làm việc tại đây. Những ngày mùa thu tháng 10, ánh nắng chói chang rực rỡ của mùa hè nhường chỗ cho màu nắng vàng hoe như mật ong, bầu trời trong xanh, cao vời vợi, thi thoảng có vài con gió hiu hiu dịu mát cái mát mẻ làm cho tiết trời dịu dàng hơn. Trong không khí tung bừng, phấn khởi của đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang thi đua, lập thành tích cùng với nhiều hoạt động vô cùng ý nghĩa chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh. Hòa trong không khí đó, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tổ chức Hội thảo khoa học cấp trường “*Quảng Ninh - 60 năm thực hiện khát vọng phát triển*”. Nhưng khác với những lần viết bài tham gia hội thảo, với tôi bài viết này vừa thể hiện quan điểm khoa học của một người làm khoa học nhưng cũng chứa tình cảm của một người con quê hương Quảng Ninh. Tôi xin chọn chủ đề: *Tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”* với khát vọng 60 năm xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh.

Quảng Ninh được nhắc tới là vùng mỏ, vùng than giàu truyền thống văn hóa, lịch sử. Trong đó văn hóa công nhân mỏ - văn hóa riêng có, là bản sắc đặc trưng của Quảng Ninh. Và tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” đã viết nên những trang sử hào hùng cho mảnh đất này, mãi mãi là tài sản tinh thần vô giá, là niềm tự hào, là sức mạnh to lớn của các thế hệ người dân tiếp tục hiện thực hóa khát vọng xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh.

Truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” được hình thành từ giữa thế kỷ XIX khi những nhất cuộc đầu tiên khai thác mỏ than tại núi Yên Lãng (Đông Triều) theo chỉ dụ của vua Minh Mạng. Cùng với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở vùng Đông Bắc, lực lượng công nhân mỏ được hình thành và phát triển ngày càng đông đảo. Đội ngũ công nhân xuất thân từ nhiều vùng miền khác nhau, sống đoàn kết, quần tụ thành các xóm thợ, lán thợ, làng công nhân, khu phố thợ... Trong quá trình lao động, sản xuất hầm lò, nhất là đấu tranh cách mạng chống lại ách áp bức hà khắc của thực dân và tay sai, công nhân mỏ phải đoàn kết, đồng tâm thành một khối thống nhất để cộng hưởng sức mạnh đấu tranh. Từ khi Đảng ta ra đời, đoàn kết thống nhất là một nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nên phẩm chất đó càng được rèn giũa, phát huy, nâng lên tầm cao mới. Hơn nữa, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao; sản xuất công nghiệp theo dây chuyền, mang tính chuyên môn hoá nên bắt buộc người lao động phải rèn tính kỷ luật, tuân thủ tuyệt đối kỷ luật lao động và kỷ luật tổ chức. Đặc biệt, trong quá trình đấu tranh cách mạng, đội ngũ công nhân mỏ sớm giác ngộ được sứ mệnh lịch sử, kết thành một khối vững chắc, hình thành nên giá trị cốt lõi của tinh thần kỷ luật và đồng tâm. Cuộc Tổng đình

công ngày 12/11/1936 đã viết lên trang sử chói ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thợ mỏ Việt Nam, đã đi vào lịch sử và trở thành ngày Truyền thống của công nhân Mỏ, truyền thống ngành Than. Cuộc bãi công bắt đầu từ Cẩm Phả rồi lan rộng ra phạm vi toàn khu mỏ với khẩu hiệu đấu tranh cách mạng “Kỷ luật và đồng tâm, ta nhất định thắng”. Báo Le Travail ngày 27/11/1936 đã ca ngợi: “Họ đã tỏ rõ tinh thần đoàn kết vô sản một cách vô cùng tốt đẹp. Họ đã nấu chung bữa cháo cuối cùng với những nắm gạo cuối cùng và thề sẽ đấu tranh quyết liệt...”. Giá trị tinh thần từ khẩu hiệu đấu tranh của cuộc Tổng đình công năm xưa được phát huy qua các thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, bảo vệ biên giới phía Bắc và tiếp tục trở thành hành trang vô giá của người Quảng Ninh trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước trong những năm đổi mới. Kỷ luật và đồng tâm - đoàn kết và thống nhất trở thành một truyền thống quý báu, mà cao hơn là một giá trị văn hóa Quảng Ninh.

Trước khí thế cách mạng của cả nước, đồng bào, chiến sĩ, nhân dân Vùng mỏ sục sôi, vùng lên đấu tranh giành chính quyền, đưa Quảng Ninh trở thành địa phương giành chính quyền sớm nhất trong cả nước. Cuộc đấu tranh của quân dân Vùng mỏ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cả dân tộc trong cuộc Tổng khởi nghĩa mùa Thu tháng Tám năm 1945.

Tiếp theo đó là cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng chống thực dân Pháp của quân và dân Quảng Ninh để giải phóng khu mỏ ngày 25/4/1955. Với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Vùng mỏ Quảng Ninh với truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” lại cùng với quân dân cả nước ghi nhiều chiến công, góp phần làm thất bại cả hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ.

Không chỉ kiên cường trong chiến đấu, công nhân, nông dân cùng các tầng lớp lao động trong tỉnh vẫn giữ vững nhịp độ sản xuất, đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Sản xuất than ở Vùng mỏ là trọng điểm của cả nước. Người thợ mỏ làm việc gấp đôi, gấp ba để vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong năm 1964, Quảng Ninh hoàn thành vượt mức khai thác 1 triệu tấn than đề ra, đưa tỉnh trở thành đầu tàu trong ngành công nghiệp khai thác than của cả nước.

Đất nước thống nhất, quân dân Quảng Ninh bước vào giai đoạn kiến thiết Vùng mỏ ngày càng giàu đẹp hơn vượt qua những khó khăn, trở ngại. Nỗ lực không ngừng đổi mới và phát triển, ngành Than hiện là một trong 3 trụ cột quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” đã lan tỏa trở thành sức mạnh tinh thần và giá trị văn hóa cho lớp lớp thế hệ công nhân mỏ và cán bộ, nhân dân Quảng Ninh thực hiện khát vọng bảo vệ, xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng phát triển trên mọi ngành, mọi lĩnh vực. Sau hơn 35 năm đổi mới, Quảng Ninh hôm nay đã vươn mình trở thành trung tâm công nghiệp than, nhiệt điện và vật liệu xây dựng của cả nước; ẩy du lịch làm ngành kinh tế mũi nhọn gắn với đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. Phân đầu là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Tốc độ tăng

trường kinh tế, thu ngân sách và thu nhập đầu người duy trì ở mức cao. Quảng Ninh cũng là một trong số ít tỉnh tự cân đối ngân sách và chủ động đổi mới trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đột phá trong cải cách hành chính, phương thức đầu tư kết cấu hạ tầng và xây dựng đô thị; giữ vững quốc phòng - an ninh nhất là ở vào các giai đoạn quan trọng, ở những sáng tạo đột phá hay những thời điểm nguy nan... Đặc biệt, trong những năm qua, đại dịch COVID-19 tác động khó khăn đến mọi hoạt động kinh tế, xã hội, Quảng Ninh đã khẳng định được ý chí vững vàng, quyết tâm phát triển và đổi mới tư duy không ngừng. Tinh thần “Kỷ luật - Đồng tâm” lại một lần nữa góp phần “chống dịch như chống địch” với phương châm “3 trước, 4 tại chỗ”; dự phòng, tích cực, chủ động, từ xa, từ sớm, từ cơ sở, từ đó thực hiện hiệu quả mục tiêu kép, vừa chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, vừa ổn định kinh tế - xã hội, phục hồi các ngành sản xuất, giữ đà tăng trưởng trong trạng thái bình thường mới. Tỉnh đã tích cực chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược, đạt những thành tựu ấn tượng. GRDP tăng trưởng 2 con số trong 7 năm liên tiếp trong giai đoạn 2016 - 2022, trong đó, năm 2022 đạt 10,28%. Quy mô kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 ước đạt 269 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt trên 8.200 USD, gấp đôi bình quân chung cả nước. Cùng với phát triển kinh tế, tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm giải quyết tốt, hài hòa các vấn đề xã hội, đặc biệt trong phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh và công bằng, tiến bộ xã hội; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh.

Quảng Ninh lấy con người là trung tâm của phát triển bền vững và mọi sự phát triển đích cuối đều vì hạnh phúc của nhân dân; phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Mọi người dân đều được hưởng những thành quả của đổi mới, không chỉ ngày càng no ấm về vật chất, mà còn có đời sống tinh thần phong phú, môi trường sống và sinh thái lành mạnh, an toàn, mỗi cá nhân đều được tôn trọng, tự do và bình đẳng phát triển toàn diện, công bằng trong tiếp cận nguồn lực và tiếp cận các dịch vụ công cộng, được tham gia, đóng góp và thụ hưởng, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho xã hội.

Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong cả nước đưa mục tiêu giữ vị trí nhóm đầu 4 chỉ số cải cách hành chính vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và ban hành riêng nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về vấn đề này.

Những kết quả này khẳng định: truyền thống “Kỷ luật - Đồng tâm” cùng với bản lĩnh chính trị, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo của Quảng Ninh, đưa Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, khẳng định vị trí, vai trò của một cực tăng trưởng năng động của cả nước. Như nguyện ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn, “tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp”, “giàu đẹp” một cặp song hành không tách rời nhau, “giàu” về kinh tế, “giàu” truyền thống; “giàu” tình yêu thương, “giàu” về trí tuệ... và “đẹp” ở văn hóa, “đẹp” ở lòng người, “đẹp” ở cảnh quan thiên nhiên. “Giàu đẹp” cả những giá trị cao quý và bình dị nhất.

Với bản lĩnh và khí chất vững vàng, với tinh thần kiên cường, bất khuất của Vùng mỏ cùng với truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” lại tiếp tục được hun đúc, toả sáng với những quyết sách táo bạo, hợp lý và phù hợp với thực tiễn, trong thời kỳ Đổi mới. Thế hệ người Quảng Ninh hôm nay vẫn miệt mài lao động sáng tạo để đi tới, viết tiếp những trang sử tự hào cho mai sau nhằm hiện thực hóa giấc mơ Quảng Ninh với một sức sống mới, một diện mạo mới tươi sáng. Với sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực không ngừng nghỉ của chính quyền và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Bất cứ ở đâu và lúc nào, truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” vẫn luôn được phát huy với sự vào cuộc tổng lực của cả hệ thống chính trị và toàn dân trên những chặng đường phát triển của tỉnh với các đặc trưng “Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Nhân dân hạnh phúc”.

Cuối cùng xin mượn lời 4 câu thơ trong bài thơ Mời bạn đến với Quảng Ninh của tác giả Bằng Lăng Tím, muốn gửi lời mới tới các bạn gần xa về thăm quê hương tôi và qua đây bày tỏ niềm tự hào, tình yêu về quê hương Quảng Ninh “giàu đẹp”.

Mời bạn đến Quảng Ninh tươi đẹp
Biển bao la... đất thép thành đồng

Sử vàng ghi những chiến công
Quảng trường lịch sử nắng hồng chiều vương

***(Trích bài thơ: Mời Bạn Đến Với Quảng Ninh
Tác giả: Bằng Lăng Tím)***

PHÁT HUY TIỀM NĂNG DU LỊCH - PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN Ở QUẢNG NINH

Ths. Phạm Thị Vân Anh

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Quảng Ninh được biết đến là một “Việt Nam thu nhỏ”, với rất nhiều tiềm năng lợi thế phát triển kinh tế. Trong những năm qua, Quảng Ninh phát triển theo hướng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp, với những nỗ lực, bút phá đầy quyết tâm, bức tranh công nghiệp của tỉnh đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Gắn liền với đó, định hướng phát triển của Quảng Ninh trong thời gian tới đã nêu rõ trong Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh ngày 24/5/2013 về phát triển du lịch giai đoạn 2013-2020: “Xây dựng Quảng Ninh thành một trung tâm du lịch quốc tế, một trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh mang đậm bản sắc văn hoá các dân tộc trong tỉnh, có năng lực cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế; thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng - an ninh”²⁵.

Kinh tế du lịch là một loại hình kinh tế có tính đặc thù mang tính dịch vụ, và thường được xem như ngành công nghiệp không khói, gồm có du lịch quốc tế và du lịch trong nước; có chức năng, nhiệm vụ tổ chức việc khai thác các tài nguyên và cảnh quan của đất nước (tài nguyên thiên nhiên, phong cảnh, kinh tế, văn hoá, lịch sử, vv.) nhằm thu hút khách du lịch trong nước và ngoài nước, tổ chức buôn bán, xuất nhập khẩu tại chỗ hàng hoá và dịch vụ cho khách du lịch. Là một ngành dịch vụ thu ngoại tệ, góp phần quan trọng trong việc tăng thu nhập quốc dân.

Phải khẳng định rằng Quảng Ninh là tỉnh rất giàu tiềm năng tài nguyên du lịch, thuận lợi phát triển thành trung tâm du lịch của quốc gia và thế giới. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều những điểm đến du lịch với các tài nguyên vật thể và phi vật thể, “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, với Vịnh Hạ Long - kỳ quan, di sản thiên nhiên của thế giới - bên cạnh Bái Tử Long, có Yên Tử - trung tâm gốc của Phật giáo Việt Nam; có nền văn hoá đa dạng, giao thoa, hội tụ các giá trị Việt; cùng với sự quyết tâm của hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh xây dựng một thể chế phát triển kinh tế du lịch ở Quảng Ninh. Tạo dựng môi trường, nền tảng, trở thành một “cú huých” tạo đà cho Quảng Ninh hướng tới mục tiêu thành một trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế đóng góp vào hiện thực khát vọng

²⁵ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2013), *Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 25/5/2013 về phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh, Giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030*, Quảng Ninh

phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh.

Đầu tiên có thể nhận thấy rằng với vị trí địa lý và khả năng mở rộng, liên kết hợp tác trong và ngoài khu vực là một thuận lợi cho phát triển kinh tế du lịch Quảng Ninh.

Có thể coi thương hiệu Vịnh Hạ Long chính là một trong những thế mạnh du lịch lớn nhất của Quảng Ninh. Thương hiệu Vịnh Hạ Long đã mang lại cho Quảng Ninh những lợi thế so sánh đối với các địa phương khác trong cả nước. Vịnh Hạ Long là một tài nguyên du lịch đặc sắc có nhiều giá trị nổi trội mang tầm quốc tế.

Tuy nhiên, các giá trị, thương hiệu và uy tín của Vịnh Hạ Long không thể tách rời hệ thống tài nguyên du lịch Quảng Ninh, đặc biệt là các tài nguyên du lịch biển đảo. Quảng Ninh có một vùng biển đảo đặc trưng, liên hoàn. Hệ thống tài nguyên này trải dài 250 km với con số hơn 2.000 hòn đảo của tỉnh chiếm hơn hai phần ba số đảo trên toàn quốc nối liền các vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, huyện đảo Vân Đồn, vườn Quốc gia Bái Tử Long, huyện đảo Cô Tô, đảo Vĩnh Thực, bãi biển Trà Cổ của thành phố Móng Cái với rừng Quốc gia Cát Bà (khu dự trữ sinh quyển thế giới) và hệ thống tài nguyên biển của thành phố Hải Phòng... Chuỗi tài nguyên biển đảo này giao thoa, cộng hưởng, hòa trộn với nhau, tạo ra một vùng biển đảo có qui mô đặc biệt lớn, không gian tương như vô tận làm cho giá trị cảnh quan vịnh Hạ Long tăng lên nhiều lần, nổi trung tâm du lịch Hạ Long với các vùng phụ cận, thực hiện các chương trình du lịch dài ngày, liên kết nhiều loại hình sản phẩm, dịch vụ khác nhau, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, tham quan đáy biển, xây dựng bảo tàng sinh thái, công viên đại dương, công viên chuyên đề...

Những giá trị Lịch sử, Văn hóa, Tín ngưỡng: Toàn bộ giá trị lịch sử - văn hóa trên vùng đất Quảng Ninh được thể hiện khái quát thông qua hơn 600 di tích lịch sử - văn hóa các loại bao gồm những chùa, đền, lăng tẩm và các danh thắng. Trong số đó, có 64 di tích được công nhận ở cấp quốc gia. Yên Tử là một quần thể Di tích lịch sử danh thắng đặc biệt.

Các giá trị tự nhiên khác: Quảng Ninh có nhiều hồ/đập, thác nước gắn liền với cảnh quan rừng/núi rất tốt cho phát triển du lịch sinh thái. Địa hình Quảng Ninh có một số núi cao, đẹp, có thảm thực vật và hệ sinh thái đa dạng, có khả năng đầu tư phát triển du lịch, nổi bật là núi Yên Tử (thành phố Uông Bí), núi Bài Thơ, núi Chùa Lôi/Lôi Âm (thành phố Hạ Long), núi Kỳ Thượng (huyện Hoành Bồ), núi Chúc Bài Sơn (huyện Hải Hà)...

Văn hóa bản địa và những tài nguyên nhân văn khác: Xét về tính đa dạng dân tộc, tỉnh Quảng Ninh gồm có 22 dân tộc. Các nhóm dân tộc này sống trong cộng đồng riêng của họ, có phương ngữ riêng và các đặc tính dân tộc riêng. Tính đa dạng dân tộc với các tài sản văn hóa bao gồm kiến trúc địa phương, hàng thủ công mỹ nghệ như thêu thùa, đồ gốm, âm nhạc và các lễ hội.

Quảng Ninh có nhiều lễ hội văn hóa, dân gian truyền thống mang đặc trưng văn hóa Việt Nam. Ngoài ra còn một số hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian khác.

Cùng với sự chuyển biến trong nhận thức phát triển du lịch từ Trung ương đến địa phương, trong đó có Quảng Ninh, triển khai thực hiện cụ thể trong điều kiện địa phương với tiềm năng thế mạnh sẵn có, Quảng Ninh là một trong những tỉnh sớm quan tâm và đưa ra đường lối chủ trương, chương trình hành động cụ thể về phát triển KTDL. Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV xác định: “Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía bắc”²⁶.

Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ theo hướng hiện đại, dịch vụ trở thành khu vực kinh tế quan trọng hàng đầu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Hình thành các trung tâm du lịch, thương mại chất lượng cao, khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp có casino; đồng thời phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ có lợi thế khác như: Dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ thông tin truyền thông, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề, dịch vụ khoa học công nghệ... theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và quốc tế.

Từ phát triển hạ tầng giao thông, tỉnh đã tập trung mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng phục vụ du lịch cũng như đa dạng hoá các sản phẩm du lịch đồng bộ, hiện đại, hấp dẫn để tạo ra những bước phát triển đột phá mang đậm “chất” riêng. Không gian du lịch của Quảng Ninh cũng được mở rộng với việc tăng cường liên kết vùng, kết nối 4 trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh, đảm bảo tính bền vững, gắn với các sản phẩm đặc thù và nổi trội, bao gồm: Vùng du lịch trung tâm tại TP Hạ Long và vùng phụ cận; vùng du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh tại Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên; vùng du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp tại huyện Vân Đồn, Cô Tô và vùng du lịch biên giới tại khu vực Móng Cái và vùng lân cận. Đồng thời, phát triển không gian du lịch mới ở các địa bàn tiềm năng như: Hải Hà, Tiên Yên, Bình Liêu... Qua đó, từng bước khai thác được thế mạnh, giá trị nổi trội về cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương.

Minh chứng là lượng khách du lịch đến Quảng Ninh mỗi năm lại tăng hơn năm trước, kéo theo nguồn thu từ lĩnh vực này cũng hết sức ấn tượng. Giai đoạn 2016-2020, tổng lượng khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 53 triệu lượt; tổng thu từ lĩnh vực du lịch đạt trên 100.000 tỷ đồng. Hoạt động du lịch đã góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ “nâu” sang “xanh”.

Trong 7 tháng của năm 2023, tỉnh Quảng Ninh đón khoảng 10,8 triệu lượt khách, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2022; một số lượng lớn du khách quốc tế đã quay trở lại, chủ yếu là từ thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Pháp, Anh, Australia, Đức, Malaysia và Canada.

²⁶ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV*, tr.58, Hạ Long.

Quảng Ninh đang hướng tới mục tiêu đến năm 2024 sẽ đón được ít nhất 16 triệu lượt khách du lịch, trong đó có ít nhất 3 triệu lượt khách du lịch quốc tế. Đến năm 2025, du lịch Quảng Ninh chuyển sang giai đoạn phát triển mạnh mẽ, phần đầu đón được khoảng 17,5 triệu lượt khách, trong đó có ít nhất 4,5 triệu lượt khách quốc tế. Dự kiến, ngành Du lịch sẽ nâng dần tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh qua từng năm, cụ thể đến năm 2024 sẽ đóng góp trực tiếp 10-11%, năm 2025 đóng góp 11-12%, năm 2030 đóng góp 15%.

Đặc biệt, đến năm 2030, du lịch Quảng Ninh phát triển thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và bền vững. Khi đó, Quảng Ninh sẽ khẳng định vai trò là một trung tâm du lịch kết nối khu vực và quốc tế, một trọng điểm du lịch hàng đầu của quốc gia, phần đầu đón được ít nhất 25,5-26 triệu lượt khách du lịch, trong đó có ít nhất 8,6-9 triệu lượt khách du lịch quốc tế; tốc độ tăng trưởng bình quân về khách du lịch giai đoạn 2025-2030 đạt 10-11%/năm. Đây là mục tiêu chung của Đề án phục hồi và phát triển bền vững ngành Du lịch Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 mà UBND tỉnh Quảng Ninh vừa phê duyệt (theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND) trong tuần đầu tháng 8 vừa qua.

Quảng Ninh xác định sẽ trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và quốc tế, địa bàn trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia, trung tâm nghỉ dưỡng giải trí cao cấp.

Mặc dù có nhiều nỗ lực, nhưng do đặc thù địa hình, khí hậu, khách du lịch đến Quảng Ninh hiện mới chỉ tập trung vào mùa hè, rải rác vào mùa đông với khách du lịch nước ngoài. Để tiếp tục phát huy lợi thế cạnh tranh, tỉnh đang tập trung phát triển không gian du lịch, đổi mới về chất lượng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương. Nhiều chính sách hỗ trợ quảng bá, xúc tiến, kích cầu du lịch đem lại hiệu quả thiết thực; mở rộng liên doanh, liên kết vùng với các đối tác trong và ngoài nước; hướng đến xây dựng điểm đến 4 mùa; phát triển kinh tế đêm.

Bước sang giai đoạn mới, để phát triển du lịch, dịch vụ nhanh, bền vững, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế khác biệt của tài nguyên du lịch gắn với phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao, đưa ngành du lịch ngày càng giữ vai trò chủ đạo, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GRDP của tỉnh.

Trong những năm qua du lịch Quảng Ninh đã xây dựng và định vị được thương hiệu của mình. Quảng Ninh được biết đến là một trung tâm du lịch của Việt Nam, và là điểm đến hấp dẫn của thế giới. Chính vì điều này, ngành kinh tế du lịch của Quảng Ninh đã dần trở thành ngành kinh tế chủ lực, có những đóng góp tích cực trong sự phát triển KT-XH của tỉnh, và ngành du lịch của Việt Nam nói chung.

Trên hành trình đổi mới và phát triển cùng với xu thế hội nhập, tỉnh Quảng Ninh đã sớm chủ động nhận diện và định vị lại vị trí của mình trong chuỗi giá trị quốc gia và quốc tế để từ đó xác định rõ hơn mục tiêu cũng như định hướng phát triển. Quảng Ninh đã xác định và tổ chức thực hiện đồng bộ 3 khâu đột phá

chiến lược là kết cấu hạ tầng, cải cách thể chế, đào tạo nguồn nhân lực, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững và chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, xây dựng Quảng Ninh trở thành một Trung tâm du lịch quốc tế, một trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia, có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc, có năng lực cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế; thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực thúc đẩy phát triển KT-XH nhanh, bền vững./.

**CÙNG CỐ VÀ PHÁT HUY MỐI QUAN HỆ ĐẢNG LÃNH ĐẠO,
NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ, NHÂN DÂN LÀM CHỦ GÓP PHẦN XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NINH GIÀU ĐẸP, VĂN MINH**

Ths. Nguyễn Minh Hải

Phó Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Quảng Ninh - miền đất địa đầu vùng Đông bắc của Tổ quốc mang trong mình những giá trị riêng biệt; là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, độc đáo; nơi lưu giữ các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long; nơi Đức vua Trần Nhân Tông hóa Phật, phát tích của thiền phái Trúc Lâm, cùng hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc; là “cái nôi” của giai cấp công nhân Việt Nam, có truyền thống cách mạng của công nhân vùng mỏ với di sản tinh thần vô giá “Kỷ luật và đồng tâm”. Với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng, Quảng Ninh được ví như một “*Việt Nam thu nhỏ*”; được xác định là một địa bàn chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, là cửa ngõ hội nhập với thế giới của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ... Con người nơi đây hội tụ, giao thoa trong sự thống nhất, đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Văn hóa Quảng Ninh là sự kết hợp hài hòa giữa những tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp. Suốt chiều dài lịch sử, các thế hệ người dân Quảng Ninh đã đồng lòng, chung sức vượt khó khăn, gian khổ tập hợp, đoàn kết, chia sẻ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau làm xoay chuyển tình hình, giải quyết được những mục tiêu đột phá.

Trong những năm qua, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, những thành quả của các thế hệ đi trước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã tích cực xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đều phát huy tốt quyền làm chủ của Nhân dân, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tạo động lực và nguồn lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững.

1. Thực tiễn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ ở tỉnh Quảng Ninh

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, trong đó, Nhân dân có vai trò vô cùng to lớn. Hằng năm căn cứ vào tình hình thực tiễn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đều đề ra Chủ đề công tác năm với nội hàm thiết thực hiệu quả gắn chặt vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng; sự quản lý, điều hành của chính quyền; khích lệ, khơi dậy khát vọng, quyền làm chủ của Nhân dân.

Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân thông qua việc lãnh đạo MTTQ các đoàn thể nhân dân triển khai các chủ trương nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ, tiêu biểu là việc triển khai các cuộc

vận động, các phong trào thi đua yêu nước: cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Chương trình xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế”, Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”, phong trào thi đua xây dựng “Xã, phường, thị trấn văn minh” ...mọi hoạt động đều hướng về cơ sở, khu dân cư làm tăng tính thiết thực và hiệu quả của các phong trào, các cuộc vận động, góp phần tập hợp, đoàn kết Nhân dân; phát huy tinh thần tự quản của cộng đồng dân cư, đáp ứng được yêu cầu "Hợp với ý Đảng, thuận với lòng dân" thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ kính yêu “Lấy sức dân để xây dựng cuộc sống cho dân”.

Ba Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được đầu tư thích đáng về chủ trương về nguồn lực. Chính vì vậy, đến hết năm 2022, tỉnh Quảng Ninh còn 258 hộ nghèo, chiếm 0,067%; 2.454 hộ cận nghèo, chiếm 0,635% tổng số hộ dân toàn tỉnh. Tỷ lệ các khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư tiên tiến”, “Khu dân cư văn hoá”, “gia đình văn hóa” hàng năm đều tăng. 98/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới (bằng 100%); 56/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm 57,1% (cả nước có 937 xã đạt bằng 11,4%); 26/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 26,5% (cả nước 110 xã đạt 1,34%). 13/13 địa phương cấp huyện đạt chuẩn các chỉ tiêu tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó: có 11/13 địa phương đã được công nhận; 02 địa phương (Ba Chẽ, Bình Liêu) đã hoàn thiện và nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định Trung ương. Tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản đạt các nội dung theo bộ tiêu chí quốc gia tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đang tập trung hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng thẩm định trung ương theo quy định (phần đầu hoàn thiện và nộp hồ sơ đề nghị xét, công nhận trong tháng 6 năm 2023). Các công trình động lực về giao thông, khu công nghiệp, chỉnh trang đô thị ... đều được Nhân dân đồng thuận thực hiện giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để triển khai đúng tiến độ.

Từ năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát, với tinh thần đổi mới mạnh mẽ, năng động, quyết liệt, Quảng Ninh đã có những quyết sách đúng đắn, khoa học, mang tính tổng thể, xử lý kịp thời những vấn đề khó, chưa có tiền lệ, mới phát sinh trong phòng, chống dịch bệnh. Với phương châm “3 trước, 4 tại chỗ”, dự phòng, tích cực, chủ động, từ sớm, từ xa, từ cơ sở chính là điều kiện tiên quyết giúp Quảng Ninh giữ vững địa bàn an toàn, thực hiện thành công mục tiêu kép, vừa có biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, vừa đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế của địa phương. Đặc biệt là việc lấy người dân, cơ sở là chủ thể phòng, chống dịch COVID-19. MTTQ đã chủ động phát động, triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết phòng, chống dịch COVID-19; phát hiện, tố giác tội phạm, người nhập cảnh trái phép, người trốn, người cố tình vào địa bàn tỉnh; xây dựng 15.680 tổ tự quản về phòng chống dịch; là một trong những địa phương

triển khai vận động tiêm Vắc xin đạt kết quả cao nhất của cả nước; tích cực vận động Nhân dân ủng hộ tiếp nhận và phân khai nguồn hỗ trợ Covid đảm bảo theo quy định, đóng góp, ủng hộ Quỹ vắc xin của Chính phủ số tiền 100 tỷ đồng.

Với tinh thần dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn đột phá được truyền lửa qua các thế hệ lãnh đạo của Quảng Ninh, giúp tỉnh vươn lên và trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và giám sát quyền lực nhà nước tại địa phương. Phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện; đổi mới nâng cao chất lượng các cuộc tiếp xúc cử tri, giải quyết các vấn đề cử tri quan tâm thông qua việc phát huy vai trò của các tổ đại biểu và mỗi đại biểu HĐND; đổi mới công tác giám sát, đặc biệt là giám sát thường xuyên, đột xuất, tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các nghị quyết quan trọng, những vấn đề được dư luận, cử tri, Nhân dân quan tâm, việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Ủy ban nhân dân các cấp tập trung quyết liệt đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành theo hướng gần dân, sát dân, vì nhân dân phục vụ; nâng cao chất lượng thực thi, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình gắn với người đứng đầu. Tăng cường sự đoàn kết, thống nhất ý chí, hành động, phát huy dân chủ, đổi mới sáng tạo, giữ vững kỷ cương, kỷ luật, đề cao sự gương mẫu, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Đặc biệt, Quảng Ninh đã chủ động đề xuất và đi tiên phong trong nhiều lĩnh vực hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính, được Trung ương tin tưởng, gọi mở thí điểm nhiều chủ trương mới. Tỉnh đã vừa làm vừa rút kinh nghiệm, có những bước đột phá nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ, thu hút nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực bảo đảm xây dựng một nền hành chính thực sự của dân, do dân và vì dân, chuyển từ tư duy “*quản lý*” sang tư duy “*phục vụ*”, “*Lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cho sự phục vụ*”, mạnh dạn thí điểm áp dụng những mô hình quản trị mới, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong thực hiện cung cấp các dịch vụ công phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân và xã hội với chất lượng ngày càng tốt hơn. Qua đó, đưa Quảng Ninh trở thành điểm sáng trong cả nước về CCHC, thu hút đầu tư,... Cụ thể, giữ vị trí Quán quân 7 năm liên tiếp (2016-2022) về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng thứ nhất toàn quốc 4 năm liên tiếp (2019-2022); Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) từ chỗ đứng thứ 62/63 tỉnh, thành phố năm 2016 đã vươn lên đứng thứ nhất toàn quốc năm 2020, 2021, 2022 đặc biệt có nhiều điểm số và thứ hạng trong trực nội dung đo lường sự hài lòng của người dân được cải thiện đáng kể.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động; tuyên truyền sâu rộng các chủ trương lớn của tỉnh, các công trình, dự án động lực; các cơ chế, chính sách, nhất là các chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư... thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, thông qua đó đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền; của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Cũng thông qua đó, người dân đã ngày càng thay đổi nhận thức, ý thức trách nhiệm trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) ngày càng thấm nhuần tư tưởng "*Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*", hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân... góp phần củng cố và nâng lên niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp.

Những năm qua, Quảng Ninh đã nhận diện đánh giá đúng thực tiễn; lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm và tập trung nguồn lực thực hiện theo hướng quyết liệt, dứt điểm, đo lường được kết quả, hiệu quả, nhất là trong triển khai các chủ trương mới, khó,... Đặc biệt, phát huy và trò làm chủ của Nhân dân, khơi dậy sức mạnh của toàn dân trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh.

Tỉnh Quảng Ninh đã chú trọng lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, *đổi mới việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào việc hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh*, vào công việc quản lý của Nhà nước trên địa bàn, góp phần phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; giám sát hoạt động của CBCCVC; tham gia các công việc của địa phương với nhiều nhiệm vụ khó khăn, phức tạp đạt hiệu quả cao, điển hình như: sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm; thúc đẩy hợp tác công - tư, thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư cho khu vực công; khích lệ sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh....

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "*Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh*" được tiến hành bài bản, chặt chẽ, khoa học, làm đến đâu chắc đến đó, đặt lợi ích của người dân lên hàng đầu và người dân được trực tiếp tham gia bàn bạc, thảo luận dân chủ, góp ý trong từng quy trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, bản, khu phố; qua đó, tạo được sự đồng thuận cao trong Nhân dân, không để xảy ra đơn thư, khiếu kiện, tố cáo. Quảng Ninh cũng là tỉnh tiên phong trong cả nước thực hiện mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, như thực hiện bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đảng bộ các cấp và phương thức "*Dân tin - Đảng cử*" trong bầu bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố ở 100% thôn,

bản, khu phố trên địa bàn; mở rộng mô hình người dân trực tiếp đánh giá sự hài lòng đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, trong cuộc Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỷ lệ cử tri tham gia bầu đạt 99,95% (*trong số các địa phương cao nhất cả nước*); đại biểu trúng cử là những người tiêu biểu, có trình độ, năng lực, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Thông qua công tác giám sát HĐND các cấp đã phát hiện và kịp thời kiến nghị các cơ quan chức năng những vấn đề cần quan tâm trong công tác quản lý nhà nước để bổ sung, sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hướng đến chăm lo tốt hơn về quyền và lợi ích thiết thực của Nhân dân. Đặc biệt, năm 2020, 2021 HĐND tỉnh đã kịp thời ban hành các nghị quyết về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, kích cầu du lịch, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch COVID-19 gây ra, góp phần giảm bớt những khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, được Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao.

Với mục tiêu "*không để ai bị bỏ lại phía sau*", mọi người dân đều được hưởng tăng trưởng bao trùm, tỉnh Quảng Ninh ban hành nhiều cơ chế, chính sách riêng về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và ưu tiên bố trí nguồn lực lớn cho các vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách, yếu thế, qua đó từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng miền. Từ sự công khai kế hoạch thực hiện, tổ chức lắng nghe ý kiến nhân dân, Chương trình xây dựng nông thôn mới được người dân thực hiện tích cực, chủ động, có trọng tâm, trọng điểm với nhiều mô hình, cách làm theo phương châm "*Người dân là chủ thể, Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, định hướng*"; người dân đã đóng góp hàng triệu công lao động, hiến hàng nghìn m² đất để làm đường, xây dựng công trình phục vụ nhu cầu dân sinh. Nhận thức của người dân về tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo đã có nhiều chuyển biến tích cực, phong trào tự nguyện thoát nghèo có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng; đã có hàng nghìn hộ dân viết đơn xin ra khỏi danh sách hộ nghèo. Đến năm 2022, tỉnh Quảng Ninh không có huyện nghèo, toàn tỉnh còn 258 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,067% tổng số hộ dân toàn tỉnh; 2.454 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,635% tổng số hộ dân toàn tỉnh; 1 địa phương (Hạ Long) không còn hộ nghèo, cận nghèo; 3/13 địa phương (Quảng Yên, Cô Tô, Vân Đồn) không còn hộ nghèo; 9/13 địa phương còn lại tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%. Đến nay, tỉnh cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 đề ra (*theo kế hoạch cuối năm 2025 còn dưới 0,5%*).

Bảo đảm công khai, minh bạch trong tiếp cận thông tin của người dân, nhất là chính sách về đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư... do đó, nhiều dự án lớn của tỉnh trong quá trình triển khai đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân. Tiêu biểu là "*Chiến dịch 30 ngày đêm*" giải phóng mặt

bằng đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái sau điều chỉnh, do đồng chí Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo đã đạt được kết quả thần tốc, xác lập kỷ lục chưa từng có trong công tác giải phóng mặt bằng, chỉ sau 15 ngày đã có 1.168/1.168 hộ dân và tổ chức bàn giao mặt bằng cho chính quyền, nhà đầu tư. Để bảo đảm tiến độ các dự án Quảng Ninh đã phát động nhiều đợt thi đua cao điểm và đã nhận được sự đồng thuận lớn từ phía người dân, doanh nghiệp: *“100 ngày đêm hoàn thành 3 công trình động lực, trọng điểm”* gồm dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, dự án tuyến đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả, dự án cầu Cửa Lục 1; *“Chiến dịch 150 ngày đêm”* giải phóng mặt bằng đường ven sông kết nối cao tốc Hạ Long, Hải Phòng đến thị xã Đông Triều...

Quảng Ninh cũng là địa phương đi đầu cả nước khi tổ chức cho 100% khu dân cư trong toàn tỉnh tiến hành lấy ý kiến, biểu quyết của Nhân dân về việc bổ sung vào hương ước, quy ước của thôn, bản, khu phố các quy tắc ứng xử gắn với các quy định về phòng, chống dịch COVID-19, đảm bảo nguyên tắc *“3 an toàn”* (cá nhân an toàn, gia đình an toàn, cộng đồng an toàn). Đặc biệt, trong năm 2021, trong bối cảnh cực kỳ khó khăn do đại dịch COVID-19, Quảng Ninh là một điểm sáng về sự chủ động trong phòng, chống dịch, giữ vững địa bàn *“an toàn, ổn định, phát triển trong trạng thái bình thường mới”*; thực hiện tốt *“mục tiêu kép”* với đà tăng trưởng GRDP hơn hai con số và chủ động chuyển sang thực hiện *“thích ứng an toàn”* và Nhân dân được sự đồng thuận, tin tưởng...

Với tinh thần kế thừa, đổi mới và phát triển, đoàn kết, nhất trí, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn đột phá Quảng Ninh đạt được những kết quả nổi bật, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực; trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Người dân được phát huy quyền làm chủ, được thụ hưởng những thành quả phát triển của tỉnh không chỉ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền, mà còn tạo sự đồng thuận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra khí thế mới, động lực mới, sức mạnh mới để xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

2. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tế triển khai thực hiện mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ ở tỉnh Quảng Ninh

Một là, không ngừng đổi mới, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng bằng những chủ trương, đường lối đúng đắn, sát hợp thực tiễn. Luôn giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu, phải có quyết tâm chính trị cao, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, bài bản, khoa học; xác định *“Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm”*, mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; phải huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, xây dựng chính

quyền liêm chính, phục vụ, thực sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tập trung vào thực hiện công khai, minh bạch theo quy định trong hoạt động của chính quyền các cấp bảo đảm thực chất, tránh hình thức, đồng thời tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin được đầy đủ, thuận lợi nhất. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân với mục tiêu cuối cùng là mọi sự thay đổi, nỗ lực, cố gắng, phát triển, tất cả là để phục vụ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và sự tin nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

Ba là, Phát huy vai trò của MTTQ và các và các tổ chức chính trị xã hội trong việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Phát huy cao nhất vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội trong tuyên truyền, vận động để Nhân dân thực sự là chủ thể tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, nhằm góp phần bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Bốn là, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh đối với các vụ, việc tham nhũng, tiêu cực góp phần củng cố và nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Thực hiện đồng bộ cơ chế giám sát của cơ quan đại biểu dân cử với kiểm tra, giám sát của Đảng, MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và giám sát của Nhân dân. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên trong thực hành dân chủ; thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín với phương châm làm việc “5 thật” và “6 dám” của tỉnh Quảng Ninh, đó là: nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, người dân và doanh nghiệp phải đo đếm được hiệu quả thật đấy. Còn “6 cái dám” là: dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo và quan trọng nhất là dám đương đầu với khó khăn thử thách. Từ đó, góp phần củng cố và nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

Năm là, Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện cho Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về thực hiện, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về quyền làm chủ và trách nhiệm trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực làm chủ của Nhân dân; động viên, khuyến khích, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi tối đa để người dân phát huy quyền làm chủ của mình tham gia quản lý nhà nước, xã hội.

Sáu là, tích cực, chủ động, nhạy bén nhận diện những thủ đoạn mới và kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch, phản động, phần tử xấu,... chống phá thành quả cách mạng, chia rẽ Đảng với Nhân dân, xuyên tạc, phá hoại quan hệ: *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”*.

Phát huy thành tích đã đạt được, Quảng Ninh đã đề ra mục tiêu: đến năm 2025, trở thành tỉnh có nền dịch vụ, công nghiệp hiện đại, một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của khu vực phía Bắc, tăng trưởng hằng năm trên 10%, GRDP bình quân đầu người đạt trên 10.000 USD.

Đến năm 2030, là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người đạt trên 15.000 USD, như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra và củng cố và phát huy mối quan hệ: *“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”* trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh./.

ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

Ths. Đào Thị Mai Hương

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Hệ thống chính trị ở Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, gắn bó hữu cơ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, được thành lập, hoạt động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Trong những năm gần đây, việc đổi mới hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh diễn ra tích cực và đạt được những giá trị lý luận và thực tiễn cho khoa học tổ chức. Thành công từ việc đổi mới này, là cơ sở tiền đề cho Tỉnh vươn lên xứng đáng là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

Thứ nhất: Hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay là một chỉnh thể thống nhất, gắn bó hữu cơ bao gồm:

Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, được thành lập, hoạt động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Điều 4, Hiến pháp năm 2013 quy định:

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống chính trị.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp,

phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: là trung tâm thực hiện quyền lực chính trị, là trụ cột của hệ thống chính trị, là bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội và thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.

Thứ hai, bối cảnh, tình hình hiện nay và vị trí, vai trò của đổi mới hệ thống chính trị

Trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải cần phải giải quyết. Tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, vấn đề phát triển kinh tế, vấn đề biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, và sự phát triển nhanh vượt bậc của khoa học công nghệ, vấn đề toàn cầu hóa. Bên cạnh đó cán bộ, đảng viên nhân dân có nhiều kỳ vọng đặt vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Đề xứng đáng là người lãnh đạo đất nước và toàn xã hội Đảng đã không ngừng xây dựng và chỉnh đốn đảng, Đảng xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong điều kiện mới càng trở nên đặc biệt quan trọng, khẳng định vai trò của Đảng đối với sự tồn tại, phát triển của mình. Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới của đất nước chứng minh nếu công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được coi trọng, có nhiều ưu điểm, đạt kết quả tốt thì mục tiêu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới được thực hiện và dành thắng lợi. Ngược lại, chỉ cần thiếu quan tâm một mặt nào đó của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, dẫn tới các yếu kém đã ảnh hưởng không nhỏ đến thành tựu công cuộc đổi mới. Đại hội X của Đảng nhận định: *“Những thành tựu và yếu kém trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng bảo vệ Tổ quốc gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng”*²⁷

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006 tr 273

Kế thừa tinh thần chung về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Văn kiện XIII, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục nhấn mạnh nội dung này tại Văn kiện Đại hội lần thứ XV trên 03 phương diện lớn, đó là: *“Phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, xây dựng chính quyền địa phương liêm chính, phục vụ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, trước hết từ các cơ quan lãnh đạo”*²⁸

Tại Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đặt lên hàng đầu. Trong Báo cáo chính trị và nghị quyết Đại hội viết:

Mục tiêu tổng quát: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc.

Các quan điểm, định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025: trong đó có quan điểm thứ tư đó là: tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với chế độ và với Đảng; phát huy dân chủ, kỷ cương và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, truyền thống cách mạng, văn hóa, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ và bền vững

Thứ ba: Đổi mới hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ninh

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới hệ thống chính trị. Tỉnh Quảng Ninh đã bám sát thực tiễn, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, ý chí, khát vọng vươn lên, tinh thần chủ động tìm hướng đi, cách làm, quyết tâm đổi mới hệ thống chính trị. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhận xét trong Báo cáo chính trị về việc đổi mới xây dựng Đảng và hệ thống chính trị như sau: *“Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị gắn với xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ được chú trọng”; “Có nhiều đổi mới, đột phá trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đổi mới xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”... “Coi trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị gắn với đổi mới phương*

²⁸ Văn kiện Đại hội Đại biểu tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV

thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng.”²⁹

Về đổi mới trong công tác xây dựng Đảng:

Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xác định tầm quan trọng đó, tỉnh ủy Quảng Ninh đã tiến hành đổi mới trên nhiều mặt công tác Đảng. Đổi mới trong công tác Xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức, kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác xây dựng đảng về tổ chức, đảng viên, công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ... *Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng*, tỉnh ủy đã ban hành và triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/12/2017 về “Một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới”... Phát huy vai trò Ban Chỉ đạo 35 các cấp, củng cố đội ngũ chuyên gia. Quảng Ninh là một trong những địa phương điển hình được Trung ương về nghiên cứu thực tiễn, tổng kết lý luận 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011); có nhiều đóng góp tích cực cho các hội thảo khoa học về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị. *Tăng cường công tác xây dựng Đảng về đạo đức*. Triển khai nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. *Triển khai quyết liệt, hiệu quả công tác xây dựng, đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị* với nhiều mô hình mới, đột phá. Trọng tâm là triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), gắn với đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 03/3/2015 của Tỉnh ủy về “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”. Chủ động, quyết liệt sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; mạnh dạn thí điểm thành công nhiều mô hình mới. *Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên*. Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, duy trì nghiêm túc nền nếp, chế độ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy gắn với trách nhiệm của cấp ủy viên các cấp. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên; rà soát, sàng lọc, loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, cơ hội, tham nhũng... không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. *Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ*, tỉnh ủy đã tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về công tác cán bộ; chú trọng xây dựng, kịp thời bổ sung quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; quan tâm luân chuyển cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ. Tăng cường thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; 100% bí thư cấp ủy cấp huyện không phải là người địa phương; 100% bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố theo mô hình “Dân tin - Đảng cử”. Quyết liệt tinh giản 10% tổng số biên chế, thực hiện đúng số lượng

²⁹ Báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV

tổng biên chế Trung ương giao hoặc thẩm định, gắn với từng bước cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đi đầu trong cả nước thực hiện khoán biên chế cấp xã, khoán quỹ hỗ trợ ở thôn, bản, khu phố, giảm mạnh số lượng người hưởng lương hoặc phụ cấp từ ngân sách. Tuyển dụng viên chức bằng hình thức hợp đồng có thời hạn; dành chỉ tiêu tuyển dụng một số nhân lực chất lượng cao. Tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ; nắm, giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến chính trị hiện nay; rà soát, giải quyết tồn đọng về lịch sử chính trị; chú trọng thẩm định cán bộ chủ chốt, các vị trí trọng yếu cơ mật; tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên ra nước ngoài và quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài. *Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.* Từ năm 2017 đến nay, thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong hệ thống chính trị đã tạo chuyển biến tích cực; đổi mới hoàn thiện phương pháp, quy trình; phát huy hiệu quả mô hình cơ quan ủy ban kiểm tra - thanh tra cấp huyện, gắn kiểm tra, kỷ luật đảng với công tác thanh tra, kỷ luật hành chính. *Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.* Thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, hành chính, kinh tế, hình sự trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. *Đổi mới công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân.* Triển khai đầy đủ, nghiêm túc, cụ thể hoá sáng tạo các quy chế, quy định của Trung ương về công tác dân vận. *Đổi mới rõ nét phương thức lãnh đạo của các cấp ủy.* Tăng cường vai trò lãnh đạo đối với chính quyền bảo đảm đúng thẩm quyền, không buông lỏng hay bao biện làm thay, “lấn sân”, nhất là thông qua mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ở những nơi có điều kiện.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

Bộ máy chính quyền các cấp của Tỉnh được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tích cực rà soát, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập nhằm giảm cấp trung gian, khắc phục chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Tăng cường phân cấp, phân quyền, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nhất là người đứng đầu; phát huy dân chủ và sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của hệ thống các cơ quan hành chính thống nhất, thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, giải quyết các kiến nghị của cử tri, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân; khắc phục các hạn chế, khuyết điểm qua giám sát.

Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là cấp tỉnh có nhiều đổi mới về tổ chức hoạt động, thực hiện tốt chức năng quyết định và chức năng giám sát; kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Đảng thành các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước.

Ủy ban nhân dân các cấp nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả, đổi mới

quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh, xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, vì Nhân dân phục vụ; tăng tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng thực thi, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật về cải cách tư pháp. Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố hằng năm đều đạt trên 90%. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nghiêm minh, không để xảy ra oan, bỏ lọt tội phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động tố tụng. Đổi mới và tăng cường hiệu quả hòa giải, đối thoại, giải quyết án dân sự, hành chính. Công tác thanh tra được đẩy mạnh theo hướng chủ động, đồng bộ với công tác kiểm tra, giám sát trong hệ thống chính trị.

Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

Triển khai có hiệu quả mô hình thí điểm cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện theo hướng đồng bộ, tăng cường vai trò liên minh chính trị của Mặt trận Tổ quốc; phối hợp thống nhất trong ý chí và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp, gắn kết các tổ chức trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị chung; từng tổ chức cơ bản khắc phục tình trạng hành chính hóa, chồng chéo hoạt động. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, hướng về cơ sở. Thực hiện hiệu quả Quy định số 217-QĐ/TW, Quy định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị, tạo cơ chế phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy được Quảng Ninh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài gắn với đổi mới công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Chính vì thế, tỉnh thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, liên tục, đồng bộ với từng bước đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Hiện nay, Tỉnh đã tổ chức sơ kết một cách bài bản, nghiêm túc và khẩn trương triển khai chỉ đạo chung của Trung ương về tổ chức bộ máy tại Thông báo Kết luận số 16-TB/TW ngày 7/7/2022 của Bộ Chính trị. Đến nay đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, thành lập 13 Phòng Nội vụ, 13 Phòng Thanh tra cấp huyện và 2 Văn phòng HĐND và UBND huyện Tiên Yên, Cô Tô. Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, các đơn vị tiếp tục hoạt động ổn định, gắn với đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, cải tiến lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Các địa phương, đơn vị đã tập trung sắp xếp kiện toàn tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian. Toàn tỉnh giảm 150 phòng và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện; giảm 102/881 đầu mối đơn vị sự nghiệp, đạt 11,57% (13 đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng, 89 đơn vị thuộc khối chính quyền), hoàn thành mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập trước 1 năm so với chỉ đạo chung của Trung ương.

Bên cạnh đó, tỉnh triển khai sắp xếp thu gọn các đầu mối cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố. Tỉnh hiện còn 13 đơn vị hành chính cấp huyện; 177 đơn vị hành chính cấp xã; 1.452 thôn, bản, khu phố (giảm 115 thôn, bản, khu phố). Trong quá trình sắp xếp, đã cơ cấu, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phù hợp với tiêu chuẩn vị trí việc làm, lựa chọn những người có năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sau sắp xếp, các địa phương hoạt động ổn định, nền nếp, đoàn kết, thống nhất; đơn vị hành chính mới tăng quy mô về diện tích tự nhiên và dân số, thuận lợi cho việc hoạch định các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tập trung nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương.

Bên cạnh những thành tựu, công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị còn tồn tại, hạn chế:

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước còn hạn chế. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng còn gặp nhiều khó khăn. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có lúc, có nơi chậm đổi mới về nội dung; phương thức hoạt động có mặt chưa theo kịp tình hình mới.

Thứ tư: Những nhiệm vụ thường xuyên và các giải pháp lớn:

Nhằm phát huy những kết quả đạt được trong đổi mới hệ thống chính trị của tỉnh Quảng Ninh, đồng thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại, cả hệ thống chính trị tỉnh cần triển khai những giải pháp lớn như sau:

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

Xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ, thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Chăm lo phát triển đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. Chăm lo phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp,

xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, giảm nghèo bền vững. Đào tạo, thu hút, xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh lớn mạnh. Phát triển đội ngũ doanh nhân Quảng Ninh gắn với chương trình phát triển doanh nghiệp; đề cao và hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nâng cao vai trò trong góp ý, tham gia xây dựng chính sách, phối hợp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho thanh niên phát huy vai trò xung kích trong học tập, rèn luyện, lao động, bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Thực hiện tốt bình đẳng giới, nâng cao vai trò, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ. Thực hiện tốt chế độ, chính sách nhằm phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của cựu chiến binh, Quan tâm chăm sóc, tạo điều kiện tiếp tục phát huy trí tuệ, kinh nghiệm của người cao tuổi. Giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập I.
2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập II.
3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập III.
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập IV.
5. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (từ Đại hội lần thứ IV - XV).
6. Quảng Ninh - 30 năm đổi mới cùng đất nước (1986-2016).

PHÁT HUY TIỀM NĂNG DU LỊCH TÂM LINH Ở QUẢNG NINH HIỆN NAY

TS. Phạm Thị Lệ Ngọc

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Du lịch tâm linh đang ngày càng trở thành một xu hướng du lịch trên toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Nhiều đất nước từ Ý, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản và Thái Lan với lịch sử phát triển tôn giáo lâu đời, hình thức du lịch tâm linh đã tận dụng triệt để, phát triển rầm rộ, nhằm giới thiệu truyền thống, văn hoá của đất nước tới bè bạn thế giới.

Quảng Ninh là một tỉnh nhiều tiềm năng về du lịch với nhiều đảo, vùng trời và vùng biển. Đây là cơ hội cho tỉnh Quảng Ninh phát triển đa dạng sản phẩm du lịch. Đặc biệt, tỉnh nổi danh và hấp dẫn du lịch với kỳ quan thiên nhiên thế giới - một trong bảy kỳ quan thiên nhiên của thế giới mới: Vịnh Hạ Long. Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng được nhắc đến với truyền thống văn hoá lâu đời, nhiều di tích lịch sử là địa điểm ghi danh những chiến tích oanh liệt của dân tộc cùng nhiều lễ hội độc đáo, đầy ý nghĩa. Đây là tiền đề giúp tỉnh phát triển du lịch tâm linh, giới thiệu hình ảnh đất và người Quảng Ninh đa dạng và rộng rãi hơn nữa với du khách. Vấn đề đặt ra là làm như thế nào nhằm phát huy nguồn tài nguyên du lịch tâm linh hữu hiệu, lâu dài và không làm tổn hại nền văn hoá dân tộc, một mặt, nếu phối hợp với những hình thức du lịch khác, để du lịch tỉnh có được những bước phát triển vượt bậc.

1. Tiềm năng về di tích lịch sử văn hóa

Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh, tỉnh có 626 di tích đã được kiểm kê, trong đó có 125 di tích được xếp hạng bao gồm 64 di tích xếp hạng quốc gia và 61 di tích xếp hạng cấp tỉnh³⁰. Đặc biệt, cả tỉnh có 4 di tích - danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt bao gồm: Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử, Di tích lịch sử Bạch Đằng và quần thể di tích lịch sử văn hóa nhà Trần tại thị xã Đông Triều. Như vậy, trong số bốn di tích quốc gia đặc biệt có tới 3 di tích là di tích lịch sử, văn hóa, có giá trị đặc biệt hữu ích để khai thác phát triển du lịch tâm linh. Theo định hướng chiến lược của tỉnh, ba di tích lịch sử văn hóa này đặc biệt là di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử sẽ là trọng tâm thu hút khách du lịch tâm linh. Bên cạnh ba di tích quốc gia đặc biệt kể trên, tỉnh Quảng Ninh còn nổi tiếng với nhiều di tích khác như đền Cửa Ông (Cẩm Phả), đình Trà Cổ (Móng Cái), chùa Long Tiên (thành phố Hạ Long), đình Quan Lạn, chùa Cái Bầu - Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm (Vân Đồn), thương cảng Vân Đồn.

Vấn đề nêu ra là Quảng Ninh nhiều điểm đến du lịch tâm linh có ý nghĩa văn hoá, nhân văn sâu xa. Tuy nhiên, những điểm đến tâm linh vẫn không được nhắc đến rộng rãi và phổ biến, nhất là với nhóm khách nước ngoài. Do đó, hầu

³⁰ Danh mục di tích lịch sử - văn hóa – danh thắng của Quảng Ninh đã xếp hạng cấp quốc gia-
Nguồn: Sở văn hóa, thể thao và du lịch Quảng Ninh

hết còn là loại mới hoặc được sử dụng làm du lịch tuy nhiên kết quả vẫn thấp.

Hệ quả của vấn đề tiềm năng du lịch tâm linh phong phú tuy nhiên vẫn chưa thể hấp dẫn hoặc nhận được nhận thức đầy đủ của khách du lịch là vì hạ tầng thông tin phục vụ du lịch của địa phương vẫn không được chú trọng đúng mức. Hoạt động thông tin của các doanh nghiệp trong và ngoài lĩnh vực du lịch không có cơ chế phối hợp chặt chẽ, không có đơn vị chuyên trách theo dõi và quản lý thông tin. Nguồn thông tin trên internet, những kênh thông tin truyền thống trên tivi, radio. .. mới chỉ dừng lại trên bình diện truyền thông tỉnh và những vùng lân cận, không có sức lan toả rộng lớn. Mặt khác, thông tin quảng bá du lịch còn khá chung chung và hạn chế, đặc biệt là thông tin du lịch tâm linh. Như vậy, khách du lịch nói chung và khách du lịch nước ngoài sẽ rất khó để tiếp cận và khai thác thông tin các điểm đến. Cổng thông tin điện tử tỉnh và Báo Quảng Ninh (<http://baoquangninh.com.vn>) và trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ninh (<http://halongtourism.com.vn>) là ba trang web uy tín để tìm hiểu thông tin về tỉnh và các địa danh du lịch. Tuy nhiên, nguồn thông tin chuyên về du lịch nhìn chung còn khá hạn chế, sơ sài và đơn điệu và hiện chỉ có hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Trung quốc. Khách du lịch quốc tế Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Italia, Tây Ban Nha và một quốc gia khác gần như không thể nhận được sự tham khảo thông tin từ các nguồn trang web nêu trên.

2. Tiềm năng về lễ hội truyền thống và lễ hội dân gian

Tỉnh Quảng Ninh có hơn 300 lễ hội và phân loại theo ba khu vực: lễ hội vùng biển, lễ hội đồng bằng và lễ hội vùng dân tộc thiểu số. Trong đó, tỉnh có 46 lễ hội biển, tiêu biểu nhất là ba lễ hội: lễ hội Trà Cổ (biển Trà Cổ), lễ hội Quan Lạn (đảo Quan Lạn) và lễ hội Tiên Công (đảo Hà Nam). Các lễ hội biển thể hiện mong ước của ngư dân về một năm mưa thuận gió hòa, thuận buồm xuôi gió, đánh bắt được nhiều tôm cá. Điều này được thể hiện rõ nét qua các vật cúng tế và các biểu tượng văn hóa trong lễ hội. Lễ hội biển tại Quảng Ninh rất phong phú và còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa đặc trưng.

Với 34 dân tộc anh em, kho tàng lễ hội dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh đa dạng. Phần lớn các những lễ hội dân tộc thiểu số này thể hiện cho mơ ước về cuộc sống ấm no, mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa và ước vọng về tình yêu. Nó gắn liền với đồng sông còn gắn bó nhiều với nông nghiệp và chịu ảnh hưởng nhiều từ thiên nhiên. Lễ hội cũng là nơi gắn kết cộng đồng khi tất cả dân bản cùng hội ngộ, tham gia các nghi lễ, vui chơi và giao lưu. Tiêu biểu cho lễ hội dân tộc thiểu số là lễ hội kiêng gió của đồng bào Dao Thanh Phán ở Bình Liêu vào đầu tháng tư âm lịch hàng năm, lễ hội Soóng cọ của người Sán Chay ngày 16 tháng 3 âm lịch....

Lễ hội đồng bằng chiếm phần lớn lễ hội tại tỉnh Quảng Ninh và chủ yếu là lễ hội cách mạng, lễ hội tôn giáo. Tiêu biểu trong số đó là lễ hội Yên Tử, lễ hội Bạc Đằng. Số lượng khách đến với lễ hội tại tỉnh Quảng Ninh gia tăng theo các năm. Với qui mô ngày càng mở rộng, để lễ hội diễn ra hiệu quả, vấn đề đặt ra cho tỉnh Quảng Ninh là cần quản lý lễ hội một cách chặt chẽ.

Thứ nhất, bên cạnh không khí lễ hội tung bừng, sôi nổi, một số lễ hội trong tỉnh Quảng Ninh còn nhiều hủ tục như tục chém lợn, leo gươm hay lội than hồng trong lễ hội Đại Phan và một số lễ hội khác trên địa bàn tỉnh. Thứ hai, lợi dụng lễ hội, một số đối tượng buôn bán nhỏ lẻ chèo kéo, chặt chém khách, lừa gạt... Thứ ba, lễ hội ở Quảng phần lớn được xã hội hóa. Việc xã hội hoá lễ hội là cấp thiết nhằm huy động nguồn lực đóng góp của xã hội tham gia quản lý, tổ chức và tài trợ kinh phí để tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, một số đơn vị nhà tài trợ tổ chức lễ hội chỉ nhằm quảng cáo, khuếch trương thương hiệu doanh nghiệp chứ không chú ý vào nội dung lễ hội. Tổ chức lễ hội dưới cách nhìn nhận ở khía cạnh thương mại sẽ làm mai một một mặt ý nghĩa thực sự của lễ hội. Tỉnh Quảng Ninh phải chú trọng có giải pháp thiết thực đối với việc tổ chức và quản lý lễ hội, đảm bảo lễ hội thật sự là chôn gặt gỡ cộng đồng và quảng bá du khách.

3. Tiềm năng về ẩm thực chay tỉnh Quảng Ninh

Bên cạnh hệ thống các di tích lịch sử, lễ hội, ẩm thực chay là nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của du lịch tâm linh. Tuy nhiên, ẩm thực chay Quảng Ninh chưa được biết đến rộng rãi. Phần lớn tỉnh được biết đến với những đặc sản từ biển. Một số món chay phổ biến là các loại bánh như bánh gât gù, bánh gio, bánh khảo, bánh viên bột, bánh cuộn thừng, bánh quai, bánh giầy đậu... Phần lớn các loại bánh được làm trong các dịp lễ tết, sử dụng để cúng tổ tiên. Bên cạnh đó, xôi ngũ sắc và miến dong Bình Liêu là những sản phẩm chay đã có thương hiệu. Tóm lại, tỉnh Quảng Ninh giàu tiềm năng phát triển du lịch tâm linh với hệ thống di tích lịch sử, văn hóa đa dạng; nhiều lễ hội với đặc trưng riêng tuy ẩm thực chay chưa thực sự nổi bật. Để phát huy hiệu quả tiềm năng này phục vụ cho khai thác du lịch tâm linh, tỉnh cần quan tâm đến quy hoạch, quảng bá và công tác quản lý đồng thời nâng cao vai trò của cộng đồng trong tổ chức, bảo tồn di tích và các giá trị văn hóa.

4. Tiềm năng về nguồn lao động du lịch tâm linh

Tính đến năm 2022, dân số Quảng Ninh là 1.362.900 người. Trong đó dân số sống tại thành thị là 917.975 người, chiếm 67.35% dân số toàn tỉnh. Mặt khác, cơ cấu dân số tỉnh là cơ cấu dân số trẻ với người trong độ tuổi lao động chiếm 67,83 % tổng số dân. Như vậy, Quảng Ninh có nguồn lao động tại chỗ dồi dào, trong đó có lao động phục vụ du lịch tâm linh. Bên cạnh nguồn lao động tại chỗ, tỉnh Quảng Ninh thu hút nguồn lao động từ các địa phương khác đến làm việc, đặc biệt là lao động từ các tỉnh phụ cận như Hải Dương, Hải Phòng hay Hưng Yên. Tuy nhiên, theo như “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, dự báo ngành du lịch tỉnh sẽ cần 62.000 lao động trong năm 2020, tốc độ tăng trưởng trung bình mỗi năm là 10%, trong đó có lao động du lịch tâm linh. Điều đó có nghĩa là tỉnh cần quan tâm bổ sung lực lượng lao động du lịch để đảm bảo về mặt số lượng trong tương lai.

Lực lượng lao động du lịch tâm linh tỉnh bao gồm lao động trong các cơ quan chính quyền như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ninh, Ban quản lý các di tích trọng điểm, Ban quản lý di tích và rừng quốc gia Yên Tử, ban

tôn giáo tỉnh Quảng Ninh..., nhân lực các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, vận tải hành khách, nhà hàng, khách sạn và cộng đồng địa phương, đặc biệt là vai trò của các trưởng làng và dân cư địa phương trong lễ hội truyền thống. Lao động trong ngành du lịch yêu cầu phải có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và đạo đức trong nghề. Du lịch tâm linh yêu cầu lao động cần có kiến thức xã hội, lịch sử và văn hóa chuyên sâu. Vì thế, vấn đề đào tạo nhân lực để đáp ứng được yêu cầu chất lượng là cần thiết và quan trọng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 trường đại học, nhiều trường cao đẳng cùng hệ thống giáo dục của các trường trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch. Hai cơ sở chính đào tạo du lịch chất lượng cao cho tỉnh là trường đại học Ngoại Thương - cơ sở Quảng Ninh và trường đại học Hạ Long. Ngoài ra, tỉnh có một số cơ sở đào tạo nghề về du lịch.

5. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tâm linh

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tâm linh bao gồm hệ thống giao thông vận tải, hệ thống kỹ thuật viễn thông, hệ thống điện, nước, hệ thống các cơ sở y tế; hệ thống các cơ sở dịch vụ lưu trú và ăn uống và quan trọng nhất là hệ thống các chùa chiền, thiền viện. Hệ thống giao thông vận tải tại Quảng Ninh bao gồm đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không. Toàn tỉnh có 5 tuyến đường quốc lộ với 381 km đường bộ, 96 bến thủy nội địa với 642 km đường thủy, 65 km đường sắt. Đường hàng không được đầu tư xây dựng với dự án sân bay Vân Đồn với kinh phí đầu tư lên đến 250 triệu USD. Hệ thống giao thông tỉnh ngày càng được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch. Mặt khác, tỉnh có nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ riêng cho phát triển du lịch tâm linh như hệ thống cáp treo từ Trại Lốc (xã An Sinh) lên Ngọa Vân và dự án đường kết nối Ngọa Vân - Hồ Thiên thuộc khu di tích nhà Trần (Đông Triều), mở rộng quốc lộ 18 đoạn vào Yên Tử, dự án khu bến xe và dịch vụ Nam Mẫu, xã Thượng Yên Công, Uông Bí, tuyến đường hành hương kết nối Khu di tích Yên Tử đến khu di tích chùa Hồ Thiên - Ngọa Vân (Đông Triều); tuyến đường Thanh Sơn - Ba Vàng - Lừng Xanh... Các dự án này đã và đang tạo đà cho sự phát triển du lịch tâm linh. Quảng Ninh có hệ thống điện lưới đảm bảo với sáu nhà máy nhiệt điện với tổng công suất 1.010 MW và nhà máy thủy điện Khe Soong với công suất phát điện đạt 3,6 MW. Năm 2014, tỉnh đã hoàn thành đưa điện lưới quốc gia ra đảo Cô Tô và các xã đảo huyện Vân Đồn, đảo Quan Lạn. Toàn tỉnh có 98 % số hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia, đạt tỉ lệ cao nhất cả nước. Hệ thống điện lưới nhìn chung đảm bảo cung ứng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch cũng như cho sinh hoạt. Về hạ tầng kỹ thuật viễn thông, tỉnh thực hiện phủ sóng toàn tỉnh, đưa sóng 3G đến tất cả các điểm du lịch, triển khai mở rộng các đường truyền, tạo điều kiện thuận lợi đảm bảo thông tin thông suốt giữa các doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc cho du khách.

Nhìn chung, hạ tầng giao thông, hệ thống kỹ thuật viễn thông, hệ thống điện, nước, hệ thống các cơ sở y tế đảm bảo phục vụ cho phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là du lịch tâm linh. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, các doanh nghiệp tổ chức chương trình du lịch, hội nghị, sự kiện và các dịch vụ hỗ trợ cho ngành du lịch như hệ thống khu mua sắm, khu vui

chơi, giải trí; hệ thống các thư viện và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng cho thấy sự gia tăng qua các năm. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch của tỉnh ngày càng được hoàn thiện và đồng bộ, đảm bảo đáp ứng sự gia tăng lượng khách du lịch qua các năm.

Du lịch tâm linh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn từ 2015 đến nay đã thu được một số thành tựu.

Thứ nhất là sự gia tăng lượng khách, đặc biệt là tại khu di tích Yên Tử, kéo theo là sự tăng về doanh thu.

Thứ hai, tỉnh có sự quan tâm qui hoạch và đầu tư vào các khu du lịch tâm linh trọng điểm, do đó các điểm du lịch tâm linh hoàn thiện hơn về cơ sở vật chất hạ tầng, đồng thời thu hút lượng lớn khách du lịch.

Thứ ba, với mong muốn phát triển du lịch tâm linh bền vững, song song với việc khai thác các di tích lịch sử, văn hóa và lễ hội phục vụ du lịch, tỉnh Quảng Ninh quan tâm đến vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phục dựng các di tích này.

Thứ tư, tỉnh đã có chính sách qui hoạch và định hướng rõ ràng, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm về phát triển du lịch tâm linh giai đoạn 2015-2020, định hướng 2030. Song song với việc đưa ra chính sách cụ thể, tỉnh thực hiện các chương trình hành động như kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển du lịch tâm linh, các dự án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng. Có được những thành tựu kể trên, tỉnh Quảng Ninh đã dựa vào nguồn lực kinh tế vững mạnh, hệ thống chính trị và pháp luật ổn định và đặc biệt là nguồn tiềm năng du lịch tâm linh dồi dào với hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội truyền thống, tôn giáo và nét đặc trưng của thành phần dân tộc.

Tuy nhiên, du lịch tâm linh tỉnh Quảng Ninh còn tồn tại một số vấn đề cần phải có giải pháp khắc phục, tạo đà cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Thứ nhất, tỉnh giàu tiềm năng để phát triển du lịch tâm linh nhưng các di tích, lễ hội và đặc biệt là ẩm thực chay còn chưa được biết đến rộng rãi và toàn diện. Vấn đề quảng bá hình ảnh điểm đến cần được đầu tư, quan tâm hơn nữa. Mặt khác, du lịch tâm linh tỉnh thu hút chủ yếu đối tượng khách du lịch nội địa, cần có định hướng và chính sách cụ thể để khai thác thị trường khách du lịch quốc tế trong tương lai. Thêm vào đó, để phát huy giá trị các di tích và lễ hội, vấn đề bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị cần có sự tham gia đồng bộ của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng.

Với mục tiêu đưa du lịch phát triển mang tầm cỡ quốc tế trong giai đoạn tới, tỉnh Quảng Ninh đang tập trung nguồn lực cho phát triển du lịch, trong đó có du lịch tâm linh. Là một tỉnh giàu tiềm năng phát triển loại hình du lịch này với hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, tôn giáo phong phú. Chính vì vậy việc đánh giá cụ thể về tiềm năng loại hình du lịch này cũng như đưa ra các giải pháp đồng bộ để phát huy các tiềm năng hiện có là một việc làm quan trọng và cần thiết của Lãnh đạo, chính quyền địa phương tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay./.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. Phạm Thị Lệ Ngọc

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Khái niệm phát triển bền vững được hình thành từ những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX và nhanh chóng được phổ cập rộng, với ý nghĩa khái quát là sự phát triển nhằm thoả mãn các nhu cầu của đời sống hiện nay, nhưng không làm cản trở các yêu cầu của tương lai. Sự bền vững của phát triển được biểu hiện rõ ở các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Đó là sự tăng lợi ích giữa các thế hệ con người bằng việc tăng tài sản, gồm tài sản vật chất, tài sản tinh thần, tài sản con người, tài sản môi trường (nước, bầu không khí trong lành, đất đai, rừng cây xanh, biển,...) và tài sản xã hội (sự tin tưởng lẫn nhau, tính đoàn kết, sự bảo đảm an toàn về tính mạng và tài sản,...). Đó cũng đồng thời là thông điệp chủ đạo của nhận thức mới về phát triển ở thế kỷ XXI của nhân loại, trong đó có Việt Nam.

Quảng Ninh là tỉnh địa đầu Đông Bắc Tổ quốc, có biên giới đất liền và biển, với các cửa khẩu nhộn nhịp nhất trên cả tuyến biên giới Việt-Trung, trong bối cảnh quan hệ hợp tác Việt-Trung cũng như ASEAN-Trung Quốc ngày càng được củng cố, đẩy mạnh. Với vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, tiềm lực kinh tế được xây dựng sau 35 năm đổi mới đã giúp Quảng Ninh có vị thế ngày càng quan trọng trong hợp tác Hai hành lang-Một vành đai kinh tế Việt Nam-Trung Quốc. Đây là điều kiện, là cơ hội tốt để Quảng Ninh thực hiện phát triển kinh tế biển bền vững (PTKTBV).

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng sự phát triển và phát triển kinh tế biển bền vững một cách trực tiếp hay gián tiếp; tích cực hay tiêu cực. Song nói chung đều có thể chia làm hai nhóm chính là nhóm những yếu tố có tính chất khách quan và nhóm những yếu tố chủ quan. Cụ thể như sau:

1. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển bền vững ở Quảng Ninh

Điều kiện tự nhiên

Quảng Ninh là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, có diện tích đất tự nhiên 6.100km², có đường biên giới trên bộ (120 km) và trên biển (gần 190km) với Trung Quốc; 3 cửa khẩu (Móng Cái, Hoàn Mô, Bắc Phong Sinh) tiếp giáp với vùng duyên hải rộng lớn Nam Trung Quốc; bờ biển dài 250 km, có 2.077 đảo (chiếm 2/3 số đảo của Việt Nam), trên 40.000 ha bãi triều và hơn 20.000 ha diện tích eo biển và vịnh. Phía Tây giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang, phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ, phía Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương và tỉnh Hải Phòng, phía Bắc giáp Sừng Tả và Phòng Thành Cảng, Quảng Tây, (Trung Quốc) với cửa khẩu Móng Cái và Trinh Tường.

Duyên hải Quảng Ninh chạy dài gần 200 hải lý từ lãnh hải Trung Quốc ở phía Đông đến địa giới thành phố Hải Phòng. Cực Đông của tỉnh, cũng là điểm đầu tiên của hình chữ S của nước Việt Nam, là mũi Sa Vĩ, thuộc phường Trà Cổ, thị xã Móng Cái. 4/5 diện tích Quảng Ninh là địa hình đồi núi, tập trung ở phía Bắc, 1/5 diện tích ở phía Đông Nam tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng. Quảng Ninh còn có rất nhiều đảo ven biển, có những đảo lớn như đảo Trần, đảo Minh Châu và quần đảo Cô Tô (thuộc huyện Cô Tô).

Điều kiện về kinh tế, văn hóa - xã hội

Quảng Ninh có các yếu tố thuận lợi về hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Là một địa phương có nhiều tiềm năng khoáng sản (tính lượng than đá trên toàn quốc Việt Nam thì tỉnh Quảng Ninh đã có khoảng 90%), có thể làm vật liệu xây dựng cơ bản, cung ứng vật tư, nguyên liệu chính phục vụ các hoạt động thương mại trong nước và quốc tế, góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi kinh tế, tăng GDP của tỉnh Quảng Ninh.

Quảng Ninh được coi là một phần của vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, là đầu mối quan trọng của tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh. Có hệ thống cảng biển, cảng nước sâu có khả năng xếp dỡ các tàu biển vài vạn tấn, ... mở thêm điều kiện thuận tiện đối với hoạt động giao thương hàng hải của Việt Nam với các nước trên thế giới. Quảng Ninh có hệ thống cửa khẩu dày đặc trên toàn tuyến đường biên, riêng cửa khẩu quốc tế Móng Cái là nơi tập trung trao đổi kinh tế, thương mại, văn hoá và hấp dẫn các nhà đầu tư. Là đầu mối giao thương quan trọng với nhiều cửa khẩu quốc tế, hệ thống cảng biển thuận lợi, đặc biệt cửa khẩu quốc tế Móng Cái, cảng nước sâu Cái Lân, Quảng Ninh có cơ hội thông thương thuận tiện với các nước Đông Bắc Á và các nước trong khuôn khổ Tiểu vùng Mê Kông mở rộng, đầu mối kết nối quan trọng của Khu thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc.

Quảng Ninh có các đặc điểm riêng về kinh tế và xã hội. Trong những năm đổi mới, sau khi đón nhận chính sách mở cửa của Đảng, bình thường hoá quan hệ với nước láng giềng Trung Quốc, các ngành kinh tế thương mại của tỉnh có những bước phát triển nhanh chóng. Quảng Ninh được xếp một trong tám tỉnh vùng kinh tế phát triển trọng điểm Bắc Bộ gồm Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Tây, Vĩnh Phú, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên có ý nghĩa liên kết, làm đầu tàu thúc đẩy kinh tế cho các tỉnh Bắc Bộ. Quảng Ninh là một khu vực phát triển năng động. Trong năm 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh đạt hơn 10%, đứng thứ 4 trong vùng đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố trong cả nước³¹. Cả 3 khu vực kinh tế gồm dịch vụ, công nghiệp-xây dựng, nông-lâm-ngư nghiệp đều tăng so năm 2021. Trong đó, khu vực dịch vụ phục hồi mạnh mẽ, đạt tốc độ tăng trưởng cao (tăng 14,37%) trở thành động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế với mức đóng góp 4,51 điểm % trong GRDP, bù đắp cho các ngành, lĩnh vực khác. Quy mô nền kinh tế đạt 269.000 tỷ đồng, tăng 17,4% so quy mô năm 2022, GRDP bình quân đầu

³¹ <https://nhandan.vn/quang-ninh-vuon-len-tu-y-chi-tu-luc-tu-cuong-post732593.html>

người ước đạt 197,6 triệu đồng/người. Đây cũng là năm thứ 7 liên tiếp (2016-2022) tỉnh Quảng Ninh đạt mức tăng trưởng 2 con số, được đánh giá là một kỳ tích trong giai đoạn đổi mới mà tỉnh Quảng Ninh đã quyết liệt thực hiện.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng CNH, HĐH; hoạt động văn hóa, thông tin và thể dục thể thao có bước phát triển; hoạt động y tế, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt được nhiều thành tựu quan trọng; khoa học công nghệ tiếp tục phát triển; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được củng cố và giữ vững...

Dân số toàn tỉnh theo số liệu thống kê đến Tính đến năm 2022, dân số Quảng Ninh là 1.362.900 người, mật độ dân số: 193 người/km². Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính với 4 thành phố (Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí); hai thị xã (Quảng Yên, Đông Triều) và 7 huyện (Bình Liêu, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Ba Chẽ, Vân Đồn, Cô Tô).

Tầm nhìn chiến lược của Quảng Ninh là tạo đà phát triển nhảy vọt, xây dựng Quảng Ninh thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp phát triển vào năm 2020, đóng vai trò là một trong những trung tâm kinh tế của miền Bắc, là tỉnh đi tiên phong cùng cả nước thay đổi mô hình kinh tế, chuyển cơ cấu phát triển từ "nâu" sang "xanh", đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, tạo tiền đề quan trọng để Quảng Ninh phát triển bứt phá, toàn diện sau năm 2020; qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội, khai thác triệt để bản sắc văn hoá địa phương.

Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, Quảng Ninh càng chứng tỏ vai trò của địa phương đầu tàu trong khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Trước yêu cầu của một tỉnh trọng điểm kinh tế, trọng điểm công nghiệp, vấn đề phát triển kinh tế bền vững càng trở nên bức thiết.

2. Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến phát triển kinh tế bền vững ở Quảng Ninh

Các nhân tố chủ quan có tác động trực tiếp tới kết quả của quá trình phát triển kinh tế bền vững của tỉnh bao gồm các yếu tố liên quan đến chính sách phát triển của địa phương, trình độ, chất lượng quản trị địa phương... Cụ thể như sau:

Các thể chế, chính sách phát triển của tỉnh

Chính sách, giải pháp riêng biệt có của địa phương sẽ là các nhân tố quyết định ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của phát triển và phát triển kinh tế xã hội. Trên nền tảng đường lối, chính sách phát triển của đất nước, mỗi địa phương sẽ có chính sách, cơ chế, đường lối phát triển KT-XH đặc thù của địa phương mình để dẫn dắt sự phát triển của địa phương theo một giai đoạn nhất định. Vì vậy, nếu đường lối chính sách của địa phương phù hợp với thực tiễn phát triển, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của địa phương sẽ dẫn tới một hiệu quả tốt, một sự phát triển cao. Ngược lại chính sách, đường lối cũ, lạc hậu, không phù hợp với điều kiện thực tế sẽ là nhân tố cản trở sự phát triển.

Cùng với cải cách hành chính, từ năm 2012, tỉnh Quảng Ninh triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, tạo ra sự thông thoáng và

cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Là địa phương đầu tiên thành lập Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đổi mới quy trình giải quyết các thủ tục đầu tư theo hướng minh bạch và thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, rút ngắn 2/3 thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư. Quyết liệt chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi các dự án “treo” tạo quỹ đất “sạch” cho nhà đầu tư; thường xuyên đối thoại, hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp thông qua việc tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư với phương châm “Hiệu quả của doanh nghiệp là sự thành công của tỉnh” để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Qua đó, củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực đã khẳng định sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cả hệ thống chính trị trong toàn tỉnh, tạo tiền đề, động lực để Quảng Ninh tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới.

Năng lực của bộ máy chính quyền

Để thực thi các công việc phục vụ phát triển KT-XH, tỉnh Quảng Ninh cần có một chính quyền mạnh. Năng lực của bộ máy chính quyền tỉnh sẽ ảnh hưởng đến năng lực hoạch định chiến lược, xây dựng quy hoạch và chính sách phát triển của địa phương, năng lực tổ chức thực thi, điều hành và phối hợp các hoạt động trong phát triển kinh tế của địa phương từ đó ảnh hưởng đến phát triển KT-XH của địa phương nói chung và PTKTBV nói riêng. Do đó sự thành công của quá trình phát triển KT-XH nói chung và PTKTBV nói riêng của mỗi địa phương phụ thuộc rất nhiều vào năng lực quản lý và tổ chức thực hiện của hệ điều hành chính quyền địa phương, nghĩa là phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ từ lãnh đạo tới nhân viên. Đội ngũ này được coi là chất lượng tốt nếu có đủ năng lực chuyên môn và quản lý để thực hiện có hiệu quả, hiệu lực công việc chính quyền đảm nhiệm nền kinh tế, vốn kiến thức tổng hợp, có đầu óc chiến lược, dài hạn.

Xác định đúng vai trò, năng lực của bộ máy chính quyền. Quảng Ninh cũng không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, đi đầu trong cải cách thủ tục hành chính và luôn nỗ lực vươn lên giành vị trí đứng hàng đầu cả nước trong bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chú trọng kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực sự là công bộc của nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm căn cứ đánh giá, thước đo hiệu quả hoạt động.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật

Kết cấu hạ tầng là toàn bộ các hệ thống, công trình vật chất - kỹ thuật có vai trò làm nền tảng và điều kiện chung đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường và an ninh quốc phòng của một quốc gia, vùng lãnh thổ, một địa phương trong một giai đoạn hay thời kỳ phát triển nhất định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật là hệ thống huyết mạch của nền kinh tế, có nhiệm vụ thực hiện những mối liên hệ giữa các bộ phận và các địa phương; tạo điều kiện cơ bản, cần thiết cho sản xuất, thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh

phát triển và xây dựng xã hội hiện đại. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật còn có vai trò thúc đẩy sự phát triển quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; đảm bảo môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật phải được xây dựng và phát triển phù hợp với yêu cầu trước mắt và phát triển lâu dài của nền kinh tế - xã hội, phải đảm bảo tính đồng bộ, hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho PTKTBV.

Cơ chế, thể chế kinh tế

Nhận thức được những hệ quả của nền kinh tế chỉ dựa vào nguồn vốn vật chất, tỉnh Quảng Ninh đã có những chính sách thay đổi và đạt được những hiệu quả nhất định trong tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu. Chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, tập trung vào việc đào tạo tay nghề chuyên môn và khả năng ngoại ngữ của lực lượng lao động và đội ngũ lãnh đạo. Ngoài ra, tỉnh quan tâm đầu tư cho khoa học và công nghệ, thể hiện qua nhiều nghị quyết lớn, đặt ra mục tiêu dành trên 2% tổng vốn đầu tư xã hội cho hoạt động khoa học và công nghệ; các địa phương bố trí tối thiểu 4% chi ngân sách thường xuyên cho hoạt động này. Đến nay, các mục tiêu đặt ra đều đã được hoàn thành, ưu tiên đầu tư khoa học - công nghệ vào xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nông thôn mới...

Nguồn lực về khoa học - kỹ thuật cũng là một nguồn lực không thể thiếu cho PTKTBV. Khoa học - kỹ thuật giúp cho quá trình phát triển kinh tế diễn ra một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Để tăng cường nguồn lực khoa học - công nghệ, cần thiết phải phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ mà trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ; chú trọng đào tạo và sử dụng nhân tài; đa dạng hoá các loại hình cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ; đầu tư kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; tăng cường chuyển giao công nghệ; nhập và nội địa hoá công nghệ từ bên ngoài.

Để mở đường về thể chế chuyển đổi số theo định hướng của Đảng, Nhà nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành nghị quyết về chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, đang được triển khai với ba trụ cột chính là: chính quyền số - kinh tế số và xã hội số. Trong đó, mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số phải đạt 20% GRDP...

Nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, chủ doanh nghiệp, người lao động về PTKTBV

Doanh nghiệp và người lao động luôn đóng vai trò trung tâm trong phát triển kinh tế của địa phương. Trình độ của chủ doanh nghiệp, của người lao động và của dân cư của địa phương có tác động đến PTKTBV. Nếu chủ doanh nghiệp, người lao động và dân cư có trình độ tốt, nhận thức được về chính sách phát triển bền vững của nhà nước, của địa phương, những quy định của pháp luật có liên quan đến PTKTBV, có kiến thức về sản xuất, tiêu dùng bền vững... sẽ là điều kiện đảm bảo cho PTKTBV và ngược lại.

Nhận thức được điều đó, tỉnh Quảng Ninh tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cho tất cả mọi đối tượng như cán bộ, đảng viên, nhân dân, doanh

nhân,... trong vùng về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển bền vững cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường.

Với những thành tựu đạt được là dấu ấn quan trọng, chính trị, xã hội ổn định, kinh tế tăng trưởng cao, quốc phòng, an ninh đảm bảo với tiền đề Tổ quốc ngày càng vững chắc, hướng tới tương lai. Phấn đấu thực hiện mục tiêu chiến lược mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra: Đến 2025 trở thành tỉnh có kinh tế – xã hội phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc với thu nhập bình quân 10.000 USD/người/năm. Đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh cần phải có những giải pháp đồng bộ trong phát triển kinh tế- xã hội, đưa Quảng Ninh thành địa phương phát triển kinh tế bền vững, đóng vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ TÍCH CỰC THI ĐUA LẬP THÀNH TÍCH CHÀO MỪNG 60 NĂM THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG NINH

Ths. Nguyễn Thị Nhị

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Ngày 30/10/1963, tỉnh Quảng Ninh được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng. Trải qua 60 năm xây dựng, trưởng thành, quân và dân các dân tộc Quảng Ninh đã không ngừng thi đua lao động, sáng tạo, thực hiện nghiêm túc mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước để từng bước vượt khó đi lên.

Hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh, đội ngũ giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã tích cực triển khai các phong trào thi đua, phần việc thiết thực, lập thành tích cao nhất để chào mừng sự kiện đặc biệt của tỉnh.

Thứ nhất, trong công tác giảng dạy.

Với phương châm “Vững lý luận, sát mục tiêu, quản lý, phục vụ hiệu quả”, đội ngũ giảng viên luôn nêu cao ý thức, trách nhiệm của bản thân, không ngừng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cập nhật tri thức, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích hợp đường lối, chính sách đó vào các nội dung bài giảng.

Đồng thời, đội ngũ giảng viên còn chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm. Phương pháp giảng dạy tích cực gồm hệ thống các phương pháp khác nhau như phương pháp Chuyên gia, Sàng lọc, Lấy ý kiến ghi lên bảng, Hỏi đáp, Bể cá vàng... Việc sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực là cần thiết, giúp cho việc giảng dạy lý luận chính trị sinh động, phong phú hơn, hiệu quả cao hơn và tránh một chiều, áp đặt; mặt khác khiến học viên không còn thụ động tiếp nhận thông tin và tri thức từ phía giảng viên. Học viên được cuốn vào quá trình tự nhận thức, tìm đến những tri thức đúng thông qua việc thảo luận, trao đổi với nhau và với giảng viên, phát huy tính năng động, tích cực, sáng tạo của người học.

Nhờ vậy, trong Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường đã có 13/13 giảng viên đạt loại giỏi. Trong đó, 02 giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật được cử đi thi Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lần thứ 8 năm 2023 đã mang về thành tích cao cho Nhà trường (01 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy xuất sắc, 01 giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi).

Thứ hai, trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Trong năm 2023, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn trong Nhà trường cũng được chú trọng, tạo ra nhiều khởi sắc và đột phá.

Các giảng viên tích cực tham gia viết bài đăng trong bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn; đăng các báo, tạp chí ở Trung ương và địa phương như: Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Dạy và học ngày nay, Tạp chí Thiết bị giáo dục, website Việt Nam thịnh vượng, báo Quảng Ninh điện tử; tích cực viết bài cho các hội thảo khoa học cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp tỉnh. Trong năm 2023, Nhà trường triển khai thực hiện 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, là “Đánh giá chương trình, hiệu quả sau bồi dưỡng và đề xuất giải pháp bồi dưỡng cán bộ cấp xã tại tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025” (đã được nghiệm thu xuất sắc trong tháng 6/2023) và tiếp tục triển khai hoàn thiện đề tài “Giải pháp giảng dạy lý luận chính trị trực tuyến cho cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số”. Cùng với đó, Nhà trường cũng đang tiếp tục triển khai 06 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2023.

Nhằm tăng cường tính thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn, đội ngũ giảng viên tích cực đi nghiên cứu thực tế. Đây là một hoạt động chuyên môn thuộc nhiệm vụ của giảng viên nhằm mục đích để giảng viên nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, qua đó đối chứng, so sánh với lý luận để bổ sung vào hoạt động giảng dạy. Nội dung nghiên cứu thực tế gắn liền với nội dung kiến thức giảng dạy của các khoa, như: Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương, cơ quan, đơn vị; tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã, phường, thị trấn, các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh; những vấn đề nổi cộm, kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở... Cùng với việc lựa chọn nội dung nghiên cứu thực tế phù hợp, Nhà trường cũng không ngừng đổi mới phương thức nghiên cứu thực tế, với nhiều phương thức khá đa dạng như: nghe báo cáo thực tế do các địa phương, cơ quan, đơn vị trao đổi; nghiên cứu sâu các mô hình điển hình, tìm hiểu các cách làm hay, làm mới của địa phương, cơ quan, đơn vị; tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp, báo cáo viên, các đoàn công tác của tỉnh... Những phương thức nghiên cứu thực tế này đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực.

Thông qua đó, 100% giảng viên đều vượt định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, trong đó có nhiều giảng viên nhận giấy khen của Nhà trường vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, tham gia các cuộc thi, các hoạt động đoàn thể.

Đội ngũ giảng viên luôn là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong các cuộc thi, các hoạt động đoàn thể do Nhà trường, Tỉnh và Trung ương phát động. Điển hình như: Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu Quảng Ninh 60 năm xây dựng và phát triển; Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Ba, năm 2023; Cuộc thi Cán bộ kiểm tra giỏi năm 2023; Cuộc thi Búa liềm vàng...

Với những nỗ lực cố gắng của mỗi giảng viên Trường Đào tạo Cán bộ Nguyễn Văn Cừ trong công tác giảng dạy, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và trong các cuộc thi, các hoạt động đoàn thể sẽ góp phần hướng tới chào mừng 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh, thực hiện khát vọng xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh “Kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại”/.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TỈNH GIAO VÀ CÔNG TÁC TUYỂN SINH CÁC LỚP THEO NHU CẦU XÃ HỘI THI ĐUA LẬP THÀNH TÍCH CHÀO MỪNG 60 NĂM THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG NINH

Ths. Nguyễn Thị Hạnh

Trung tâm Hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trung tâm Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực là Trung tâm có đặc thù riêng được giao hai mảng công việc tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Đề án 293 nằm trong Kế hoạch triển khai Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh của Ủy ban nhân dân tỉnh và quản lý các lớp Đại học liên kết và hỗ trợ các trường Đại học tuyển sinh các lớp cao học. Với vai trò là bộ phận tham mưu trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Tỉnh, đồng thời là đầu mối phối hợp, tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo, tìm kiếm và đề xuất sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Hằng năm, Trung tâm được Ban Giám hiệu Nhà trường giao tổ chức và quản lý các lớp theo Kế hoạch thực hiện Đề án 293 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Với vai trò và chức năng của mình, Trung tâm Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực luôn phát huy tính tiên phong, chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt là công tác quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quyết định của UBND tỉnh.

1. Kết quả thực hiện các lớp đào tạo bồi dưỡng của Trung tâm từ năm 2015- 2022

Đối với các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch tỉnh giao: Trung tâm đã tổ chức được 207 lớp với 13156 học viên, trong đó:

- Lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước: 158 lớp với 11701 học viên
- Lớp mời giảng viên nước ngoài về giảng: 13 lớp với 631 học viên
- Lớp đi nước ngoài: 36 lớp với 824 học viên

Đối với các lớp đại học liên kết: Năm 2022 Trung tâm đã tuyển sinh được 04 lớp (01 lớp đại học văn bằng 2 luật - Đại học Luật Hà Nội, 01 lớp Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc , 01 lớp Ngôn ngữ tiếng Anh và 01 lớp Đại học luật của Đại học Mở Hà nội) với tổng số nhập học là 75 học viên, phối hợp với các Trường đại học quản lý 14 lớp Đại học với trên 500 học viên và quản lý 02 lớp cao học với 56 học viên.

2. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng

2.1. Những thuận lợi

Trung tâm Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, tạo các điều kiện thuận lợi Ban Giám hiệu nhà trường, sự phối hợp hiệu quả của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành liên quan; sự phối hợp tích cực từ các Khoa, Phòng, Trung tâm khác, đặc

biệt là sự đoàn kết, đồng lòng nhất trí tất cả các đồng chí cán bộ, giảng viên, giáo viên, công nhân viên của Nhà trường.

Cấp ủy, chính quyền các địa phương tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc nên học viên yên tâm học tập; các học viên lớp xác định rõ quyền lợi và trách nhiệm trong học tập nên có tinh thần, trách nhiệm cao, chấp hành tốt các nội quy học tập.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm phối hợp với các sở, ban, ngành chuyên môn, các địa phương liên quan để xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các lớp; Ban Giám hiệu phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách trực tiếp, đôn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn trong thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

Cán bộ Trung tâm luôn có tinh thần học hỏi, tích lũy kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các lớp, chính vì vậy việc triển khai các lớp được chuyên nghiệp, kịp thời, hiệu quả.

2.2. Những khó khăn

- Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của nhiều năm được phê duyệt muộn nên việc triển khai các lớp dồn nhiều vào cuối năm là thời điểm các đơn vị bận nhiều công việc; Quyết định cử đi học thường được phê duyệt sát ngày đi học nên việc chuẩn bị và triển khai thực hiện các lớp gặp nhiều khó khăn.

- Trình độ ngoại ngữ của các học viên được cử đi tham dự các khóa học đặc biệt các khóa học ở nước ngoài, các khóa học trong nước có giảng viên nước ngoài còn hạn chế nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến chất lượng của các khóa học.

- Nhiều đồng chí học viên là lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của các cơ quan, đơn vị, địa phương, phải xử lý công việc đột xuất nên ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả học tập; Một số học viên trong lớp có lúc còn phân tán, chưa thực sự tập trung nghe giảng, chưa tích cực trao đổi ý kiến xây dựng bài. Hầu hết học viên học tập theo phương pháp thụ động, chờ giảng viên đặt vấn đề rồi mới thảo luận, chưa chủ động trao đổi, nêu thắc mắc với giảng viên hoặc chưa có sự tương tác giữa các học viên với nhau trước khi giảng viên giải đáp.

Kinh phí tổ chức lớp học được giao chưa thực sự hợp lý, đặc biệt là các lớp mời giảng viên cấp trung ương dẫn đến khó thực hiện được kế hoạch; Kinh phí tỉnh phụ cấp rất hạn chế, khó khăn cho các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh triệu tập học viên.

Công tác phối hợp mở lớp của một số đơn vị với Nhà trường chưa kịp thời và chưa thể hiện rõ trách nhiệm hợp tác.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tinh giao và công tác tuyển sinh các lớp theo nhu cầu xã hội

Để thiết thực lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh và để công tác đào tạo bồi dưỡng những năm tiếp theo của Trung tâm đạt hiệu quả, Trung tâm tiếp tục phát huy những ưu điểm, tiếp tục tổ chức tốt các lớp đào tạo bồi dưỡng, Trung tâm xin đưa ra 1 số giải pháp trong công

tác đào tạo, quản lý các lớp được giao.

3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tỉnh giao

3.1.1. Xây dựng nội dung, chương trình học phù hợp

Xác định đúng mục đích, mục tiêu và nhu cầu của đào tạo, bồi dưỡng; Phối hợp chặt chẽ với các trường, các cơ sở đào tạo trong đổi mới xây dựng nội dung chương trình, hệ thống tài liệu phù hợp với từng đối tượng học viên và phải luôn đổi mới thiết thực với công việc thực tế tránh trùng lặp về nội dung; định kỳ có chương trình bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cho từng đối tượng tương ứng với thời gian hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng. Cập nhật và đổi mới chương trình cần theo đúng quy trình, phù hợp với từng đối tượng theo hướng cập nhật hóa, hiện đại hóa chú trọng nâng cao kỹ năng, năng lực hoạt động và giáo dục phẩm chất đạo đức cho học viên.

3.1.2. Đổi mới đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các lớp ĐTBD

- Tham mưu mời đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng có kiến thức chuyên sâu, giàu kinh nghiệm nghiên cứu thực tiễn, có phương pháp giảng dạy phù hợp. Chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức, các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu công việc đạt kết quả.

- Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu thực tiễn cho giảng viên theo Đề án về việc đưa giảng viên đi thực tế có thời hạn tại cơ sở khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt để có cơ hội cọ sát thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm phục vụ thiết thực, hiệu quả, gắn sát với thực tiễn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3.1.3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý các lớp

- Xây dựng sổ tay công tác của cá nhân và của Trung tâm, thường xuyên cập nhật danh sách giảng viên giảng dạy hay, có uy tín; Tạo dựng mối quan hệ tốt và có đầu mối các cơ quan phối hợp tổ chức.

- Tiếp tục siết chặt việc quản lý các lớp đảm bảo thực hiện nghiêm túc thời gian học tập. Trường hợp nghỉ phải có đơn xin phép và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục tổ chức các đoàn thanh kiểm tra đột xuất các lớp học. Sau các lớp học, ban tổ chức lớp sẽ gửi báo cáo kết quả chuyên cần về cơ quan, đơn vị coi đó như một tiêu chí để bình xét thi đua cuối năm.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc quản lý lớp học, từng bước thay thế việc sử dụng quá nhiều văn bản giấy tờ hành chính trong truyền đạt thông tin, tăng cường sử dụng thư điện tử hỗ trợ cho việc tổ chức quản lý lớp học nhanh gọn, chính xác, đạt hiệu quả.

- Các lớp học nên bố trí lớp theo mô hình đội, nhóm để thuận tiện cho việc trao đổi, thảo luận trên lớp tạo bầu không khí sôi nổi cho lớp học cũng như giúp cho việc quản lý học viên dễ dàng hơn.

- Ban tổ chức lớp học cần lựa chọn kỹ đối tượng tham gia học tập sao cho thật sự phù hợp với các nội dung đào tạo bồi dưỡng giúp học viên tạo được hứng khởi khi tham gia học tập, để từ đó thuận lợi trong công tác quản lý học viên các lớp bồi dưỡng.

3.1.4. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng

Đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến thông qua “lớp học ảo”, mô phỏng, số hóa bài giảng cần trở thành xu hướng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong tương lai gần. Hiện nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngày càng đòi hỏi tính chuyên sâu để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, rèn luyện thái độ công vụ phù hợp; nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cũng không ngừng tăng lên về khối lượng kiến thức, kỹ năng, trong khi đó các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng này lại có những giới hạn nhất định về không gian và thời gian, gây khó khăn cho giảng viên và học viên. Vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trực tuyến chính là chìa khóa quan trọng để giải quyết mâu thuẫn đó.

3.1.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng

- Tiếp tục phối hợp với các trường Đại học uy tín ở nước ngoài, ký các chương trình thỏa thuận, hợp tác về liên kết đào tạo. Cần kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài. Mời các chuyên gia, nhà quản lý ở những nước có nền hành chính phát triển trực tiếp về giảng dạy cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tổ chức cho cán bộ, công chức đi nghiên cứu thực tế ở nước ngoài sau khi được học tập các kiến thức ở trong nước, để họ có thể hình dung đầy đủ hơn về việc vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn nền hành chính nhà nước.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh các lớp theo nhu cầu xã hội

3.2.1. Xác định đúng mục đích, mục tiêu và nhu cầu của ĐT, bồi dưỡng

Khảo sát nhu cầu của người học bằng cách phát phiếu khảo sát nhu cầu học cho học viên tại các lớp của trường, gửi công văn cho các sở, ban, ngành, địa phương để khảo sát; Tham mưu xây dựng Kế hoạch sau khảo sát nhu cầu của vị trí công việc, lựa chọn kiến thức, kỹ năng cần thiết cho từng đối tượng; phân loại đối tượng đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn để có nội dung đào tạo và bồi dưỡng phù hợp.

3.2.2. Xây dựng khung chương trình ĐT, bồi dưỡng phù hợp

Phối hợp chặt chẽ với các trường Đại học, các cơ sở đào tạo trong đội mới xây dựng nội dung chương trình, hệ thống tài liệu phù hợp với từng đối tượng học viên và phải luôn đổi mới thiết thực với công việc thực tế tránh trùng lặp về nội dung; định kỳ có chương trình bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên

sâu cho từng đối tượng tương ứng với thời gian hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng. Cập nhật và đổi mới chương trình cần theo đúng quy trình, phù hợp với từng đối tượng theo hướng cập nhật hóa, hiện đại hóa chú trọng nâng cao kỹ năng, năng lực hoạt động và giáo dục phẩm chất đạo đức cho học viên.

3.2.3. Xây dựng kế hoạch, nâng cao phương pháp, sử dụng triệt để các phương thức tuyển sinh

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp, cán bộ tuyển sinh phải là người có chuyên môn vững, có kinh nghiệm trong công tác quản lý các lớp đào tạo bồi dưỡng để tham gia các đợt tuyển sinh đạt hiệu quả.

- Từ những yêu cầu về đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng trong kỷ nguyên số, trước cơ hội và thách thức thay đổi lớn dựa trên nền tảng tiếp cận tri thức bằng khoa học và công nghệ cao về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Ngoài việc gửi văn bản tuyển sinh qua bưu điện, phát trực tiếp tại các lớp học thì cần tận dụng tối đa tiến bộ của khoa học và công nghệ để tiếp tục tuyển sinh trên các trang mạng xã hội như gmail, facebook, zalo, trên cổng thông tin điện tử.

- Tham mưu cho Trường phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể và doanh nghiệp trong tỉnh lãnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, đơn vị mình; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có ý thức tự học, gắn bó với nghề nghiệp phấn đấu nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn công việc được giao.

QUẢNG NINH - CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỂ VƯỜN MÌNH BỨT PHÁ

Ths. Nguyễn Thị Ngọc Lan
Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Ngày 30 tháng 10 năm 1963, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khóa II đã phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh. Đây là dấu mốc quan trọng, tạo thuận lợi cho sự lãnh đạo tập trung của Đảng, Nhà nước đối với Quảng Ninh. Và cũng từ đây, những giá trị Quảng Ninh hội tụ trong suốt chiều dài lịch sử về tự nhiên, xã hội, con người, truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước đã lan tỏa rực rỡ dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước đây, nhắc tới Quảng Ninh, người ta chỉ nghĩ tới vùng than lớn nhất cả nước, nhưng những năm gần đây, cái tên Quảng Ninh đã thực sự gây ấn tượng mạnh khi tỉnh đã có những thay đổi “thần kỳ” trong phát triển kinh tế và đặc biệt là trong xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch; đem lại niềm tin, sự hài lòng cho doanh nghiệp và người dân.

Và cải cách hành chính là một trong những động lực quan trọng góp phần mang lại những thắng lợi trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mục tiêu, cách thức thực hiện cải cách hành chính của nền hành chính quốc gia nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng đều xuất phát từ những giá trị, quan điểm về nền hành chính nhà nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng về cải cách hành chính nhà nước.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ đề cập đến quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về nền hành chính nhà nước và một số kết quả tỉnh Quảng Ninh đã đạt được trong công cuộc cải cách hành chính để mang lại thay đổi căn bản, toàn diện sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như hiện nay.

1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nền hành chính Nhà nước

Có thể nói, riêng đối với lĩnh vực hành chính nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tư tưởng, nhà lý luận mà Người còn là kiến trúc sư lỗi lạc của nền hành chính Nhà nước Việt nam về tất cả các nhân tố cấu thành của nó: xây dựng thể chế tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, công chức, lề lối làm việc, kỹ thuật hành chính và cơ chế vận hành, rèn luyện đạo đức, sửa đổi cách làm việc chống quan liêu lãng phí, tham ô, đảm bảo xây dựng một nền hành chính thực sự của dân, do dân và vì dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập ra nền chính trị cách mạng Việt Nam, đồng thời là người khai sinh nền cộng hòa dân chủ Việt Nam và đặt cơ sở vững chắc cho việc xây dựng nền hành chính hiện đại Việt nam. Nền hành chính ấy, theo Hồ Chí Minh là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân cũng tức là nền dân chủ nhân dân.

Bản chất của nền hành chính luôn luôn phụ thuộc vào bản chất của Nhà nước. Hồ Chủ tịch từng viết: “Tính chất của một nhà nước là: trong Nhà nước ấy, giai cấp nào thống trị, giai cấp nào bị thống trị. Nhà nước ấy bảo vệ lợi ích

của giai cấp nào..”³² và “...trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân, tức là của giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Bốn giai cấp ấy do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm nền tảng, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước để thực hành dân chủ chuyên chính”. Tính chất dân chủ là bản chất của nền hành chính Việt Nam, nó được quy định ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên (1946) của nước ta do đích thân Hồ Chủ tịch chủ trì soạn thảo và đã được Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa thông qua.

2. Quan điểm của Đảng về nền hành chính nhà nước

Việc hình thành chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân là một quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy, sáng tạo không ngừng trong đường lối đổi mới toàn diện đất nước được khởi đầu từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Trải qua các kỳ đại hội, cải cách hành chính nhà nước luôn được khẳng định là một chủ trương nhất quán, đồng thời có các biện pháp cụ thể nhằm cải cách, đổi mới nền hành chính nhà nước phù hợp với yêu cầu của quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng trong lãnh đạo tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Trong quá trình đó, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề quan trọng về cải cách hành chính³³, tạo nền tảng tư tưởng chính trị, định hướng cho việc xây dựng nền hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh đầy mạnh hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước đến năm 2030, đó là “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”³⁴. Trên cơ sở đó, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 xác định 3 đột phá chiến

³² Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác phẩm “Thường thức chính trị, bài báo số 18 – Nhân dân dân chủ chuyên chính.

³³ Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 1-8-2007, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16-1-2012, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30-10-2016, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và một số nghị quyết quan trọng khác, như Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương, về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”;...

³⁴ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, Hà Nội, t. I, tr. 118.

lược⁽³⁾, trong đó có 2 nội dung định hướng quan trọng đối với xây dựng nền hành chính nhà nước hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển. Đó là: 1- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ... Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành; 2- Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực,... Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân. Gần đây nhất, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành một số nghị quyết chuyên đề³⁵, đây là định hướng chính trị quan trọng để Chính phủ ban hành chương trình hành động, triển khai thực hiện cải cách hành chính nhà nước của Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách hành chính, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính mang tính tổng thể, toàn diện, đồng bộ, hoặc theo từng chuyên đề, có trọng tâm, trọng điểm và chỉ đạo triển khai một cách quyết liệt, thông suốt từ Trung ương tới chính quyền địa phương các cấp: Nghị quyết số 38/CP, ngày 4-5-1994, của Chính phủ, “Về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức”; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 tại Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg, ngày 17-9-2001, của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 8-11-2011 của Chính phủ và Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tại Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15-7-2022 của Chính phủ. Các chương trình này đã tiếp tục khẳng định quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Trong quá trình triển khai, tùy từng giai đoạn cụ thể, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề, quyết định, chỉ thị để triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực trọng tâm, cấp bách, như cải cách thủ tục hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ, công chức; phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số... Trên cơ sở đó, cải cách hành chính được thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ trên tất cả lĩnh vực của nền hành chính từ Trung ương đến địa phương.

³⁵ Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9-11-2022, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17-11-2022, của Ban Chấp hành Trung ương, “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”

3. Kết quả đạt được trong Cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ninh

Hiện nay, nhắc tới Quảng Ninh người ta không chỉ nhớ về một vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, có rừng vàng, biển bạc mà còn nghĩ tới một địa phương có nền hành chính minh bạch, hiện đại, hiệu quả. Điều đó thể hiện rõ nét qua chính những chỉ số về vị trí, thứ hạng của Quảng Ninh trên bản đồ cải cách hành chính cả nước.

Xuất phát từ vị trí thấp trong bảng xếp hạng về Chỉ số cải cách hành chính, Quảng Ninh đã bút phá ngoạn mục vươn lên ngôi vị đầu. Chỉ trong 5 năm, Quảng Ninh đã tăng 22 bậc trong bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX). Từ chỗ xếp thứ 19 vào năm 2012 và thứ 23 vào năm 2013, đến năm 2017, Quảng Ninh đã về đích ở vị trí quán quân với 89,45/100 điểm, tăng 6,72 điểm so với năm 2016.

Đến năm 2023, tỉnh đã có 10 năm thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính và 6 năm đánh giá chỉ số đo lường sự hài lòng. Năm 2022, tỉnh Quảng Ninh ghi dấu ấn đậm nét khi lập kỷ lục 6 năm liên tiếp giữ vững vị trí quán quân Chỉ số PCI; lần thứ hai dẫn đầu cả nước ở cả 4 Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI (năm 2020 và 2022); Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) 5 năm dẫn đầu; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) 4 năm dẫn đầu bảng xếp hạng và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) 2 năm dẫn đầu vị trí xếp hạng.

Kết quả này là minh chứng rõ nét những nỗ lực của hành trình cải cách hành chính toàn diện và quyết tâm thực hiện thành công nhiều mô hình, cách làm mới với sự đồng lòng, nhất trí của cả hệ thống chính trị.

Những kết quả và con số đã đạt được chỉ thực sự ý nghĩa khi người dân được thụ hưởng thành quả từ chính cải cách hành chính nhà nước. Hiện nay, 100% các sở, ban, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh trên cổng dịch vụ công của tỉnh, thực hiện kết nối tài khoản thanh toán trên cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến tại 177 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Từ ngày 01/7/2023, thực hiện thu 100% phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính không dùng tiền mặt tại 3 cấp chính quyền. Kết quả, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt tại cấp tỉnh đạt 84,9%, cấp huyện đạt 95,4%, cấp xã đạt 44,5%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đúng hạn và trước hạn đạt 99,8%.

Cải cách thủ tục hành chính là một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2013-2022, Quảng Ninh nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước. Đặc biệt, năm 2022, GRDP của tỉnh đạt 10,28%, là năm thứ 7 liên tiếp đạt mức tăng trưởng 2 con số; quy mô nền kinh tế đạt 269.000 tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2021; GRDP bình quân đầu người đạt trên 8.200 USD/năm - cao nhất so với các tỉnh phía Bắc.

Bí quyết để Quảng Ninh đạt được những kết quả trong công tác cải cách hành chính đó chính là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu các cấp. Những năm qua tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo triển khai hiệu quả, đồng bộ, tích cực các nội dung của cải cách hành chính, trong đó, luôn đề cao vấn đề nâng cao

chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo việc tổ chức, đối thoại, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của người dân, doanh nghiệp để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, đời sống của nhân dân, giúp các cấp chính quyền có giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân.

Dù đạt nhiều kết quả quan trọng, Quảng Ninh vẫn luôn nhìn nhận để gỡ bỏ những điểm nghẽn, khai thác những dư địa cải cách với phương châm xuyên suốt “cải cách hành chính chỉ có điểm bắt đầu, không có điểm kết thúc, chỉ có nhìn về phía trước để tiến lên”, “lấy sự hài lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư làm thước đo hiệu quả công việc” trên tinh thần “5 thật, 6 dám”.

Quyết tâm về một hành trình không có điểm kết thúc của Quảng Ninh còn được thể hiện hết sức rõ ràng khi Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên và duy nhất đến thời điểm hiện tại đưa các chỉ số cải cách: PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI trở thành một chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Trong đó xác định rõ chỉ tiêu “Hàng năm giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI”; bám sát tinh thần và triển khai có hiệu quả, thực chất Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt “Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025”, gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện.

Quyết tâm đó không chỉ là mục tiêu giành điểm số, vị trí cao nhất của các chỉ số, mà quan trọng là hướng đến xây dựng hình ảnh địa phương đi đầu đổi mới, sáng tạo, xây dựng văn hóa cam kết, văn hóa đồng hành, văn hóa thực thi của chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

60 năm Quảng Ninh hình thành và phát triển, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân, các dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thi đua phấn đấu và nỗ lực không ngừng để xây dựng tỉnh Quảng Ninh hiện đại, giàu đẹp, văn minh, thân thiện. Trên con đường đó, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách chủ tịch Hồ Chí Minh về nền hành chính nhà nước, kiên định quan điểm cải cách hành chính nhà nước của Đảng, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, sáng tạo trong xây dựng mô hình, cách làm mới, nâng cao tính tích cực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chính là những bước đi để Quảng Ninh tiếp tục cải thiện nền hành chính, xây dựng bộ máy hành chính hoạt động hiệu lực, hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, để người dân trên địa bàn tỉnh được thụ hưởng lợi ích từ cải cách và thực sự hạnh phúc vì là công dân Quảng Ninh./.

QUẢNG NINH - KHÁT VỌNG VƯƠN TỚI TẦM CAO MỚI

Ths. Nguyễn Đức Phương

Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật

Trong những năm vừa qua, đặc biệt từ năm 2012 đến nay, tỉnh Quảng Ninh luôn là một trong những địa phương đi đầu trong công tác quy hoạch trên cả nước. Các quy hoạch được lập của tỉnh đã trở thành những căn cứ khoa học, công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp trên địa bàn sử dụng trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển, từng bước thay đổi diện mạo của tỉnh, đưa Quảng Ninh vươn tới những đột phá mới.

Kim chỉ nam cho sự phát triển toàn diện và bền vững của tỉnh

Xác định quy hoạch tốt mới có dự án tốt, nhà đầu tư tốt; quy hoạch là công cụ quản lý nhà nước, là phương tiện giám sát của nhân dân, là niềm tin lựa chọn của nhà đầu tư và doanh nghiệp, trong nhiều năm qua Quảng Ninh đã đầu tư bài bản cho công tác quy hoạch. Giai đoạn trước năm 2012, Quảng Ninh đã triển khai và hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng; quy hoạch phát triển các ngành kinh tế trọng yếu như công nghiệp, du lịch, thủy sản, thương mại... Các quy hoạch đó làm nền tảng để Quảng Ninh dần hình thành rõ nét bức tranh, hướng đi của địa phương trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, trong quá trình vận động phát triển, các mâu thuẫn mới bắt đầu nảy sinh, Quảng Ninh cũng phải đối diện với không ít thách thức để khơi dậy được tiềm năng. Sớm nhận thấy những định hướng chiến lược trong các quy hoạch cũ không còn phù hợp, năm 2012, Quảng Ninh tiếp tục mạnh dạn báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho thuê tư vấn nước ngoài lập một số quy hoạch quan trọng của tỉnh với những cái tên hàng đầu thế giới như McKinsey, BCG (Mỹ), Nikken Seikei, Nippon Koie (Nhật Bản)... Thời điểm đó, Quảng Ninh là địa phương đầu tiên trong nước thực hiện lập các quy hoạch chiến lược có thuê đơn vị tư vấn nước ngoài.

Năm 2014, Quảng Ninh công bố 7 quy hoạch chiến lược đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, gồm: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch vùng tỉnh; quy hoạch phát triển du lịch; quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; quy hoạch phát triển KHCN; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch bảo vệ môi trường. Đây cũng là nền tảng cho việc định hướng thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược.

Từ những quy hoạch chiến lược đã tạo lập, tỉnh tập trung nguồn lực rất lớn, cả về trí tuệ và đầu tư để định hình không gian phát triển “Một tâm, hai tuyến, đa chiều và hai mũi đột phá”, kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành phố trực thuộc

Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của tỉnh, trong tam giác động lực phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng.

Sẵn sàng thực hiện những đột phá mới

Nhằm tạo điều kiện để Quảng Ninh trở thành địa phương nằm trong TOP đầu cả nước; giữ vững vai trò, vị trí cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc, với mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững, cùng với đó là sự chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu và được đánh giá là bản quy hoạch mẫu mực từ cách làm việc, đóng góp trí tuệ đến việc lấy ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài nước với hơn 1.500 ý kiến, hàng trăm cuộc họp, ngày 11/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nhiều quan điểm, mục tiêu và giải pháp quan trọng.

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch tỉnh Quảng Ninh bao gồm toàn bộ tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích tự nhiên trên đất liền 6.206,9 km² và phần diện tích biển có ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 6 hải lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố, với 13 đơn vị hành chính gồm 4 thành phố (Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí); 2 thị xã (Quảng Yên, Đông Triều) và 7 huyện (Bình Liêu, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Ba Chẽ, Vân Đồn, Cô Tô).

Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là đến năm 2030 xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Về mục tiêu cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 là 10%/năm, cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 3 - 4%; công nghiệp xây dựng chiếm khoảng 47 - 48%; dịch vụ chiếm khoảng 38 - 39% và Thuế sản phẩm 9 - 10%; GRDP bình quân đầu người đạt 19.000 - 20.000 USD.

Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 1,9%/năm; đến 2030 dân số toàn tỉnh khoảng 2,64 triệu người, trong đó dân số thường trú khoảng 1,63 triệu người; duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh ở nhóm 5 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước; tỷ lệ hộ nghèo dưới 1%;...

Tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng tỉnh Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, là một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng

chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh.

- Tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao

Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, trong đó với ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp xanh, tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; đưa ngành công nghiệp chế biến chế tạo trở thành một trụ cột chính trong nền kinh tế.

Phát triển công nghiệp năng lượng thân thiện với môi trường; tiếp tục duy trì là một trung tâm năng lượng của quốc gia (một trong những trung tâm điện gió, điện khí LNG của miền Bắc), chuyển dần sang phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Không mở rộng các nhà máy nhiệt điện than; đầu tư nâng cao hiệu suất các nhà máy hiện tại, bảo vệ môi trường.

Phát triển hợp lý, bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trọng điểm là ngành Than góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo quy hoạch; giai đoạn 2021 - 2030, sản lượng khai thác than của Quảng Ninh cơ bản ổn định và tăng trưởng với tốc độ bình quân khoảng 1,2%/năm; đến năm 2030, sản lượng khai thác đạt trên 49 triệu tấn.

- Trở thành đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế

Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo; phát triển Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN; sân bay quốc tế Vân Đồn thành một trung tâm logistics của Việt Nam, hướng tới là điểm trung chuyển cho khu vực Đông Nam Á.

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn với hệ thống dịch vụ chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, giá trị gia tăng lớn; Quảng Ninh là đầu tàu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế; đón khách quanh năm, phấn đấu đến năm 2030 đón khoảng 25 triệu lượt du khách (trong đó khoảng 8 triệu lượt khách quốc tế), đạt tốc độ tăng trưởng du khách bình quân khoảng 6%/năm.

- Xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước

Về kinh tế biển Quyết định số 80/QĐ-TTg nêu rõ, xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước trên cơ sở phát triển du lịch - dịch vụ kết nối khu vực và quốc tế; đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển nước sâu, các âu tàu du lịch đẳng cấp quốc tế gắn với phát triển kinh tế chuỗi khu kinh tế, khu đô thị biển - ven biển cận kề và là một trong những trung tâm logistics trọng điểm của cả nước.

Đồng thời xây dựng Quảng Ninh thành một trong những cửa ngõ trung chuyển hướng biển của khu vực; tăng khả năng liên kết không gian kinh tế ven

bờ, biển và đảo, tạo động lực phát triển cho vùng Đông Bắc và cả nước.

Phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản ven biển và trên biển (nuôi biển) công nghệ cao, hiệu quả và bền vững; khuyến khích nuôi các đối tượng làm dược liệu biển và thực phẩm dinh dưỡng từ sản phẩm biển; ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch,... để tạo giá trị gia tăng của sản phẩm biển, góp phần tiết kiệm tài nguyên biển. Quy hoạch không gian ven biển, ven bờ (ven đảo lớn) cho phát triển du lịch bền vững kết hợp phát triển các lĩnh vực kinh tế - dịch vụ dựa vào bảo tồn biển là thế mạnh vượt trội ở Quảng Ninh.

Ưu tiên xây dựng đồng bộ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đa mục tiêu, nhằm bảo đảm "lợi ích kép" trong phát triển. Chuyển dần sang phát triển mạnh năng lượng tái tạo. Coi trọng hợp tác quốc tế và khu vực trong phát triển kinh tế biển bền vững và đào tạo nguồn nhân lực biển hiệu quả.

Tổ chức lại không gian phát triển kinh tế biển trên cơ sở phân vùng không gian dựa vào hệ sinh thái và theo chức năng sử dụng biển, đảo và vùng ven biển; phân bổ không gian biển, vùng ven biển và đảo cho các ngành/lĩnh vực theo nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích và giảm xung đột không gian trong khai thác, sử dụng cùng một vùng ven biển, đảo và biển, giữa các tập thể và cá nhân.

Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; đồng thời giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đặc trưng Quảng Ninh để phát triển du lịch bền vững. Phát triển và quản lý bền vững kinh tế biển của tỉnh theo phương thức quản trị biển dựa vào không gian, liên ngành với sự tham gia thực chất của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

Theo đánh giá của các chuyên gia, Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là quy hoạch “gốc”, làm khung định hướng nền tảng phát triển tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn tới. Toàn bộ các nội dung về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, tầm nhìn, khâu đột phá của tỉnh, cũng như các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng, giải pháp của các ngành, lĩnh vực từ kinh tế - xã hội đến hạ tầng, tổ chức không gian, bảo vệ môi trường, sử dụng đất... đã được xây dựng và làm rõ sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng trong quản lý phát triển, nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù, hấp dẫn tạo điều kiện huy động đa dạng nguồn lực trong nước và quốc tế tham gia, nhằm tạo động lực cho xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, cùng đóng góp vào sự phát triển hưng thịnh của cả quốc gia./.

BÁC HỒ VỚI CON NGƯỜI VÀ VÙNG ĐẤT QUẢNG NINH

Nguyễn Đức Phương

Giảng viên khoa Nhà nước và Pháp luật

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đúc kết cuộc đời mình: Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi³⁶. Với con người ấy, nơi nào trên đất Việt Nam cũng là quê hương, người dân nơi đâu cũng là ruột thịt. Đất và người Quảng Ninh không nằm ngoài quy luật ấy. Việc hồi tưởng lại những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho đất và người Quảng Ninh không chỉ góp phần tô thắm lịch sử của vùng đất ấy mà còn khích lệ, thúc đẩy các thế hệ nơi đây chung tay xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp như mong muốn của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu.

Là một dân tộc “vốn xưng nền văn hiến đã lâu”, mỗi địa danh trên mảnh đất Việt Nam đều là những “trầm tích” văn hóa, lịch sử. Quảng Ninh, xét theo góc độ lịch sử, kinh tế hay văn hóa, đều là “địa linh”, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Sông Bạch Đằng ở nơi đó gắn liền với ba cuộc thủy chiến đã trở thành niềm tự hào của người dân Việt Nam trong công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ca ngợi địa danh ấy: “Mênh mông một dải Bạch Đằng/ Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh”³⁷.

Cảng Vân Đồn của huyện Vân Đồn từng là một thương cảng lớn của Đại Việt, tồn tại từ giữa thế kỷ 12 đến cuối thế kỷ 18. Vùng đất Đông Triều vốn là nơi phát tích của nhà Trần - một triều đại phong kiến lẫy lừng. Núi Yên Tử của thành phố Uông Bí là nơi ra đời Thiền phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Quảng Ninh có vịnh Hạ Long - một di sản thiên nhiên thế giới đã được UNESCO công nhận. Đó còn là xứ sở của “vàng đen” và đội ngũ công nhân mỏ giàu truyền thống cách mạng. Thiết tưởng, ít có vùng đất nào hội tụ nhiều tiềm năng to lớn như thế. Là một người am hiểu lịch sử, địa lý dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho vùng đất Quảng Ninh sự quan tâm sâu sắc với những minh chứng sống động.

Thứ nhất, địa danh Quảng Ninh đã được Hồ Chí Minh quan tâm từ khi còn hoạt động quốc tế.

Quảng Ninh nằm ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc nên trước khi rời Việt Nam ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành chưa có cơ hội đặt chân đến vùng đất này. Trong suốt quá trình tìm đường cứu nước, Tổ quốc đau thương luôn hiện diện trong trái tim Người. Khi đã trở thành người cộng sản, được phân công theo dõi phong trào cách mạng ở Đông Nam Á, Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm đến phong trào công nhân ở Việt Nam. Vào đầu thế kỷ XX, công nhân ở

³⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 674

³⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 261

Việt Nam chủ yếu là công nhân mỏ và công nhân đồn điền nên Nguyễn Ái Quốc đã rất chú ý đến vùng đất mỏ Quảng Ninh. Từ năm 1924, trong *Tham luận tại Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ*, Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo: Ở Đông Dương còn có những xí nghiệp tương đối lớn:... khu mỏ vịnh Hạ Long có 4.000 công nhân³⁸.

Cũng trong giai đoạn này, để tố cáo chính sách vơ vét của thực dân Pháp ở Đông Dương, trong bài *Đời sống kinh tế Đông Dương*, Nguyễn Ái Quốc đã viết: Năm 1920, 63 công ty khai thác 19 mỏ được 7.000.000 tạ than đá trị giá 45.000.000 phrăng. Riêng mỏ than Hạ Long đã cung cấp được 5.500.000 tạ... Phải nói rằng hầm mỏ ở Đông Dương được khai thác rất tồi. Người Pháp không dám bỏ vào đó một số vốn lớn, và họ chỉ vơ vét những cái gì dễ vơ vét, như một kẻ vội khoắng sạch những cái gì tiện tay để chuồn đi cho nhanh³⁹. Ấn tượng sự tố cáo đó là sự thương cảm đối với đời sống lầm than của những người công nhân mỏ. Trong *Báo cáo về Hội nghị cán bộ xứ ủy Bắc Kỳ* viết vào khoảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc đến lò đúc kềm Quảng Yên⁴⁰ và việc “công nhân mỏ than Cẩm Phả” tiến hành đình công⁴¹. Sau này, khi đã rời Liên Xô về hoạt động ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh tiếp tục theo dõi phong trào công nhân ở Quảng Ninh. Trong Báo cáo của Việt Nam gửi Quốc tế Cộng sản viết vào tháng 7 năm 1939, địa danh “Uông Bí” được Người nhắc đến hai lần khi thống kê phong trào đấu tranh đòi tăng lương của công nhân mỏ⁴². Trong điều kiện bốn ba xứ người, thông tin rất hạn hẹp, việc các địa danh của tỉnh Quảng Ninh được Nguyễn Ái Quốc nhiều lần nhắc đến đã thể hiện sự quan tâm của Người đến vùng đất Quảng Ninh và sự theo dõi sát sao phong trào công nhân trong nước.

Thứ hai, Quảng Ninh là một trong những tỉnh được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm nhiều nhất.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong bối cảnh “thù trong, giặc ngoài”, Chủ tịch Hồ Chí Minh phải đấu trí với thực dân Pháp đang có âm mưu cướp nước ta một lần nữa. Ngày 24-3-1946, Người đi bằng thủy phi cơ Catalina từ sân bay Gia Lâm đến vịnh Hạ Long để hội đàm với Cao ủy Pháp tại Đông Dương - Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu trên tuần dương hạm Esmille Bertin. Lần đầu tiên đặt chân đến một danh lam thắng cảnh của tỉnh Quảng Ninh để giải quyết những vấn đề hệ trọng trong hoàn cảnh vận nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Người không có điều kiện đi thăm nhân dân và các địa điểm khác trên đất liền của tỉnh Quảng Ninh. Với quyết tâm giữ gìn, bảo vệ non sông gấm vóc, trong đó có Quảng Ninh, Người đã tuyên bố với đại diện của đối phương: Nếu Đô đốc (tức Georges Thierry d'Argenlieu - tác giả chú thích), muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông ta đã làm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược các dòng sông của chúng tôi⁴³.

³⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 312 - 313

³⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr. 380

⁴⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 624

⁴¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 626.

⁴² Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 173, 176

⁴³ Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 454

Sau khi miền Bắc được giải phóng, với tinh thần sâu sát thực tiễn, tại cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 30-12-1967, Người nói: Tôi đề nghị các vị Bộ trưởng nên luyện cho mình có đôi chân hay đi, đôi mắt hay nhìn, cái óc hay nghĩ, không nên chỉ ngồi ở bàn giấy, theo kiểu “đạo nhân phòng thủ”⁴⁴. Là người luôn “nói đi đôi với làm”, chỉ từ ngày 15-10-1954 (sau khi Người về Thủ đô Hà Nội) đến ngày 12-8-1969 (thời điểm Người bắt đầu lâm bệnh và sau đó qua đời), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 923 lần đi đến các địa phương. Quảng Ninh chính là một trong những địa phương có vinh dự được Hồ Chí Minh đến thăm nhiều nhất. Việc đối chiếu giữa bộ sách *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* và *Hồ Chí Minh toàn tập* đã đưa ra kết quả như sau: Từ năm 1957 đến năm 1965, Hồ Chí Minh đã tám lần đến thăm các địa bàn khác nhau thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Lần thứ nhất: Từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 10 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm Vịnh Hạ Long, cùng tham gia đánh cá với bà con ngư dân và có buổi nói chuyện với nhân dân Hòn Gai vào ngày 4-10-1957. Người đã chỉ rõ những công việc cụ thể mà từng giai cấp, cộng đồng nhân dân cần thực hiện để xây dựng quê hương giàu đẹp. Đặc biệt, Người căn dặn cán bộ: Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính. Muốn thế phải gần gũi nhân dân, khuyến khích nhân dân, lãnh đạo nhân dân⁴⁵.

Lần thứ hai: Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Quảng Ninh từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 3 năm 1959. Trong chuyến đi này, Người đã đi thị sát một số đảo trên vịnh Hạ Long, đến thăm công trường Đèo Nai, Cẩm Phả, đảo Tuần Châu, gặp gỡ cán bộ Khu ủy Hồng Quảng và đèn cảng Hải quan Bãi Cháy, thăm trận đại pháo của Đại đội 34 trên đảo Hòn Rồng⁴⁶.

Lần thứ ba: Từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 2 năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm tỉnh Hải Ninh (cũ) - mảnh đất địa đầu thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Tại đây, Người đi thăm một trường học, một hợp tác xã nông nghiệp ở xã Đoan Tĩnh (của người Hán), thăm xưởng góm Móng Cái và một số cơ sở sản xuất của tỉnh. Trong buổi nói chuyện với đông đảo cán bộ, nhân dân địa phương tại sân vận động Móng Cái, Người đã căn dặn phải tổ chức tốt các hợp tác xã, phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết Việt - Trung và cán bộ lãnh đạo phải xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân, người cán bộ tốt của Đảng và Chính phủ⁴⁷.

Lần thứ tư: Ngày 6-3-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bà Đặng Dĩnh Siêu (phu nhân của Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai) đi thăm Hải Phòng và vịnh Hạ Long. Khi gặp gỡ các cán bộ và chiến sĩ hải quân, Người đã nói: Bờ

⁴⁴ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t. 10, tr. 131

⁴⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 113

⁴⁶ Xem Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 7, tr. 200 - 201

⁴⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 484

biển ta có vị trí rất quan trọng... Hải quân ta phải học tập kinh nghiệm chiến đấu hiện đại nhưng không được quên truyền thống đánh giặc xa xưa kia của tổ tiên⁴⁸.

Lần thứ năm: Ngày 9-5-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đảo Cô Tô - phần đất biên ải của tỉnh Quảng Ninh. Khi nói chuyện với cán bộ, bộ đội và nhân dân trên đảo, Người đã căn dặn mỗi người phải nhận thức rõ và làm đúng nghĩa vụ của người chủ nước nhà; cán bộ phải chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Đồng cảm với khó khăn của những người đang sống giữa trùng khơi sóng gió, Hồ Chủ tịch đã nói: Thủ đô Hà Nội tuy cách xa các đảo, nhưng Đảng và Chính phủ luôn luôn quan tâm đến đồng bào các đảo và mong đồng bào đoàn kết cố gắng và tiến bộ⁴⁹.

Lần thứ sáu: Ngày 22-1-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với anh hùng G.Titốp về thăm Hồng Quảng. Nói chuyện trong buổi mít-tinh chào mừng của nhân dân địa phương, Người kêu gọi cán bộ, nhân dân tích cực tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm và hứa sẽ đề nghị với đồng chí G.Titốp tặng danh hiệu “Titốp” cho những tổ đội, đơn vị, xí nghiệp nào hoàn thành vượt mức kế hoạch⁵⁰.

Lần thứ bảy: Ngày 13-11-1962, Người về thăm căn cứ hải quân tại đảo Vạn Hoa (Quảng Ninh). Người đã căn dặn các chiến sĩ: Là chiến sĩ hải quân, các chú phải biết yêu quý đảo như nhà mình, chịu khó cải tạo xây dựng thành những mảnh đất vừa giàu, vừa đẹp, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho đất nước⁵¹.

Lần thứ tám: Ngày 2-2-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh Quảng Ninh sau khi khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh đã được hợp nhất. Khi nói chuyện với đồng bào và cán bộ của tỉnh, Người nhắc nhở nhân dân phải đưa hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, đẩy mạnh công tác thủy lợi, chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản, tăng cường vỡ hoang, phát động phong trào Tết trồng cây. Cũng trong chuyến đi này, Người có cuộc gặp gỡ với cán bộ, công nhân nhà máy điện Uông Bí và mỏ than Vàng Danh. Người nhấn mạnh: Nhà máy điện Uông Bí và mỏ Vàng Danh đều là những xí nghiệp vào loại to và hiện đại nhất của nước ta. Than và điện rất cần cho công nghiệp và nông nghiệp. Các cô, các chú hãy ra sức làm cho nhiều, nhanh, tốt, rẻ⁵².

Ngoài các chuyến đi trên, trong cuốn sách *Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh* do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh xuất bản năm 2007 còn nói về lần đến Quảng Ninh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 23-11-1963. Nhìn lại, từ năm 1945 đến năm 1965, ít nhất đã có chín lần Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh Quảng Ninh. So với quê hương, nơi “chôn nhau, cắt

⁴⁸ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, Sđd, t. 8, tr. 36

⁴⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 13, tr. 130

⁵⁰ Xem: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, Sđd, t. 8, tr. 144

⁵¹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, Sđd, t. 8, tr. 241

⁵² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 14, tr. 480

ron” của Người nhưng Người chỉ về thăm quê được hai lần (năm 1957 và năm 1961) thì Quảng Ninh là một địa phương đã nhận được sự quan tâm, ưu ái rất lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ ba, từng bước phát triển của tỉnh Quảng Ninh luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm theo dõi, khích lệ, động viên và chỉ đạo kịp thời.

Năm 1951, khi Quảng Yên còn là vùng địch tạm chiếm, sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân đối với bộ đội trong một chiến dịch quân sự đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi nhận: Trong Chiến dịch đường số 18, đồng bào đã hết lòng giúp công, giúp của, giúp đỡ bộ đội, săn sóc thương binh. Nhờ vậy mà bộ đội ta đã giết được nhiều giặc, thu được nhiều thắng lợi. Tôi thay mặt Chính phủ thân ái gửi lời khen ngợi đồng bào và khuyên đồng bào ra sức tham gia kháng chiến, cố gắng hơn nữa để chúng ta tiến đến những thắng lợi mới⁵³.

Khi thực dân Pháp ra sức bắt lính trong vùng chúng tạm chiếm nhằm thi hành chính sách “Dùng người Việt đánh người Việt”, Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời tố cáo tội ác của chúng đối với đồng bào Quảng Yên: Lâu nay chúng bắt ép thanh niên đi ngụy binh làm bia đỡ đạn cho chúng. Nay chúng bắt ép cả phụ nữ làm ngụy binh! Tại một số xã ở Quảng Yên, chúng vây bắt mỗi thôn 10 phụ nữ từ 18 đến 25 tuổi, dù đã có con, chúng cũng cứ bắt. Chị em nào chống lại, thì chúng đánh đập tàn nhẫn, bỏ tù rồi dụ dỗ... Âm mưu này rất thâm độc. Trực tiếp là giày vò phụ nữ ta, gián tiếp là phá hoại nòi giống ta⁵⁴.

Sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ, ngay khi quân Pháp rút lui theo thỏa thuận của hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi đồng bào Hồng Quảng, trong đó có viết: Sau 8 năm chiến đấu, đồng bào Hồng Gai, Quảng Yên lại được sống tự do... Tôi thay mặt Chính phủ thân ái gửi lời thăm hỏi đồng bào⁵⁵. Bên cạnh việc động viên các giai cấp, tầng lớp nhân dân tích cực khôi phục lại đời sống, Người cũng tuyên bố các chính sách của Chính phủ như tự do tín ngưỡng, bảo vệ tính mạng, tài sản của ngoại kiều để dân chúng yên lòng.

Ngày 30-10-1963, khi sát nhập khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đích thân đặt tên cho tỉnh là Quảng Ninh với hàm nghĩa sâu xa: “Quảng” là rộng lớn, “Ninh” là yên vui; Quảng Ninh là vùng đất rộng lớn và yên vui. Tên gọi đó chứa đựng tình cảm, mong muốn tốt lành của Chủ tịch Hồ Chí Minh với đất và người Quảng Ninh.

Để xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dõi theo tình hình phát triển mọi mặt của tỉnh. Về phương diện sản xuất, trong bài viết *Phải kiên quyết chống giặc hạn* đăng trên báo Nhân dân ngày 9-10-1966, Người biểu dương tỉnh Quảng Ninh vì cứu được 6.000 héc-ta lúa. Ngày 24-3-1967, Người gửi điện khen công nhân và cán bộ mỏ than Thống Nhất, Quảng Ninh về việc hoàn thành tốt kế hoạch quý I/1967. Về phương diện chiến đấu, khi nghe tin quân và dân Quảng Ninh bắn rơi 100 máy bay Mỹ, ngày

⁵³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 7, tr. 74

⁵⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 8, tr. 404

⁵⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 9, tr. 427

19-8-1966, Người đã gửi thư khen ngợi. Tổng kết thành tựu chống Mỹ ở hai miền Nam Bắc (ngày 1-9-1966), Người đã nhắc đến Quảng Ninh và gọi Quảng Ninh là một trong năm “kiến tướng” diệt máy bay Mỹ⁵⁶. Khi kêu gọi cán bộ, nhân dân tích cực tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, Người đã biểu dương xã viên Hợp tác xã Việt Tiến, tỉnh Quảng Ninh vì việc tự nguyện ăn độn nửa khoai, nửa gạo để dành nhiều thóc bán cho Nhà nước, chi viện cho chiến trường miền Nam. Mọi sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân trong tỉnh đều được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi nhận và động viên kịp thời.

Mong muốn tỉnh Quảng Ninh ngày càng phát triển hơn nữa, căn cứ vào tình hình, thời điểm cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm mà tỉnh cần khắc phục, như công tác thủy lợi, chăn nuôi còn kém; chưa làm tốt công tác bảo vệ rừng; chất lượng than còn thấp; công tác bảo hộ lao động chưa cao... Khi nói về công tác phát triển Đảng, Người đã phê bình địa phương là ít kết nạp công nhân, phụ nữ, đồng bào dân tộc⁵⁷. Người đưa ra dẫn chứng cụ thể: Ở Hồng Gai hơn một vạn công nhân nam nữ mà chỉ có 78 đảng viên trực tiếp sản xuất, như thế là ít lắm... Hơn một vạn công nhân sao lại không có mấy trăm người đủ tư cách làm đảng viên. Vì sao có ít thế? Có phải là việc vào Đảng khó khăn như việc đi lên thiên đường, hay anh em quan niệm đảng viên là thần thánh không? ⁵⁸. Từ thực tế đó, Người căn dặn các tổ chức Đảng phải dựa vào quần chúng để làm tốt công tác phát triển Đảng.

Thứ tư, đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tỉnh Quảng Ninh là xứ sở của “vàng đen” nên đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Vì thế, đội ngũ công nhân mỏ Quảng Ninh nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh sự quan tâm đặc biệt. Ngay lần về thăm Hồng Quảng lần đầu vào năm 1957, Người đã khẳng định: Nói đến Hồng Quảng chủ yếu là nói đến xí nghiệp, là mỏ than, là giai cấp công nhân, cho nên trước hết tôi nói với anh chị em công nhân⁵⁹. Người đã căn dặn công nhân mỏ phải ra sức giữ gìn của công, kỷ luật lao động, an toàn lao động để xứng đáng với vị thế người chủ và vị thế tiên phong của giai cấp công nhân.

Là người luôn quan tâm đến sức khỏe, sinh mạng của người công nhân mỏ, trong lần về thăm công trường Đèo Nai, Cẩm Phả, Người lại nói đến vấn đề an toàn lao động. Người nhấn mạnh: Một công nhân bất kỳ nam hay nữ đều rất quý báu, chẳng những quý cho gia đình các cô, các chú mà còn quý cho Đảng, Chính phủ và nhân dân nữa. Nếu để xảy ra tai nạn là thiệt chung cho bản thân, gia đình, cho Đảng, Chính phủ và nhân dân. Người bị nạn không đi làm được, gia đình sẽ gặp khó khăn, sức lao động của nhân dân do vậy cũng kém sút. Vì thế chúng ta phải hết sức bảo vệ an toàn lao động, bảo vệ tính mạng người công nhân⁶⁰. Đề nâng cao ý thức, trách nhiệm làm chủ của đội ngũ công nhân mỏ,

⁵⁶ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 15, tr. 156

⁵⁷ Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 486

⁵⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 11, tr. 116

⁵⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 11, tr. 109

⁶⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 142

Người ân cần giải thích: Nếu trước đây khu mỏ là của thực dân Pháp thì nay, khu mỏ là của nhân dân nói chung và của công nhân nói riêng... Bây giờ chúng ta làm cho mình, cho nhân dân và cho con cháu chúng ta nữa ⁶¹. Do đó, công nhân mỏ phải hăng hái thi đua, cải tiến cách thức quản lý xí nghiệp để nâng cao hơn nữa năng suất và chất lượng sản phẩm.

Trong lần về thăm Quảng Ninh lần cuối cùng, ngày 2-2-1965, Người nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của ngành than khi miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, số lượng nhà máy ngày càng nhiều lên. Vì thế, cần phải có nhiều than để cung cấp cho các nhà máy đó. Chúng ta cũng cần xuất khẩu nhiều than để mua thêm máy móc và nguyên liệu để phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa nhanh chóng hơn nữa, do đó mà nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân ⁶². Để khích lệ đội ngũ công nhân mỏ, Người đã tặng cờ luân lưu cho cả ngành than.

Theo dõi sát sao tình hình sản xuất của công nhân mỏ Quảng Ninh, ngày 7-9-1968, Người viết *Thư khen công nhân và cán bộ mỏ than cốc 6* vì đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lượng than cả năm 1968. Người căn dặn công nhân và cán bộ cố gắng, nỗ lực nhiều hơn để thu được nhiều thành tích hơn nữa.

Ngày 15-11-1968, do tình hình sức khỏe sút kém, không thể về thăm Quảng Ninh, Người đã tiếp cán bộ, công nhân ngành than tại Phủ Chủ tịch. Sau khi chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến suy giảm sản lượng than trong thời gian qua là do công tác quản lý và tổ chức kém, Người căn dặn anh chị em phải thật thà tự phê bình và phê bình, sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu đưa mức sản xuất than lên vì sản xuất than cũng như đánh giặc, phải có nhiệt tình cách mạng, tinh thần yêu nước và làm chủ xí nghiệp. Người cũng chỉ ra rằng công nhân phải tham gia quản lý, cán bộ phải tham gia lao động, phải chống tham ô, lãng phí, đẩy mạnh thi đua yêu nước và chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của công nhân ⁶³.

Luôn quan tâm đến tình hình sản xuất than ở Quảng Ninh, trong những ngày cuối đời, Người đã đọc và lưu tài liệu bài “*Bước đi của ngành khoan Hà Tu*” đăng trên báo Quảng Ninh ra ngày 26-7-1969 và bài “*Công nhân vùng mỏ Quảng Ninh phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch quý III*” đăng trên báo Nhân dân ra ngày 30-7-1969. Hai bài báo này hiện vẫn đang được trưng bày tại ngôi nhà 67 - nơi Người từng dưỡng bệnh và qua đời.

Thứ năm, đảo Cô Tô của tỉnh Quảng Ninh là nơi duy nhất trong cả nước được dựng tượng Hồ Chí Minh khi Người còn sống.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nổi bật ở đức khiêm nhường. Với quan niệm “Tượng đài vững chắc nhất là ở lòng dân”, Người đều từ chối khi các địa phương muốn dựng tượng hay xây dựng nhà lưu niệm về Người. Người từng nói với các nghệ sĩ: Các chú hãy nặn tượng tập thể bộ đội, nhân dân, thanh niên, thiếu nhi anh hùng. Không có nhân dân thì không có Bác ⁶⁴. Việc Người cho

⁶¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 142

⁶² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 14, tr. 476

⁶³ Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử, Sđd, t. 10, tr. 234

⁶⁴ Lư Huy Nguyên (sưu tầm, biên soạn): Bác Hồ với văn nghệ sĩ, Nxb. Văn học, 1995, tr. 357

phép cán bộ, nhân dân đảo Cô Tô dựng tượng mình trên đảo là trường hợp duy nhất với mục đích khẳng định chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở một vùng biển chiến lược và động viên nhân dân nơi “đầu sóng, ngọn gió”. Đây là vinh dự rất lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho đất và người Quảng Ninh.

Là một địa danh có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời lại được thiên nhiên ưu đãi ban tặng “vàng xanh” là kỳ quan thiên nhiên thế giới và “vàng đen” trong lòng đất, Quảng Ninh có nhiều ưu thế để phát triển kinh tế và du lịch. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên quý nhất, vô tận nhất vẫn là con người. Để thực hiện lời dặn của Người về việc xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh⁶⁵, Quảng Ninh cần đẩy mạnh hơn nữa sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, phát triển văn hóa, du lịch. Tất cả các công việc đó có thành công hay không, đều do nhân tố con người, do công tác cán bộ quyết định. Những kỷ niệm sâu sắc về Chủ tịch Hồ Chí Minh với đất và người Quảng Ninh chính là động lực tinh thần to lớn để Quảng Ninh tiếp tục có bước tiến đột phá, quyết tâm đổi mới, xây dựng tỉnh giàu mạnh./.

⁶⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 14, tr. 474

QUẢNG NINH 60 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG MỐC SON LỊCH SỬ

ThS. Chu Lữ Hồng Trang

Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 30/10/1963 đã đánh dấu cột mốc quan trọng, là ngày Quốc hội ra nghị quyết, quyết nghị phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh. Trải qua chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, Quảng Ninh đạt được nhiều thành tựu nổi bật, trở thành một tỉnh kiểu mẫu, được coi là điểm sáng trong phát triển kinh tế, xã hội của cả nước.

Phát triển ngay trong chiến tranh bom đạn (1963 - 1985)

Năm 1963, tỉnh Quảng Ninh được thành lập, chính quyền non trẻ vừa ra đời đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, quân và dân Quảng Ninh còn phải đối mặt với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Ngày 5/8/1964, máy bay Mỹ ném bom mở đầu thời kỳ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Quảng Ninh đã đánh thắng giặc Mỹ ngay trận đầu, bắn rơi 3 máy bay phản lực siêu âm, bắt sống phi công Mỹ đầu tiên - Trung úy Anvaret. Ngày 5/8/1964 đã trở thành ngày đánh thắng trận đầu của Quân chủng Phòng không- Không quân Việt Nam, trong đó quân và dân Quảng Ninh đã góp phần xứng đáng viết lên truyền thống hào hùng đó.

Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế cũng cho thấy những dấu hiệu rất tích cực. Trong năm 1964, Quảng Ninh còn hoàn thành vượt mức khai thác 1 triệu tấn than đề ra, đưa tỉnh trở thành đầu tàu trong ngành công nghiệp khai thác than của cả nước.

Ngày 2/2/1965, Quảng Ninh vinh dự đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Bác đã có buổi nói chuyện thân mật với đồng bào trong cuộc mít-tinh tại sân trường cấp III Hòn Gai. Trên đường đi, Bác cũng dừng chân tại trường cấp I Phạm Hồng Thái (huyện Đông Triều), đồi thông Yên Lập (Uông Bí) để trò chuyện với nhân dân, các chuyên gia nước ngoài làm việc tại nơi đây.

Hai thời tổng thống Mỹ Johnson và Nixon của Mỹ cũng là hai thời kì Quảng Ninh bị đánh phá ác liệt. Quân và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh đã chiến đấu, đánh trả 7.417 đợt máy bay vào đội bom xả đạn, bắn rơi trên 200 máy bay hiện đại, bắn chìm nhiều tàu chiến, diệt và bắt nhiều giặc lái của Mỹ. Không chỉ kiên cường trong chiến đấu, công nhân và nông dân cùng các tầng lớp lao động trong tỉnh vẫn giữ vững nhịp độ sản xuất, nâng cấp 117 km đường bộ nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động, rèn luyện thân thể. Trong bối cảnh này, mọi lĩnh vực hoạt động trên đất mỏ không những giữ được ổn định mà còn tiếp tục phát triển. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1975 của tỉnh Quảng Ninh đạt 2.169 tỷ đồng, tăng 594 tỷ đồng so với năm 1965 (giá cố định 1970). Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1975 bằng 1,21 lần so với năm 1965.

Đại thắng mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội theo cương lĩnh Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976). Song, ngay tức thì, đất nước ta lại đứng trước những khó khăn, thách thức không hề nhỏ. Trong bối cảnh chung của đất nước, Quảng Ninh đã tự tháo gỡ khó khăn, tiếp tục phát triển kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hàng vạn thợ mỏ vẫn bám tầng, bám máy để sản xuất thật nhiều than cho nền kinh tế quốc dân. Trong giai đoạn này, tỉnh Quảng Ninh cũng đã thành lập đoàn tàu viễn dương để buôn bán với nước ngoài; xuất khẩu hàng hóa để thu ngoại tệ.

Những bước tiến lớn trong thời kỳ đầu đổi mới (1986 - 2010)

Thực hiện công cuộc đổi mới theo đường lối Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1986), tỉnh Quảng Ninh chú trọng phát triển các ngành khai thác than đá, sản xuất thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Việc thực thi cơ chế chính sách đổi mới đã tạo cho Quảng Ninh một diện mạo mới và bước phát triển nhanh chóng. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân từ 9,6%/năm giai đoạn 1986-1995 lên 12,65%/ năm trong giai đoạn 1996 - 2005, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm từ 18 đến 20% năm...

Bước vào thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã về thăm và làm việc tại Quảng Ninh. Trong buổi làm việc với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đại biểu các lực lượng vũ trang và giám đốc các công ty than, đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh: "Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, trên cơ sở đó để từng bước đổi mới, cả trong nếp nghĩ, cách làm nhằm tháo gỡ khó khăn...". Có thể nói, đây chính là phương châm xuyên suốt trong quá trình chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh trong thời kỳ này. Và đây cũng là cơ sở, tiền đề để Quảng Ninh vượt qua khó khăn trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Từ một tỉnh Trung ương phải hỗ trợ 90% nhu cầu lương thực, thực phẩm, 70-80% về ngân sách, đến năm 1995, tỉnh Quảng Ninh đã cân đối được ngân sách, có đóng góp cho Trung ương, tự giải quyết được những khó khăn lớn về hàng hóa tiêu dùng, lương thực, thực phẩm...

Phát huy truyền thống “Kỷ luật-Đồng tâm”, công nhân ngành than tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, đưa tỉnh Quảng Ninh trở thành một trong những đầu tàu công nghiệp của miền Bắc. Năm 2005 đánh dấu một mốc son của ngành khi Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Sản lượng khai thác than được tăng lên đáng kể.

Vững vàng trong giai đoạn 2010 - 2016

Sau hơn 25 năm đổi mới, nhất là giai đoạn 2006 -2010, với sự nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành cùng với sự cố gắng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, những khó khăn từng bước được khắc phục; kinh tế - xã hội được duy trì ổn định và đạt mức tăng trưởng phù hợp.

Tỉnh Quảng Ninh có mức tăng trưởng cao với mức tăng trưởng GDP bình quân đạt 12%/năm, cao gần gấp đôi mức tăng trưởng trung bình của cả nước là 6,5%. GDP bình quân đầu người năm 2011 đạt 46,7 triệu đồng, cao gấp 1,6 lần mức trung bình cả nước. Tỉnh đã có bước tiến đáng kể trong việc dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế khỏi sự phụ thuộc vào nông nghiệp và khai thác than; ngành dịch vụ chiếm 37% tỷ lệ đóng góp vào GDP. Cũng trong giai đoạn này, tỉnh thu hút được khối lượng đầu tư lớn. Vốn đầu tư phát triển tăng gấp đôi từ 16,5 nghìn tỷ đồng năm 2006 lên 38,4 nghìn tỷ đồng năm 2011. Mức vốn đầu tư trung bình hàng năm đạt 96% GDP, lớn gấp 2,3 lần mức đầu tư trung bình của Việt Nam. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng hơn 5 lần từ 6,679 nghìn tỷ đồng năm 2006 lên 37,398 nghìn tỷ đồng năm 2011. Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng đạt những thành tựu nổi bật về y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường.

Diện mạo ngày nay (2016 - 2023)

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Quảng Ninh từ một địa phương chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của Trung ương đã trở thành một trong những tỉnh công nghiệp, dịch vụ năng động, sáng tạo, đi đầu cả nước trên nhiều lĩnh vực, trở thành trung tâm đổi mới của Vùng đồng bằng Bắc Bộ, là cực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc, 7 năm liên tục 2016 - 2022 đạt tốc độ tăng trưởng GRDP trên hai con số, tốc độ đô thị hóa đứng ở tốp đầu cả nước chỉ sau các thành phố trực thuộc Trung ương...

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế, Quảng Ninh luôn chú trọng các công tác xã hội, bảo đảm đời sống cho người dân. Đặc biệt, trước tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 trong 3 năm 2020, 2021 và 2022, tỉnh Quảng Ninh vẫn tự lực, tự cường, kiên cường, bằng những quyết sách khoa học, đúng đắn, táo bạo, sát thực tiễn, phát huy hiệu quả, giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển trong trạng thái bình thường mới”, chủ động thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, trở thành một trong số ít những địa phương điển hình, điểm sáng của cả nước về phòng, chống dịch COVID-19, vừa chăm lo bảo vệ sức khỏe và tính mạng của Nhân dân, vừa thực hiện thành công “mục tiêu kép”.

Việc đổi mới tư duy nhận thức, xác định phương hướng phát triển, Quảng Ninh là địa phương đi đầu cả nước về thực hiện các mô hình có tính đột phá như: Mô hình “Dân tin - Đảng cử”; mô hình “Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh”; mô hình “Lãnh đạo công, quản trị tư”, “Đầu tư tư, sử dụng công”, “Sở hữu công, quản trị tư”;... Nhờ vậy, tỉnh Quảng Ninh đạt được những thành tựu nổi bật: 6 năm liên tiếp (từ năm 2017-2022) đứng thứ I về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) dẫn đầu toàn quốc trong 5 năm (2017, 2018, 2019, 2020, 2022), đứng thứ 2 năm 2021; 4 năm liên tiếp (2019-2022) xếp thứ 1 trong bảng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Năm 2022, tỉnh Quảng Ninh trở lại đứng thứ nhất trên bảng xếp hạng PAPI toàn quốc, đây là lần thứ 2 Quảng Ninh đứng ở vị trí cao nhất trong 12 năm tham gia khảo sát PAPI.

Từ năm 2013, Quảng Ninh tiên phong triển khai chương trình mỗi xã

phường một sản phẩm (OCOP) với mục tiêu phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Chương trình OCOP của Quảng Ninh trở thành điển hình và được Chính phủ nhân rộng ra toàn quốc. Quảng Ninh đã trở thành một trong những địa phương đi đầu trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, xã Việt Dân (Đông Triều) đạt nông thôn mới kiểu mẫu đầu tiên trong cả nước, góp phần thay đổi đáng kể diện mạo nông thôn.

Năm 2023, đánh dấu cột mốc 60 năm ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh, là sự kiện quan trọng để tổng kết, nhìn nhận, đánh giá và khẳng định những thành tựu nổi bật, toàn diện, những đóng góp to lớn và vị thế rất quan trọng của tỉnh đối với sự phát triển chung của đất nước. Với định hướng đúng đắn, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo tỉnh, Quảng Ninh đang phát huy cao độ sự chủ động, quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025: Đến năm 2025, trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của khu vực phía Bắc, giữ đà tăng trưởng hằng năm trên 10%, GRDP bình quân đầu người tới năm 2025 đạt trên 10.000 USD. Trong tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người đạt trên 15.000 USD.

Mỗi bước tiến quan trọng như từng "viên gạch" góp phần xây dựng nên nền tảng vững chắc để tỉnh Quảng Ninh tiếp tục hội tụ và lan tỏa, phát triển bền vững trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập./.

QUẢNG NINH - CỰC TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG CỦA CẢ NƯỚC

Ths. Ngô Thị Tâm

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Quảng Ninh được ví như Việt Nam thu nhỏ, với điều kiện thuận lợi về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, sự phong phú đa dạng các nền văn hóa. Tỉnh phát huy thế mạnh trở thành một cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước. Là một tỉnh công nghiệp, du lịch, nằm ở phía Đông Bắc Bộ của Việt Nam, với lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân. Xây dựng Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch. Với những tiềm năng, điều kiện sẵn có, Quảng Ninh từng bước trở thành cực tăng trưởng năng động của khu vực. Thành tựu đó được thể hiện ở những phương diện sau:

Thứ nhất, Quảng Ninh đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững, khẳng định vai trò của cực tăng trưởng kinh tế, tạo sự lan tỏa trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc cũng như trong cả nước. Ngay từ khi bắt đầu khởi xướng và xuyên suốt quá trình đổi mới, Đảng ta luôn khẳng định phát triển kinh tế là trung tâm, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Hòa chung vào công cuộc đổi mới của đất nước, Quảng Ninh là địa phương có nhiều đột phá sáng tạo trong phát triển kinh tế, đưa Quảng Ninh từ một tỉnh nghèo trở thành một trong những tỉnh phát triển đi đầu của cả nước. Tỉnh chủ động, sáng tạo, quyết liệt thực hiện tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, bền vững, đúng hướng, vượt qua các khó khăn, thách thức chưa từng có; đưa kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển nhanh, bền vững, tạo được những thành tựu bứt phá ấn tượng.

Đặc biệt, kinh tế của Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng (GRDP) cao, ổn định trên hai con số trong 7 năm liên tiếp (2016 -2022), kể cả trong những giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, lập nên kỳ tích trong giai đoạn đổi mới. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 đạt gần 270.000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng ở khu vực phía Bắc), ước cả năm 2023 đạt 312.420 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020. Năm 2022, GRDP của Quảng Ninh tiếp tục đạt 10,28%, thu ngân sách nhà nước đạt hơn 55.000 tỷ đồng, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước. Trong 10 năm liên (2013 - 2022), Quảng Ninh nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất nước.

Chín tháng đầu năm 2023, trong điều kiện khó khăn, thử thách chưa từng có, với sự nỗ lực vượt bậc của hệ thống chính trị toàn tỉnh, nhất là hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân, tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh ước đạt 9,94%, là mức tăng trưởng rất cao so với mặt bằng chung cả nước; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 40.678 tỷ đồng, cao hơn so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra... Dựa vào kinh tế phát triển toàn diện, Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc.

Thứ hai, không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá” được thực hiện quả, bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ, phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của Quảng Ninh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thành phố Hạ Long đã phát huy tốt vai trò trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Các đô thị được xây dựng theo mô hình đa cực, vịnh Cửa Lục trở thành trung tâm kết nối các đô thị. Tuyến hành lang phía Tây từ Hạ Long đến Đông Triều hướng đến đồng bằng sông Hồng, Hải Phòng cũng như Thủ đô Hà Nội được đẩy mạnh phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh. Khu kinh tế ven biển Quảng Yên được xác định là hạt nhân, động lực tăng trưởng mới của tỉnh và đẩy mạnh phát triển theo mô hình “Thành phố thông minh” với các khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ - cảng biển thông minh, hiện đại. Tuyến hành lang phía Đông từ Hạ Long đến Móng Cái và hướng tới Đông Bắc Á được phát triển theo hướng đô thị sinh thái - dịch vụ, thương mại, du lịch tổng hợp cấp cao, nông nghiệp sạch - công nghệ cao cũng như phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp để dẫn dắt nông nghiệp. Phát triển Khu kinh tế Vân Đồn và Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái trở thành hai mũi đột phá phát triển kinh tế của tỉnh. Việc phát triển không gian một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và định hướng cụ thể, đã góp phần quan trọng vào việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ninh.

Thứ ba, hệ thống giao thông đồng bộ, góp phần kết nối, thúc đẩy kinh tế phát triển cũng như liên kết giữa các địa phương, vùng miền. Trong những năm qua, Quảng Ninh luôn chú trọng phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường biển cũng như đường hàng không để kết nối địa phương với các vùng miền trong cả nước cũng như đối với quốc tế. Việc khánh thành tuyến đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái, cũng như Sân bay quốc tế Vân Đồn và Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long đi vào hoạt động, tạo ra động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thu hút được nhiều các nguồn đầu tư của các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước hợp tác làm ăn với Quảng Ninh. Cùng với đó, hệ thống đường bộ Hà Nội - Quảng Ninh; đường hàng không Sân bay quốc tế Nội Bài, Sân bay quốc tế Cát Bi, Sân bay quốc tế Vân Đồn; Cảng tàu khách quốc tế Hạ Long, Cảng biển quốc tế Hải Phòng, Cái Lân, kết hợp lại với nhau tạo thành một chuỗi liên kết đồng bộ, thống nhất, tạo động lực phát triển kinh tế cho Hà Nội - Hải Phòng - Quảng

Ninh nói riêng và cả nước nói chung. Tuyến đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đã góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tam giác kinh tế Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, tạo tiền đề cho sự liên kết chặt chẽ về phát triển kinh tế, xã hội giữa các vùng. Việc rút ngắn khoảng thời gian từ Quảng Ninh đến Hải Phòng cũng như Hà Nội tạo ra sự kết nối có hiệu quả đối với mỗi địa phương. Nó không chỉ có ý nghĩa về mặt giao thông mà còn có ý nghĩa to lớn về phát triển kinh tế trong toàn vùng, nhằm khai thác triệt để những lợi thế, tiềm năng du lịch biển đảo của các địa phương. Từ đó, ngày càng thúc đẩy cực tăng trưởng năng động Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển, kết nối sâu rộng với vùng miền trong cả nước cũng như hợp tác quốc tế.

Thứ tư, hoạt động kinh tế biển được chú trọng phát triển đưa Quảng Ninh dần trở thành trung tâm kinh tế biển. Lợi thế sẵn có với hơn 250 km bờ biển, cùng nhiều danh lam thắng cảnh, hệ thống cảng biển là điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh phát triển kinh tế biển. Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển, Quảng Ninh ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18-1-2022 về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, nhằm khai thác, phát huy những tiềm năng, lợi thế về biển đảo, xây dựng kinh tế biển đảo Quảng Ninh phát triển năng động, mà nòng cốt chính là cảng biển, công nghiệp cũng như du lịch biển, khai thác, nuôi trồng chế biến thủy hải sản. Phấn đấu đến năm 2025 cũng như đến năm 2030, Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về kinh tế biển của cả nước, trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ, động lực phát triển tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trong những năm qua, các trung tâm kinh tế biển Vân Đồn, Hải Hà được hình thành và hoạt động có hiệu quả. Kinh tế biển Vân Đồn dần trở thành khu du lịch sinh thái biển chất lượng cao, trung tâm dịch vụ cao cấp và đầu mối giao thương quốc tế. Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà được đầu tư phát triển trở thành đầu mối vận tải cho cả miền Bắc và vùng biển Đông. Cô Tô, Hải Hà, Tiên Yên, Quảng Yên, Móng Cái được xây dựng trở thành những trung tâm dịch vụ hậu cần đánh bắt xa bờ, thăm dò, khai thác tài nguyên biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh bão, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các huyện, thị ven biển... Cảng Cái Lân được trang bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ cung cấp dịch vụ tốt nhất cho hàng vận tải đường biển [4]. Ngoài ra, Quảng Ninh cũng đang đẩy mạnh phát triển tổ hợp cảng biển - khu công nghiệp với 2 dự án quan trọng là Khu công nghiệp Bắc Tiên Phong và Khu công nghiệp Nam Tiên Phong tại Khu kinh tế ven biển Quảng Yên. Những tổ hợp cảng biển, khu công nghiệp trên sẽ góp phần giảm chi phí vận chuyển nội địa, thúc đẩy phát triển logistics cũng như liên kết vùng. Đây được coi là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh của Quảng Ninh đối với nhà đầu tư, cũng như khẳng định vị trí, vai trò cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước.

Đạt được những kết quả trên, là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh với quyết tâm dám nghĩ, dám làm, kế thừa, đổi mới phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”. Phương thức lãnh đạo, bộ máy chính quyền được cải tổ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cải cách hành chính được thực hiện có hiệu quả, tăng trưởng

kinh tế gắn kết chặt chẽ với tiến bộ công bằng xã hội. Khẳng định quyết tâm là một trong những cực tăng trưởng của đất nước, giữ vai trò dẫn dắt, “đầu tàu” phát triển của vùng Đông Bắc bộ. Như vậy, với đường lối và chủ trương đúng đắn, cách làm và bước đi phù hợp, Quảng Ninh đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Những kết quả này khẳng định bản lĩnh chính trị, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo của Quảng Ninh, đưa Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, khẳng định vị trí, vai trò của một cực tăng trưởng năng động của cả nước. Để giữ vững và phát huy hơn nữa vị trí, vai trò của cực tăng trưởng năng động của cả nước, trong thời gian tới Quảng Ninh cần phải thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thể chế, môi trường đầu tư kinh doanh; khơi thông các điểm nghẽn tăng trưởng, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng cơ sở, tiếp tục đột phá tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

Hai là, phát triển dịch vụ, du lịch, thương mại đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm dịch vụ - du lịch - thương mại hiện đại lớn nhất cả nước, thu hút các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế đến đầu tư kinh doanh; Phấn đấu để Quảng Ninh trở thành điểm đến hấp dẫn hàng đầu của khách du lịch quốc tế có khả năng chi tiêu cao khi đến Việt Nam thăm quan, nghỉ dưỡng.

Ba là, chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo phù hợp với những định hướng, chiến lược phát triển của Quảng Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển thực tiễn xã hội; Có cơ chế ưu đãi, chính sách đặc thù thu hút và trọng dụng nhân tài; Phát triển kinh tế tri thức, ứng dụng công nghệ khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, mở rộng không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá”. Xây dựng Vân Đồn trở thành đô thị biển đảo xanh, hiện đại, thông minh; trung tâm kinh tế, năng động phát triển ngành nghề mới, công nghệ mới, trình độ cao, trọng tâm là dịch vụ logistics, du lịch cao cấp; trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo và giao thương quốc tế.

Năm là, chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ đẳng cấp cao, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các trung tâm du lịch. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ, động lực phát triển kinh tế của cả nước. Quảng Ninh là địa phương có nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Quảng Ninh đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội; mở rộng không gian phát triển, phát huy những tiềm năng thế mạnh của tỉnh; phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng liên kết giữa các địa phương vùng miền; kinh tế du lịch và kinh tế biển có sự phát triển mạnh mẽ. Những thành tựu đó đã khẳng định vị trí, vai trò của Quảng Ninh là một trong những cực tăng trưởng kinh tế năng động của cả nước. Để giữ vững và phát triển hơn nữa vị trí, vai trò của cực tăng trưởng năng động của cả nước, đòi hỏi Quảng Ninh cần phải thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp, đề ra những chủ trương cụ thể phát huy hơn nữa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đưa Quảng

Ninh ngày càng phát triển trong những năm tiếp theo phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, có sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh./.

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG ĐI TRƯỚC, MỞ ĐƯỜNG THỰC HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH

Giảng viên Ngô Thị Tâm

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Quảng Ninh là một tỉnh biên giới, ven biển, nằm ở vùng Đông Bắc Tổ quốc, có những tiềm năng đặc biệt, nổi trội về tài nguyên. Là trung tâm du lịch của cả nước, với Vịnh Hạ Long Di sản - Kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới; có nguồn nhân lực dồi dào, có truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời: nơi giao thoa và thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng, là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam. Với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng “như một Việt Nam thu nhỏ”, Quảng Ninh được xác định là một địa bàn chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, là cửa ngõ hội nhập với thế giới của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, là điểm nút trong khu vực hợp tác hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt-Trung và kết nối với khu vực ASEAN. Những đặc điểm đó đã tạo cho tỉnh Quảng Ninh sức mạnh nội sinh, sự vượt khó vươn lên mạnh mẽ trong suốt 60 năm xây dựng và phát triển.

Công tác tư tưởng có vai trò đi trước mở đường trong tiến trình phát triển tỉnh Quảng Ninh với tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo và dám đương đầu với khó khăn. Quảng Ninh thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cùng với những đổi mới, sáng tạo, xử lý các vấn đề phát sinh, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo được sự đồng thuận trong cấp ủy, ủy ban nhân dân, các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân đạt được mục tiêu qua các thời kỳ.

10 năm đầu mới thành lập (1963 - 1975): Quảng Ninh cùng với các tỉnh Miền Bắc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội và chi viện cho miền Nam. Dưới bom đạn ác liệt của kẻ thù, vừa chiến đấu vừa sản xuất, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khói lửa chiến tranh; duy trì, phát triển tiềm lực về mọi mặt, tiếp tục tăng cường lực lượng ngày càng lớn cho tiền tuyến lớn, đồng thời về cơ bản vẫn giữ vững đời sống nhân dân hậu phương ổn định, đảm bảo càng đánh càng mạnh. Từ năm 1965 đến năm 1975, Quảng Ninh đã động viên hàng nghìn thanh niên tham gia lực lượng vũ trang. Nhu cầu về nhân lực của nhiều ngành trực tiếp phục vụ chiến tranh... với phương châm “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”... Quảng Ninh cùng với các địa phương miền Bắc giúp cách mạng miền Nam vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, vùng lên đúng lúc, trụ vững trong những lúc ác liệt nhất, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp trên cả ba vùng chiến lược. Cùng nhau chung sức đánh giặc, cả nước kháng chiến, đã tạo ra sức mạnh to lớn đánh thắng Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

10 năm trước đổi mới (1975 - 1985): Trước đổi mới với việc duy trì mô

hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung-bao cấp, thực hiện mệnh lệnh hành chính, niềm tin của nhân dân là tuyệt đối. Thực hiện công tác tư tưởng hướng tới tuyên truyền kịp thời, đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến đúng đối tượng, thực hiện tốt các phong trào Đảng, Nhà nước phát động.

Từ đổi mới đến nay: Công tác tư tưởng bán sát các nội dung đổi mới của đất nước của tỉnh, theo từng chặng đường, giai đoạn phù hợp với mục tiêu đề ra.

Đại hội VI năm 1986, Đại hội đổi mới, công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh phải thay đổi phù hợp với lợi ích của người lao động, hướng đến tạo công ăn việc làm, đảm bảo đời sống nhân dân. Tiên hành công tác tư tưởng phù hợp với thực tiễn đề ra vừa tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước gắn với điều tra tâm tư nguyện vọng trong nhân dân với những đổi mới sang tạo trong nhân dân, tạo được động lực trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội trong nhân dân, quyết tâm thực hiện mục tiêu tỉnh đề ra.

Những năm 90 của thế kỷ XX, trước những tác động hết sức bất lợi từ “con địa chấn chính trị” (sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu) và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, đảng viên mất niềm tin vào chế độ, không muốn vào Đảng, bỏ sinh hoạt Đảng. Đảng bộ tỉnh triển khai nhiều biện pháp tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chú trọng xây dựng đạo đức và phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhất là thế hệ trẻ, chống sự tha hóa về đạo đức, sa sút ý chí phấn đấu, làm ăn bất chính, chạy theo tiền tài, danh vị, gây bè phái. Lúc này công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh tập trung vào củng cố lòng tin, vị thế của Đảng với những hình thức đa dạng từ: giáo dục cá biệt gắn với thôn bản, khu phố, xây dựng các tổ chức đảng tại thôn, khu với mục tiêu không để thôn trắng; Thanh niên tổ chức các phong trào hoạt động quy mô lớn, tập trung đông đảo thanh niên, cùng với đó gắn với tuyên truyền, giúp lấy lại niềm tin trong nhân dân; Những giải pháp quyết liệt, cụ thể trên đã có tác động tích cực trong việc không ngừng củng cố, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh, giữ vững “trận địa niềm tin” của nhân dân đối với Đảng.

Giai đoạn 1996 - 2006, bối cảnh tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực xảy ra. Trong nước, trong tỉnh tiếp tục gặp một số khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền sản xuất ở trình độ và xuất phát điểm thấp; thời tiết, khí hậu biến động thất thường; một số dịch bệnh mới xuất hiện (dịch sars, cúm gia cầm), đặc biệt năm 1999, ngành than rơi vào khó khăn, khủng hoảng nghiêm trọng, phải cắt giảm, thu hẹp sản xuất, công tác tuyên truyền và cổ động của Đảng bộ tỉnh tiếp tục phát huy vai trò xung kích trên mặt trận tư tưởng, tập trung ổn định tình hình trong các tầng lớp nhân dân, phát huy truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Thông qua việc quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo tại Đại hội VIII, IX của Đảng, về “phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”, công tác tuyên truyền, cổ động động viên, khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu chiến lược đề “đưa Quảng Ninh trở thành một tỉnh công nghiệp và du lịch hiện đại”,

"thực sự trở thành một địa bàn động lực, phát triển năng động gắn kết với các địa phương khác trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước".

Trong năm 2018 Quốc Hội dự thảo về Luật đặc khu kinh tế, trong đó quy định cho nhà đầu tư nước ngoài thuê đất trong 99 năm (không phân biệt quốc tịch nhà đầu tư), tình hình tư tưởng nhân dân hết sức bức xúc, các thế lực thù địch tập trung kích động gây rối, mất trật tự ở một số tỉnh, thành phố, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, huy động toàn thể lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, thường trực cấp ủy các đảng bộ cơ sở xuống tận chi bộ, thôn, bản, khu phố để tuyên truyền, giải thích rõ về dự thảo Luật đặc khu; tuyên truyền nâng cao nhận thức về những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cho cán bộ, đảng viên, nhân dân. Do đó, mặc dù là địa bàn nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, nhưng tại Quảng Ninh đã không xảy ra tụ tập đông người hoặc “điểm nóng” về an ninh, trật tự, giữ vững ổn định, phát triển.

Hiện nay, Tỉnh ủy Quảng Ninh luôn chú trọng chỉ đạo các cấp ủy chủ động nắm chắc tình hình, diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để đề ra các giải pháp giải quyết phù hợp. Hình thức, phương pháp nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội được thực hiện linh hoạt như: Thông qua chế độ đi cơ sở, tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên, nhân dân; nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến, tâm tư nguyện vọng nhân dân thông qua các diễn đàn, hội nghị, sự phản ánh của báo chí; thông qua các cuộc điều tra xã hội học và nhiều hình thức phong phú, đa dạng khác. Trên cơ sở đó, những ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, nhân dân, các vấn đề bức xúc trong sản xuất, đời sống đã được các cấp ủy đảng, chính quyền xem xét, giải quyết một cách nghiêm túc, kịp thời, thấu đáo, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền được củng cố, giữ vững.

Với việc làm tốt công tác tư tưởng qua các thời kỳ, suốt 60 năm xây dựng và phát triển Quảng Ninh đạt được những kết quả nổi bật trong tất cả các mặt: Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc kinh tế của Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng (GRDP) cao, ổn định trên hai con số trong 7 năm liên tiếp (2016 -2022), chín tháng đầu năm 2023, tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh ước đạt 9,94%, là mức tăng trưởng rất cao so với mặt bằng chung cả nước; 6 năm liên tiếp (2017 - 2022) giữ vị trí Quán quân Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), 5 năm dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), 4 năm dẫn đầu bảng xếp hạng Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) và 2 năm dẫn đầu vị trí xếp hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Như vậy, tỉnh Quảng Ninh lần thứ 2 (năm 2020 và năm 2022) vinh dự chinh phục vị trí dẫn đầu cả nước ở cả 4 chỉ số cải cách hành chính (PCI, PAPI, PAR Index và SIPAS)... Đây đều là những kết quả chưa từng có tiền lệ và quan trọng hơn cả là Quảng Ninh đang đi đúng hướng để xây dựng một nền hành chính đạt các chuẩn mực quốc gia, quốc tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả; Từ một tỉnh khó khăn về nhiều mặt, nay

trở thành một trong những địa phương có chỉ số hạ tầng tốt nhất Việt Nam. Quốc phòng an ninh được giữ vững. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Đến hết năm 2022, Quảng Ninh đã đồng thời hoàn thành trước 3 năm cả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Với những kết quả đạt được và những thành công trong từng giai đoạn cụ thể phải kể đến cách làm hiệu quả trong công tác tư tưởng của đảng bộ tỉnh Quảng Ninh trong việc chủ động, tích cực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, vận dụng có hiệu quả các quan điểm đường lối của Đảng phù hợp với địa phương; Chú trọng giáo dục lý luận chính trị, đạo đức, lối sống giữ vững bản lĩnh chính trị cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh; Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được chỉ đạo nghiêm túc, chặt chẽ, thường xuyên có sự đổi mới. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ phát huy tốt vai trò là hạt nhân trong công tác giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và cập nhật, bổ sung kiến thức cho cán bộ, đảng viên. Thông qua đó, góp phần tích cực nâng cao trình độ nhận thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước, nghiệp vụ công tác đảng, đoàn thể cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, công chức trong toàn tỉnh; Công tác tư tưởng bám sát vào việc chăm lo, cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần trong nhân dân; khơi dậy và phát huy ý chí tự cường quyết tâm vượt khó đưa tỉnh Quảng Ninh không ngừng phát triển

Quảng Ninh với những mô hình hay, cách làm sáng tạo không dập khuôn đã tạo ra những điểm mới trong cách làm công tác tư tưởng góp phần nhân rộng mô hình trong cả nước. Với những tác động tích cực của công tác tư tưởng góp phần thúc đẩy khát vọng vươn lên của tỉnh Quảng Ninh phấn đấu đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; Đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia./.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TỈNH QUẢNG NINH THEO HƯỚNG KẾT HỢP TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Ths. Phạm Thu Phương

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Hiện nay, trong khoa học giáo dục nói chung cũng như trong lĩnh vực giáo dục lý luận chính trị nói riêng, việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập lý luận chính trị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng là yêu cầu cấp bách. Tuy nhiên, dù áp dụng phương pháp nào (phương pháp truyền thống hay phương pháp hiện đại), thì vai trò tổ chức của giảng viên và sự tham gia tích cực của người học vẫn quan trọng nhất. Vì vậy, để đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Ninh cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập của cả hai chủ thể này.

Để kết hợp truyền thống và hiện đại trong phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Quảng Ninh, chủ thể giảng dạy lý luận chính trị cần quan tâm một số giải pháp sau:

***Một là,** lựa chọn các phương pháp phù hợp cho bài giảng.*

Việc lựa chọn đa dạng các phương pháp phải căn cứ vào mục đích của môn học, đặc trưng của môn học, nội dung dạy học, đặc điểm lứa tuổi và trình độ của người học, điều kiện cơ sở vật chất (phòng học, trang thiết bị dạy và học), thời gian cho phép và thời điểm dạy học, trình độ và năng lực của giảng viên, ưu điểm và hạn chế của mỗi phương pháp.

Việc lựa chọn phương pháp không chỉ được thực hiện trong quá trình chuẩn bị bài giảng mà còn được thực hiện trong quá trình giảng dạy và kết thúc bài giảng. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần tiếp tục tìm hiểu, nắm bắt mức độ tiếp thu và khả năng nghiên cứu, học tập của học viên. Giảng viên luôn quan tâm đến việc tự đánh giá chất lượng và kết quả lựa chọn phương pháp giảng dạy của mình từ phía người học để từ đó điều chỉnh, rút kinh nghiệm và lựa chọn phương pháp phù hợp cho các bài giảng tiếp theo.

***Hai là,** thiết kế và thực hiện kết hợp các phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy lý luận chính trị một cách hợp lý, linh hoạt.*

Sau khi đã lựa chọn các phương pháp giảng dạy cho từng nội dung, giảng viên phải dự kiến và hình dung ra trình tự diễn biến bài giảng của mình. Phải dựng “kịch bản” sát với mục tiêu, nội dung dạy học. Khi áp dụng các phương pháp tích cực tại các lớp đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên giảng viên không nên lạm dụng quá nhiều phương pháp tích cực hoặc sử dụng một phương pháp nhiều lần trong buổi học. Những phương pháp tích cực nêu trên

chỉ phát huy được hiệu quả khi được vận dụng hợp lý và linh hoạt kết hợp với phương pháp truyền thống nhằm thực hiện mục tiêu dạy học theo nhiều cấp độ khác nhau. Trong sự kết hợp giữa các phương pháp hiện đại và phương pháp truyền thống, về cơ bản có các hình thức kết hợp giữa:

Phương pháp thuyết trình với chứng minh, minh họa bằng thực tiễn;

Kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình;

Kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp nêu vấn đề;

Kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp dự án;

Kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp cùng tham gia.

Với sự kết hợp này, giảng viên đóng vai trò là người cung cấp thông tin chính nhưng cũng là người tham gia thúc đẩy quá trình học tập của học viên. Bài học được sử dụng chủ yếu để phân tích, tìm hiểu những kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng đòi hỏi tư duy cao.

Thực hiện phương pháp này, giảng viên phải sử dụng phương pháp: thuyết trình kết hợp với các phương pháp như thảo luận, phương pháp chuyên gia, phương pháp cùng tư duy, nghiên cứu tình huống, phương pháp đóng vai, phương pháp bể cá vàng, khung xương cá, cây vấn đề...

Nhìn chung, để thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp theo hướng kết hợp truyền thống và hiện đại chủ thể giảng dạy lý luận chính trị phải đáp ứng các yêu cầu sau:

(1) Phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có phong kiến thức sâu rộng;

(2) Đầu tư chiều sâu cho chuyên ngành của mình giảng dạy, chịu khó học tập, có sự cầu tiến và luôn dành tâm sức cho bài giảng;

(3) Suy nghĩ kỹ khi lựa chọn sử dụng những phương pháp cho bài giảng và tự rút kinh nghiệm nhằm không ngừng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp của mình;

(4) Nắm vững đối tượng giảng dạy và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy;

(5) Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng;

(6) Chú trọng nghiên cứu khoa học và xem đây là một nhiệm vụ không thể thiếu trong việc đổi mới phương pháp;

(7) Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị mang tính đặc thù, đổi mới phải song song với bảo đảm tính Đảng - đây là một nguyên tắc trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị đòi hỏi người giảng dạy phải tuân theo.

Thứ ba, đổi mới phương pháp học tập lý luận chính trị cho học viên theo hướng kết hợp truyền thống và hiện đại theo các giải pháp sau:

Một là, muốn học tốt lý luận chính trị, trước tiên học viên phải xác định đúng động cơ, mục đích học tập. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, nó tác động trực tiếp đến quá trình học tập, rèn luyện của học viên, tác động trực tiếp đến kết quả học tập (*không ai có thể học giỏi nếu không muốn học*). Khi học viên xác định đúng mục đích của học tập lý luận chính trị là nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn để “làm việc, làm người, làm cán bộ”, khi đó học mới đủ quyết tâm để giải quyết các khó khăn, sắp xếp thời gian hợp lý cho việc học.

Hai là, bên cạnh việc hướng dẫn về phương pháp học tập, phương pháp tư duy của các chủ thể giảng dạy, người học cần tích cực, chủ động tìm tòi, học hỏi, đúc rút cho mình một phương pháp học tập lý luận chính trị phù hợp trên nền tảng phương pháp luận đại học. Để giúp học viên thực hiện được nhiệm vụ ngoài giới thiệu về nội quy, quy chế học tập, các cơ sở đào tạo phải dành một thời lượng phù hợp để quán triệt về động cơ, mục đích học tập và khái quát về các phương pháp học tập cơ bản, định hướng cho động cơ, mục đích học tập của học viên (làm công tác tư tưởng) giúp học viên có được “công cụ” phù hợp để học tập, nghiên cứu hiệu quả.

Ba là, hướng dẫn cho người học khai thác thế mạnh của các công cụ tiên tiến để mở rộng không gian và các nguồn học liệu phục vụ học tập lý luận chính trị. Trong nền giáo dục 4.0, môi trường dành cho người học không còn giới hạn trong một lớp học cụ thể mà được mở rộng cả không gian và thời gian: học qua hệ thống trường lớp, học qua mạng, học qua bài giảng điện tử, bài giảng trực tuyến (eLearning)... với nguồn tài liệu rất đa dạng, phong phú: sách điện tử, hình ảnh, âm thanh, video, đĩa (CD-ROM)... thì phương thức học tập cũng phải được đổi mới trên nền tảng công nghệ thông tin cho phù hợp với từng mô hình như: học trực tiếp trên lớp, học từ xa, học trực tuyến, học với thư viện điện tử.

Bốn là, trong quá trình đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, các cơ sở đào tạo cần phải tổ chức tham quan các di tích lịch sử cũng như các cơ sở kinh tế để người học có thể so sánh, đối chiếu kiến thức đã học trong sách vở với thực tiễn. Tăng cường tổ chức cho học viên đi nghiên cứu thực tế ở các địa phương điển hình, phù hợp với nội dung đang học tập trên lớp. Ví dụ: Nghiên cứu về tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương trong giai đoạn 2020 – 2025, nghiên cứu về vấn đề phát triển kinh tế thị trường gắn với bảo vệ môi trường tại địa phương... Thông qua các hoạt động ngoại khóa chuyên đề, học viên khái quát được những bài học kinh nghiệm cho bản thân. Kết quả nghiên cứu ngoại khóa phải là căn cứ đánh giá năng lực của học viên.

Đổi mới phương pháp học tập và giảng dạy lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên Tỉnh Quảng Ninh là yêu cầu cấp bách nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, mỗi nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị truyền thống hay hiện đại cũng đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Vấn đề ở đây là đổi mới không có nghĩa là loại bỏ các giá trị lý luận và phương pháp giảng dạy truyền

thống mà cần cải tiến để nâng cao hiệu quả và hạn chế nhược điểm của chúng, nhất là trong giảng dạy các môn học mang tính chất lý luận.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2014.
2. Đoàn Văn Khải, *Một số ý kiến về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn ở bậc đại học*, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 5/ 2003.
3. Đoàn Văn Khải, *Gắn lý luận với thực tiễn - biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 16/2006.
4. Phùng Thị Quỳnh Trang, *Một số trao đổi về phương pháp thảo luận nhóm*, www.ctet.edu.vn

QUẢNG NINH - PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HOÁ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ths. Phạm Thu Phương

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa được Đảng ta xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Thời gian qua, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam đã có bước phát triển đáng kể, đóng góp nhất định vào phát triển kinh tế - xã hội và đời sống văn hóa. Tuy nhiên, lĩnh vực này cũng xuất hiện không ít bất cập, yếu kém cần khắc phục, nhất là trong bối cảnh mới hiện nay.

Đặc trưng, vai trò của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa

Theo C. Mác, sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa “đặc biệt”. Với tư cách hàng hóa, sản phẩm này phải được lưu thông trên thị trường và được xã hội trả công cho người sáng tạo và sản xuất. Sự trả công này có thể là do nhà nước đặt hàng và chi trả, có thể là do người dân chi trả thông qua thị trường. Với tư cách hàng hóa đặc biệt, các sản phẩm văn hóa không chỉ có chức năng kinh tế, đem lại thu nhập cho người sáng tạo và người sản xuất, mà còn góp phần bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm thẩm mỹ, xây dựng đạo đức, nhân cách của con người, làm lành mạnh hóa đời sống tinh thần của xã hội. Đây chính là thiên chức hàng đầu của sản phẩm văn hóa mà nếu không có nó thì xã hội không cần đến các sản phẩm này nữa. Chính vì vậy, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa là một loại thị trường đặc biệt, vừa đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa góp phần bồi dưỡng nhân cách, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, đấu tranh phê phán các xu hướng phản văn hóa, phản thẩm mỹ, bảo vệ nền tảng tinh thần của dân tộc, của quốc gia. Việc mở cửa và phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa bao giờ cũng được các quốc gia xem xét thận trọng, nhất là trong bối cảnh tự do hóa nền kinh tế thế giới và hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng. Hệ giá trị định hướng của mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng dân tộc sẽ chi phối quá trình mở cửa và phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa đối với bên ngoài. Mặc dù vậy, quá trình quốc tế hóa trong lĩnh vực sản xuất vật chất ngày càng gia tăng, kéo theo quá trình quốc tế hóa trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm tinh thần. Những sản phẩm tinh thần của mỗi quốc gia, dân tộc có thể trở thành tài sản chung của nhân loại trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, xu thế phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong giao lưu quốc tế ngày càng diễn ra mạnh mẽ, sôi động là xu thế tất yếu. Muốn hội nhập quốc tế hiệu quả, mỗi quốc gia phải nâng cao nội lực của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong nước, tạo tiền đề cần thiết cho quá trình mở cửa giao lưu quốc tế.

Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa, đồng thời là bộ phận hữu cơ của nền kinh tế, có chức năng kép, vừa

đáp ứng nhu cầu tinh thần ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, vừa tham gia đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, gia tăng việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Vai trò của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa được thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa góp phần quan trọng vào kích thích nhu cầu sáng tạo, sản xuất và phát triển các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và hưởng thụ văn hóa của công chúng, gia tăng việc làm, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Thứ hai, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa là nơi đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và thụ hưởng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa

Thứ ba, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số hiện nay ngày càng được mở rộng và chiếm vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Chính vì những lý do trên, hiện nay nhiều quốc gia rất chú trọng phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trên cơ sở thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa như một ngành kinh tế mũi nhọn, tạo điều kiện để công nghiệp văn hóa đóng góp ngày càng nhiều vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa và con người ra thế giới.

Những thành tựu và hạn chế trong phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở Quảng Ninh trong thời gian qua

Về thành tựu

Cùng với quá trình đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã sớm quan tâm phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Đảng ta đã xác định xây dựng, ban hành “chính sách trong kinh tế văn hóa nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, đồng thời bảo đảm yêu cầu về chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”⁽¹⁾. Nội dung cơ bản của chính sách kinh tế trong văn hóa được Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh xác định trong nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XV liên quan chặt chẽ tới phát triển thị trường văn hóa và dịch vụ văn hóa:

Một là, thực hiện cơ chế mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ (hoạt động thể thao, dịch vụ văn hóa...), tạo ra nguồn thu hỗ trợ cho hoạt động sự nghiệp của các đơn vị văn hóa, nghệ thuật.

Hai là, cải tiến chế độ tài trợ, đặt hàng đối với điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, báo chí, xuất bản; thuế đối với báo chí; trợ giá cho một số báo chí, văn hóa phẩm đưa ra nước ngoài nhằm mục đích tuyên truyền đối ngoại và sách báo đưa lên miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

Ba là, quy định cụ thể chế độ cho các doanh nghiệp đặc thù ngành văn hóa thông tin (hãng phim, rạp chiếu bóng, hiệu sách, khu vui chơi giải trí, nhà xuất bản, trung tâm triển lãm, tu bổ di tích...) được hưởng mức thuế ưu đãi, trong hoạt động kinh doanh (thuế đất, vốn khấu hao cơ bản).

Bốn là, cho phép các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân trong nước và nước ngoài, thực hiện một số hình thức liên doanh, liên kết với một số cơ sở hoạt động văn hóa theo quy định của pháp luật nhằm tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, đổi mới công nghệ và tham gia tổ chức một số hoạt động văn hóa có nội dung lành mạnh, bổ ích.

Trong những nội dung trên Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh chỉ rõ, phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác, phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa bản địa ra tỉnh ngoài. Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa ở các khu vực như Bình Liêu, Ba chẽ, Tiên Yên, Đông Triều... Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh đầu tư văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch, mục tiêu rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng. Miền trên địa bàn tỉnh.

Về hạn chế, yếu kém

Có thể thấy, thời gian qua, nhận thức về vai trò, yêu cầu phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa chưa sâu sắc. Nhà nước chưa ban hành các chính sách cụ thể có ý nghĩa đột phá để khuyến khích sáng tạo, sản xuất, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa bước đầu được hình thành, nhưng còn chậm phát triển, quy mô nhỏ, mang tính tự phát, thiếu tính chuyên nghiệp. Sản phẩm văn hóa ở một số lĩnh vực còn nghèo nàn, đơn điệu, sức cạnh tranh yếu, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của công chúng trong và ngoài nước. Thị trường sản phẩm văn hóa nội địa có dấu hiệu bị các sản phẩm văn hóa nước ngoài lấn lướt, áp đảo. Một số dịch vụ văn hóa còn vi phạm pháp luật bị xử lý, như dịch vụ karaoke, vũ trường... Tình trạng vi phạm bản quyền chưa được khắc phục. Tình trạng nhập siêu về sản phẩm văn hóa còn kéo dài. Chất lượng các sản phẩm văn hóa chưa cao nên khó hội nhập với thị trường văn hóa thế giới. Việc xuất khẩu, quảng bá các sản phẩm văn hóa Việt Nam ra nước ngoài còn hạn chế. Công tác quản lý xuất, nhập khẩu văn hóa chưa chặt chẽ dẫn đến để lọt vào trong nước các sản phẩm nước ngoài chưa phù hợp với thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ của dân tộc, thậm chí có nhiều sản phẩm độc hại, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội... Một số sự kiện văn hóa quốc tế bị lạm dụng vì mục tiêu lợi nhuận, chưa coi trọng giá trị thẩm mỹ và chức năng giáo dục. Một bộ phận cán bộ, nhân dân có tâm lý sùng ngoại, chạy đua tiêu dùng các sản phẩm văn hóa ngoại nhập cũng như tiếp nhận lối sống thực dụng, hưởng lạc, ảnh hưởng đến việc giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và xây dựng đạo đức, nhân cách, bản lĩnh con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hạn chế, bất cập nêu trên, nhưng chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan sau:

Thứ nhất, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội về vai trò, vị trí của văn hóa nói chung, của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa nói riêng còn hạn chế, bất cập; chưa quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển và quản lý tốt thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa; thậm chí có nơi, có lúc còn buông lỏng quản lý, chưa ngăn chặn và xử lý kiên quyết các vụ việc vi phạm pháp luật về văn hóa.

Thứ hai, công tác lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực văn hóa nói chung và trong phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa nói riêng còn chậm đổi mới. Việc xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt làm công tác văn hóa cũng như công tác phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa còn hạn chế.

Thứ ba, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa nói chung, về quản lý phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa nói riêng chưa theo kịp thực tiễn phát triển, nhất là vấn đề quản lý thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, quản lý internet, truyền thông xã hội, quản lý dịch vụ văn hóa tâm linh.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa chưa được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên. Lực lượng quản lý thị trường còn mỏng, thiếu tính chuyên nghiệp, có nơi hoạt động còn hình thức, mức xử phạt hành chính ở một số vụ việc chưa đủ mạnh để răn đe tái phạm. Một số nơi còn chưa chú ý ngăn chặn các sản phẩm phản văn hóa, phản thẩm mỹ xuất hiện trên thị trường. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào quản lý thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa còn bất cập.

Thứ năm, công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận nhằm phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa còn chậm, bị động, chưa chú ý gắn kết phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa vào tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Một số giải pháp phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong bối cảnh mới

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu đổi mới, sáng tạo và thích ứng linh hoạt của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở bất kỳ quốc gia nào, trong đó có Việt Nam. Để đẩy mạnh phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa ở nước ta thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ và toàn diện một số giải pháp sau:

Một là, nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn vai trò của thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong tổng thể chiến lược phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao, như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hóa số; y tế;

giáo dục và đào tạo; “xây dựng và định vị thương hiệu du lịch quốc gia gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển đồng thời cả du lịch quốc tế và du lịch trong nước. Phát triển và tăng cường quản lý hoạt động du lịch văn hóa tâm linh, sinh thái, lịch sử”⁽⁵⁾; “Sớm hình thành thị trường sản phẩm dịch vụ văn hóa, thông tin lành mạnh”⁽⁶⁾. Khắc phục tư duy bao cấp và đẩy nhanh việc vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường để phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Triển khai thực hiện kết luận số 76-KL/TW, ngày 4-6-2020, của Bộ Chính trị khóa XII, “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI”, trong đó có nhiệm vụ tăng cường bảo hộ quyền tác giả, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

Hai là, rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách có tính đột phá khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ tiên tiến, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Từng bước nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp văn hóa ở một số lĩnh vực có ưu thế, như du lịch văn hóa - sinh thái, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh. Phát huy tiềm năng, đặc thù của sản phẩm văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Đa dạng hóa mọi nguồn lực đầu tư cho văn hóa, tăng cường xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

Ba là, xây dựng, hoàn thiện các thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa gắn với định hướng các giá trị văn hóa. Phát huy vai trò của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến và quản lý các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của công chúng hiện nay, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số. Nâng cao trách nhiệm xã hội và hiệu quả thực thi pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xuất, nhập khẩu các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tăng cường quảng bá sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Xây dựng thương hiệu các sản phẩm văn hóa đạt chuẩn quốc gia, khắc phục tình trạng du nhập các sản phẩm phản văn hóa, phản thẩm mỹ vào thị trường trong nước.

Năm là, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động văn hóa nói chung, cho phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa nói riêng. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới.

Sáu là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm cần thiết để tiếp tục phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ những sản phẩm độc hại trên thị trường, khắc phục tình trạng đưa

ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng, có tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa xã hội. Đặc biệt chú trọng đấu tranh, phê phán các sản phẩm có tư tưởng sai trái, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; đồng thời, chú trọng hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thông qua việc sáng tạo và phát triển các sản phẩm và dịch vụ văn hóa lành mạnh, góp phần xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước./.

- (1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 73
- (2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr. 57

CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC PHÁT TRIỂN TỪ "NÂU" SANG "XANH" MỘT CÁCH BỀN VỮNG – QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN QUẢNG NINH

Ths. Bùi Thị Huyền

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Tăng trưởng xanh được xác định là trọng tâm trong chính sách phát triển quốc gia của nhiều khu vực trên thế giới trong nỗ lực để đạt được sự phát triển bền vững. Đối với Việt Nam, điều này cũng đã được thể hiện rất rõ trong chiến lược của đất nước, thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, hay Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Quảng Ninh, có thể nói, chủ trương của Đảng, Nhà nước đã được tỉnh nghiên cứu, thực hiện từ khá sớm. Khi ngành công nghiệp của tỉnh vẫn đang phát triển mạnh, áp đảo cả về tỷ trọng cơ cấu kinh tế và số thu ngân sách địa phương so với các ngành kinh tế khác, Quảng Ninh đã có những định hướng để chuyển đổi mục tiêu tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh” một cách bền vững.

Không thể phủ nhận, những đóng góp của ngành Công nghiệp đã đưa Quảng Ninh trong nhiều năm nằm trong top những tỉnh miền núi phía Bắc có tốc độ phát triển vào loại tốt. Trong đó, khai thác than, khoáng sản đóng vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, đây lại là ngành có tài nguyên hữu hạn, dần tiến đến cạn kiệt; đi cùng với những mặt tích cực, theo thời gian, những tác động xấu từ mô hình tăng trưởng “nâu” ngày càng thể hiện rõ hơn.

Từ lâu, Quảng Ninh cũng là địa phương được cơ quan môi trường Trung ương cảnh báo là một trong những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Dưới tác động của tăng trưởng “nâu”, về phát triển kinh tế, dù là tỉnh được cho là có những lợi thế nổi trội để phát triển du lịch, đặc biệt là có Di sản Thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, cùng nhiều thắng cảnh đẹp, tuy nhiên, việc phát triển đan xen giữa công nghiệp, du lịch, dịch vụ thiếu tính quy hoạch đã khiến các ngành kinh tế khác ngoài công nghiệp tăng trưởng chậm. Theo thống kê của tỉnh, số thu ngân sách nội địa từ ngành Du lịch Quảng Ninh năm 2011 chỉ chiếm khoảng 2,6% tổng thu ngân sách.

Bên cạnh những bất cập do mô hình tăng trưởng không bền vững, quá phụ thuộc vào công nghiệp khai khoáng, thì một yếu tố bất lợi khác đó là hạ tầng giao thông của Quảng Ninh không mấy thuận lợi; việc phát triển các ngành, lĩnh vực chưa được quan tâm đầu tư về khoa học công nghệ, đặc biệt là những công nghệ mới, sạch, thân thiện với môi trường... Đó là những yếu tố kìm hãm sự phát triển bền vững của tỉnh.

Nhận diện được những bất cập trong quá trình phát triển, từ những năm đầu của nhiệm kỳ 2010-2015, Quảng Ninh xác định, phải thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Tỉnh xác định tăng trưởng xanh sẽ được thực hiện dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển

đôi phương thức phát triển gắn chặt với việc thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược là cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển kết cấu hạ tầng. Qua đó, để dần giảm bớt việc dựa vào các yếu tố không bền vững như tài nguyên hữu hạn và tăng dần các yếu tố bền vững dựa vào vị trí địa chính trị, kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu, cảnh quan, văn hoá, truyền thống lịch sử và trí tuệ con người... để phát triển, trên cơ sở định vị được tiềm năng, thế mạnh, sự phát triển của địa phương đặt trong bối cảnh khu vực, quốc gia, quốc tế.

Để tạo được sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện, mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh đã được đưa ra bàn và nhận được sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị, cũng như của nhân dân trong tỉnh tại các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (2010-2015), Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (2015-2020) trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã nhấn mạnh: Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ, công nghiệp; là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực, một trong những cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc và cả nước...

Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Quảng Ninh đặt mục tiêu, đến năm 2020, giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ 8-10% (so với năm 2010); giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng khoảng 10-20% so với phương án phát triển bình thường; tăng tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%; tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu đạt 100%; tỷ lệ đầu tư phát triển các ngành nghề hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu nguồn tài nguyên thiên nhiên đóng góp 3-4% GDP...

Đặc biệt Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (2020-2025) Nghị quyết Đại hội vẫn tiếp tục tập trung cụ thể hóa quan điểm, định hướng về chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh" gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, nhanh chóng khôi phục đúng thời điểm, phục hồi hiệu quả ngành du lịch, dịch vụ thích ứng an toàn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững đà tăng trưởng GRDP hai con số trong nhiều năm qua. Trong bối cảnh ngành du lịch, dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, nhằm thực hiện tầm nhìn chiến lược, quyết sách táo bạo tại Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh về mục tiêu tăng trưởng kinh tế GRDP khoảng 10% ngay từ năm đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 (trong bối cảnh 06 tháng đầu năm 2020 tăng trưởng chỉ đạt 4,29%, 9 tháng đầu năm tăng trưởng 6,5%), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã kịp thời ban hành và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 về "phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030" gắn với nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư FDI thế hệ mới, trọng điểm là các khu công nghiệp, khu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo vào GRDP và thu ngân sách, tạo động lực tăng trưởng mới. Đánh giá kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 28/11/2019 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững³ (phấn đấu đến năm 2025, trồng mới ít nhất 5.000 ha lim, đôi, lát ở

nơi có đủ điều kiện), ban hành Thông báo Kết luận số 860- TB/TU ngày 21/3/2023 tiếp tục triển khai. Ban hành và tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/9/2022 về "tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2022 - 2030"; Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý và phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản trên biển...

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung đề ra nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt, khả thi, mang lại hiệu quả rõ rệt về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh, bền vững cụ thể:

Kinh tế liên tục tăng trưởng cao, ổn định; tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt mức tăng trưởng 2 con số trong 7 năm liên tiếp (2016 - 2022) (trong đó có 3 năm 2020, 2021, 2022 bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19): năm 2020 đạt 10,05%, năm 2021 đạt 10,12%, năm 2022 đạt 10,28%, ước năm 2023 đạt 11%, bình quân giai đoạn 2021 - 2023 tăng 10,4%/năm (cao hơn chỉ tiêu Nghị quyết khoảng 10%), lập nên kỳ tích trong công cuộc đổi mới. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững (Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 50,9%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 43,9%; khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 5,2% trong cơ cấu kinh tế); quy mô nền kinh tế tăng nhanh, hết năm 2022 đạt gần 270.000 tỷ đồng (chỉ đứng sau Hà Nội, Hải Phòng ở khu vực phía Bắc), ước năm 2023 đạt 312.420 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn ước đạt 160.476 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa đạt 122.109 tỷ đồng, chiếm 76,1% tổng thu ngân sách, tăng bình quân khoảng 4,19%/năm (Nghị quyết tăng khoảng 10%/năm) và luôn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; thu xuất nhập khẩu đạt 38.367 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Trung ương giao. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 8.291 USD gấp đôi bình quân chung của cả nước (cao nhất ở khu vực phía Bắc), ước năm 2023 đạt 9.469 USD, gấp 1,4 lần so với năm 2020. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động bình quân năm 2023 ước đạt 458,5 triệu đồng/người, gấp 1,5 lần năm 2020; chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giảm từ 6,09 năm 2020 xuống khoảng 4,0 năm 2022; đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2023 ước đạt 50,01%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (đạt 50%). Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển từ "nâu" sang "xanh" dựa vào ba trụ cột (thiên nhiên, con người, văn hóa), kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trên cơ sở đó, tập trung phát triển công nghiệp dịch vụ, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao; giải quyết đồng bộ và có hiệu quả các mâu thuẫn, thách thức nhằm đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa - đô thị hóa; kết hợp chặt chẽ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp nhằm thúc đẩy

phát triển kinh tế - xã hội.

Những quan điểm, nghị quyết, chỉ thị liên quan đến tăng trưởng xanh của Quảng Ninh đã trở thành kim chỉ nam cho sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Trên cơ sở bám sát các Nghị quyết của Đảng và thực tiễn địa phương, Quảng Ninh đã sáng tạo những cách làm mới, mô hình mới, thậm chí là chưa có trong tiền lệ ở Việt Nam. Qua đó, khẳng định sự đúng đắn trong công tác chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị địa phương; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.../.

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI QUẢNG NINH - NỀN TẢNG ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN CỦA TỈNH LÊN TẦM CAO MỚI

Ths. Bùi Thị Huyền

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

Chương trình xây dựng nông thôn mới được tỉnh Quảng Ninh tập trung chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 27-10-2010, về Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; đồng thời tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình từ tỉnh đến cấp xã do đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng ban chỉ đạo, thành lập Ban xây dựng nông thôn mới chuyên trách trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để tham mưu xây dựng và đôn đốc thực hiện chương trình. Trong suốt một thập kỷ triển khai thực hiện, chương trình đã mang một sức sống mới, một gam màu mới tươi sáng cho bức tranh nông thôn Quảng Ninh. Hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu được nâng cấp khang trang, đời sống đa số nông dân được cải thiện rõ nét, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhiều nét đẹp, giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được phát huy, tình làng nghĩa xóm được vun đắp, đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành. Để có được kết quả ấn tượng ấy là nhờ sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp, lực lượng xã hội và sự đồng lòng, chung sức của người dân.

Tỉnh Quảng Ninh xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng yếu của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là xây dựng các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng thực chất của các tiêu chí, tiến tới xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, xác định người nông dân là chủ thể và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để thực hiện; lấy thành thị dẫn dắt nông thôn, với mục tiêu cốt lõi của chương trình là không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Quảng Ninh là 1 trong 4 tỉnh của cả nước không lựa chọn thí điểm khi triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới mà tiến hành thực hiện đồng loạt tại 125 xã của 13 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Với cách triển khai đó, tỉnh xác định nhất thiết phải huy động được sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận của đông đảo nhân dân trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân quản lý và dân hưởng lợi”, ngay từ khi bắt đầu triển khai chương trình, công tác tuyên truyền đã được tỉnh coi là nhiệm vụ hàng đầu được ưu tiên trong chỉ đạo để phát huy sức mạnh trong dân. Chất lượng đời sống và sản xuất là những vấn đề mà người dân quan tâm sau quá trình thực hiện chương trình nông thôn mới. Nhằm nâng cao thu nhập người dân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, Quảng Ninh xác định phát triển sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm,

xuyên suốt và có tính quyết định để thực hiện thành công Chương trình xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và lợi thế của từng vùng, miền; tỉnh đã ban hành chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP).

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bằng nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo, đột phá và sát hợp với thực tiễn chương trình đã đạt được những thành tựu quan trọng:

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi nhận thức sâu sắc của toàn bộ cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, tạo sự ổn định để phát triển các ngành kinh tế khác, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh;

Tỉnh đã hoàn thiện được đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế chính sách phù hợp cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cơ cấu kinh tế nông thôn đang chuyển dịch đúng định hướng, tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp được cải thiện rõ rệt. Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh giảm xuống còn 5,9%, tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng. Sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế cũng dẫn đến sự chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn.

Hình thành bộ máy ban chỉ đạo, cơ quan thường trực các cấp đồng bộ, vận hành chuyên nghiệp, gắn kết, nhất quán; nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành các cấp trong việc hướng dẫn, đôn đốc các địa phương; Vai trò của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được phát huy tối đa trong công tác tuyên truyền, vận động, giúp đỡ người dân xây dựng nông thôn mới;

Nhận thức của đa số cán bộ và nhân dân chuyển từ tư tưởng trông chờ ỷ lại đến chủ động tích cực tham gia, các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị cùng chung sức xây dựng nông thôn mới;

Chương trình đã tạo được không khí xây dựng nông thôn mới trên khắp vùng nông thôn Quảng Ninh, bộ mặt nông thôn thay đổi rõ nét. Đời sống nhân dân được cải thiện, văn hóa - xã hội và môi trường khu vực nông thôn có nhiều tiến bộ; kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn ngày càng được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi nông thôn phát triển nhanh về cả số lượng và chất lượng;

Nhiều mục tiêu quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được triển khai và có kết quả, một số chỉ tiêu đạt được cao hơn so với toàn quốc, như: xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 93,87% (cả nước là 63,5%); có 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (cả nước có 305 xã); có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (cả nước có 24 xã); tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh hết năm 2021 còn 0,14% (cả nước còn khoảng 4%); toàn tỉnh có 22 xã và 54 thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn; công tác môi trường, chỉnh trang cảnh quan nông thôn đã được chú trọng triển khai thực hiện, nhiều vùng nông thôn đã trở thành miền quê đáng sống, như xã Việt Dân, Bình Khê - thị xã Đông Triều; xã Quảng Minh huyện Hải Hà; xã Đông Ngũ, Đông Hải - huyện Tiên Yên...;

Trong sản xuất đã đi đúng hướng trong việc đổi mới quan hệ sản xuất, đó là phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, HTX theo Luật 2012; phát huy lợi thế về tiềm năng sản phẩm địa phương, sáng tạo triển khai thực hiện Chương trình OCOP, Chương trình đến nay đã được người sản xuất (tổ chức, hộ gia đình) tự nguyện sản xuất và tham gia hoạt động thương mại một cách tích cực; sản xuất tập trung theo quy mô lớn dần hình thành và thu hút một số doanh nghiệp lớn tham gia đầu tư; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đã được Trung ương, các tỉnh ghi nhận, lựa chọn mô hình để nhân rộng (là tỉnh đầu tiên miền Bắc có huyện đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Cô Tô là huyện đảo đầu tiên trong cả nước đạt chuẩn nông thôn mới; xã Việt Dân, thị xã Đông Triều là xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đầu tiên cả nước). Tỉnh Quảng Ninh được Thủ tướng Chính phủ trao Huân chương Lao động hạng Nhất trong phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020;

Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP tỉnh Quảng Ninh) là sản phẩm riêng của tỉnh Quảng Ninh được Trung ương chọn và triển khai nhân rộng trong toàn quốc. Đến nay toàn tỉnh có 182 doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất và 464 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, trong đó có 8 sản phẩm đạt 5 sao cấp tỉnh, 3 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia;

Đến năm 2019 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cùng với Chương trình 135 (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) đã đưa 100% số xã, thôn (26 xã, 56 thôn) trên địa bàn tỉnh hoàn thành Chương trình 135, ra khỏi diện đặc biệt khó khăn (hoàn thành trước 1 năm so với mục tiêu kế hoạch tỉnh đề ra);

Công tác đào tạo, củng cố đội ngũ cán bộ cơ sở, đào tạo nghề nông thôn được tập trung chỉ đạo và nâng cao chất lượng, thông qua công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình chất lượng độ ngũ cán bộ, nhất là những địa phương thực hiện chương trình được nâng lên rõ nét.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nền kinh tế của nước ta bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cũng như các ngành, lĩnh vực khác, ngành Nông nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trước tình hình đó tỉnh Quảng Ninh xác định mục tiêu giữ vững địa bàn an toàn và đã tăng trưởng 2 con số, từ đó đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ các đối tượng bị tác động kịp thời, hiệu quả, với nhiều giải pháp linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt; với tinh thần “Dám làm, Dám chịu trách nhiệm, nhất là vai trò người đứng đầu”, phương châm “từ xa, từ sớm, từ cơ sở”; lấy người dân làm trung tâm, xây dựng hệ thống phòng chống dịch vững chắc từ khu, thôn, bản, xã phường tạo những thành trì chống dịch. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, ngành Nông nghiệp đã tập trung chỉ đạo với nhiều giải pháp sáng tạo, linh hoạt, tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, nhất là công nghệ thông tin trong kết nối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nhân dân. Phối hợp với các ngành, các địa phương cơ cấu lại các loại cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm

nông, lâm, thủy sản; phối hợp, tổ chức các Hội chợ OCOP, xúc tiến thương mại, xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân; tổ chức gặp mặt, thành lập các tổ công tác tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp trong chế biến, bảo quản nông sản, ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa trong thu hoạch, bảo quản, nông sản, gắn với xây dựng quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Nhiều nông sản, nhất là sản phẩm OCOP, sản phẩm có thể mạnh của tỉnh, ngày càng đứng vững, vươn ra các thị trường lớn; Điển hình như các sản phẩm: Trà hoa vàng của Công ty CP Lâm sản Đập Thanh (huyện Ba Chẽ); ruốc hầu, ruốc tôm của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thủy sản Quảng Ninh (huyện Vân Đồn); rau củ quả đóng gói, hành sấy khô, bột sắn của HTX Dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong (thị xã Đông Triều).

Ngành nông nghiệp đã tham mưu cho tỉnh Quảng Ninh vận động người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, đồng thời chủ động phối hợp với các sở, ngành địa phương hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nhân dân, nhất là cá song, hầu Thái Bình Dương; triển khai hỗ trợ, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu tại 13 địa phương; Phối hợp với Chi nhánh Viettel Quảng Ninh đưa sản phẩm hàng hóa nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; tổ chức Hội nghị xúc tiến kết nối các HTX, doanh nghiệp sản xuất đối với các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh; phối hợp với Sở Công thương, các địa phương, các ngành theo dõi, tháo gỡ khó khăn đối với các sản phẩm nông sản xuất khẩu tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh;...

Công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm hàng nông sản tiếp tục được tăng cường, lòng tin của người dân vào nông sản trong nước ngày càng tăng, bảo đảm nhu cầu cung ứng cho thị trường. Hoạt động tập huấn về công tác an toàn thực phẩm được triển khai thường xuyên, đường dây nóng về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp được duy trì kịp thời nắm bắt xử lý thông tin. Công tác kiểm tra vệ sinh, chất lượng an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên; đã cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 941 cơ sở.

Đồng hành, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp là một trong những giải pháp hàng đầu được tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện, từ đó nhiều dự án được đầu tư đã đi vào sản xuất, kinh doanh, như: Dự án nuôi tôm thương phẩm, siêu thâm canh trong nhà kính tại Đàm Hà (Công ty CP thủy sản Việt Úc); Dự án sản xuất giống, nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao tại Cẩm Phả (Công ty thủy sản N.G); dự án nuôi bò sữa tại huyện Đàm Hà (Tập đoàn TH True Milk); dự án nuôi bò thịt tại Hải Hà của Công ty Phú lâm; Dự án Trang trại chăn nuôi lợn giống, thịt ứng dụng công nghệ cao tại thị xã Đông Triều (Tập đoàn Dabaco); Dự án Cụm sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung tại thành phố Hạ Long (Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Dũng; quy mô dự kiến 5.000 lợn nái và 20.000 lợn thịt); Dự án Nhà máy

thành phẩm và sản xuất, xuất khẩu plywood tại huyện Ba Chẽ (Công ty TNHH MTV năng lượng An Việt Phát); dự án Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại huyện Hải Hà (Công ty cổ phần Greentech)...

Chặng đường 10 năm "làm mới" nông thôn của tỉnh Quảng Ninh đã cho thấy sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới của người nông dân, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự điều hành quyết liệt của chính quyền các cấp và tinh thần tham gia tích cực của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể.

Những bài học kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo nền tảng, để thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Quảng Ninh lên một tầm cao mới, góp phần giảm nhanh khoảng cách giàu nghèo giữa đô thị và nông thôn:

Một là, xây dựng nông thôn mới phải phù hợp với đặc điểm vùng, miền, truyền thống, bản sắc văn hóa, do đó phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Mọi việc làm phải dựa trên nguyện vọng chính đáng của nhân dân, phát huy vai trò của cộng đồng, trên nguyên tắc "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng", Nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ, thúc đẩy.

Hai là, công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền phải đồng bộ, nhất quán, kiên trì, liên tục, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp phải xây dựng chương trình, quy chế làm việc, phân công rõ nhiệm vụ, thời gian, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn với đánh giá cán bộ, trách nhiệm người đứng đầu.

Ba là, thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách phù hợp với khả năng ngân sách, điều kiện thực tế của địa phương, gắn với cơ chế phân cấp, ủy quyền nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương.

Bốn là, xây dựng nông thôn mới phải có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương, tránh dập khuôn, máy móc. Tập trung ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu mang tính động lực, các công trình giáo dục, y tế, nước sạch, hạ tầng sản xuất, thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc.

Năm là, đa dạng hóa việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở sở sở, theo phương châm "Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết". **Sáu là**, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, phát hiện động viên kịp thời các đơn vị, tổ

chức, cá nhân, doanh nghiệp, doanh nhân thực hiện tốt và có nhiều đóng góp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới “Chỉ có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”, do vậy, giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Quảng Ninh đặt ra những định hướng cụ thể để tiếp tục xây dựng nông thôn mới, bảo đảm “hiệu quả, toàn diện và bền vững”, “chuyển từ lượng sang chất”, hướng tới mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông dân thông minh, nông thôn hiện đại. Trong đó tập trung: (1) Phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thay đổi tư duy, nếp sống, thói quen sản xuất của người dân nông thôn, chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống nhỏ lẻ, tự cung tự cấp sang sản xuất đáp ứng nhu cầu của thị trường, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên thông, tổng thể lấy thành thị dẫn dắt nông thôn (2) Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên tư duy đổi mới sáng tạo. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ; Nâng cao năng suất, chất lượng sức cạnh tranh của hàng hóa nông, lâm, thủy sản; Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp, các hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản; tập trung phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác và kinh tế trang trại quy mô lớn ở nông thôn theo chuỗi liên kết; phát triển du lịch nông thôn, nông nghiệp. (3) Tập trung chuyển đổi số, phát triển sản xuất nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn góp phần nâng cao thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội; Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân khu vực nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn; Bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn; Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Với mục tiêu xây dựng nông thôn giàu có, văn minh, nhân dân hạnh phúc, đô thị hóa nông thôn gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, hiện đại và kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa cao trên địa bàn là mục tiêu trong xây dựng nông thôn Quảng Ninh giai đoạn tiếp theo./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ths. Nguyễn Thị Thanh Thùy

Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở

Quảng Ninh là một địa phương có 22 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 12,53% dân số toàn tỉnh. Cộng đồng DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang lưu giữ nhiều nét văn hóa độc đáo, góp phần làm nên nét văn hóa đặc thù của Quảng Ninh. Thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, thiết thực và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống văn hóa vùng đồng bào DTTS ở địa phương.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS được tỉnh Quảng Ninh xác định là một vấn đề cần thiết và cấp bách, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra rất mạnh mẽ hiện nay. Sở dĩ như vậy là vì, thông qua đó không chỉ thực hiện tốt việc gìn giữ bản sắc văn hóa của cộng đồng các DTTS trên địa bàn tỉnh mà quan trọng hơn việc này còn giúp tạo ra động lực phát triển toàn diện, rút ngắn khoảng cách, chênh lệch mức sống, cơ hội phát triển giữa các vùng miền trong tỉnh. Xác định rõ tầm DTTS, trong thời gian qua Quảng Ninh đã nghiên cứu, đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện nhiều dự án, đề án về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vùng đồng bào DTTS như: Nghị quyết số Nghị quyết số 11 ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển phát triển bền vững; Quy hoạch bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị một số Làng DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 161 ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thí điểm xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa 4 làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng khu vực miền núi, giai đoạn 2023-2025... Các đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh đã chủ động, tích cực sưu tầm, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vùng DTTS. Ở những địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cư trú đã xây dựng và ban hành các nghị quyết, kế hoạch để thực hiện việc bảo tồn và phát huy văn hóa DTTS như: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Liêu đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HU ngày 31-7-2015 về *Phát triển du lịch huyện Bình Liêu giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030*; Nghị quyết số 06/NQ-HU ngày 29-6-2016 về *Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng các dân tộc huyện Bình Liêu giai đoạn 2016-2020*.; Kế hoạch số 1412/KH-UBND ngày 15/9/2016 về công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của cộng đồng các dân tộc huyện Bình Liêu. Điều này đã khẳng định, Bình Liêu hết sức coi trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc trên địa bàn được huyện. Đối với Tiên Yên - huyện miền núi

nằm ở trung tâm của vùng Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, với 13 dân tộc anh em cùng sinh sống. Xác định vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, từ năm 2011, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Nghị quyết 06 về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá huyện Tiên Yên giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo. Kế thừa những thành tựu đã đạt được trong bảo tồn văn hóa trên địa bàn huyện, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 15, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ 25, năm 2021 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tiên Yên tiếp tục ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU “Về việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa huyện Tiên Yên giai đoạn 2022 - 2025”. Những nghị quyết này đã xuất phát từ yêu cầu của phát triển và được tuyên truyền đến mọi tầng lớp cán bộ, nhân dân và đã đem lại những tín hiệu tích cực và thành công, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống văn hoá của nhân dân.

Từ cơ sở các quan điểm chỉ đạo đó, nhiều dự án, kế hoạch đầu tư, nghiên cứu về văn hóa dân tộc thiểu số được tiến hành từ trò chơi dân gian đến phong tục tập quán, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống... Nhiều môn thể thao của các dân tộc như đẩy gậy, đua thuyền chài, bắn cung, bắn nỏ, kéo co... trong những năm gần đây đã được đưa vào thi đấu chính thức tại các giải thể thao thường niên của tỉnh. Sở Văn hóa và Thể thao đã xây dựng đề án “Bảo tồn, khôi phục và phát huy các môn thể thao dân tộc giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”. Nhiều lễ hội văn hoá của đồng bào đã được phục dựng lại, tổ chức như lễ hội đình Lục Nà (Bình Liêu), lễ hội Đại Phan của người Sán Dìu ở xã Bình Dân (Vân Đồn), Ngày hội văn hoá - thể thao dân tộc Sán Chỉ xã Đại Dực, Ngày hội văn hoá - thể thao dân tộc Tày, xã Phong Dụ (Tiên Yên), lễ hội Kiêng gió của người Dao ở Đông Văn (Bình Liêu)... Nhiều nhà văn hoá xã được đầu tư xây dựng quy mô từ ngân sách tỉnh hay ủng hộ từ các doanh nghiệp là những điều kiện quan trọng để các lễ hội văn hoá, các câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ, những tín ngưỡng, diễn xướng dân gian của đồng bào các dân tộc được tổ chức, hoạt động trình diễn, truyền dạy. Đến nay, nhiều địa phương đã mở lớp truyền dạy các làn điệu dân ca của các dân tộc như “Hát Soóng Cọ” của người Sán Chỉ, “Hát Then - Đàn Tính” của người Tày ở huyện Bình Liêu, tục hát dân ca và “Cấp sắc” của người Dao Thanh Phán và Dao Thanh Y ... Phục dựng các vũ điệu như “Én thần - Vũ điệu Then” của người Tày; “Phượng Hoàng-Vũ điệu Phùn Voòng” của người Dao; “Tắc xình - Vũ điệu Cầu mùa” của người Sán Chay... tổ chức trình diễn trong các dịp lễ hội hoặc giao lưu đối ngoại giới thiệu nhiều nét văn hóa truyền thống, các trò chơi dân gian độc đáo đến với bạn bè và cộng đồng quốc tế. Khai thác các nét đặc trưng về trang phục, ẩm thực, hoạt động tổ chức đời sống, lao động của đồng bào DTTS để vừa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc riêng của các DTTS một cách bền vững, đồng thời có thể tạo nguồn lực để phát triển du lịch (trải nghiệm văn hóa tại các lễ hội truyền thống, các bản làng văn hóa DTTS), xây dựng thương hiệu văn hóa tại các địa phương (như hoạt động thi đấu bóng đá nữ trong trang phục dân tộc Sán Chỉ, Dao Thanh Y... tại xã Húc Động đã trở thành sản phẩm văn hóa – du lịch độc đáo không đâu có ở Việt Nam) tạo ấn tượng sâu sắc đến du khách khi đến

với Quảng Ninh, từ đây, đã từng bước mang lại thu nhập, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Quan trọng hơn nữa đó là từ hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa đã giúp đẩy nhanh sự chuyển hóa về mặt nhận thức (nâng cao ý thức, trách nhiệm gìn giữ những tập quán tốt đẹp, trang phục truyền thống, công cụ lao động sản xuất truyền thống; nhạc cụ, khí cụ, củng cố lòng tự tôn dân tộc, ý thức tự giác tộc người...), tạo được sự trân trọng của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân tương ứng với sự phát triển của đời sống vật chất.

Để khai thác có hiệu quả trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa DTTS và thực hiện thành công “Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh” theo tinh thần heo Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 – 2025, cá nhân tôi nhận thấy Quảng Ninh cần tập trung vào một số giải pháp, đó là:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong việc triển khai thực hiện việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phù hợp với đối tượng thụ hưởng.

Thứ hai, công tác tổng kết thực tiễn thực hiện các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi được quan tâm hơn nữa để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của các chính sách này theo hướng toàn diện, bền vững, đồng thời mở rộng vốn ưu đãi đối với các chương trình, dự án, tạo sinh kế cho đồng bào.

Thứ ba, làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cơ quan, đơn vị và người dân trong thực đường lối Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà thực hiện hiệu quả giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; đồng thời quan tâm công tác bảo tồn văn hóa gắn với đặc thù của cộng đồng dân cư, đặc trưng về phong tục tập quán của các dân tộc trên địa bàn để tạo điều kiện cho người dân có thể thụ hưởng từ chính việc bảo tồn để phát triển kinh tế du lịch.

Thứ tư, kế thừa, chọn lọc và phát huy có hiệu quả bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống cao đẹp. Cần nghiên cứu và ban hành các chính sách cụ thể để hỗ trợ việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết của các DTTS; bảo tồn làng, bản, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển du lịch; tập trung vào lĩnh vực đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS; trong đó có chính sách cho các nghệ nhân tổ chức truyền dạy di sản văn hóa, chính sách đặc thù để thu hút các nguồn đầu tư từ xã hội hóa đối với các hoạt động văn hóa thể thao và du lịch vùng DTTS và miền núi.

Thứ năm, thực hiện công tác tổng kết thực tiễn để phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; đồng thời, ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện làm mai một văn hóa truyền thống dân tộc./.

**VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ
NGUYỄN VĂN CỪ THỰC HIỆN TỐT NỘI QUY, QUY CHẾ CỦA ĐƠN
VỊ, GÓP PHẦN XÂY DỰNG HÌNH ẢNH CON NGƯỜI QUẢNG NINH**

CN. Nguyễn Trung Trường

Phó giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, tin học

Nằm trong hệ thống các trường chính trị cấp tỉnh, trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Thường trực Tỉnh ủy Quảng Ninh. Chức năng của Nhà trường là tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về: Lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học theo các Đề án, Kế hoạch năm của tỉnh; hợp tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các ngành, lĩnh vực theo nhu cầu của xã hội và tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Về nhiệm vụ cụ thể, trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, đảng ủy trực thuộc tỉnh; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh trên; cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện giảng dạy trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng, cơ sở và tương đương; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Phối hợp với các ban, ngành liên quan tham mưu cho Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các chuyên đề chuyên sâu cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh. Đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, công chức, viên chức và đáp ứng nhu cầu học tập ngoại ngữ, tin học của xã hội. Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu, chỉ đạo của Tỉnh ủy như đón tiếp, báo cáo tình

hình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của Quảng Ninh với các đoàn nghiên cứu thực tế, học hỏi kinh nghiệm đến từ các tỉnh trong toàn quốc và thậm chí cả các đoàn khách quốc tế như Lào, Mô-dăm-bich, Trung Quốc....

Xác định được chức năng và nhiệm vụ rất quan trọng, tự hào nhưng cũng đặt ra cho Nhà trường không ít khó khăn và thách thức; với 62 biên chế và 19 hợp đồng lao động, những cán bộ, viên chức trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đang quản lý, vận hành, phục vụ hai cơ sở vật chất đặt cách xa nhau hơn 30 km, tổng giá trị đầu tư trên 400 tỷ đồng. Hàng năm, đội ngũ viên chức và lao động của Nhà trường phục vụ trung bình 15.000 lượt học viên và du khách đến học tập, làm việc và trao đổi kinh nghiệm.

Xuyên suốt lịch sử giảng dạy, phục vụ của Nhà trường cùng triết lý lấy người học làm trung tâm, biết bao thế hệ học viên đã học qua mái trường này đang phát triển, rất nhiều người đang giữ những vị trí quan trọng của tỉnh nhà và cả một số tỉnh lân cận trong toàn quốc, nhiều người là những cán bộ luôn ngày đêm cần mẫn làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp; họ đã đóng góp rất lớn cho lịch sử 60 năm xây dựng và phát triển Quảng Ninh; từ những thành tích chung to lớn đó cũng có phần đóng góp nhỏ bé của mỗi viên chức, lao động trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ. Tuy nhiên, sự vận động của xã hội là không ngừng, để tiếp tục góp phần xây dựng Quảng Ninh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh: *“Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới; phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc”* mỗi công dân Quảng Ninh nói chung, mỗi viên chức, lao động trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ ngoài việc luôn luôn cố gắng hoàn thành thật tốt phần công việc của mình còn thực hiện thật tốt văn hóa công sở, ở đây là “văn hóa trường học, văn hóa trường Đảng”, cụ thể như sau:

Trong thực thi nhiệm vụ: Tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy chế, quy trình làm việc của cơ quan, đơn vị; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc phải đặt lên hàng đầu; từng đơn vị khoa, phòng, trung tâm và cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của cấp trên;

Nghiêm túc thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao, không để quá hạn, bỏ sót nhiệm vụ được phân công; không đùn đẩy trách nhiệm, không né tránh công việc; thực hiện mặc đồng phục, đeo thẻ viên chức, nhân viên khi thực hiện nhiệm vụ.

Trong giao tiếp ứng xử: Thực hiện nghiêm các quy định chuẩn mực về đạo đức, văn hóa giao tiếp của người giảng viên, người lao động trong trường Đảng, cho dù vẫn là môi trường giáo dục, tuy nhiên đối tượng học viên của trường Đảng có đặc biệt đôi chút, học viên đều là cán bộ, lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, đoàn thể, trong đó có không ít học viên giữ chức vụ lãnh

đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở; có người khá lớn tuổi, họ có vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn công tác rất phong phú, vậy tác giả thiết nghĩ viên chức và lao động Nhà trường nên sử dụng danh xưng là “Tôi” hoặc “Giảng viên” và “Đồng chí” đối với học viên thay cho danh xưng “Thầy giáo, cô giáo” và “Em” trong giao tiếp, trao đổi được diễn ra trong khuôn khổ của hoạt động giảng dạy tại các lớp. Thực hiện đúng quy định trong văn hóa hội họp; không hút thuốc lá trong khuôn viên Nhà trường; không sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực.

Trong sử dụng và khai thác tài nguyên, cơ sở vật chất: Văn hóa trường Đảng là văn hóa của người thầy, người chiến sĩ trên tuyến đầu của mặt trận tư tưởng, bởi vậy khai thác, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của cơ sở vật chất (dù còn khiêm tốn hay đã đầu tư hiện đại) phục vụ cho dạy học, nghiên cứu và học tập cũng là một nguyên tắc khắc sâu vào mỗi viên chức và lao động Nhà trường. Mỗi người đề mặc nhiên ý thức không sử dụng thời giờ làm việc để làm việc riêng (lướt Facebook, chat Zalo...); mỗi người đều ý thức sử dụng tiết kiệm hiệu quả mọi nguồn lực vật tư như xăng xe, điện nước, văn phòng phẩm....

Từ những việc làm tốt nhỏ bé của một cá nhân trong công việc góp phần hoàn thành tốt kế hoạch chuyên môn của một khoa, phòng; các khoa, phòng hoàn thành tốt tạo nên một tập thể Nhà trường hoàn thành tốt, tập thể Nhà trường tốt góp phần xây dựng lịch sử tỉnh Quảng Ninh tốt./.

TÍNH THỐNG NHẤT VỀ KHÁT VỌNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA QUẢNG NINH VỚI KHÁT VỌNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA VIỆT NAM

ThS. Tạ Văn Tú

Phó trưởng phòng QLDT & NCKH

Quảng Ninh có địa hình đa dạng từ miền núi đến trung du và đồng bằng duyên hải. Là một tỉnh nằm ở phía Đông Bắc với vị trí địa lý đặc thù, Quảng Ninh được xem là một cửa ngõ kết nối các liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh. Cửa ngõ về biên giới cả trên bộ lẫn trên biển với Trung Quốc và kết nối vùng Đồng bằng sông Hồng với vùng Trung du miền núi phía Bắc.

Cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ví “*Quảng Ninh là nước Việt Nam thu nhỏ*”. Vì vậy, nhiều người khi về với Quảng Ninh chỉ nhìn thấy “*Việt Nam thu nhỏ*” ở điều kiện tự nhiên (đa dạng địa hình, đại chất, về biển về rừng, về khí hậu thổ nhưỡng); sự giàu có tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản; “*thu nhỏ*” là sự hội đủ các giá trị văn hóa Việt Nam, đa dạng về các tộc người sinh sống trên vùng đất này.... mà ít người nhận thấy đó là tính thống nhất trong khát vọng của Quảng Ninh với khát vọng của dân tộc, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới để thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của cả dân tộc.

Trong công cuộc xây nghĩa hội chủ nghĩa ở Miền Bắc Đảng ta, nhân dân ta và Chủ tịch đặt mục tiêu “*Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và phú cường*”. Trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh nêu rõ “điều mong muốn cuối cùng” như một tâm nguyện, đó là khát vọng theo đuổi suốt đời “*toàn Đảng toàn dân đoàn kết một lòng, xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”.

Quảng Ninh đã hòa trong mục tiêu đó của dân tộc, để góp phần chung vào cuộc cách mạng giải phóng đất nước đi đầu vừa chiến đấu vừa sản xuất phục vụ chi viện cho chiến trường. Trong thời kỳ chiến tranh bom đạn, bên cạnh việc anh dũng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, tỉnh Quảng Ninh vẫn tập trung chỉ đạo, điều hành sản xuất, đảm bảo đời sống, giữ vững an ninh chính trị, duy trì, nâng cao các hoạt động văn hóa xã hội... Mọi lĩnh vực hoạt động trên đất mỏ không những giữ được ổn định mà còn tiếp tục phát triển là lá cờ đầu của cả nước trong sản xuất than để phục vụ sản xuất và xuất khẩu đem nguồn ngoại tệ để mua sắm các vũ khí khí tài phục vụ cho 2 cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Từ năm 1976, đất nước thống nhất, Việt Nam đặt mục tiêu “*xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*” nhưng giai đoạn này gặp rất nhiều khó khăn, thách thức nhất là chúng ta vận hành nền kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, nó làm cho nền sản xuất đình đốn.

Góp phần thực hiện mục tiêu chung đó của đất nước, thật đáng tự hào khi Đảng bộ, chính quyền, các lực lượng vũ trang, đội ngũ công nhân và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh đã tự tháo gỡ khó khăn, tiếp tục phát triển kinh tế, giữ vững an

ninh quốc phòng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hàng vạn thợ mỏ vẫn bám tảng, bám máy để sản xuất thật nhiều than cho nền kinh tế quốc dân. Trong giai đoạn này, tỉnh Quảng Ninh cũng đã thành lập đoàn tàu viễn dương để buôn bán với nước ngoài; xuất khẩu hàng hóa để thu ngoại tệ. Từ 1981 đến 1985, tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 26.713.881 đồng Rúp và Đô-la. Ngoại tệ thu được đã đầu tư cho các ngành, các địa phương trong tỉnh phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và tích lũy.

Năm 1986, đất nước tiến hành đổi mới. Mục tiêu đất nước là nhất từ cương lĩnh xây dựng đất nước 1991 là *“mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa”*. Kinh tế đất nước phát triển bứt phá, cất cánh. Đất nước đang đi đúng hướng trong việc phát triển kinh tế nhanh và bền vững dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh

Quảng Ninh đã quyết tâm thực hiện mục tiêu đó, nó thể hiện ở khát vọng vươn lên từ một tỉnh biên giới, miền núi đã tập trung phát triển kinh tế văn hóa, xã hội đặc biệt là tích cực mở cửa giao thương với nước bạn Trung Quốc.

Đặc biệt, giai đoạn đổi mới trước năm 2010 với sự nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành cùng với sự cố gắng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, những khó khăn từng bước được khắc phục; kinh tế - xã hội được duy trì ổn định và đạt mức tăng trưởng phù hợp. GDP bình quân giai đoạn này đều tăng trên 8,5%/năm; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực và đúng hướng. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân đạt trên 12,%/năm.

Từ cương lĩnh xây dựng đất nước được bổ sung 2011, Việt Nam đặt mục tiêu, khát vọng để phấn đấu là *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*. Quảng Ninh đã bám sát mục tiêu của đất nước, đột phá trong tư duy phát triển gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo cơ sở, nền tảng và động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững

Quảng Ninh xác định để thực hiện khát vọng nhằm đạt được mục tiêu đó công tác tổ chức lập quy hoạch được đổi mới căn bản cả về nhận thức và cách làm theo hướng coi trọng chất lượng, các cấp, các ngành cùng tham gia thực hiện, khắc phục tình trạng khoán trắng. Quảng Ninh xây dựng và đề xuất mô hình phát triển mới cho vùng động lực và các cơ chế, chính sách đặc thù tạo nguồn lực và tiền đề phát triển lâu dài. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội, nhất là đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Tỉnh đã làm việc với một số nhà đầu tư chiến lược triển khai nhiều dự án quan trọng, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh được cải thiện và hấp dẫn hơn, niềm tin của các nhà đầu tư tăng lên. Các dự án, công trình quan trọng, nhất là các công trình giao thông huyết mạch được tập trung nguồn lực triển khai, đến nay đã trở thành địa phương có hệ thống giao thông đường bộ, đường biển đường không hiện đại mang tầm quốc tế và khu vực.

Lấy người dân là người dân là trung tâm, Quảng Ninh đã tập trung khuyến khích và huy động cả xã hội nâng cao đời sống công nhân ngành than, chung tay xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất có nhiều tiến bộ; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và cải cách hành chính và triển khai xây dựng chính quyền điện tử gắn với các trung tâm hành chính công được quan tâm tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện nhằm phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

Những kết quả đạt được nêu trên đã tạo thêm thế và lực mới thúc đẩy Quảng Ninh phát triển. Sự đồng tâm hiệp lực của cả hệ thống chính trị và nhân dân vùng Mỏ góp phần để đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn sau này.

Tiếp tục đổi mới 2015 đến nay: Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta...”*.

Mục tiêu của Việt Nam là phải: *“khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*. Phải "cải cách thể chế là một trong những đột phá quan trọng"... Đổi mới thể chế, trong đó, *đổi mới tư duy* về thể chế, *tư duy quản lý nhà nước phải đi đầu...* tức là phải đổi mới tư duy lãnh đạo và tầm nhìn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Và mọi đổi mới, cải cách cũng phải được bắt đầu từ người lãnh đạo có khát vọng, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, quan trọng hơn là dám thay đổi và từ bỏ những thứ đã cũ và lạc hậu, xóa bỏ tư tưởng giáo điều, bảo thủ, trì trệ trong cả tư duy và hành động.

Quảng Ninh đã tạo bước tạo bước phát triển bứt phá, trở thành một trong những tỉnh công nghiệp, dịch vụ năng động, sáng tạo, đi đầu cả nước trên nhiều lĩnh vực, trở thành trung tâm đổi mới của Vùng đồng bằng Bắc Bộ, là cực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc, 7 năm liên tục 2016 - 2022 đạt tốc độ tăng trưởng GRDP trên hai con số, tốc độ đô thị hóa đứng ở tốp đầu cả nước chỉ sau các thành phố trực thuộc Trung ương. Từ đổi mới mô hình phát triển *“từ lâu sang xanh”*. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện đáng kể; quy mô, tiềm lực của nền kinh tế tăng lên rõ rệt; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững hơn.

Người dân tỉnh Quảng Ninh đều được hưởng thành quả tăng trưởng đảm bảo không để ai bị bỏ lại phía sau. Đồng thời, tỉnh Quảng Ninh thực hiện tốt các mục tiêu, như chính trị ổn định, xã hội trật tự, giữ vững kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm, chủ quyền biên giới, biển, đảo quốc gia được giữ vững, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

Những nỗ lực đó đã để lại dấu ấn rất sâu đậm trong đời sống xã hội, thực sự rất đáng trân trọng, phấn khởi, tự hào, không chỉ góp phần củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng bộ, chính quyền, mà còn đối với chủ trương, mô hình dự án phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường sự đồng thuận trong nhân dân, củng cố

khôi đại đoàn kết toàn dân tộc; tạo ra khí thế mới, động lực mới, sức mạnh mới, tạo đà để tỉnh Quảng Ninh vững bước trong chặng đường tiếp theo, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp.

Những thành tựu mà tỉnh Quảng Ninh đạt được thời gian vừa qua có dấu ấn không nhỏ của việc đổi mới tư duy, xác định tầm nhìn trong chủ trương và hành động cũng như vun đắp và nuôi dưỡng khát vọng vươn lên.

Việc đổi mới tư duy nhận thức, xác định phương hướng phát triển, Quảng Ninh đã đưa ra và là địa phương đi đầu cả nước về thực hiện các mô hình có tính đột phá như: mô hình “Lãnh đạo công, quản trị tư”, “đầu tư tư, sử dụng công”, “sở hữu công, quản trị tư”;... mô hình “Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư gắn với thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực và quản lý”; mô hình tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; mô hình “vốn hóa” các giá trị văn hóa thành nguồn lực, động lực cho phát triển KT-XH; mô hình tổ chức và hoạt động của trung tâm hành chính công gắn với cải cách hành chính; mô hình thúc đẩy chính quyền số, chính quyền điện tử; mô hình phát triển các đảo ven bờ; mô hình tổ chức trực động lực, mở rộng không gian, hàng lang phát triển; mô hình tăng cường năng lực đối trọng xuyên biên giới.

“Giao thông đi trước một bước”, tỉnh Quảng Ninh đổi mới phương thức huy động, khơi thông, kết nối nguồn lực bằng cách “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; Nhờ đó, tỉnh Quảng Ninh đẩy nhanh đô thị hóa với sự định hình rõ nét chức năng đô thị biển và hình thái tổ chức không gian lãnh thổ “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá”.

Quảng Ninh tập trung tạo đột phá trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư. Tỉnh tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, tinh gọn bộ máy, giảm bớt các tầng nấc trung gian, bảo đảm hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tiên phong triển khai chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP) với mục tiêu phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Chương trình OCOP của Quảng Ninh trở thành điển hình và được nhân rộng ra toàn quốc; địa phương đi đầu trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Quảng Ninh cũng chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số; gắn chặt với xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những thành quả đó và những mục tiêu của Quảng Ninh luôn thống nhất với mục tiêu và khát vọng của đất nước nó mang tính biện chứng sâu sắc. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tinh thần “*Kỷ luật và đồng tâm*”, quyết tâm phấn đấu trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của khu vực phía Bắc,

giữ đà tăng trưởng hằng năm trên 10%, GRDP bình quân đầu người tới năm 2025 đạt trên 10.000 USD. Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; GRDP bình quân đầu người đạt trên 15.000 USD vào năm 2030 Kats vọng để có một Quảng Ninh với *“Thiên nhiên tươi đẹp - Văn hóa đặc sắc - Xã hội văn minh - Hành chính minh bạch - Kinh tế phát triển - Nhân dân hạnh phúc”*./.

THÀNH TỰU TO LỚN, DẤU ẤN NỔI BẬT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA TỈNH GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI

Ths. Nguyễn Thế Vinh

Phó trưởng phòng QLĐT và NCKH

Quảng Ninh là một tỉnh nằm ở phía Đông Bắc nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có vị trí địa chính trị, kinh tế, đối ngoại và đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh; phía bắc giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Phía nam giáp thành phố Hải Phòng; Phía đông giáp biển; Phía tây và tây bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang; Phía tây và tây nam giáp tỉnh Hải Dương.

Quảng Ninh có diện tích trên 12.000 km², tỉnh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 04 thành phố (Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái), 02 thị xã (Quảng Yên và Đông Triều) và 07 huyện (trong đó có 02 huyện đảo), với tổng số 177 xã, phường, thị trấn. Thành phố Hạ Long là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh Quảng Ninh, nơi có Di sản thế giới Vịnh Hạ Long.

Với vị trí địa lý đặc thù, Quảng Ninh được xem là một cửa ngõ kết nối các liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh. Cùng với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh được xác định là một cực trong tam giác phát triển vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; trong đó Quảng Ninh tiếp giáp với Hải Phòng, tạo ra một cặp địa phương hỗ trợ phát triển lẫn cho nhau, hình thành một trung tâm biển mạnh của Việt Nam.

Những yếu tố quan trọng này tạo điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh phát triển trong công cuộc đổi mới của đất nước, của tỉnh.

Trong gần 40 năm đổi mới, tỉnh Quảng Ninh thu được những kết quả đáng tự hào, đó là:

Thứ nhất: Coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận

Công cuộc đổi mới tại tỉnh Quảng Ninh là quá trình không ngừng tìm tòi, thử nghiệm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, phấn đấu đầy gian khổ của Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh. Gần 40 năm, Đảng bộ Tỉnh đã quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm, chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, tích cực tổng kết thực tiễn và đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đề ra được những chủ trương, chính sách phù hợp với sự phát triển của tỉnh; từng bước hình thành lý luận mới có nét riêng của Quảng Ninh, góp phần vào xây dựng hệ thống lý luận của Đảng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong suốt hành trình đó, tỉnh Quảng Ninh coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; đã xuất phát từ thực tiễn để đổi mới tư duy, nhận thức; tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Qua đó, giúp hạn chế những sai lầm có thể gặp phải, không ngừng bổ sung, hoàn thiện những khuyết thiếu, gia

tăng hàm lượng khoa học, cơ sở thực tiễn trong các quyết sách của Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh. Mỗi kỳ đại hội đảng bộ tỉnh đều đánh dấu một bước tiến trong nhận thức lý luận và hành động thực tiễn.

Trong 35 năm đổi mới, những vấn đề mới, khó, chưa có tiền lệ... đã được tỉnh quan tâm nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, qua đó làm sáng rõ nhiều vấn đề lý luận về đường lối đổi mới của Đảng, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc hoạch định, đưa ra các quyết sách chính trị của Tỉnh ủy và cụ thể hóa chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng phù hợp với đặc thù của Quảng Ninh. Từ những năm đầu đổi mới, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, toàn Đảng bộ tập trung nghiên cứu, phân tích, nhận thức đúng đắn những ưu điểm, hạn chế, yếu kém trên mọi lĩnh vực, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân thuộc về chủ quan, như tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại, thiếu ý chí quyết tâm đổi mới... Trên cơ sở đó, đề ra giải pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đặc biệt là các mục tiêu về ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng...

Thứ 2: Chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Với tư duy dám nghĩ, dám làm, Quảng Ninh đã triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng một cách sáng tạo, trở thành điểm sáng về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đột phá về mô hình tổ chức bộ máy tinh gọn, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ; thực hiện nhất thể hóa chức danh và hợp nhất một số cơ quan của cấp ủy Đảng và chính quyền, đem lại sự cải thiện rõ rệt hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy từ cấp tỉnh đến cơ sở và đóng góp tiền đề cơ sở lý luận, thực tiễn để Trung ương tổng kết, lan tỏa trong cả nước.... Từ đây nguồn lực con người được khơi thông và được khẳng định qua chính kết quả phát triển kinh tế - xã hội ngày càng toàn diện của tỉnh.

Ngay từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII (tháng 10-1986), trên cơ sở nhận thức khách quan, đúng đắn những tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Đảng bộ tỉnh đặt ra yêu cầu, mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện cho mình ý chí chiến đấu vì lý tưởng cộng sản, vì lợi ích của cách mạng, đức tính tiên phong, gương mẫu, lòng trung thực, năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường, nói đi đôi với làm... Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, đạo đức, truyền thông cách mạng, không ngừng củng cố, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, xây dựng các đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân.

Đồng thời, trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức, tỉnh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ - nhân tố quan trọng, trung tâm và “động” nhất của tổ chức, khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Tỉnh ủy dành nhiều tâm huyết đề ra những quan điểm, chủ trương và giải pháp quan trọng, phù hợp với từng thời kỳ, trực tiếp lãnh đạo, quản lý cán bộ, thể chế hóa, cụ thể hóa bằng nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của

công cuộc đổi mới tại Quảng Ninh. Nội dung, phương pháp, cách làm có nhiều đổi mới theo hướng dân chủ hóa, công khai hóa, đi tiên phong cả nước tạo dựng được cơ chế thi tuyển cạnh tranh lành mạnh trong tuyển lựa cán bộ.

Đặc biệt gần đây nhất là Nghị quyết chuyên đề số 19- NQ/TU, ngày 3/3/2015, “Về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong cả hệ thống chính trị. Thực hiện Nghị quyết, Quảng Ninh đã triển khai các mô hình hiệu quả như: Chính quyền điện tử; mô hình Trung tâm hành chính công tiến tới xây dựng chính quyền số; xây dựng Đề án Khu kinh tế Vân Đồn hướng tới là Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; triển khai mô hình hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc UBND có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp huyện; mô hình cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc chung Khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện... Nghị quyết được đánh giá là một đột phá trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, là sự sáng tạo, đổi mới có hiệu quả thiết thực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ; trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự đổi mới, phát triển của tỉnh. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW càng khẳng định bước đi của Quảng Ninh là đúng đắn, tạo thêm động lực, là cơ sở chính trị vững chắc để tỉnh có thêm quyết tâm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị quyết liệt hơn và ở quy mô, tầm mức cao hơn.

Qua 35 năm đổi mới, trên bình diện chung, hệ thống chính trị của Quảng Ninh không ngừng được đổi mới, kiện toàn, củng cố vững chắc, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động nhuần nhuyễn hơn, đội ngũ cán bộ ngày càng được đào tạo bài bản, chất lượng và tính chiến đấu được nâng lên, thể hiện qua việc nhiều cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược của tỉnh, mạnh dạn đổi mới tư duy, nâng cao tầm nhìn, không né tránh các vấn đề mới, khó, phức tạp; mạnh dạn đề xuất những vấn đề chưa có tiền lệ để tập trung nghiên cứu, thực hiện; kiên trì, bền bỉ, quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ. Tỉnh ủy chủ động nghiên cứu, xây dựng, đề xuất nhiều thể chế, cơ chế, chính sách về tổ chức, cán bộ, trong đó có nhiều văn bản thể hiện tư duy và hành động đi trước đón đầu, đột phá, trực tiếp tạo nên những bước chuyển về chất trong công tác tổ chức, cán bộ của tỉnh trong mỗi thời kỳ.

Đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh nhấn mạnh: Để xứng đáng với niềm tin của nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong tỉnh càng phải xây dựng phong cách, tác phong công tác; thực hiện nghiêm túc quy định về trách nhiệm nêu gương; thường xuyên tự phê bình và phê bình; đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đồng thời, phải tạo chuyển biến tích cực hơn nữa về ý thức, tinh thần trách nhiệm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường và điều kiện để khuyến khích, thúc đẩy tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Nâng cao năng lực cụ thể hóa và thực thi các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ 3: Đầu tàu phát triển của khu vực phía Bắc

Cùng với sự đổi mới của đất nước, Quảng Ninh đã cho thấy tinh thần chủ động, tích cực, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn và liên tục đổi mới để vươn lên trở thành một trong những đầu tàu phát triển của khu vực phía Bắc, một trong những trọng điểm kinh tế, trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực.

Nhiều mô hình được tỉnh đưa vào thí điểm đã mang lại hiệu quả, góp phần làm tiền đề cơ sở lý luận, thực tiễn để Trung ương tổng kết, nhân rộng trong cả nước. Có thể kể đến như mô hình vận dụng sáng tạo hình thức đối tác công - tư (PPP) để huy động nguồn lực phát triển hạ tầng đồng bộ. Với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, trên cơ sở kiên trì, quyết liệt thực hiện cơ cấu đầu tư công có hiệu quả (tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách: Năm 2015 là 52,6%; năm 2016 là 64,96%; năm 2017 là 66,7%; năm 2018 là 66,6%; năm 2019 đạt 61%).

Quảng Ninh là tỉnh tiên phong trong việc đầu tư ngân sách của Tỉnh (hoặc ứng vốn cho Trung ương) tập trung vào các dự án, công trình động lực có tính lan toả cao; quyết liệt đi đầu thực hiện các dự án lớn theo hình thức đối tác công - tư để huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và xã hội được coi là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Đặc biệt, Quảng Ninh đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp trong cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính, tỉnh đã rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm những thủ tục hành chính không phù hợp, giảm hơn 40% số thời gian giải quyết TTHC theo quy định. Đi đầu, sáng tạo, đột phá thành lập Trung tâm hành chính công tỉnh và 14 huyện, thị xã, thành phố trực thuộc UBND. Hoàn thiện rà soát và công bố bộ TTHC của ba cấp chính quyền, chuẩn hóa và đưa 100% các TTHC cấp tỉnh và cấp huyện đủ điều kiện vào thực hiện tại các Trung tâm hành chính công theo nguyên tắc “Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại Trung tâm” bảo đảm thuận tiện, công khai, minh bạch.

Nói về Quảng Ninh, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ, Phạm Minh Hùng đánh giá: Quảng Ninh là một trong số ít các địa phương trong cả nước hiện nay có các chỉ số do các tổ chức, cơ quan uy tín trong nước và quốc tế đánh giá như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), PAR Index, SIPAS, PAPI... đều đạt thành tích cao. Trong đó, các chỉ số PCI, PAR Index liên tiếp dẫn đầu. Mặc dù các chỉ số trên khác nhau rất nhiều về tiêu chí

đánh giá, thời điểm đánh giá, đối tượng đánh giá, phương pháp đánh giá nhưng tất cả đã được Quảng Ninh thực hiện một cách đồng bộ, quyết liệt.

Đặc biệt, nền kinh tế của tỉnh đã được định hướng giảm dần việc dựa vào tài nguyên không tái tạo như than, khoáng sản, đất và tăng dần các yếu tố bền vững, như dịch vụ, du lịch, khoa học công nghệ, đầu tư, thương mại, cảnh quan, văn hóa...; lấy du lịch, dịch vụ làm trung tâm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. 15 năm gần đây, tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh luôn đạt tốc độ cao, bình quân giai đoạn 1991 - 2000 đạt 10,9%, giai đoạn 2005 - 2010 đạt 13%, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 9,3 %, năm 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP của Quảng Ninh đạt 12,1%, vượt chỉ tiêu đề ra và cao nhất trong 10 năm trở lại đây, tổng sản phẩm bình quân đầu người gấp đôi bình quân chung cả nước.

Cùng với đó, Quảng Ninh đã mạnh dạn vận dụng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cụ thể hóa sáng tạo các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ vào điều kiện thực tiễn địa phương để thực hiện sáp nhập huyện Hoành Bồ vào TP Hạ Long và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14. TP Hạ Long mới trực thuộc tỉnh không những có quy mô diện tích tự nhiên và số đơn vị hành chính trực thuộc lớn nhất cả nước, mà còn sở hữu những nguồn tài nguyên thiên nhiên “có một, không hai”, tỷ lệ mặt nước, cây xanh và giá trị của sự khác biệt gắn với thương hiệu nổi tiếng Vịnh Hạ Long, đa dạng sinh học, bản sắc văn hóa đặc sắc; đã mang trong mình một tầm vóc mới, mở ra vận hội, thời cơ mới để thu hút tối đa mọi nguồn lực, phát triển đột phá, nhanh, bền vững, nâng tầm vị thế trong giai đoạn mới.

Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội luôn luôn được chăm lo đảm bảo. Sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm có bước tiến bộ vượt bậc, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao và cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới đến hết năm 2019 chỉ còn 0,52%. Chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên; công tác y tế có nhiều chuyển biến, số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 54,6 giường (gấp đôi bình quân chung của cả nước). Chỉ số phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm năm địa phương cao nhất cả nước. Diện mạo nhiều vùng nông thôn thay đổi rõ rệt, đến hết năm 2019 đã có 5 đơn vị cấp huyện và 94/111 xã đạt tiêu chí NTM; xã Việt Dân (Đông Triều) là xã đầu tiên đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trong cả nước. Tỉnh đã hoàn thành Đề án 196 đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, về đích trước 1 năm so với kế hoạch.

Những thành quả mà Quảng Ninh đạt được trong gần 40 năm qua đang đưa tỉnh đến gần mục tiêu đến năm 2030 Quảng Ninh sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là thành phố dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế...

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau gần 40 năm đổi mới, Quảng Ninh đã chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, là cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình, hoạch định, hoàn thiện đường lối; đồng thời kế

thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế, của tỉnh bạn để phù hợp với Quảng Ninh.

Trong quá trình đổi mới, Quảng Ninh luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

Đồng thời, xác định đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra; phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; đồng thời thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Tóm lại sau gần 40 năm đổi mới, Quảng Ninh đã ổn định, phát triển, theo đúng định hướng, con đường mà đất nước và tỉnh Quảng Ninh đã lựa chọn.

NHỮNG TÌNH CẢM SÂU SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH DÀNH CHO TỈNH QUẢNG NINH

Ths: Nguyễn Thị Hải Ninh

Phó trưởng phòng QLĐT & NCKH

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW (ngày 18/5/2021) của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều cách làm hiệu quả. Qua đó, góp phần tạo sức lan tỏa mạnh mẽ việc học tập và làm theo gương Bác, hướng đến đích cuối cùng là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Với Quảng Ninh, dường như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho nhân dân các dân tộc và Thợ mỏ Quảng Ninh một tình cảm đặc biệt. Sinh thời, từ năm 1946 đến năm 1965, Người đã 9 lần về thăm, làm việc tại Quảng Ninh; những lần không thể về thăm, động viên, căn dặn cán bộ, công nhân ngành than, nhân dân, học sinh, bộ đội... Bác Hồ còn nhiều lần gửi thư, điện khen ngợi, hỏi thăm Đảng bộ chính quyền và nhân dân các dân tộc toàn tỉnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến công nhân và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, **Lần đầu tiên, ngày 24-3-1946**, với cương vị là Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam DCH, Người đã hội kiến với viên Đô đốc- Cao ủy Pháp Georges Thierry d'Argenlieu trên Vịnh Hạ Long, nhằm giải quyết một việc hệ trọng của đất nước lúc bấy giờ là kéo dài đình chiến với thực dân Pháp để lo củng cố chính quyền cách mạng còn đang non trẻ. Đứng trên tàu hội đàm, ngắm nhìn phong cảnh thơ mộng trên Vịnh, lòng đầy cảm hứng, Bác nói với những người cùng đi: *Vùng mỏ nước ta thật đẹp và giàu, thợ mỏ của chúng ta vô cùng anh dũng*. Có thể nói rằng chuyến đi lúc đó của Người không phải là đi thăm tỉnh Quảng Ninh mà chỉ gặp phía đối phương để bàn một việc hệ trọng trong hoàn cảnh vận nước đang "ngàn cân treo sợi tóc", vì thế Người không đi thăm thị xã vùng mỏ hay những nơi khác trên đất liền. Sau khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, Bác Hồ đã nhiều lần về thăm vùng đất mỏ giàu đẹp này, đây cũng là vinh dự lớn cho nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Cụ thể những chuyến thăm này như sau:

Từ ngày 03 đến 05-10-1957, lần thứ hai Bác Hồ chính thức đến thăm nhân dân và công nhân vùng mỏ Quảng Ninh. Về Quảng Ninh lần ấy, Bác đi thăm nhiều thắng cảnh của Vịnh Hạ Long, cùng tham gia đánh cá với bà con ngư dân và nói chuyện với nhân dân Hòn Gai.

Từ ngày 29 đến 31-03-1959, lần thứ ba Bác lại về thăm, làm việc với công nhân và các lực lượng vũ trang khu mỏ Quảng Ninh. Bác đến thăm công trường khai thác mỏ than Đèo Nai, thị xã Cẩm Phả.

Ngày 19 và 20-02-1960, lần thứ tư Bác thăm tỉnh Hải Ninh (nay là

huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh) nơi địa đầu Đông Bắc Tổ quốc. Tại Hải Ninh, Người đi thăm trường cấp I-II, thăm một hợp tác xã nông nghiệp ở xã Đoan Tĩnh (của người Hán), thăm xưởng gốm Móng Cái và một sở cơ sở sản xuất của tỉnh và nói chuyện với đồng bào bằng tiếng địa phương.

Lần thứ năm: ngày 08 và 9-05-1961, Bác đi thăm huyện đảo Cô Tô – phần đất biên ải của tỉnh Quảng Ninh, một quần đảo nằm giữa trùng khơi sóng gió, đời sống còn nhiều khó khăn.

Lần thứ sáu: ngày 21 và 22-01-1962, Bác Hồ cùng Anh hùng vũ trụ Liên Xô Giéc-man Ti-tốp đến thăm Vịnh Hạ Long và nói chuyện với nhân dân khu Hồng Quảng.

Lần thứ bảy, ngày 13-11-1962, Bác Hồ thăm đảo Ngọc Vũng và quân cảng Vạn Hoa. Thăm căn cứ Hải quân tại đảo Vạn Hoa (Quảng Ninh), Người nói với các chiến sĩ: "Là chiến sĩ Hải quân, các chú phải biết yêu quý đảo như nhà mình, chịu khó cải tạo xây dựng thành những mảnh đất vừa giàu, vừa đẹp, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho đất nước".

Lần thứ tám, ngày 23-11-1963, Bác Hồ thăm đảo Tuần Châu. Tại đây Bác căn dặn "Phải biến đảo Tuần Châu thành đảo ngọc châu".

Lần thứ chín, Tết Ất Tỵ - 1965, Bác về vui tết với nhân dân Quảng Ninh, khi mới hợp nhất khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh. Trưa 30 Tết, trên đường về TX Hòn Gai, Bác nghỉ trưa tại Trường cấp I Phạm Hồng Thái, Đông Triều. Sáng Mùng 1 Tết, ngày 2-2-1965, Bác nói chuyện với đồng bào tại cuộc mít tinh lớn ở sân Trường cấp III Hòn Gai. Trên đường về Uông Bí, Bác dừng chân tại đồi thông Yên Lập, Bác nói: "Đừng hái lộc để bảo vệ rừng", thăm một gia đình nông dân người Hoa.

Những năm sau này, do bận nhiều việc và sức khỏe giảm sút, Bác không có điều kiện về thăm vùng mỏ, nhưng Bác vẫn thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất của ngành than cũng như đời sống công nhân vùng mỏ và động viên, khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

Bác đặt tên cho tỉnh Quảng Ninh, ngày 30/10/1963, trong phiên họp toàn thể Quốc hội khoá II, kỳ họp thứ 7, tất cả các đại biểu đều nhất trí thông qua tờ trình của Chính phủ: Hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành một tỉnh mới lấy tên là tỉnh Quảng Ninh. Thế nhưng, thực ra trước đó ít nhất là 3 năm, Bộ Chính trị khi chuẩn bị Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 3 và Chính phủ soạn thảo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vấn đề xây dựng vùng Đông Bắc thành một đơn vị hành chính vững mạnh đã được đặt ra một cách cấp bách. Thực ra ý tưởng của Người về điều này là từ lần đón Bác về thăm tỉnh Hải Ninh (19, 20/2/1960). Bác đã giải thích: "Hải Ninh và Hồng Quảng núi sông biển trời liền một dải, An Quảng, Quảng Yên là đây, xa hơn nữa là An Bang, là Hải Đông. Bác nói thêm: "Thời Trần, Hải Đông từng lẫy chiến thắng Bạch Đằng giang...".

Ba năm sau, giữa năm 1963, việc hợp nhất hai địa phương đã được Trung ương quyết định, chỉ còn việc đặt tên tỉnh, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Hội đồng nhân dân hai địa phương tự lựa chọn. Trong cuộc họp Hội đồng nhân dân

khu Hồng Quảng có Đoàn đại biểu Hải Ninh tham dự, mọi người thảo luận rất sôi nổi, rất hào hứng. Khá nhiều kiến nghị về tên tỉnh mới: Đông Bắc, Hải Quảng, Yên Quảng, Hồng Hải... Giữa tháng 9, Bác đề nghị lấy mỗi tỉnh một chữ cuối của Hồng Quảng và Hải Ninh, ghép lại thành Quảng Ninh, vừa dễ hiểu, vừa dễ nhớ, lại có nhiều nghĩa. “Quảng” là rộng lớn, “Ninh” là yên vui, bền vững. Quảng Ninh là một vùng rộng lớn, yên vui, bền vững. Ông cha ta đã chẳng từng đặt những tên An Bang, Ninh Hải, Hải Ninh, An Quảng, Quảng Yên đó sao? Chú thấy có được không?”. Nhân dân Quảng Ninh nhận ra rằng ý nghĩa sâu xa của hai chữ Quảng Ninh nên không thể không cảm phục Bác. Lát sau Bác nói thêm: “Nước bạn có Quảng Đông, Quảng Tây, ta có Quảng Ninh. Đôi bên cùng nhau xây dựng tình hữu nghị, cùng nhau thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Với tình cảm sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho tỉnh Quảng Ninh “*Phải xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một tỉnh giàu đẹp và vững mạnh*”, Quảng Ninh từ một địa phương nằm trong tình trạng yếu kém, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của Trung ương đã trở thành một trong những tỉnh năng động, sáng tạo với tăng trưởng GRDP cao, ổn định trên hai con số trong 7 năm liên tiếp (2016 - 2022). Đến nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã đoàn kết một lòng, quyết tâm đi theo con đường mà Bác đã chọn. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, dưới ánh sáng tư tưởng và đạo đức của Bác, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã cùng nhau siết chặt đội ngũ, đồng lòng, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, đến hôm nay Quảng Ninh đã có được sự đổi thay cả về tầm vóc và diện mạo, đang dần trở thành tâm điểm của đổi mới, của dám nghĩ, dám làm, dám đột phá; của tiên phong trong nhiều lĩnh vực của cả nước... Những giá trị, kết quả to lớn có được là minh chứng rõ nét về quyết tâm chính trị, về sự đoàn kết, chung sức, chung lòng, thống nhất ý chí và hành động của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân trong tỉnh. Điều này được thể hiện rõ nét ở việc, Quảng Ninh đã mạnh dạn tìm tòi, thực hiện những giải pháp sáng tạo, đột phá để tiến hành đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cải cách tiền lương, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, suy thoái tư tưởng, tha hoá quyền lực. Trong đó, đã có nhiều biện pháp triển khai sáng tạo, đi trước những chỉ đạo của Trung ương, là cơ sở thực tiễn để Trung ương nhận thức rõ hơn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

Quy mô nền kinh tế của địa phương tăng nhanh, tính đến hết năm 2022 đạt gần 270.000 tỉ đồng, ước cả năm 2023 đạt 312.420 tỉ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020, gấp 5,6 lần so với 2010. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 8.291 USD, gấp đôi bình quân chung của cả nước (cao nhất ở khu vực phía Bắc), ước đến hết năm 2023 đạt trên 9.400 USD, gấp 1,4 lần so với năm 2020; tỉnh đã hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cả ba cấp và về đích trước 3 năm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Khắc ghi nhớ tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nguyện mãi hứa khắc ghi lời dạy của

Bác, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Quảng Ninh phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh, phấn đấu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại, vững bước trên con đường đi tới phồn vinh, hạnh phúc./.

LỊCH SỬ, Ý NGHĨA TÊN GỌI TỈNH QUẢNG NINH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Ths: Ngô Thị Ninh Dung

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Quảng Ninh là một tỉnh biên giới thuộc vùng Đông Bắc nước ta. Sinh thời cố thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ví Quảng Ninh là hình ảnh nước Việt Nam thu nhỏ vì có đầy đủ các dạng địa hình của cả nước.

Tỉnh Quảng Ninh có tiềm năng kinh tế đa dạng và phong phú. Than đá là nguồn tài nguyên quý giá, chiếm hơn 90% trữ lượng khai thác của toàn quốc, chất lượng vào loại tốt trên thế giới. Năm 1941 một kỹ giả người phương Tây đánh giá về than Quảng Ninh là thứ than gầy nhưng rất tốt, nó rắn và thuần khiết, nó còn tốt hơn loại than tốt nhất của nước Anh. Ngoài ra rừng và biển là tài nguyên phong phú mang lại giá trị kinh tế cao. Quảng Ninh nơi có tiềm năng lớn và đa dạng về kinh tế cũng là nơi có vị trí quốc phòng có ý nghĩa chiến lược ở vùng Đông bắc nước ta. Với phía Bắc tiếp giáp Trung Quốc, phía Đông, Nam giáp Vịnh Bắc Bộ, trong các thời kỳ lịch sử giữ nước của dân tộc, chúng ta luôn phải đương đầu với kẻ xâm lược là giặc phong kiến phương Bắc. Con đường tiến quân xâm lược bằng đường thủy của chúng vào Việt Nam bao giờ cũng đi qua Vịnh Hạ Long rồi tiến vào sông Bạch Đằng, từ sông Bạch Đằng chúng đánh ngược lên kinh thành Thăng Long. Tính chất quan trọng về mặt quốc phòng của Quảng Ninh ngày được tăng lên khi các mỏ than ở nơi đây bắt đầu được phát hiện và đi vào khai thác với quy mô và tốc độ ngày càng lớn.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta, sau cuộc đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1874), trong các năm 1880 - 1881 chúng đã đưa các đoàn kỹ thuật đến khu mỏ Hòn Gai thăm dò, khảo sát địa chất nơi đây. Vào cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược Bắc kỳ lần thứ hai, sau khi đánh chiếm Hà Nội được tám ngày tức ngày 12/3/1883 chúng đem 500 quân đánh chiếm Hồng Gai dựng trại tại Bãi Cháy. Tên tướng chỉ huy cuộc xâm lược này là đại tá Hăng-ri Ri-vi-e-rơ đã viết về sự kiện này như sau: “Ngày 12 tháng 3 tôi chiếm Vịnh Hạ Long đây là nơi có phong cảnh đẹp lạ lùng. Sự chiếm đoạt phía tây vịnh Hòn Gai cho chúng ta cái chủ quyền trên vùng mỏ và là chìa khóa mở ra cả mặt bể Bắc Kỳ”. Qua lời nhận xét đó, có thể thấy thực dân Pháp coi Quảng Ninh là vùng đất có ý nghĩa chiến lược về mặt quốc phòng, nếu chiếm được Quảng Ninh coi như làm chủ cả khu vực Bắc Kỳ. Do vậy, năm 1884, sau khi ép triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước Pátơ nốt đánh dấu sự đầu hàng của nhà Nguyễn giao nước ta vào tay Pháp, chúng tiếp tục ép triều đình nhà Nguyễn làm khế ước bán mỏ Hồng Gai, Cẩm Phả cho tên tư bản Pháp là Ba-vi-ê-sô Phua với giá 10 vạn đồng Đông Dương. Để từ đó nhân dân khu mỏ chịu sự áp bức, bóc lột của bọn tư bản Pháp.

Vào năm 1888, công ty mỏ than đầu tiên của người Pháp được thành lập có tên là công ty mỏ Bắc Kỳ khai thác than ở khu vực Hòn Gai, Cẩm Phả. Kể từ đó dưới thời Pháp thuộc Hòn Gai, Cẩm Phả còn có tên gọi tắt là “vùng đất nhượng” tức thuộc quyền của chủ mỏ, có bộ máy bạo lực riêng.

Dưới thời kỳ Pháp thuộc chúng chia khu mỏ thành ba địa giới hành chính với tên gọi: tỉnh Quảng Yên về cơ bản phạm vi của Quảng Yên vẫn như hiện nay, có thêm huyện Cát Hải, Thủy Nguyên của Hải Phòng và huyện Sơn Động của tỉnh Bắc Giang; Huyện Chí Linh, Kinh Môn, Nam Sách của tỉnh Hải Dương; tỉnh Hải Ninh bao gồm toàn bộ khu vực miền Đông của tỉnh và huyện Na Dương, Đình Lập, Lộc Bình của Lạng Sơn; và đặc khu Hòn Gai. Hệ thống chính quyền tỉnh gồm hệ thống quan lại người Pháp và hệ thống quan lại người Việt. Quan lại người Việt phải phục tùng quan lại người Pháp. Quan lại cấp tỉnh có chánh sứ, công sứ người Pháp. Giúp việc có Tòa Công sứ và Hội đồng hàng tỉnh. Để điều hành đất nước, thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn thành lập hệ thống tòa án, cảnh sát, nhà tù và ban hành các bộ luật. Ngoài pháp luật nhà nước, còn có hệ thống hương ước của các làng, xã.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã cho ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, kể từ đây người dân đã trở thành người tự do và làm chủ chế độ. Địa bàn tỉnh Quảng Ninh gồm 3 tỉnh: Quảng Yên, Hải Ninh và đặc khu Hòn Gai. Trung ương quyết định thành lập Ban cán sự (với chức năng tương đương Ban chấp hành Đảng bộ) ở 3 tỉnh.

Tháng 3- 1947, Trung ương quyết định sát nhập Đặc khu Hòn Gai với tỉnh Quảng Yên thành Liên tỉnh Quảng Hồng. Như vậy, năm 1947 khu mỏ có tên gọi là tỉnh Quảng Hồng và tỉnh Hải Ninh. Sau một thời gian sát nhập đến ngày 26-12-1948, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ra quyết định (số 420 TGY) chia Liên tỉnh Quảng Hồng thành tỉnh Quảng Yên và khu đặc biệt Hòn Gai.

Sau chiến thắng Điện Biên phủ, hiệp định Giơnevơ được kí kết, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Ở khu mỏ thực dân Pháp phải rút lui chậm nhất là trong 300 ngày. Ngày 24/4/1955 tên lính Pháp cuối cùng đã phải rút khỏi khu mỏ. Sáng ngày 25/4/1955 nhân dân nô nức xuống đường chào mừng ngày giải phóng khu mỏ.

Xuất phát từ vị trí quan trọng của khu mỏ, mối quan hệ về địa lý và truyền thống lịch sử lâu đời với tỉnh Quảng Yên; ngày 22 tháng 2 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 22/SL hợp nhất tỉnh Quảng Yên và Đặc khu Hòn Gai thành khu Hồng Quảng. Khu Hồng Quảng gồm các đơn vị hành chính là 5 thị xã: Hòn Gai, Cẩm phả, Cửa Ông, Quảng Yên, Cát Bà và 6 huyện: Đông Triều, Yên Hưng, Thủy Nguyên, Cát Hải, Hoành Bồ, Cẩm Phả. Các huyện Chí Linh, Kinh Môn, Nam Sách sát nhập trở lại Hải Dương, huyện Sơn Động sáp nhập lại tỉnh Bắc Giang. Như vậy, năm 1955 khu mỏ có tên gọi là tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng.

Xét thấy việc hợp nhất khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh thành một đơn

vị hành chính có nhiều điểm thuận lợi về kinh tế, quốc phòng, đầu tháng 7/1963, Ban Thường vụ Khu uỷ Hồng Quảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hải Ninh tổ chức Hội nghị liên tịch bàn và nhất trí đề nghị Trung ương hợp nhất khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh thành một đơn vị hành chính. Ngày 04/10/1963, Ban Bí thư Trung ương Đảng có Công văn gửi Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Khu uỷ Hồng Quảng và Tỉnh uỷ Hải Ninh về việc “Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thống nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành một tỉnh” để nghiên cứu kế hoạch thi hành.

Ngày 07/10/1963, Ban Thường vụ Khu uỷ Hồng Quảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hải Ninh họp Hội nghị liên tịch và ra Nghị quyết về việc hợp nhất. Theo nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh, ngày 30/10/1963, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá II đã ra Nghị quyết, Quyết nghị phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng thành tỉnh Quảng Ninh.

Tên gọi tỉnh Quảng Ninh là do ghép chữ Quảng (của khu Hồng Quảng) và chữ Ninh (của tỉnh Hải Ninh) mà thành. Với tên gọi này vừa dễ hiểu, vừa dễ nhớ, lại có nhiều ý nghĩa. Theo tiếng Hán, “Quảng” là rộng lớn. “Ninh” là yên bình, bền vững. Quảng Ninh ghép vào với nghĩa là một vùng rộng lớn, yên bình, bền vững.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, với tên gọi tỉnh Quảng Ninh, tỉnh đã có 60 năm xây dựng và phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, sự vào cuộc của các cấp chính quyền cùng sự đồng thuận của người dân, Quảng Ninh đã khoác lên mình một chiếc áo mới, diện mạo của tỉnh được thay đổi từng ngày. Tỉnh Quảng Ninh nêu cao quyết tâm chính trị nhằm thực hiện thành công mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra: phấn đấu đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, tập 1, xuất bản năm 1985.
- Địa chí Quảng Ninh, tập 2, xuất bản năm 2002
- Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975, xuất bản năm 1996.